

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế Mục Vụ

Về Giáo Hội

Trong Thế Giới Ngày Nay

Gaudium Et Spes

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Lời Giới Thiệu

Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay có mục đích chính là "trình bày sự hiện diện và sinh hoạt của Giáo Hội trong thế giới" (số 2, đoạn I).

Nhờ Hiến Chế tín lý về Giáo Hội, Công Đồng đã trình bày mầu nhiệm Giáo Hội: giai đoạn khởi đầu, sứ mệnh, cơ cấu, đời sống nội tại... để canh tân Giáo Hội.

Trong Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay "có lẽ chưa bao giờ Giáo Hội đã nhận thấy cần phải tìm hiểu xã hội loài người chung quanh như hiện nay để tới gần nó, tôn trọng nó một cách chính đáng, nhập vào nó, phục vụ và trao cho nó sứ điệp Phúc Âm. Hơn nữa, dường như Giáo Hội ưa thích và chiều chuộng nó một phần nào đó, trong khi nó vẫn đang thay đổi mau chóng và không ngừng".¹

Công Đồng cảm thấy rằng đó là việc khẩn cấp trong thời đại chúng ta.

Chủ đề chính

1. Trước hết Công Đồng đề cập đến con người dưới mọi khía cạnh (số 3, đoạn I). Con người có phẩm giá rất thiêng liêng nhưng bị tội lỗi làm tổn thương, có cùng đích cao siêu nhưng phải vượt qua nhiều ngăn trở, đã nỗ lực để xây dựng văn minh tốt đẹp nhưng một phần lớn vẫn còn chủ trương vô thần. "Giáo Hội một phần nào đó đã tự xưng là tội tở của loài người"², bởi vì chúng ta "có thể quả quyết rằng chúng ta phải biết con người nếu muốn biết Thiên Chúa"³.

2. Hiến Chế nói về thế giới, một thế giới phải được con người xây dựng. Thế giới tức là thực tại thế tục có giá trị và những qui luật riêng biệt của nó. Đàng khác mọi giá trị và qui luật ấy đều phải phục dịch chính con người toàn diện, do đó phải thích hợp với luân lý và tôn giáo. Chính lịch sử do con người tạo nên, nhưng lịch sử hướng về Chúa Kitô là trung tâm điểm và là cùng đích!

3. Hiến Chế cũng trình bày sinh hoạt thế tục theo quan điểm của Giáo Hội.

A) Về việc làm: a) cắt nghĩa việc làm theo thần học, b) giá trị của nó, c) tính cách nhân phẩm, d) công hiệu của việc làm đối với nền văn minh.

B) Về sinh hoạt xã hội phải theo nguyên tắc riêng của từng lãnh vực một (ví dụ: kinh tế, khoa học, văn hóa...) và phải thích hợp với bản tính con người cũng như với đức tin và đức mến.

4. Sau cùng Hiến Chế dạy về hoạt động của Giáo Hội trong thế giới giúp chúng ta hiểu thêm về sứ mệnh và bản tính của Giáo Hội.

Hiến Chế Mục Vụ

Vì danh từ "Hiến Chế" mang ý nghĩa một mệnh lệnh và có vẻ không thích hợp với ý muốn của Công Đồng là đối thoại với mọi người bất chấp tín ngưỡng, nên một số Nghị Phụ thích danh từ "Tuyên Ngôn" hơn. Nhưng Công Đồng đã giữ lại danh từ "Hiến Chế" để nhấn mạnh tính cách quan trọng của văn kiện cả về phương diện giáo lý nữa.

Thêm nữa từ "Mục Vụ" để nhắc lại tính cách thực tế của giáo lý đó.

Danh từ "Giáo Hội" phải được hiểu như đã được trình bày trong Hiến Chế tín lý về Giáo Hội với sứ mệnh cứu độ.

Còn "Thế Giới" như vừa nói trên, là toàn thể thực tại do Thiên Chúa tạo nên, trong đó nhân loại là trung tâm điểm và có nhiệm vụ phát triển thế giới.

Vài nét lịch sử

Ngày 25-12-1961, khi triệu tập Công Đồng, Đức Gioan XXIII đã nói đến những mối lo lắng của Giáo Hội trước những thách thức của nhân loại. Giáo Hội có bổn phận phải bàn về các vấn đề đó, vì nó ảnh hưởng đến phần rỗi siêu nhiên ⁴.

Ngày 11-10-1962, nhân dịp khai mạc Công Đồng, Đức Gioan XXIII đã nói vạch rõ tinh thần mới cho Công Đồng, tinh thần thương xót và thông cảm hơn là lên án ⁵. Chính ngày sau đó Công Đồng gởi cho Thế Giới sứ điệp hòa bình và thương yêu cũng như sự quyết tâm phục vụ nhân loại, đặc biệt là người nghèo ⁶.

Tuy nhiên, trong số 70 lược đồ do các Ủy Ban đã soạn thảo, chưa có tài liệu nào dành riêng cho các vấn đề thế giới. Đến cuối kỳ họp thứ nhất của Công Đồng (12-1962) các lược đồ thu gọn lại thành lược đồ 17, có đầu đề: "Về những nguyên tắc và sinh hoạt của Giáo Hội để xúc tiến hạnh phúc của xã hội".

Vào đầu năm 1963 Ủy Ban hỗn hợp, gồm có chuyên viên của hai Ủy Ban về Tín Lý và Tông Đồ Giáo Dân được bổ nhiệm soạn thảo lược đồ này. Đầu đề mới là: "Về sự hiện diện của Giáo Hội trong thế giới ngày nay". Cũng có văn kiện khác do Đức Hồng Y Suenens (Bi) đề nghị. Văn kiện này đã được gọi "Lược đồ Malines hay Louvain". Ủy Ban đã lập ra một tiểu ban do Đức Cha Guano (Ý) làm chủ tịch và Cha Haering CSSR (Đức) làm thư ký để xét lại những đề nghị ấy.

Vào mùa hè năm 1964, các Nghị Phụ mới chấp nhận văn kiện, bấy giờ được gọi là lược đồ 13, cũng được gọi "Lược đồ Zurich", vì tiểu ban đã họp tại đó. Trong kỳ họp thứ ba (tháng 10-11) các ngài đề nghị phải sửa lại nhiều chỗ. Ủy Ban hỗn hợp soạn thảo một lược đồ mới (lược đồ Ariccia-Roma) theo địa danh làm việc.

Trong giai đoạn cuối cùng các Nghị Phụ bỏ phiếu nhiều lần: trước hết đã chấp nhận lược đồ cách đại cương rồi bỏ phiếu từng đoạn một. Sau nhiều sửa đổi theo những đề nghị của các Nghị Phụ, các ngài lại bỏ phiếu từng 12 đoạn và ngày 6-12-1965, 1,860 Nghị Phụ chấp nhận toàn bộ lược đồ, với 251 phiếu chống và 11 phiếu bất hợp lệ. Ngày hôm sau, trước khi Đức Giáo Hoàng Phaolô VI công bố Hiến Chế, các Nghị Phụ lại bỏ phiếu một cách long trọng: lúc ấy vẫn còn 75 phiếu chống.

"Không ai có thể quả quyết rằng đạo Công Giáo là vô ích, khi nhận thấy rằng Giáo Hội, nhân dịp tự ý thức về mình nhiều nhất và có hiệu lực lớn nhất, tức là khi tập họp lại trong Công Đồng, đã biểu thị rõ ràng Giáo Hội chỉ vì con người mà có..." ⁷.

"Đối với người Việt Nam chúng ta, nhiều vấn đề có lẽ còn quá mới mẻ. Nhưng hướng đi của Công Đồng là hướng đi của lịch sử hiện đại. Hiến Chế Mục Vụ nếu được hiểu và áp dụng cho đúng mức sẽ giúp chúng ta tiết kiệm được rất nhiều thì giờ và sức lực" ⁸.

Chú Thích:

- 1 Phaolô VI, Diễn văn nhân dịp lễ bế mạc Công Đồng, 8-12-1965: AAS 58 (1966), 54.
- 2 N.v.t. trg 57.
- 3 N.v.t. trg 59.
- 4 Tông hiến Humanae Saluis, 25-12-1961: AAS 54 (1962), 5-13.
- 5 Diễn văn, AAS 54 (1962), 792.
- 6 AAS 54 (1962), 822-824.
- 7 Phaolô VI, Diễn văn nhân dịp lễ bế mạc Công Đồng, 8-12-1965: AAS 58 (1966), 58.
- 8 Đức Hồng Y Phaxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Giáo Hội trong Thế Giới hôm nay, Thanh Lao Công 1969, Lời giới thiệu (không mang số trang).

Lời Mở Đầu

1. Liên quan mật thiết giữa Giáo Hội và toàn thể gia đình các dân tộc.

Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ. Thực vậy, cộng đoàn của họ được cấu tạo bằng những con người đã được qui tụ trong Chúa Kitô, được Chúa Thánh Thần hướng dẫn trong cuộc lữ hành về Nước Cha và đã đón nhận tin mừng cứu rỗi đem tới cho mọi người. Vì thế, cộng đoàn ấy mới nhận thấy mình thực sự liên hệ mật thiết với loài người và lịch sử nhân loại ^{1*}.

2. Công Đồng muốn ngỏ lời với ai. Vậy, sau khi đã tìm hiểu tường tận hơn về mầu nhiệm Giáo Hội ^{2*}, Công Đồng Vaticanô II không còn chỉ ngỏ lời riêng với những người con của Giáo Hội và tất cả những ai kêu danh Chúa Kitô, nhưng không ngần ngại nói với tất cả mọi người. Công Đồng ước ao trình bày cho mọi người biết mình quan niệm thế nào về sự hiện diện và hành động của Giáo Hội trong thế giới ngày nay.

Vậy thế giới trình bày ở đây là thế giới của con người, tức là toàn thể gia đình nhân loại với mọi sự thuộc môi trường sinh sống của gia đình này. Thế giới ấy là sân khấu của lịch sử nhân loại và là thế giới mang dấu tích những cố gắng, thất bại và thắng lợi của nhân loại; thế giới ấy, người Kitô hữu tin là đã được tình yêu của Đấng Tạo Hóa tác thành và bảo trì; thế giới ấy đã rơi vào ách nô lệ tội lỗi, nhưng, nhờ Chúa Kitô chịu đóng đinh và sống lại mà bề gãy uy quyền Thần Dữ, đã được giải thoát để thay hình đổi dạng theo dự định của Thiên Chúa mà tiến tới sự viên mãn ^{3*}.

Phục vụ con người. Ngày nay, tuy đã cảm phục trước những khám phá và quyền lực của mình, nhân loại vẫn thấy lo lắng thắc mắc về sự tiến hóa hiện nay của thế giới, về chỗ đứng và phận vụ con người trong vũ trụ, về ý nghĩa của những cố gắng cá nhân cũng như tập thể, và sau hết về cùng đích của con người và muôn loài. Vì thế, khi minh chứng và trình bày Đức Tin của

toàn thể dân Chúa đã được Chúa Kitô đoàn tụ, để diễn tả thật hùng hồn mối tình liên đới, sự tôn trọng và quý mến của dân Chúa đối với gia đình nhân loại mà mình là một thành phần, Công Đồng thấy hay hơn hết là phải thiết lập cuộc đối thoại về những vấn đề ấy, phải lấy ánh sáng Phúc Âm mà soi dẫn, và phải cho nhân loại những năng lực cứu rỗi mà chính Giáo Hội đã nhận được nơi Đấng Sáng Lập, nhờ Chúa Thánh Thần hướng dẫn. Thực vậy, việc phải làm là cứu rỗi nhân vị con người và xây dựng xã hội loài người. Do đó, con người - dĩ nhiên là con người duy nhất và toàn diện với thể xác và linh hồn, tình cảm và lương tri, trí khôn và ý chí - sẽ là then chốt tất cả phần trình bày của chúng tôi.

Vậy, khi công bố thiên chức cao cả của con người và xác nhận con người mang trong mình một mầm mống thần linh, Thánh Công Đồng muốn đề nghị với nhân loại sự cộng tác thành thực của Giáo Hội hầu thiết lập một tình huynh đệ đại đồng phù hợp với thiên chức ấy. Không bị một tham vọng trần thế nào thúc đẩy, Giáo Hội chỉ nhắm một điều là dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội tiếp tục công cuộc của chính Chúa Kitô, Đấng đã đến thế gian để làm chứng cho chân lý², để cứu rỗi chứ không luận phạt, để phục vụ chứ không để được phục vụ³.

Chú Thích:

1 Hiến chế Mục Vụ về "Giáo Hội trong thế giới ngày nay" tuy có hai phần rõ rệt nhưng làm thành một khối duy nhất.

Hiến Chế mệnh danh là "Mục Vụ" vì, dựa trên những nguyên tắc giáo lý, Hiến Chế nhằm trình bày thái độ của Giáo Hội với thế giới và con người ngày nay. Do đó, không phải là thiếu chủ đích mục vụ trong phần I, cũng như không thiếu chủ đích giáo lý trong phần II.

Trong phần I, Giáo Hội trình bày giáo lý của mình về con người, về thế giới con người đang sống và về thái độ của Giáo Hội đối với con người và thế giới. Trong phần II, Giáo Hội khảo sát tường tận hơn những khía cạnh khác nhau trong cuộc sống hiện nay và trong xã hội nhân loại, nhất là những thách thức, những vấn đề xét ra có vẻ khẩn thiết hơn trong thời đại chúng ta. Do đó, trong phần sau này, dựa trên những nguyên tắc giáo lý, nội dung không những bao hàm những yếu tố vĩnh cửu mà còn cả những yếu tố nhất thời nữa.

Vậy, phải giải thích Hiến Chế theo những nguyên tắc tổng quát của khoa chú giải thần học và đặc biệt phải lưu ý tới những hoàn cảnh thay đổi là những hoàn cảnh tự bản chất gắn liền với những vấn đề được bàn tới, nhất là trong phần thứ hai này. (*Trở lại đầu trang*)

1* Kitô hữu là người "bị lưu đày xa Chúa" (2 Cor 5,6) và người "không có thành trì kiên cố" ở đất này (Dth 13,14), nhưng vẫn còn thuộc về gia đình nhân loại. Mọi vấn đề của nhân loại phải làm rung động tâm hồn Kitô hữu. Chính Giáo Hội được thiết lập để đến cùng con người chứ không phải để chỉ sống cho mình mà thôi, Giáo Hội phải đối thoại với con người, đưa cho con người ánh sáng đức tin đã được trao phó cho Giáo Hội. Như thế Giáo Hội góp phần vào công việc chung nhằm cứu độ con người và cải thiện xã hội. Sứ mệnh của Giáo Hội không nhằm những tham vọng thế tục (số 3). Hiến Chế khai triển những tư tưởng này trong chương IV. (*Trở lại đầu trang*)

2* Trong Hiến Chế tín lý về Giáo Hội. (*Trở lại đầu trang*)

3* Theo thần học ta có thể quan niệm "thế giới" 1) là vũ trụ đã được Thiên Chúa tạo nên (x. Stk 1,1; Gio 1,3; Col 1,15-20); 2) Thiên Chúa đã trao phó hoàn vũ cho con người (x. Mt26,13; Gio 17,18); 3) nhân loại sa ngã chán ghét và chống đối Thiên Chúa (x. Gio 1,10; 7,7; 15,18t; 17,9; 1Gio 2,15); 4) Thiên Chúa yêu mến nhân loại đã được cứu chuộc (x. Gio 1,29; 3,13; 4,42; 2Cor 5,19). (ĐGM. Charue, phó chủ tịch Ủy Ban về tín lý, ngõ lời trong thánh đường thánh Phêrô, ngày 24.9.1965: xem Documentation Catholique 62 (1965), 1863).

Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay hiểu thế giới theo nghĩa nhân chủng học (gia đình nhân loại), vũ trụ luận (tất cả thực tại chung quanh), lịch sử học (nơi diễn tiến của lịch sử), và thần học (được Thiên Chúa tạo nên vì tình yêu, v.v...). (*Trở lại đầu trang*)

2 Xem Gio 18,37. (*Trở lại đầu trang*)

3 Xem Gio 3,17; Mt 20,28; Mc 10,45. (*Trở lại đầu trang*)

Nhập Đề

Thân Phận Con Người

Trong Thế Giới Ngày Nay ^{4*}

4. Hy vọng và lo âu. Để chu toàn phận vụ ấy, lúc nào Giáo Hội cũng có bổn phận tìm hiểu tường tận những dấu chỉ của thời đại ^{5*} và giải thích dưới ánh sáng Phúc Âm; như vậy mới có thể giải đáp một cách thích ứng với từng thế hệ những thắc mắc muôn thuở của con người về ý nghĩa cuộc sống hiện tại và mai hậu cũng như về mối tương quan giữa hai cuộc sống ấy. Do đó, cần phải biết và hiểu thế giới chúng ta đang sống với những chờ đợi, mong ước và cả tính chất thường là bi thảm của nó. Có thể phác họa một vài nét chính yếu của thế giới ngày nay như sau:

Nhân loại ngày nay đang sống vào một giai đoạn mới trong lịch sử của mình ^{6*}. Đó là giai đoạn chất chứa những đổi thay sâu xa và mau chóng đang dần dần lan rộng tới toàn thể hoàn cầu. Những thay đổi do óc thông minh và nỗ lực sáng tạo của con người khơi dậy, đang trở lại ảnh hưởng trên chính con người, trên những phán đoán và ước vọng cá nhân hay tập thể con người, trên cách suy tư và hành động đối với sự vật cũng như con người. Như vậy, chúng ta có thể nói đến sự biến đổi đích thực về mặt xã hội cũng như văn hóa, sự biến đổi này đang lan tràn tới cả đời sống tôn giáo.

Cũng như trong bất cứ cơn khủng hoảng tăng trưởng nào, sự biến đổi này kéo theo những khó khăn không nhỏ. Chẳng hạn như đang khi bành trướng quá rộng quyền lực của mình, không phải lúc nào con người cũng có thể bắt nó phục vụ mình. Cố gắng đi sâu hơn vào thâm tâm mình, con người nhiều khi lại tỏ ra hoang mang hơn về chính mình. Dò dẫm tìm hiểu rõ hơn những luật lệ của đời sống xã hội, con người lại do dự không dám định đoạt hướng đi cho mình.

Chưa bao giờ nhân loại dồi dào của cải, khả năng và quyền lực kinh tế như ngày nay, vậy mà tới nay, một phần rất lớn nhân loại trên thế giới đang quần quai vì đói ăn và thiếu thốn, rồi không biết bao nhiêu người đang chịu cảnh mù chữ. Chưa bao giờ con người ý thức mãnh liệt được sự tự do như ngày nay, đang khi đó, lại thấy sống dậy những hình thức nô lệ mới mẻ về mặt xã hội cũng như tâm lý. Trong lúc đang mãnh liệt cảm thấy sự duy nhất cũng như sự kiện tất cả lệ thuộc nhau trong sự liên đới cần thiết, thì thế giới lại bị lôi kéo kịch liệt theo những chiều hướng tương phản do những lực lượng chống đối nhau; thực vậy vẫn còn kéo dài mãi tới ngày nay những bất đồng trầm trọng về chính trị, xã hội, kinh tế, chủng tộc và ý thức hệ, và một cuộc chiến diệt vong vẫn còn đe dọa. Đang khi sự trao đổi tư tưởng phát triển, thì những ngôn

ngữ dùng để diễn tả những quan niệm có tầm mức quan trọng lại mang ý nghĩa khác nhau tùy từng ý thức hệ riêng biệt. Sau hết, người ta nỗ lực đi tìm một tổ chức trần thế hoàn hảo hơn, nhưng lại không lo tiến tới sự phát triển tinh thần tương xứng.

Do những hoàn cảnh phức tạp như thế chi phối, rất nhiều người đương thời thấy khó lòng có thể nhận chân được những giá trị trường cửu và đồng thời cũng khó mà hòa hợp những giá trị ấy cho đúng với những phát minh gần đây. Do đó, bị lay động giữa hy vọng và lo âu, băn khoăn về sự xoay chuyển hiện tại của thế giới, họ cảm thấy một nỗi ưu tư. Sự xoay chuyển của thế giới đang thách đố và thúc bách con người tìm câu giải đáp.

5. Những hoàn cảnh biến đổi sâu rộng. Sự giao động tâm hồn hiện nay và sự thay đổi cảnh sống gắn liền với một biến chuyển rộng lớn hơn. Trong phạm vi trí dục, sự biến chuyển này làm cho toán học, vạn vật học và các khoa học nhân văn càng ngày càng thêm quan trọng, còn trong phạm vi hoạt động, thì kỹ thuật, con đẻ của khoa học, lại mỗi ngày một thêm uy thế. Tinh thần khoa học này đang tạo ra một nền văn hóa và những lối suy tư khác với trước kia. Kỹ thuật phát hiện đến độ thay đổi cả cục diện địa cầu và còn đang cố gắng chinh phục không gian.

Tâm trí con người như đang nở rộng phạm vi chế ngự trên cả thời gian: chế ngự dĩ vãng nhờ sử học, và chế ngự tương lai nhờ dự liệu và tổ chức các kế hoạch. Những khoa học đang tiến bộ như sinh vật học, tâm lý, xã hội, không những giúp con người hiểu biết chính mình hơn, mà còn giúp con người biết lợi dụng những phương pháp kỹ thuật để trực tiếp ảnh hưởng tới đời sống các xã hội. Đồng thời nhân loại mỗi ngày mỗi lưu tâm hơn để tìm cách tiên liệu và giải quyết vấn đề gia tăng dân số.

Chính lịch sử đang tiến bước quá nhanh đến nỗi từng cá nhân riêng rẽ khó lòng theo kịp. Vạn mạng cộng đoàn nhân loại trở thành một mà thôi và không còn bị phân tán thành nhiều dòng lịch sử khác nhau nữa. Như vậy từ một quan niệm tĩnh về vũ trụ, nhân loại đã bước sang một quan niệm động và tiến hóa hơn^{7*}, do đó phát sinh những vấn đề hết sức phức tạp mới mẻ đòi phải có những phân tích và tổng hợp mới.

6. Những biến đổi trong phạm vi xã hội. Cũng vì vậy, các cộng đoàn cổ truyền địa phương, như gia tộc, "thị tộc", bộ lạc, xóm làng, các tập thể khác và các liên hệ trong cộng đoàn xã hội đều thay đổi mỗi ngày mỗi sâu xa hơn.

Tổ chức xã hội theo khuôn mẫu kỹ nghệ dần dần bành trướng, đưa một số quốc gia tới mức thịnh vượng kinh tế và thay đổi tận gốc rễ những quan niệm và hoàn cảnh đời sống xã hội đã cố định từ lâu đời. Sự ham chuộng theo đuổi đời sống thị thành cũng gia tăng, vì các thành phố càng ngày càng mọc lên nhiều, dân cư càng ngày càng đông, và vì cách sống thị thành đang lan rộng tới cả thôn quê.

Những phương tiện truyền thông mới mẻ và mỗi ngày một thuận tiện hơn giúp con người theo dõi được các biến cố cũng như phổ biến hết sức mau lẹ và rộng rãi những cách cảm nghĩ và suy tư, do đó chúng gây nên nhiều âm hưởng vang dội có liên quan với nhau.

Một hiện tượng không kém quan trọng khác: biết bao người bởi nhiều lý do phải di cư, và vì di cư đã thay đổi cả cách sống.

Do vậy mà những liên hệ của con người với đồng loại không ngừng tăng thêm mãi, đồng thời chính sự "xã hội hóa"^{8*} lại tạo thêm những liên hệ mới, tuy nhiên, những liên hệ mới ấy không phải lúc nào cũng giúp nhân vị trưởng thành một cách thích hợp, hoặc cô vớ những liên hệ thực sự người (nhân vị hóa).

Thực vậy, sự tiến hóa ấy phát hiện rõ rệt hơn tại những quốc gia hưởng thụ những tiện nghi kinh tế và kỹ thuật, nhưng sự tiến hóa ấy cũng thúc đẩy các dân tộc còn đang cố gắng tiến lên, vì họ là những người mong mỏi cho xứ sở mình được hưởng ích lợi của nền kỹ nghệ và đô thị hóa. Các dân tộc ấy, nhất là các dân tộc đã bám víu vào những truyền thống cổ kính, đồng thời cảm thấy bị thúc đẩy muốn tự mình xử dụng tự do một cách trưởng thành và hợp nhân vị hơn.

7. Những biến đổi về tâm lý, luân lý và tôn giáo. Sự thay đổi tâm thức và cơ cấu thường làm cho con người bất đồng ý kiến về những giá trị đã được chấp nhận, nhất là nơi những người trẻ là lứa tuổi đôi khi thiếu nhẫn nại; hơn nữa vì lo âu, nên họ mới nổi loạn, và vì ý thức tầm quan trọng của riêng mình trong đời sống xã hội, nên họ mong muốn sớm được dự phần vào đời sống xã hội hơn. Do đó, nhiều khi cha mẹ và các nhà giáo dục càng ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc chu toàn bổn phận.

Các định chế, luật pháp, những lối suy tư và cảm nghĩ của người xưa truyền lại, hình như không phải lúc nào cũng phù hợp với tình thế hiện tại, do đó, có sự xáo trộn trầm trọng trong phương thức và trong cả các tiêu chuẩn hành động.

Sau hết, những hoàn cảnh mới cũng ảnh hưởng tới đời sống tôn giáo. Một phần vì khả năng phán đoán sâu sắc hơn đã thanh lọc khỏi đời sống tôn giáo quan niệm ma thuật về thế giới^{9*} và những mê tín vẫn còn lan tràn tới ngày nay. Khả năng sâu sắc ấy đòi hỏi đức tin phải được chấp nhận mỗi ngày một thêm cá biệt và linh hoạt; bởi đó, nhiều người đạt được một ý thức sống động hơn về Thiên Chúa. Phần khác, số người lìa xa Thiên Chúa trong cách sống thực tế càng ngày càng đông. Khác với thời xưa, sự từ chối hoặc tránh né đề cập tới Thiên Chúa hay tôn giáo không còn là một hành vi dị thường và có tính cách cá nhân nữa, vì ngày nay, biết bao người coi đó như một đòi hỏi của tiến bộ khoa học^{10*} hay của nền nhân bản mới^{11*}. Tại nhiều nơi, quan niệm này không những được diễn tả trong các trường phái triết học, mà còn ảnh hưởng rất nhiều tới văn chương, nghệ thuật, các giải thích của các khoa học nhân văn và sử học, cũng như ảnh hưởng tới cả dân luật khiến cho nhiều người hoang mang.

8. Những chênh lệch trong thế giới ngày nay. Sự biến chuyển quá mau chóng và thường thiếu trật tự, hơn nữa, sự ý thức càng ngày càng bén nhọn hơn về những sự khác biệt hiện có trong thế giới, đó là những yếu tố làm phát sinh hoặc gia tăng nhiều mâu thuẫn và chênh lệch.

Chính nơi con người thường phát sinh sự thiếu quân bình giữa óc thực tế hiện thời và lối suy tư thuyết lý. Lối suy tư này không còn khả năng làm chủ và tổng hợp gọn gàng toàn thể mọi tri thức. Cũng vậy, sự thiếu quân bình hiển hiện giữa những lo âu đạt được hiệu quả cụ thể và những đòi hỏi của lương tâm, và nhiều lúc giữa những cảnh sống tập thể và những điều kiện thiết cho suy tư cá nhân và nhất là cho sự chiêm niệm. Sau hết là sự chênh lệch giữa sự chuyên biệt hóa các sinh hoạt nhân loại và cái nhìn phổ quát về muôn vật.

Trong gia đình cũng xuất hiện nhiều mâu thuẫn, hoặc do những hoàn cảnh ngột ngạt về dân số, kinh tế, xã hội, hoặc do những khó khăn phát xuất giữa những thế hệ tiếp nối nhau, hoặc do những xã giao mới giữa người nam và nữ.

Ngoài ra còn có những sự khác biệt lớn lao giữa các chủng tộc và kể cả giữa những giai cấp xã hội khác nhau, giữa những quốc gia cường thịnh và những quốc gia nghèo nàn yếu kém, sau hết giữa những tổ chức quốc tế đã được thiết lập vì sự mong mỏi hòa bình của các dân tộc và tham vọng gieo rắc ý thức hệ riêng cùng những ham hố tập thể hiện hữu trong các quốc gia hoặc các tập thể khác.

Từ đó, phát sinh ngờ vực và thù nghịch nhau, xung đột và thống khổ mà chính con người là nguyên nhân và nạn nhân.

9. Những khát vọng phổ quát hơn của nhân loại. Trong khi đó, người ta thêm xác tín rằng nhân loại không những có thể và phải mỗi ngày mỗi củng cố thêm sự thống trị của mình trên tạo vật mà còn phải thiết lập một trật tự chính trị, xã hội và kinh tế để phục vụ con người ngày đặc lực hơn, giúp mỗi cá nhân, mỗi tập thể khẳng định và trau dồi phẩm giá riêng của mình.

Bởi đó, rất nhiều người đòi hỏi gắt gao những của cải mà họ ý thức mãnh liệt rằng họ bị cướp mất vì bất công hay vì phân chia không đồng đều. Các quốc gia đang trên đường phát triển cũng như các quốc gia mới giành được chủ quyền mong muốn dự phần vào những lợi ích của nền văn minh hiện nay không những trong phạm vi chính trị mà cả trong phạm vi kinh tế nữa, và mong muốn tự do chu toàn vai trò của mình trong thế giới. Tuy nhiên, trong khi ấy, càng ngày càng gia tăng sự cách biệt giữa các quốc gia này, cũng như thường thấy gia tăng sự lệ thuộc cả về phạm vi kinh tế đối với những quốc gia khác giàu mạnh và tiến bộ nhanh hơn. Các dân tộc bị đói khổ hoành hành đang kêu gọi các dân tộc phồn thịnh hơn. Ở đâu nữ giới chưa được bình quyền với nam giới đều đứng lên đòi hỏi cho mình được bình đẳng trước pháp lý và trên thực tế. Các công nhân và nông gia cũng muốn rằng họ làm việc không những để mưu sống nhưng còn để phát huy những tài năng của con người họ, hơn nữa họ còn muốn tham gia vào việc tổ chức đời sống kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, toàn thể các dân tộc đã xác tín mình có thể và phải thực sự phổ biến những thành quả của văn hóa tới hết mọi dân tộc.

Dưới tất cả những đòi hỏi đó tàng ẩn một ước vọng sâu xa và đại đồng hơn: mọi cá nhân và tập thể đều khao khát một cuộc sống đầy đủ và tự do xứng với con người; để phục vụ cho chính mình, họ muốn chế ngự tất cả những gì thế giới ngày nay có thể cung ứng hết sức dồi dào cho họ. Hơn nữa, các quốc gia vẫn ngày một cố gắng hơn để đạt tới một thứ cộng đồng đại đồng.

Như vậy, thế giới ngày nay tỏ ra vừa mạnh vừa yếu, có khả năng thực hiện những điều tốt đẹp nhất hoặc xấu xa nhất, đang khi ấy trước mặt nó là con đường dẫn tới tự do hoặc nô lệ, tiến bộ hoặc thoái hóa, huynh đệ hoặc đố kỵ. Lại nữa, con người đã ý thức được chính họ phải điều khiển cho đúng những năng lực do chính mình tạo nên và đó là những năng lực có thể đè bẹp họ hoặc phục vụ cho họ. Do đó họ phân vân.

10. Những vấn nạn sâu xa hơn của nhân loại. Thực vậy, những chênh lệch dầy vò thế giới ngày nay được nối liền với một chênh lệch căn bản hơn phát xuất từ đáy lòng con người. Bởi vì, ngay chính trong con người có nhiều yếu tố xung khắc nhau. Vì một đàng, là tạo vật, con người nhận thấy mình bị giới hạn trong nhiều phương tiện, nhưng đàng khác, lại cảm thấy mình có những khát vọng vô biên và còn cảm thấy được mời gọi tới một cuộc sống cao cả hơn. Bị lôi kéo giữa nhiều quyền rũ, con người luôn bị bó buộc phải lựa chọn một số hoặc loại bỏ một số khác. Hơn nữa, vì yếu đuối và tội lỗi, nhiều khi con người làm điều mình không muốn và không làm được điều mình muốn làm⁴. Bởi vậy, có sự phân rẽ trong chính con người, từ đó, sinh ra bao nhiêu là bất hòa lớn lao trong xã hội. Thực vậy rất nhiều người vì đời sống thắm nhiễm chủ nghĩa duy vật thực hành nên đã không nhìn nhận rõ ràng thắm trạng ấy, hay ít ra vì lối sống cơ cực đè nặng không cho phép họ nghĩ tới nữa. Đàng khác, dựa vào mớ lý thuyết mà họ đã tìm ra để giải thích vũ trụ, nhiều người tưởng như thế là đủ an tâm. Còn có những người chỉ trông vào nỗ lực của con người mới đem lại cho nhân loại sự giải phóng đích thực và trọn vẹn, và họ xác tín rằng sự thống trị mai hậu của con người trên trái đất sẽ làm mãn nguyện mọi ước vọng của

con tim nhân loại. Cũng không thiếu những người thất vọng về ý nghĩa cuộc sống tán dương những kẻ táo bạo nghĩ rằng sự hiện hữu của con người tự nó không mang một ý nghĩa nào nên họ cố gắng dùng nguyên tài năng của mình để tạo nên tất cả ý nghĩa cho sự hiện hữu ấy. Tuy nhiên, trước sự tiến hóa hiện nay của thế giới, càng ngày càng có nhiều người hoặc đặt vấn đề hoặc nhận thức một cách sâu sắc mới mẻ về những vấn đề hết sức căn bản như: con người là gì? Đây là ý nghĩa của đau khổ, sự dữ, cái chết? Sao chúng còn tiếp tục tồn tại mặc dù đã có bao nhiêu tiến bộ? Bao chiến thắng đạt được với một giá đắt ấy có ích gì? Con người có thể đem lại gì cho xã hội và có thể trông đợi gì ở xã hội? Cái gì sẽ tiếp theo sau cuộc sống trần gian này?

Giáo Hội tin rằng Chúa Kitô đã chết và đã sống lại cho mọi người ⁵. Vì thế qua Thánh Thần của Người, Người ban cho con người ánh sáng và sức mạnh để con người có thể đáp lại thiên chức cao cả của mình. Giáo Hội cũng tin rằng dưới bầu trời này chẳng còn danh hiệu nào khác được ban cho loài người để loài người phải nhờ đó mà được cứu rỗi ⁶. Cũng thế, Giáo Hội tin rằng đầu mối, trung tâm và cùng đích của toàn thể lịch sử nhân loại đều ở trong Đức Kitô là Chúa và là Thầy của Giáo Hội. Hơn nữa, Giáo Hội còn xác nhận rằng qua mọi thay đổi, có nhiều điều vẫn không đổi thay vì nền tảng cuối cùng của những điều không thay đổi này là Chúa Kitô, Đấng hôm qua, hôm nay và mãi mãi ⁷. Vậy dưới ánh sáng Chúa Kitô, Hình Ảnh của Thiên Chúa vô hình, Trưởng Tử giữa mọi thụ sinh ⁸, Công Đồng muốn nói với mọi người để làm sáng tỏ màu nhiệm về con người và để cùng nhau tìm giải đáp cho những vấn đề chính yếu của thời đại chúng ta.

Chú Thích:

4* Công Đồng mời gọi ta cùng tìm hiểu thế giới hiện đại (số 4a) để ta có thể đối thoại với nó và đem ánh sáng Chúa Kitô chiếu dọi các vấn đề của nó (số 10b). Vì thế Công Đồng:

1) Kể lại những sự kiện tương phản với nhau: trạng thái thừa thãi và đói khát; tiến bộ và mù chữ; khát vọng tự do và nhiều thứ nô lệ; khát vọng hiệp nhất và vô số chia rẽ cũng như tư tưởng hỗn độn; tiến bộ kỹ thuật, văn hóa và tinh thần không tương hợp với nhau (số 4).

2) Những thay đổi thuộc về:

a) Cơ cấu về trí óc: vì ảnh hưởng do khoa học và kỹ thuật gây nên; vì được biết lịch sử rộng hơn, cũng như vì phép dự liệu và thuật kế hoạch; vì nhận thấy con người bắt đầu có quyền trên đời mình cũng như trên lịch sử. Quan niệm tĩnh ngày xưa chuyển thành quan niệm động (số 5).

b) Cơ cấu xã hội: nếp sống cổ điển biến mất; có những hiện tượng mới như kỹ nghệ hóa, thành thị hóa, các phương tiện truyền thông xã hội, những cuộc di cư, sự xã hội hóa (số 6).

3) Bởi đó đặt vấn đề theo cách mới:

a) Về tôn giáo: Giới thanh niên phản đối, lạc hướng; tinh thần phê bình; lối sống bỏ đạo thực hành; tuyên xưng vô thần (số 7).

b) Về cá nhân: vì những phán đoán thiếu quân bình, vì những xung đột giữa lương tâm và trí óc trong việc đi tìm kết quả thực tiễn giữa nhu cầu chuyên môn và một quan niệm tổng quát về vũ trụ.

c) Về gia đình: vì vấn đề dân số, khó khăn kinh tế xã hội, những khác biệt giữa các thế hệ, những liên quan mới giữa nam giới và nữ giới.

d) Về quốc gia: vì những sự khác nhau giữa các chủng tộc, các giai cấp; giàu có và nghèo khổ; vì những lý thuyết ảnh hưởng các phong trào hòa bình (số 8).

4) Nguyên vọng mới: vì con người ý thức về quyền thế mình, nhận thấy rằng có thể đòi hỏi tham gia vào những thành quả của văn minh và cảm thấy có quyền sống đầy đủ và xứng hợp với bản tính con người. (Trở lại đầu trang)

5* Đức Gioan XXIII, đã dựa theo Mt 16,4 và Lc 21,7 để dùng câu này trong thông điệp Pacem in Terris, và sau đó câu này trở thành một biểu ngữ cho việc canh tân Giáo Hội. Trong số 11a Công Đồng lại diễn tả thái độ dò xét thời điểm này. (Trở lại đầu trang)

6* Ta phải chú ý rất kỹ đến câu quả quyết quan trọng này (xem lại trong số 54a). Đặc biệt tất cả những ai có trách nhiệm giáo dục lớp trẻ phải suy xét lại rằng: cố gắng tiếp tục sống theo nếp cũ trong "giai đoạn mới của lịch sử" tất nhiên là lỗi thời. (Trở lại đầu trang)

7* Công Đồng muốn nói rằng, thời xưa (và gần đây) người ta coi những thực tại nhân loại là vững bền và ít thay đổi. Ví dụ các luật trong lãnh vực pháp lý, những tổ chức gia đình, làng xóm, đô thị trong lãnh vực xã hội; những nhu cầu của dân chúng trong lãnh vực kinh tế, v.v... Qua bốn thế kỷ vừa qua chưa có những thay đổi trong phụng vụ Thánh Lễ!... Nhưng ngày nay thì khác hẳn. Người ta không còn thích coi lãnh vực nào là bất di dịch nữa. Ngày nay con người dễ tỏ lòng nghi ngờ khi người ta nại vào những nguyên tắc bất biến hay là dựa trên quan niệm cổ điển để giải thích các vấn đề. Hiện nay người ta không còn tin như xưa rằng lịch sử là "thầy dạy cho cuộc sống", hay ít ra cũng không phải theo cùng một quan niệm như xưa. (Trở lại đầu trang)

8* Thông điệp Mater et Magister của Đức Gioan XXIII diễn tả hiện tượng "đời sống xã hội" này và Công Đồng (số 25b) trích lại lời đó. Dĩ nhiên đó là hiện tượng mới trong xã hội kỹ nghệ Âu Mỹ. Trong xã hội nông thôn Á Đông, nó đã có từ nghìn xưa (dù dưới hình thức khác), đến nỗi nhiều khi gây ra nguy hại cho quyền tự do cá nhân (xem Phaolô VI, Populorum progressio, số 36). Hiện tượng này không phải đồng hóa với xã hội chủ nghĩa đã bị Giáo Hội lên án nhiều lần (đặc biệt trong Tđ. Quadragesimo Anno của Đức Piô XI, năm 1931). Sau đó chính xã hội chủ nghĩa đã biến đổi không ít. Sự kiện xã hội hóa có thể sa vào những chỗ nguy hại như Công Đồng nhắc lại trong đoạn này, nhưng cũng có thể đem lại kết quả tốt đẹp: ngoài sự phát triển vật chất, có thể giúp để thỏa mãn nhiều quyền lợi căn bản của con người như về giáo dục, đào tạo nghề nghiệp, sự cứu trợ xã hội, cứu trợ y khoa, về hoàn cảnh làm việc, nhà ở, v.v... (Xem MV 25a và 42c). (Trở lại đầu trang)

9* Vì thiếu óc khoa học, giới bình dân tin tưởng vào những sức lực vô hình do những qui thần nào đó gây nên để giải thích hiện tượng thiên nhiên. Nhờ những nghi lễ lạ lùng và huyền bí cố định từ ngàn xưa truyền lại, họ tìm cách gây ảnh hưởng trên những ma lực đó (x.33a).

Tin tưởng vào số tử vi cũng phải được coi như một hành thức biểu thị quan niệm phù phép.

Đây là quan niệm rất tai hại cho đức tin, vì quyền tự do, lòng yêu mến Thiên Chúa là Đấng hiểu biết và âu yếm điều khiển đời ta, chẳng chiếm chỗ nào trong quan niệm đó. (Trở lại đầu trang)

10* Những quốc gia tân tiến hơn (Hoa Kỳ, Nga Sô, Thụy Điển...) lại chẳng phải là những nước bỏ đạo nhiều hơn sao! Giới trí thức, không kể giới bác học cũng không phải như thế sao! Nhiều khi người ta nghe nói như vậy. Thực sự nhiều khi người trí thức học sâu về khoa học trong khi lại quên phát triển những điều học hỏi về tôn giáo lúc còn bé. Trường hợp như thế dễ mất đức tin, nhưng không được nói rằng đó là đòi hỏi của khoa học! (Trở lại đầu trang)

11* Trong số 9c và 10a, Công Đồng tóm tắt ý nghĩa đại khái của những hình thức nhân bản chủ nghĩa khác nhau: nhân bản dân chủ mong ước giải thoát con người khỏi mọi trạng thái hỗn độn nhờ giáo dục, kỹ thuật, quyền tự do... không cần đến Thiên Chúa, tôn giáo, và chủ trương tự sức mình, con người sẽ đạt tới hạnh phúc... Nhân bản khoa học, một cách tương tự, chủ trương con người tìm được tất cả các câu trả lời nơi khoa học và không cần biết đến thực tại về tội lỗi và nguồn gốc tội lỗi nơi con người, thực tại về công cuộc cứu chuộc của Đấng Cứu Thế, v.v... Nhân bản Mác xít đánh giá việc làm như giá trị duy nhất của con người. Nhờ đảng điều khiển, con người sẽ xây dựng thế giới và xã hội mới, loại trừ mọi bất công. Tôn giáo là một dụng cụ của các chế độ tư bản dĩ nhiên sẽ biến mất. Nhân bản Quốc gia: đã chiếm được độc lập thì phải tự trị để phát triển đầy đủ không chấp nhận bất cứ hình thức đế quốc nào nữa, mà tôn giáo chẳng phải là một thứ đế quốc văn hóa sao? Nhân bản hiện sinh chủ trương rằng đời sống là phi lý. Từ con số không, con người đang đi tới con số không nữa. Chỉ cần lòng can đảm để tự tạo ý nghĩa cho đời mình, và tạo nên một thế giới tiện nghi hơn cho con cháu (xem số 10a). (*Trở lại đầu trang*)

4 Xem Rm 7,14tt. (*Trở lại đầu trang*)

5 Xem 2Cor 5,15. (*Trở lại đầu trang*)

6 Xem CvTđ 4,12. (*Trở lại đầu trang*)

7 Xem Dth 13,8. (*Trở lại đầu trang*)

8 Xem Col 1,15. (*Trở lại đầu trang*)

Phần Thứ Nhất

Giáo Hội Và Thiên Chức Con Người ^{12*}

11. Đáp ứng những thúc bách của Chúa Thánh Thần. Dân Thiên Chúa, nhờ đức tin mà tin rằng mình được Thánh Thần Thiên Chúa là Đấng bao phủ mặt đất hướng dẫn, cố gắng nhận định đâu là những dấu chỉ thực về sự hiện diện hoặc ý định của Thiên Chúa trong mọi biến cố, mọi yêu sách và ước vọng mà họ dự phần với những người đương thời. Thực vậy, đức tin lấy ánh sáng mới ^{13*} mà chiếu soi mọi sự và biểu lộ ý định của Thiên Chúa về thiên chức toàn vẹn của con người và do đó hướng dẫn lý trí tới những giải quyết hoàn toàn nhân bản.

Trước hết dưới ánh sáng này, Công Đồng muốn thẩm định những giá trị ngày này rất được đề cao và đưa chúng về tới nguồn phát sinh là Thiên Chúa. Thực vậy, những giá trị này, vì phát sinh do tài năng của con người được Thiên Chúa ban cho, nên rất tốt đẹp. Nhưng vì lòng người đã hư hỏng nên nhiều khi những giá trị ấy đã bị sai lệch ngoài trật tự phải có, bởi vậy chúng cần được thanh lọc ^{14*}.

Vậy Giáo Hội nghĩ gì về con người? Phải đưa ra những điểm nào để xây dựng xã hội ngày nay? Đâu là ý nghĩa cuối cùng của hoạt động con người trong vũ trụ? Người ta đang chờ một giải đáp cho những câu hỏi trên đây. Như thế sẽ tỏ rõ rằng dân Chúa và nhân loại, trong đó dân Chúa là một thành phần, phục vụ lẫn nhau đến nỗi sứ mệnh của Giáo Hội biểu lộ được tính cách tôn giáo và chính vì thế biểu lộ được cả tính cách hoàn toàn nhân loại.

Chương I

12. Con người theo hình ảnh Thiên Chúa. Những kẻ tin cũng như những kẻ không tin dường như đồng quan điểm là mọi vật trên địa cầu phải được hướng về con người như là trung tâm và tột điểm của chúng.

Vậy con người là gì? Con người đã và còn đang đưa ra nhiều quan niệm về chính mình, những quan niệm khác nhau và đôi khi trái ngược nhau. Theo những quan niệm đó, thường con người tán dương mình như một mẫu mực tuyệt đối hay lại chê bai đến độ tuyệt vọng, từ đó con người hoài nghi và lo lắng. Thông cảm sâu xa được những khó khăn này, Giáo Hội, vì được Thiên Chúa là Đấng mạc khải dạy dỗ, có thể đem lại câu giải đáp cho những khó khăn ấy, nhờ đó diễn tả được thân phận đích thực của con người, giải bày những yếu hèn, đồng thời có thể nhìn nhận xác đáng phẩm giá và thiên chức của con người.

Thực vậy, Thánh Kinh dạy rằng con người đã được tạo dựng "theo hình ảnh của Thiên Chúa" có khả năng nhận biết và yêu mến Đấng Tạo Dựng mình, được Ngài đặt làm chủ mọi tạo vật trên trái đất ¹ để cai trị và xử dụng chúng mà ngợi khen Thiên Chúa ². Vì "thế nhân là chi để Ngài nhớ đến? hay con người là gì để Ngài phải bận tâm? So với thiên thần Ngài có để cho thua mấy tí. Vinh dự huy hoàng là triều thiên Ngài ban tặng. Ngài cho thống trị các kiệt tác tay Ngài làm, muôn sự Ngài đã đặt dưới chân" (Tv 8,5-7).

Nhưng Thiên Chúa đã không dựng nên con người cô độc: bởi vì từ khởi thủy "Ngài đã tạo dựng có nam và có nữ" (Stk 1,2-7). Sự liên kết giữa họ đã tạo nên một thứ cộng đoàn đầu tiên giữa người với người. Thực vậy, tự bản tính thâm sâu của mình, con người là một hữu thể có xã hội tính và nếu không liên lạc với những người khác con người sẽ không sống và phát triển tài năng mình.

Vì thế như ta lại đọc thấy ngay trang đầu của Thánh Kinh: "Thiên Chúa đã thấy tất cả những gì Ngài đã làm đều rất tốt đẹp" (Stk 1,31).

13. Tội lỗi. Được Thiên Chúa thiết lập trong sự công chính, tuy nhiên ngay từ đầu lịch sử, con người nghe theo Thần Dữ nên đã lạm dụng tự do của mình khi nổi dậy chống lại Thiên Chúa và muôn đấng tể trị cứu cánh của mình ngoài Thiên Chúa. Dù họ đã nhận biết Thiên Chúa nhưng họ đã chẳng tôn vinh Ngài như Thiên Chúa, trái lại tâm hồn mê muội của họ đã ra tối tăm và họ đã phụng sự tạo vật hơn là phụng sự Đấng Tạo Hóa ³. Điều Thiên Chúa mạc khải cho ta biết cũng phù hợp với kinh nghiệm của ta. Bởi vì nếu nhìn sâu tận đáy lòng mình, con người cũng khám phá ra rằng mình đã hướng về sự dữ và đã ngụp lặn trong muôn vàn sự dữ là những điều không thể xuất phát từ Đấng Tạo Hóa tốt lành của mình. Nhiều khi từ chối không nhìn nhận Thiên Chúa như nguyên ủy của mình, con người cũng phá đổ trật tự phải có để đạt tới cùng đích của mình và đồng thời phá vỡ mọi hòa hợp nơi chính bản thân cũng như đối với những người khác và với mọi loài thụ tạo.

Vậy trong chính con người đã có sự chia rẽ ^{16*}. Vì thế tất cả cuộc sống của con người, hoặc riêng rẽ, hoặc tập thể, đều biểu hiện như một cuộc chiến, dĩ nhiên là bi thảm, giữa tốt và xấu, giữa ánh sáng và tối tăm. Hơn nữa, con người thấy mình không đủ sức khi phải tự mình chiến thắng hữu hiệu những tấn công của sự dữ đến nỗi mỗi người cảm thấy dường như bị xiềng xích trói buộc. Nhưng chính Chúa đã đến để giải phóng con người và làm cho con người trở nên mạnh mẽ khi Ngài đổi mới tự nội tâm họ và loại ra ngoài thủ lãnh của thế gian này (xem Gio

12,31) là kẻ đã kìm giữ họ trong vòng nô lệ tội lỗi⁴. Tội lỗi làm suy giảm chính con người và ngăn cản không cho con người đạt tới sự viên mãn^{17*}.

Dưới ánh sáng mạc khải này, thiên chức cao cả và nổi thống khổ sâu xa mà con người nghiệm thấy đều tìm được ý nghĩa cuối cùng của chúng.

14. Sự cấu tạo của con người. Con người duy nhất với xác hồn. Xét về thể xác, con người là một tổng hợp những yếu tố thuộc thế giới vật chất. Vì thế nhờ con người mà những yếu tố ấy đạt tới tuyệt đỉnh của chúng và tự do dâng lời ca tụng Đấng Tạo Hóa⁵. Vậy con người không được khinh miệt đời sống thể xác. Nhưng trái lại con người phải coi thân xác mình là tốt đẹp và đáng tôn trọng vì thân xác ấy do Chúa tạo dựng và phải được sống lại ngày sau hết. Tuy nhiên, mang thương tích do tội lỗi gây nên, con người cảm nghiệm nơi chính mình những nổi loạn của thân xác. Vậy chính phẩm giá con người đòi hỏi con người ca tụng Thiên Chúa nơi thân xác của mình⁶ chứ đừng để thân xác ấy nô lệ cho những xu hướng xấu xa của lòng mình^{18*}.

Thực vậy, con người không lầm lẫn khi họ nhận biết mình cao cả hơn vũ trụ vật chất và không coi mình chỉ như một mảnh vụn của thiên nhiên hay như một phần tử vô danh trong xã hội loài người. Bởi vì nhờ có nội giới^{19*}, con người vượt trên mọi vật. Khi con người quay về với lòng mình tức là họ trở về với nội giới thâm sâu này, ở đó Thiên Chúa, Đấng thấu suốt tâm hồn, đang chờ đợi họ⁷, và cũng nơi đó chính con người tự định đoạt về vận mệnh riêng của mình dưới con mắt của Thiên Chúa. Như vậy, khi nhìn nhận mình có một linh hồn thiêng liêng, bất tử, con người không phải là bị mê hoặc bởi một thứ ảo tưởng phát sinh do những điều kiện vật lý và xã hội. Trái lại, nhìn nhận như thế là con người đã đạt tới chính chân lý sâu xa.

15. Phẩm giá của trí tuệ, chân lý và sự hiểu biết. Dự phần vào ánh sáng của trí tuệ Thiên Chúa, con người có lý để nhận định rằng nhờ trí tuệ họ vượt trên mọi tạo vật. Qua các thời đại, nhờ chuyên cần trau dồi tài năng của mình, chính con người đã thực sự tiến bộ trong những khoa học thực nghiệm, những khoa kỹ thuật và nghệ thuật. Trong thời đại chúng ta, con người đã đạt được những thành công phi thường, nhất là trong việc khám phá và chế ngự thế giới vật chất. Tuy nhiên con người đã luôn luôn tìm kiếm và đã khám phá ra chân lý sâu xa hơn. Thực vậy, trí khôn con người không hẳn chỉ giới hạn trong những hiện tượng mà thôi, nhưng còn có thể thấu triệt thực tại siêu hình một cách thực sự chắc chắn, cho dù trí tuệ phần nào đã bị mờ tối và suy nhược do hậu quả của tội lỗi.

Cuối cùng bản chất tri thức của nhân vị được kiện toàn và phải được kiện toàn nhờ sự "hiểu biết"^{20*}. Chính sự hiểu biết lôi kéo một cách dịu dàng tâm trí con người tìm kiếm và ái mộ những gì là chân, là thiện. Rồi nhờ thâm nhuần sự hiểu biết mà con người được đưa từ thế giới hữu hình tới thế giới vô hình.

Hơn hẳn những thế kỷ trước, thời đại chúng ta càng cần đến sự hiểu biết để tất cả những khám phá mới của con người mang tính chất nhân bản hơn. Bởi vì vận mệnh tương lai của thế giới sẽ lâm nguy, nếu thế giới không phát sinh ra những bậc thông thái lỗi lạc. Hơn nữa, phải lưu ý rằng, nhiều quốc gia tuy nghèo nàn về kinh tế, nhưng lại giàu có về phần hiểu biết, nên vẫn có thể trợ giúp những quốc gia khác rất đắc lực.

Nhờ hồng ân của Chúa Thánh Thần, con người, qua đức tin, tiến tới sự chiêm ngưỡng và nếm hưởng màu nhiệm Thánh ý Thiên Chúa⁸.

16. Phẩm giá của lương tâm^{21*}. Con người khám phá ra tận đáy lương tâm một lẽ luật mà chính con người không đặt ra cho mình, nhưng vẫn phải tuân theo, và tiếng nói của lương tâm luôn luôn kêu gọi con người phải yêu mến và thi hành điều thiện cũng như tránh điều ác. Tiếng

nói ấy âm vang đúng lúc trong tâm hồn của chính con người: hãy làm điều này, hãy tránh điều kia. Quả thật con người có lẽ luật được Chúa khắc ghi trong tâm hồn. Tuân theo lẽ luật ấy chính là phẩm giá của con người và chính con người cũng sẽ bị xét xử theo lẽ luật ấy nữa ⁹. Lương tâm là tâm điểm sâu kín nhất và là cung thánh của con người, nơi đây con người chỉ hiện diện một mình với Thiên Chúa và tiếng nói của Ngài vang dội trong thâm tâm họ ¹⁰. Nhờ lương tâm, lẽ luật được thực hiện trong sự yêu mến Thiên Chúa và anh em, và được biểu lộ cách kỳ diệu ¹¹. Trung thành với lương tâm, người Kitô giáo liên kết với những người khác để tìm kiếm chân lý và giải quyết trong chân lý biết bao vấn đề luân lý được đặt ra trong đời sống cá nhân cũng như trong giao tiếp xã hội. Bởi vậy lương tâm ngay thẳng càng thẳng thắn thì những cá nhân và cộng đoàn càng tránh được độc đoán mù quáng và càng nỗ lực tuân phục những tiêu chuẩn khách quan của luân lý. Tuy nhiên, lương tâm nhiều khi lầm lạc vì vô tri bất khả thắng, nhưng cũng không vì thế mà mất hết phẩm giá. Nhưng không thể nói như vậy khi con người ít lo lắng tìm kiếm điều chân và điều thiện cũng như khi vì thói quen phạm tội mà lương tâm dần dần trở nên mù quáng.

17. Sự cao cả của tự do ^{22*}. Nhưng con người chỉ có thể quay về với sự thiện một cách tự do. Sự tự do ấy những người đương thời với chúng ta rất ngưỡng mộ và hằng say theo đuổi, và họ thực có lý. Tuy nhiên, lắm lúc họ cố võ tự do một cách lệch lạc như có thể làm bất cứ điều gì mình thích, cả điều xấu. Nhưng tự do đích thực là dấu chỉ cao cả nhất của hình ảnh Thiên Chúa trong con người. Bởi vì Thiên Chúa đã muốn để con người tự định liệu ¹², hầu con người tự mình đi tìm Đấng Tạo Dựng và nhờ kết hợp với Ngài con người tiến tới sự hoàn thiện trọn vẹn và hạnh phúc. Vậy phẩm giá của con người đòi họ phải hành động theo sự chọn lựa ý thức và tự do, nghĩa là chính con người được thúc đẩy và hướng dẫn tự bên trong, chứ không do bản năng mù quáng hay cưỡng chế hoàn toàn bên ngoài. Con người sẽ đạt tới phẩm giá ấy một khi nhờ tự giải thoát khỏi mọi kiềm tỏa của đam mê, con người theo đuổi cùng đích của mình trong sự tự do chọn lấy điều thiện và khôn khéo cũng như thực sự tạo cho mình những phương tiện thích ứng. Tự do của con người vì bị tội lỗi làm tổn thương nên chỉ nhờ ơn Chúa trợ lực mới có thể thực hiện việc hướng về Thiên Chúa cách hoàn toàn sống động. Vậy trước tòa án Thiên Chúa, mỗi người sẽ phải trả lễ về đời sống của mình tùy theo chính họ đã làm điều thiện hay điều ác ¹³.

18. Mâu nhiệm sự chết. Trước cái chết, bí ẩn về thân phận con người lên cao tới tột độ. Con người không những bị hành hạ bởi đau khổ và sự tiến dần đến tan rã của thân xác, mà hơn thế nữa, còn bị dày vò bởi nỗi lo sợ bị tiêu diệt đời đời. Theo bản năng của lòng mình, con người có lý để ghê sợ cũng như từ chối sự hủy hoại hoàn toàn và sự tiêu diệt vĩnh viễn của bản thân. Mâu sống vĩnh cửu mà con người mang trong mình không thể giản lược vào nguyên vật chất, nên nó nổi lên chống lại sự chết. Mọi cố gắng của kỹ thuật, dù rất hữu ích, cũng không thể làm người được nỗi lo âu của con người: bởi vì đời sống sinh vật, dù có được kéo dài thêm đi nữa, cũng không thể thỏa mãn được khát vọng một cuộc sống mai hậu đã được in sâu trong lòng con người.

Trước cái chết, óc tưởng tượng của con người đành bất lực. Nhưng Giáo Hội, được Mạc Khải của Thiên Chúa dạy bảo, quả quyết rằng con người được Chúa dựng nên để đạt tới cứu cánh hạnh phúc sau những khổ cực trần thế này. Hơn nữa, đức tin Kitô giáo còn dạy rằng giả như con người không phạm tội, thì đã không phải chết ¹⁴; sự chết này sẽ bị đánh bại khi Đấng Cứu Thế toàn năng và nhân ái mang lại cho con người sự cứu rỗi mà vì tội lỗi, họ đã đánh mất. Bởi vì Thiên Chúa đã và đang kêu gọi con người đem toàn thân kết hợp với Ngài trong sự thông hiệp

vĩnh viễn vào sự sống bất diệt của Thiên Chúa. Chúa Kitô đã đem lại chiến thắng ấy khi Người sống lại và nhờ cái chết của Người, Người đã giải phóng con người khỏi sự chết¹⁵. Vậy đức tin với những lý chứng vững chắc đem lại giải đáp cho bất cứ ai khắc khoải ưu tư về số phận tương lai của mình. Đồng thời đức tin còn cho con người khả năng hiệp thông với những anh em thân yêu đã chết trong Chúa Kitô, và làm cho họ hy vọng rằng những người ấy đã được sống thực sự nơi Thiên Chúa.

19. Những hình thức và nguyên nhân vô thần^{23*}. Ý nghĩa cao cả nhất của phẩm giá con người là con người được kêu gọi tới kết hiệp với Thiên Chúa. Ngay từ lúc mới sinh ra, con người đã được mời gọi đối thoại với Thiên Chúa: thực thể, con người hiện hữu chỉ là do Thiên Chúa đã vì yêu thương nên tạo dựng nên con người, và cũng vì yêu thương mà luôn luôn bảo tồn con người; hơn nữa con người chỉ sống hoàn toàn theo chân lý một khi tự ý nhìn nhận tình yêu ấy và phó thác cho Đấng tạo dựng mình. Tuy nhiên có nhiều người đương thời với chúng ta không nhận ra hoặc công khai gạt bỏ sự liên kết mật thiết và sống động giữa con người với Thiên Chúa. Vì thế thuyết vô thần phải được kể là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong thời đại này và cần phải được nghiên cứu kỹ càng hơn.

Danh từ vô thần chỉ những hiện tượng rất khác nhau. Thực vậy, có người phủ nhận Thiên Chúa cách tỏ tường, có người lại nghĩ rằng con người hoàn toàn không thể quả quyết gì về Thiên Chúa cả. Có người muốn cứu xét vấn đề về Thiên Chúa theo một phương pháp làm cho vấn đề đó xem ra thiếu hẳn ý nghĩa. Vượt quá phạm vi khoa học thực nghiệm một cách vô lý, nhiều người hoặc chủ trương giải thích mọi sự chỉ bằng khoa học này, hoặc trái lại, hoàn toàn không chấp nhận một chân lý nào là tuyệt đối. Có người lại quá đề cao con người đến nỗi sự tin tưởng vào Thiên Chúa trở nên vô nghĩa; những người này xem ra muốn đề cao con người hơn là muốn chối bỏ Thiên Chúa. Có người hình dung ra cho mình một Thiên Chúa theo kiểu họ tưởng đến nỗi biểu tượng mà họ bài xích không còn điểm nào là Thiên Chúa của Phúc Âm cả. Cả vấn đề về Thiên Chúa cũng không hề được đặt ra bởi vì xem ra họ không cảm thấy áy náy gì về tôn giáo cũng như không thấy tại sao lại phải bận tâm về vấn đề đó. Ngoài ra, chủ nghĩa vô thần nhiều lúc phát sinh hoặc do sự phản kháng mãnh liệt chống lại sự dữ trong thế gian hoặc do nhận định sai lầm cho một số giá trị của con người là tuyệt đối đến nỗi lấy chúng thay thế cho chính Thiên Chúa. Ngay cả nền văn minh hiện đại nhiều lúc có thể làm cho khó đến với Thiên Chúa hơn, không phải tự nó, nhưng vì nó quá bám víu vào những thực tại trần gian.

Quả thực, những người không nghe theo tiếng nói của lương tâm, cố tình loại trừ Thiên Chúa ra khỏi lòng mình và tránh né những vấn đề tôn giáo, chắc chắn họ mắc lỗi. Song chính những tín hữu nhiều lúc cũng có một phần trách nhiệm về vấn đề này. Bởi vì chủ nghĩa vô thần nói chung không phải do một nguyên nhân duy nhất, nhưng trái lại nó phát sinh do nhiều nguyên nhân. Trong những nguyên nhân ấy còn phải kể tới phản ứng chỉ trích chống lại các tôn giáo, hơn nữa ở một vài nơi, còn chống lại cả Kitô giáo. Tín hữu có thể chịu phần trách nhiệm không phải là nhỏ trong việc khai sinh vô thần, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội. Phải nói rằng họ che giấu hơn là bày tỏ bộ mặt đích thực của Thiên Chúa và tôn giáo.

20. Vô thần có hệ thống. Vô thần hiện nay nhiều khi cũng được trình bày như một hệ thống; không kể tới những nguyên nhân khác, hệ thống này quá nhấn mạnh đến khát vọng được tự lập của con người đến độ làm cho nó khó chấp nhận bất cứ sự lệ thuộc nào vào Thiên Chúa. Những người chủ trương thuyết vô thần như vậy cho rằng tự do hệ tại ở con người là chính cùng đích

cho mình, là người tạo nên và điều khiển ^{24*} lịch sử riêng của mình. Họ tưởng rằng quan niệm trên không thể đi đôi với sự nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng tác thành và là cùng đích của mọi sự, hay ít ra quan niệm như thế thì quả quyết có Thiên Chúa cũng bằng thừa. Chủ thuyết này có thể được cổ võ thêm vì sự tiến triển về kỹ thuật hiện nay đem lại cho con người cảm tưởng mình đầy thế lực.

Trong số những hình thức vô thần hiện nay, không thể bỏ qua một hình thức vô thần mong giải phóng con người, nhất là giải phóng con người về phương diện kinh tế và xã hội. Hình thức vô thần này cho rằng tự bản chất, tôn giáo vẫn ngăn cản sự giải phóng trên, vì khi gây cho con người niềm hy vọng vào cuộc sống mai hậu và hảo huyền, tôn giáo đã làm cho họ xao lãng việc xây dựng xã hội dương thế này. Bởi vậy, những người chủ trương lý thuyết ấy, một khi lên nắm chính quyền, họ kịch liệt chống lại tôn giáo, dùng cả những biện pháp cưỡng bách của chính quyền để truyền bá thuyết vô thần nhất là trong phạm vi giáo dục thanh thiếu niên.

21. Thái độ của Giáo Hội đối với chủ nghĩa vô thần. Trung thành với Thiên Chúa cũng như với con người, Giáo Hội không thể không tiếp tục lên án với nỗi đau buồn và với tất cả sự cương quyết, như đã từng lên án ¹⁶, những chủ thuyết vô thần và những hành động nguy hại đi ngược lại lý trí và kinh nghiệm chung của con người cũng như làm cho con người mất đi sự cao cả bẩm sinh của mình.

Tuy nhiên Giáo Hội vẫn cố gắng tìm hiểu những nguyên nhân chối từ Thiên Chúa tiềm ẩn trong tâm trí những người vô thần và ý thức được tầm quan trọng của những vấn đề do vô thần khơi lên và vì yêu thương mọi người, nên Giáo Hội thấy cần phải cứu xét những nguyên nhân ấy kỹ lưỡng và sâu xa hơn.

Giáo Hội cho rằng nhìn nhận Thiên Chúa không có gì nghịch lại với phẩm giá con người, vì phẩm giá ấy đặt nền tảng và nên hoàn hảo trong chính Thiên Chúa: bởi vì con người có trí tuệ và tự do được Thiên Chúa, Đấng tạo dựng đặt để trong xã hội, nhưng nhất là vì con người được gọi đến thông hiệp với chính Thiên Chúa và tham dự vào hạnh phúc của Ngài như con cái. Ngoài ra, Giáo Hội còn dạy rằng hy vọng vào đời sống mai sau không làm giảm tầm quan trọng những bổn phận ở trần gian này mà trái lại còn thêm những động lực mới giúp hoàn tất những bổn phận ấy. Và lại, nếu thiếu căn bản là Thiên Chúa và thiếu niềm hy vọng vào đời sống trường cửu thì phẩm giá con người sẽ bị tổn thương cách trầm trọng như thường thấy ngày nay, và những bí ẩn về sự sống, sự chết, về tội lỗi và đau khổ vẫn không giải đáp được, như thế con người nhiều khi rơi vào tuyệt vọng.

Trong khi đó, mỗi người vẫn còn là một câu hỏi chưa giải đáp cho chính mình, một câu hỏi chỉ thấy lơ mờ. Bởi vì có những lúc, nhất là trong những biến cố lớn lao của cuộc sống, không ai có thể hoàn toàn tránh được câu hỏi nói trên. Chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng kêu gọi con người suy nghĩ sâu xa hơn và tìm hiểu khiêm tốn hơn mới đem lại được câu giải đáp hoàn toàn và hết sức chắc chắn.

Để đem lại phương thuốc chữa trị vô thần, người ta phải cậy nhờ vào giáo lý được trình bày một cách thích hợp và nhờ đó vào đời sống thanh khiết của Giáo Hội cũng như của các chi thể của Giáo Hội. Bởi vì nhiệm vụ của Giáo Hội là làm sao cho Thiên Chúa Cha và Chúa Con nhập thể trở nên hiện diện và như thế thấy được bằng cách chính Giáo Hội tự đổi mới và không ngừng tinh luyện chính mình ¹⁷ dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Điều đó trước hết nhờ chứng tá của một đức tin sống động và trưởng thành, nghĩa là một đức tin đã được huấn luyện để có thể sáng suốt nhận định và thắng vượt những khó khăn ấy. Rất nhiều vị tử đạo đã và

còn đang hùng hồn làm chứng cho đức tin ấy. Đức tin đó phải biểu lộ sự phong phú của mình bằng cách thâm nhập vào toàn thể đời sống của các tín hữu, kể cả đời sống thể tục, và thúc đẩy họ sống công bằng, bác ái nhất là đối với người nghèo khổ. Sau hết, điều có thể làm chứng về sự hiện diện của Thiên Chúa hơn cả là đức ái huynh đệ của các tín hữu như họ đồng tâm nhất trí cộng tác cho đức tin Phúc Âm¹⁸ và tỏ ra họ là dấu chỉ hiệp nhất.

Thực vậy, Giáo Hội dù hoàn toàn bác bỏ thuyết vô thần, nhưng vẫn thành thực tuyên bố rằng mọi người, dù tin hay không tin, cũng đều phải trợ lực cho việc xây dựng thế giới này được hợp lý, là nơi họ đang chung sống: điều ấy chắc chắn không thể có được nếu thiếu cuộc đối thoại thành thực và khôn ngoan. Bởi vậy Giáo Hội phàn nàn về sự kỳ thị giữa những người tin và không tin do một số nhà lãnh đạo quốc gia gây ra một cách bất công khi không nhìn nhận những quyền lợi căn bản của con người. Riêng đối với các tín hữu, Giáo Hội đòi cho họ phải được tự do đích thực để họ có thể xây dựng đền thờ Thiên Chúa ngay tại trần gian này. Đối với những người vô thần, Giáo Hội nhân ái mời gọi họ hãy nghiên cứu Phúc Âm Chúa Kitô với một tâm hồn cởi mở.

Bởi vậy, Giáo Hội đã biết rõ sứ điệp của mình phù hợp với những khát vọng thầm kín nhất của lòng người, khi Giáo Hội bênh vực thiên chức con người và do đó đem lại niềm hy vọng cho những ai đã thất vọng về vận mạng cao cả của mình. Sứ điệp của Giáo Hội chẳng những không làm suy giảm con người mà trái lại còn đổ tràn ánh sáng, sự sống và tự do để giúp con người tiến bộ. Ngoài sứ điệp đó không còn gì khác có thể thỏa mãn được lòng người. "Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên chúng con để chúng con đến với Chúa, và tâm hồn chúng con còn thao thức cho tới khi được an nghỉ trong Chúa"¹⁹.

22. Chúa Kitô, Con Người Mới. Thực vậy, mầu nhiệm về con người chỉ thực sự được sáng tỏ trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể. Bởi vì Adam con người đầu tiên đã là hình bóng của Adam sẽ đến²⁰, là Chúa Kitô. Chúa Kitô, Adam mới, trong khi mạc khải về Chúa Cha và tình yêu của Ngài, đã cho con người biết rõ về chính con người và tỏ cho họ biết thiên chức rất cao cả của họ. Bởi vậy không lạ gì khi những chân lý đã nói ở trên đều tìm thấy nguồn gốc của chúng và đạt tới tột điểm nơi Người.

Là "hình ảnh của Thiên Chúa vô hình" (Col 1,15)²¹, chính Người là con người hoàn hảo đã trả lại cho con cháu của Adam hình ảnh Thiên Chúa đã bị tội nguyên tổ làm sai lệch. Bởi vì nơi Người bản tính nhân loại đã được mặc lấy chứ không bị tiêu diệt²², do đó chính nơi chúng ta nữa bản tính ấy cũng được nâng lên tới một phẩm giá siêu việt. Bởi vì, chính Con Thiên Chúa khi nhập thể, một cách nào đó đã kết hợp với tất cả mọi người. Người đã làm việc với bàn tay con người, đã suy nghĩ bằng trí óc con người, đã hành động với ý chí con người²³, đã yêu mến bằng quả tim con người. Sinh bởi trinh nữ Maria, Người đã thực sự trở nên một người giữa chúng ta, giống chúng ta mọi sự, ngoại trừ tội lỗi²⁴.

Là Chiên vô tội Người tự ý đổ máu ra để cho chúng ta được sống, và chính trong Người Thiên Chúa đã hòa giải chúng ta với Thiên Chúa và hòa giải giữa chúng ta với nhau²⁵ cũng như đem chúng ta ra khỏi ách nô lệ của ma quỷ và tội lỗi, do đó mỗi người chúng ta đều có thể nói như Thánh Tông Đồ rằng: Con Thiên Chúa "đã yêu thương tôi, lại hiến thân cho tôi nữa" (Gal 2,20). Chịu đau khổ cho chúng ta, không những Người nêu gương để chúng ta theo vết chân Người²⁶, nhưng Người còn mở ra con đường mới để nếu chúng ta theo Người thì sự sống và cái chết sẽ được thánh hóa và có một ý nghĩa mới.

Con người Kitô hữu khi trở nên giống hình ảnh Chúa Con là Trưởng Tử trong đoàn anh em đồng đức ²⁷, họ nhận được "những hoa trái đầu mùa của Thánh Thần" (Rm 8,23), nhờ đó họ có thể chu toàn lề luật yêu thương mới ²⁸. Nhờ Thánh Thần làm "bảo chứng cho quyền thừa tự" (Eph 1,14), toàn thể con người được canh tân từ nội tâm cho tới khi "thân xác được cứu rỗi" (Rm 8,23): "Nếu Thánh Thần Chúa là Đấng đã khiến Chúa Giê-su từ kẻ chết sống lại cư ngụ trong anh em, chính Đấng đã khiến Chúa Giê-su Kitô từ kẻ chết sống lại đó cũng sẽ làm sống động thân thể hay hư nát của anh em nhờ Thánh Thần Ngài ở cùng anh em", (Rm8,11) ²⁹. Người Kitô hữu chắc chắn cần thiết và có bổn phận chiến đấu chống sự dữ khi phải trải qua nhiều gian nan cũng như phải chết nữa. Nhưng vì được dự phần vào mầu nhiệm phục sinh, ^{25*} được đồng hóa với cái chết của Chúa Kitô, được mạnh mẽ nhờ đức cậy, họ sẽ được sống lại ³⁰.

Điều nói trên không phải chỉ có giá trị cho các tín hữu nhưng cho tất cả những ai có thiện chí được ơn thánh hoạt động một cách vô hình trong tâm hồn ³¹. Thực vậy, vì Chúa Kitô đã chết cho mọi người ³² và vì ơn gọi cuối cùng của con người thực ra là duy nhất, nghĩa là do Thiên Chúa, cho nên ta phải tin chắc rằng Chúa Thánh Thần ban cho mọi người khả năng tham dự vào mầu nhiệm Phục Sinh ấy, cách nào đó chỉ có Chúa biết thôi.

Đó là tính chất và sự cao cả của mầu nhiệm con người, mầu nhiệm được Mạc Khải Kitô giáo soi sáng cho các tín hữu. Vậy nhờ Chúa Kitô và trong Chúa Kitô bí ẩn về đau khổ và sự chết được sáng tỏ, bí ẩn đó đè bẹp chúng ta nếu chúng ta không biết đến Phúc Âm. Chúa Kitô đã sống lại nhờ sự chết của mình. Người đã hủy diệt sự chết và Người đã ban cho ta dồi dào sự sống ³³ để là con cái trong Chúa Con chúng ta kêu lên trong Thánh Thần: Abba, lạy Cha! ³⁴.

Chú Thích:

12* Trong phần thứ nhất này Công Đồng tìm hiểu về con người dưới ánh sáng đức tin để rồi trong phần thứ hai có thể đề cập tới một số vấn đề cụ thể. Chương I nói về con người trong thế giới: phẩm giá của con người. Chương II: về con người theo tính cách xã hội. Chương III: về ý nghĩa và giá trị sinh hoạt của con người. Chương IV: con người và Giáo Hội. (Trở lại đầu trang)

13* Sống theo đức tin không phải là quay lưng tránh né trước các vấn đề nhân loại. Trái lại, chỉ nhờ đức tin chúng ta mới có được quan điểm toàn diện về con người (không biết ơn kêu gọi siêu nhiên của con người làm sao có thể biết chính con người được!). Nên, chỉ nhờ đức tin chúng ta mới có thể tìm thấy những giải đáp thực sự có tính cách nhân loại bởi vì đức tin giúp ta coi trọng con người về mọi phương diện. Dĩ nhiên ở đây không nói tới một đức tin trong lý thuyết, chẳng ảnh hưởng gì đến các việc thường nhật. (Trở lại đầu trang)

14* Các giá trị nhân bản, các nhân bản chủ nghĩa (xem chú thích về số 7) đều mang ý nghĩa mơ hồ. Cả về khía cạnh tốt đẹp nhất của chúng, chúng vẫn chưa hoàn toàn và không đủ để "cứu rỗi" con người - theo như ý muốn của Thiên Chúa! (Trở lại đầu trang)

15* Phẩm giá con người rất cao cả vì con người là hình ảnh của Thiên Chúa (số 12) - dẫu bị tội lỗi làm mất vẻ trong sáng (số 13) -, vì giá trị bản tính thể xác lẫn linh hồn của mình (số 14), đặc biệt của lý trí (số 15), của lương tâm luân lý (số 16) của quyền tự do (số 17) và của tính bất diệt (số 18). Phẩm giá đó bị hiện tượng vô thần làm thiệt hại không ít: Công Đồng mô tả hiện tượng và nguyên nhân của nó rồi nêu rõ thái độ của Giáo Hội (số 19-21). Phẩm giá của con người được biểu lộ một cách hoàn toàn nơi Chúa Kitô (số 22). (Trở lại đầu trang)

1 Xem Stk 1,26; Kn 2,23. (Trở lại đầu trang)

2 Xem Hđ 17,3-10. (Trở lại đầu trang)

3 Xem Rm 1,21-25. (Trở lại đầu trang)

16* Đây là một trong những kinh nghiệm đau đớn nhất của con người. Con người không phải chỉ là khán giả cũng không phải chỉ có vai trò tác động trong cuộc tranh đấu giữa sự thiện và sự ác. Cuộc tranh đấu ấy ngay ở giữa tâm hồn con người. Những sự dữ vật chất (vô tri, yếu đuối, bệnh tật...) đều đặt giới hạn bi thảm cho lòng khát khao sự hoàn hảo và toàn vẹn. Nhất là tội ác lỗi cuốn con người từ bên trong đi ngược với nguyện vọng sâu xa về sự thiện (xem trên, số 10). (Trở lại đầu trang)

4 Xem Gio 8,34. (Trở lại đầu trang)

17* Tội lỗi không chỉ có nghĩa là từ chối làm con Thiên Chúa và do đó ngăn cản không cho con người phát triển trọn vẹn, nó còn làm tổn thương chính bản tính tự nhiên của con người: trái ngược với lý trí, đe dọa ý chí, làm cho sự tự do bị sai lạc... hình ảnh của Thiên Chúa là con người tất nhiên bị hư hỏng rất nhiều. (Trở lại đầu trang)

5 Xem Đn 3,57-90. (Trở lại đầu trang)

6 Xem 1Cor 6,13-20. (Trở lại đầu trang)

18* Ở đây Công Đồng nhắc lại một số nhận xét về thân xác theo thần học công giáo:

1) Thân xác là phần bản thể của thực tại duy nhất là con người. Con người không gồm có hai phần: xác và hồn, nhưng con người là xác và hồn. Ta còn có thể nói con người là thân xác này: bởi vì nếu chưa có hồn thì cũng chưa phải là thân xác này, mà chỉ là một đồng vật chất chưa thành thể.

2) Thân thể vật chất kết tụ các yếu tố tốt của giới vô cơ, của giới thực vật và động vật. Nơi con người, tất cả các nguyên tố đó được thêm ý thức và khả năng để ngợi khen Đấng Tạo Hóa.

3) Được Thiên Chúa tạo nên, không chỉ vì Chúa đã tạo nên vật chất sơ khai mà còn do việc cộng tác cần thiết và hệ trọng nhất của Thiên Chúa với đôi cha mẹ (x. 2Mac 7,22-23).

4) Thân thể hay chết cuối cùng sẽ sống lại. Sống lại về vang theo ý muốn của Chúa, giống như thân thể của Chúa Kitô Anh Cả của loài người (đặc biệt của tín hữu) (x. 1Cor 15,20-22.42-49).

5) Do đó ta phải kính trọng thân thể.

6) Đàng khác tội lỗi - không chỉ nguyên tội mà còn các tội lỗi khác, nhất là tội lỗi của riêng từng người - đã làm tổn thương nó. Các dục vọng (sự sợ hãi, sự nổi giận, tính lười biếng, sự dâm dục, v.v...) dễ dàng thúc đẩy ngũ quan và tâm hồn tìm kiếm những đối tượng bất chấp tính cách luân lý, hơn nữa trái ngược với lý trí. Như thế con người cảm thấy thân xác đè nặng mình, giới hạn mình và trở nên chướng ngại vật giữa chính mình và tha nhân... (x. Rm 7,24).

7) Việc làm sáng danh Thiên Chúa nơi thân thể (x. 1Cor 6,20) đòi hỏi ta phải gắng sức tranh đấu với những xu hướng xấu nơi thân xác. Phẩm giá của con người cũng đòi hỏi như vậy. "Nhờ thân xác, con người liên lạc với vũ trụ để cải thiện nó; với tha nhân, để cảm thông (nơi hôn nhân, thân xác đạt tới tột đỉnh của nó như khí cụ để biểu lộ và phục vụ tình yêu); với Thiên Chúa, để trung thành phục vụ Chúa hết lòng..." (Vatican II, Gaudium et Spes, x.b. l'Action populaire, ghi chú 28). (Trở lại đầu trang)

19* Câu này muốn nói rằng con người cao vượt hơn và có giá trị hơn cả vũ trụ vì con người có lý trí. Nhờ lý trí con người có thể suy luận, như quay về nội tại của mình để tìm trong đó ý nghĩa của mọi sự và tìm cách chỉ huy không những chính đời mình mà còn các thực tại khác nữa. (*Trở lại đầu trang*)

7 Xem 1V 16, 7; Gier 17,10. (*Trở lại đầu trang*)

20* Sapientia bởi Sapere tức là nếm mùi có nghĩa rộng hơn và sâu xa hơn danh từ hiểu biết. Đó là một thứ hiểu biết của người sáng suốt, của người không phải chỉ hiểu biết chân lý mà còn thưởng thức ý nghĩa thâm sâu của chân lý, dù chân lý đó là những nhận xét về thiên nhiên, về bản tính con người hay về thế giới vô hình. Người học thức chưa chắc đã có thứ hiểu biết này, trái lại kẻ vô học, mù chữ, rất có thể lại được thứ hiểu biết đó. Đầu óc khoa học và kỹ thuật của thời đại ít giúp ta chiếm được thứ hiểu biết ấy. (*Trở lại đầu trang*)

8 Xem Hđ 17,7-8. (*Trở lại đầu trang*)

21* Công Đồng đã xác nhận chiều hướng hiện nay đang đề cao giá trị và vai trò của lương tâm. Không lập nên một thuyết nào, nhưng Công Đồng nhắc lại những điểm chính trong thần học Công Giáo. Số này diễn tả lương tâm luân lý theo phương pháp hiện tượng thuyết: 1) lương tâm như tiếng nói trong nội tâm từng người, 2) chỉ dẫn về điều lành điều dữ, 3) và đòi hỏi phải tránh điều ác, làm điều thiện, 4) đòi hỏi như ra lệnh, 5) giống như một lề luật đã được khắc ghi vào thâm tâm, 6) không phải do chính mình lập ra.

Hiện tượng đó đầy ý nghĩa. Theo Công Đồng: 7) Phàm giá con người hệ tại việc vâng theo tiếng nói đó, 8) bởi vì đó là lề luật cuối cùng đối với từng người: theo đó con người sẽ bị xét xử, 9) do đáy lương tâm cũng là nơi sâu kín nhất trong đó con người gặp Chúa một mình, 10) và ở đó con người tìm thấy luật sinh hoạt là luật được thực hiện trong giới răn mến Chúa yêu người, 11) vì mọi người đều có lương tâm nên tín hữu và mọi người khác có thể gặp nhau và hiểu nhau trong khi tìm chân lý.

Công Đồng nói, 12) về lương tâm ngay thẳng (của người cố gắng trung thành với tiếng nói đó) giúp ta hoạt động theo qui tắc khách quan chứ không tự ý mù quáng. 13) Sự sai lầm không làm cho lương tâm ấy hết giá trị: thực sự vì ngay thẳng nghĩ rằng hoạt động như thế hợp với ý Chúa, được Chúa bằng lòng. 14) Chỉ khi nào cố ý từ bỏ chân lý và ý muốn của Chúa, hay là khi lương tâm trở nên lu mờ vì tội lỗi, lúc ấy giá trị của nó mới bị tổn thương. (*Trở lại đầu trang*)

9 Xem Rm 2,14-16. (*Trở lại đầu trang*)

10 Xem Piô XII, Thông điệp truyền thanh de conscientia christiana in juvenibus recte efformando, 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 271. (*Trở lại đầu trang*)

11 Xem Mt 22,37-40; Gal 5,14. (*Trở lại đầu trang*)

22* Quyền tự do là một thứ quyền đáng sợ, nhưng đồng thời là nguyên nhân khiến con người nên cao quý thật sự. Do đó con người có thể lấy tình yêu đáp ứng lại tình yêu Thiên Chúa, nhưng cũng có thể phản nghịch. Con người cao cả không phải vì có thể theo sở thích, vì có thể phản nghịch hay vì có thể chiều theo những xu hướng mù quáng của dục vọng trái với lý trí và đức tin, nhưng chính là vì có thể tự ý đón nhận ý muốn của Thiên Chúa. Được tạo nên giống như hình ảnh của Thiên Chúa, con người thật cao trọng khi tự ý cố gắng tới gần và giống như Thiên Chúa hơn.

Điều đó không phải là dễ dàng. Quyền tự do bị ảnh hưởng bởi nhiều sức lực thúc đẩy, không những sức lực bên ngoài (như giáo dục - hay là việc thiếu giáo dục - khung cảnh sống, dư luận,

hoàn cảnh xã hội v.v...) mà còn cả sức lực bên trong (như tính tình, sức khỏe, dục vọng, mặc cảm và xu hướng tiềm thức).

Nếu con người không được đào tạo và giáo dục để biết sử dụng quyền tự do thì con người có thể sống lâu mà ít khi hoạt động tự do thật sự, nghĩa là ít khi đạt tới mức độ cao cả của mình theo như ý Chúa.

Về quan niệm của Công Đồng đối với quyền tự do xin xem bảng phân tích. (Trở lại đầu trang)

12 Xem Hđ 15,14. (Trở lại đầu trang)

13 Xem 2Cor 5,10. (Trở lại đầu trang)

14 Xem Kn 1,13; 2,23-24; Rm 5,21; 6,23; Giac 1,15. (Trở lại đầu trang)

15 Xem 1Cor 15,56-57. (Trở lại đầu trang)

23* Công Đồng nhắc lại rất vắn tắt nhiều khía cạnh của hiện tượng đi ngược lại với phẩm giá của con người hơn cả: đó là vô thần. Nhiều Nghị Phụ đã muốn lên án vô thần một lần nữa, nhất là vô thần cộng sản. Nhưng tinh thần mới (x. lời giới thiệu) đã thắng thế.

1) Hình thức (số 19b): Công Đồng nhắc lại nhiều hình thức khác nhau do một số lý do: a) vì triết thuyết (phủ nhận Thiên Chúa; quả quyết con người không thể biết gì về Chúa; đặt vấn đề về Thiên Chúa một cách lệch lạc vô nghĩa); b) vì đầu óc khoa học (muốn áp dụng khoa học vào phạm vi ở ngoài phạm vi của nó; do đó không nhận chân lý tuyệt đối); c) vì chủ nghĩa nhân bản (quá đề cao con người; Thiên Chúa không quan trọng; coi giá trị nhân bản như tuyệt đối; hai hình thức trong số 20 cũng có tính cách nhân bản: con người phải hoàn toàn tự trị không cần đến Chúa; hay là phải hoàn toàn tự lập về kinh tế xã hội không bị tôn giáo ràng buộc); d) vì quan niệm sai lầm về Chúa (từ chối một Thiên Chúa không phải là do Phúc Âm cho biết; tin nơi Thiên Chúa để làm gì?); e) vì vấn nạn về sự dữ; f) vì đầu óc phàm trần (do văn minh hiện đại dễ gây nên).

2) Nguyên nhân: Ngoài lý do vừa kể, vô thần có thể có: a) do tội của cá nhân; b) nhưng một phần cũng có thể vì các tín hữu chưa được đức tin đào tạo, vì nhiều khi trình bày đức tin cách khờ khạo, vì đời sống không hợp với đức tin, đặc biệt là sinh hoạt xã hội (số 19c).

3) Thực tại của Giáo Hội: Vô thần là trái với lý trí, với kinh nghiệm chung của nhân loại, với phẩm giá của con người, a) thì Giáo Hội không thể không lên án nó; b) nhưng đảng khác Giáo Hội muốn đối thoại với người vô thần, trình bày với họ rằng vô thần thiếu nền tảng vững chắc (phẩm giá con người đòi hỏi phải từng phục Thiên Chúa, và lòng tin nơi Thiên Chúa không ngăn cản con người lo cho công việc phải làm để xây dựng thế giới, các thắc mắc căn bản, trước hết về ý nghĩa chính con người, không giải thích được; c) Giáo Hội muốn các tín hữu dẫn thân vào công việc chung đó; d) mong đợi người vô thần sẽ tôn trọng quyền tự do của họ và hơn nữa sẽ thành thật tìm hiểu tinh thần Phúc Âm; e) còn tín hữu không những phải biết trình bày đức tin, mà nhất là phải sống với đức tin sống động và với đức mến nồng nàn để mọi người có thể nhận thấy Chúa qua Giáo Hội.

Về vô thần cộng sản, Công Đồng chỉ nhắc lại hai tính cách, dù chưa đủ để diễn tả nó hoàn toàn, nhưng cũng quan trọng: a) tính cách nhân bản nhằm giải thoát con người trong lãnh vực kinh tế, xã hội; b) tính cách độc tài và không chịu điều đình khi chiếm quyền chính trị.

Mác xít chủ nghĩa là một khái niệm cho rằng thế giới tự nó là hoàn toàn và mang đầy đủ ý nghĩa, vì thế nó loại trừ mọi tín ngưỡng tôn giáo. Lịch sử, con người, xã hội v.v... đều có ý

nghĩa và phát triển theo đòi hỏi biện chứng pháp. Nó mang tính cách tín ngưỡng hơn là khoa học vì mục đích cuối cùng là giải thoát (cứu chuộc) con người khỏi các sự mất nhân cách, cũng như vì đem lại một niềm hy vọng (thay thế đức cậy) vào sự giải thoát đó trong tương lai.

Cũng như Giáo Hội, các tín hữu phải loại bỏ thái độ thù hận, tranh đấu, nghi ngờ... mà trong khi lên án vô thần (hơn nữa chính vì thế) phải tìm hiểu tâm trạng của người vô thần để cùng nhau xây dựng thế giới, và nếu có thể được, để đối thoại với họ. Đối thoại một cách thành thực và khôn ngoan, không giấu giếm đức tin mình mà trái lại, vì không thể đối thoại thực sự khi không biết mình chứng bằng đời sống mình trước hết và bằng việc trình bày giáo lý một cách đầy đủ và thích hợp (x. thêm số 28b).

Đối thoại như vậy phải chăng là mới lạ? Nhưng Công Đồng đã nhắc cho chúng ta rằng chúng ta đang sống giai đoạn mới (x. số 4b). (*Trở lại đầu trang*)

24* Công Đồng dùng danh từ Hy Lạp demiurgus. Một số triết gia xưa gọi demiurgus là một thần tạo dựng vũ trụ mặc dầu không phải là Đấng Tối Cao. (*Trở lại đầu trang*)

16 Xem Piô XI, Tđ. Divini Redemptoris, 19-3-1937: AAS 29 (1937), trg 65-106. - Piô XII, Tđ. Ad Apostolorum principio, 20-6-1958: AAS 50 (1958), trg 601-614. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 451-453. - Phaolô VI, Tđ. Ecclesiam Suam, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 651-653. (*Trở lại đầu trang*)

17 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, Ch. 1, số 8: AAS (1965), trg 12. (*Trở lại đầu trang*)

18 Xem Ph 1,27. (*Trở lại đầu trang*)

19 T. Augustinô, Confes. I, 1: PL 32,661. (*Trở lại đầu trang*)

20 Xem Rm 5,14. - Xem Tertullianô, De Carnis resurr. 6: "Vì vậy, bất cứ điều gì mà bùn đất đã biểu thị đều nhắm về Chúa Kitô, Đấng sẽ đến": PL 2,802 (848); CSEL, 47 trg 33, hàng 12-13. (*Trở lại đầu trang*)

21 Xem 2 Cor 4,4. (*Trở lại đầu trang*)

22 Xem CĐ Constantinopla II, đ.th. 7: "Ngôi Lờ không biến đổi vào trong bản tính xác thể, xác thể cũng không chuyển vào bản tính của Ngôi Lờ": Dz 219 (428). - Xem thêm CĐ Constantinopla III: "Bởi vì, cũng như thế thể xác Người hoàn toàn thánh thiện, không tì vết và sống động, đã không bị thần hóa làm mất đi, nhưng đã ở lại trong trạng thái và theo cách thể của Người": Dz 291 (556). - Xem CĐ Calcedonia: "Phải nhận biết rằng trong hai bản tính không lẫn lộn, không thay đổi, không phân chia, không tách biệt": Dz 148 (302). (*Trở lại đầu trang*)

23 Xem CĐ Const. I I I: "Cũng vậy, ý chí nhân loại của Người dù được thần hóa vẫn không bị mất đi": Dz 291 (556). (*Trở lại đầu trang*)

24 Xem Dth 4,15. (*Trở lại đầu trang*)

25 Xem 2Cor 5,18-19; Col 1,20-22. (*Trở lại đầu trang*)

26 Xem 1P 2,21; Mt 16,24; Lc 14,27. (*Trở lại đầu trang*)

27 Xem Rm 8,29; Col 1,18. (*Trở lại đầu trang*)

28 Xem Rm 8,1-11. (*Trở lại đầu trang*)

29 Xem 2Cor 4,14. (*Trở lại đầu trang*)

25* Tất cả mọi người có thể tham dự vào mầu nhiệm phục sinh (xem them GH 13, 16; MK 6-7, 14; TG 3, 7...). (*Trở lại đầu trang*)

30 Xem Ph 3,10; Rm 8,17. (*Trở lại đầu trang*)

31 Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch.II, số 16: A AS 57 (1965), trg 20. (*Trở lại đầu trang*)

32 Xem Rm 8,32. (*Trở lại đầu trang*)

33 Xem Liturgia Paschalis Byzantina. (*Trở lại đầu trang*)

34 Xem Rm 8,15; Gal 4,6; Gio 1, 12 và 1Gio 3,1. (*Trở lại đầu trang*)

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế Mục Vụ

Về Giáo Hội

Trong Thế Giới Ngày Nay

Gaudium Et Spes

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương II

Cộng Đoàn Nhân Loại ^{26*}

23. Mục Đích Công Đồng nhắm tới. Trong những khía cạnh chính yếu của thế giới hôm nay phải kể tới sự gia tăng những mối tương quan giữa con người với nhau, mà những tiến bộ kỹ thuật ngày nay đóng góp rất nhiều vào việc phát triển sự gia tăng ấy. Tuy nhiên, cuộc đối thoại huynh đệ giữa con người được hoàn hảo không phải ở trong những tiến bộ ấy, nhưng một cách sâu xa hơn trong cộng đoàn nhân loại. Cộng đoàn này đòi hỏi phải có sự tôn trọng tất cả phẩm giá thiêng liêng của nhau. Mạc Khải Kitô giáo giúp nhiều vào việc cổ võ cho sự hiệp thông giữa các nhân vị, đồng thời cũng đưa ta tới chỗ hiểu biết sâu xa hơn về những luật lệ của đời sống xã hội mà Tạo Hóa đã in vào bản tính thiêng liêng và luân lý của con người.

Bởi vì những tài liệu mới đây của Giáo Quyền đã trình bày sâu rộng hơn lý thuyết Kitô giáo về xã hội con người¹, nên Công Đồng chỉ nhắc lại một ít chân lý chính yếu và Công Đồng trình bày những nét căn bản của các chân lý ấy dưới ánh sáng của Mạc Khải. Tiếp đến, Công Đồng nhấn mạnh tới một vài hậu quả xét là quan trọng hơn ở thời đại chúng ta.

24. Đặc tính cộng đoàn của thiên chức con người trong ý định Thiên Chúa. Lấy tình Cha săn sóc mọi người, Thiên Chúa đã muốn rằng tất cả mọi người phải làm thành một gia đình và đối xử với nhau bằng tình huynh đệ. Bởi vì mọi người được tạo dựng giống hình ảnh của Thiên Chúa là Đấng đã "cho tất cả nhân loại do một nguyên tổ cư ngụ trên khắp mặt đất" (CvTđ 17,26), nên họ đều được gọi tới cùng một cứu cánh duy nhất là chính Thiên Chúa.

Do đó yêu mến Thiên Chúa và anh em là giới răn thứ nhất và trọng nhất. Thánh Kinh dạy ta rằng tình yêu mến Thiên Chúa không thể tách rời với tình yêu anh em: "...nếu có điều răn nào khác đi nữa cũng gồm tóm trong lời này: hãy thương yêu anh em như chính mình... Thương yêu là chu toàn luật pháp vậy" (Rm 13,9-10; x. 1Gio 4,10). Điều nói trên cũng được nhận là quan trọng nhất đối với con người mỗi ngày một lệ thuộc nhau hơn cũng như đối với thế giới ngày càng hiệp nhất lại.

Hơn nữa, khi cầu nguyện với Chúa Cha: "xin cho mọi người nên một..., như chúng ta là một" (Gio 17,21-22), Chúa Giêsu mở ra những viễn tượng mà lý trí con người không thể tự đạt tới được. Như vậy Chúa Giêsu đã nói lên một sự tương tự nào đó giữa sự kết hợp của Ba Ngôi Thiên Chúa với sự kết hợp của các con cái Chúa trong chân lý và đức ái. Sự tương tự này cho thấy con người, tạo vật duy nhất ở trần gian được Thiên Chúa dựng nên cho chính họ, chỉ có thể gặp lại chính bản thân mình nhờ thành thực hiến thân ².

25. Sự lệ thuộc giữa con người và xã hội. Đặc tính xã hội của con người cho thấy rõ sự thăng tiến của con người và sự phát triển của xã hội lệ thuộc nhau ^{27*}. Thực vậy, nhân vị chính là và phải là nguyên lý, chủ thể và cứu cánh của mọi định chế xã hội, bởi vì tự bản chất nhân vị phải hoàn toàn cần đến đời sống xã hội ³. Cho nên vì đời sống xã hội đối với con người không phải là một cái gì phụ thuộc, do đó nhờ trao đổi với người khác, nhờ phục vụ lẫn nhau và nhờ đối thoại với anh em, con người được tăng triển mọi khả năng của mình và có thể đáp ứng được thiên chức của mình.

Giữa những mối liên hệ xã hội cần thiết để con người được phát triển, có những mối liên hệ đáp ứng được bản tính sâu xa của con người một cách trực tiếp hơn, đó là gia đình và cộng đoàn chính trị; cũng có những mối liên hệ phát sinh do ý muốn tự do của con người. Trong thời đại chúng ta, nhiều nguyên nhân làm cho những mối tương quan và lệ thuộc nhau mỗi ngày một tăng thêm; do đó phát sinh nhiều hiệp hội và những tổ chức khác nhau, công hay tư xét về phương diện pháp lý ^{28*}. Sự kiện này được mệnh danh là xã hội hóa, không phải là không có những nguy hại, tuy nhiên cũng đem lại nhiều lợi ích lớn lao để củng cố cũng như làm gia tăng những đức tính của con người và bảo đảm những quyền lợi của con người ⁴.

Nhưng nếu đời sống xã hội giúp nhiều cho con người chu toàn sứ mệnh của mình kể cả sứ mệnh tôn giáo nữa, thì ta cũng không thể phủ nhận rằng con người vì những hoàn cảnh xã hội họ đang sống và tiếm nhiệm ngay từ thuở thiếu thời, nên nhiều khi xa lánh không làm điều thiện và bị lôi kéo làm điều ác. Chắc chắn những xáo trộn rất thường xảy ra trong phạm vi xã hội một phần phát sinh từ chính tình trạng căng thẳng giữa những tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội. Nhưng sâu xa hơn, những xáo trộn trên phát sinh do ích kỷ và kiêu căng của con người, đó cũng là những nguyên nhân làm cho môi trường xã hội ra vẩn đục. Một khi trật tự xã hội bị đảo lộn do hậu quả của tội lỗi, thì con người, bẩm sinh đã nghiêng chiều về sự xấu, lại gặp phải những cám dỗ mới để phạm tội. Những cám dỗ này nếu không có cố gắng liên li và không có ơn thánh trợ giúp sẽ không thể lướt thắng được.

26. Bốn phận mưu cầu công ích. Sự lệ thuộc nhau mỗi ngày một chặt chẽ hơn và dần dần lan rộng trên toàn thể thế giới, vì thế công ích - tức là toàn bộ những điều kiện của đời sống xã hội cho phép những tập thể hay những phần tử riêng rẽ có thể đạt tới sự hoàn hảo riêng một cách đầy đủ và dễ dàng hơn - ngày nay mỗi lúc một nói rộng tầm phổ quát hơn và do đó bao hàm những quyền lợi và nghĩa vụ của toàn thể nhân loại. Bất cứ tập thể nào cũng phải tôn trọng

nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của các tập thể khác, hơn thế nữa, phải tôn trọng công ích của toàn thể gia đình nhân loại ⁵.

Nhưng đồng thời con người càng ngày càng ý thức hơn về phẩm giá cao trọng vốn có của mình, bởi vì con người vượt trên mọi loài và vì những quyền lợi cũng như bổn phận của con người là phổ quát và bất khả xâm phạm. Vậy cần phải cho con người được tất cả những gì thiết yếu mà con người phải có để thực sự sống đời sống con người, như của ăn, áo quần, chỗ ở, quyền tự do chọn lựa bậc sống và quyền lập gia đình, quyền được giáo dục, quyền làm việc, quyền bảo tồn danh thơm tiếng tốt, quyền được kính trọng, quyền thông tin xứng hợp, quyền hành động theo tiêu chuẩn chính thức của lương tâm mình, quyền bảo vệ đời sống tư và quyền tự do chính đáng cả trong phạm vi tôn giáo nữa.

Bởi vậy, trật tự xã hội và tiến bộ của nó phải luôn luôn nhằm ích lợi của các nhân vị, bởi vì trật tự của muôn vật phải lệ thuộc vào trật tự của các nhân vị chứ không ngược lại. Điều này chính Chúa đã ám chỉ khi Người nói rằng ngày nghỉ được lập ra vì con người chứ không phải con người được dựng nên vì ngày nghỉ ⁶. Trật tự này phải phát triển mỗi ngày một hơn, phải đặt nền tảng trên chân lý, xây dựng trong công bình, nuôi sống nhờ tình yêu; phải dần dần tìm được trong tự do sự quân bình mỗi ngày mỗi hợp với nhân bản hơn ⁷. ^{29*} Để chu toàn được những điều trên, phải có sự đổi mới tâm thức và những thay đổi sâu rộng trong xã hội.

Thánh Thần Chúa, Đấng điều khiển những biến chuyển thời gian và canh tân bộ mặt trái đất với sự quan phòng kỳ diệu, đang hiện diện trong cuộc tiến hóa này. Men Phúc Âm đã và đang làm dậy lên trong lòng con người sự đòi hỏi phải có nhân phẩm, một đòi hỏi không thể cưỡng chế được.

27. Tôn trọng nhân vị. Để đi tới những kết luận thực hành và cần thiết hơn, Công Đồng nhấn mạnh về sự tôn trọng con người. Vậy mỗi người đều phải coi người đồng loại không trừ một ai như "cái tôi thứ hai", cho nên trước hết phải quan tâm đến sự sống của họ và quan tâm đến những phương tiện cần thiết giúp họ sống một đời sống xứng đáng ⁸, chứ đừng bắt chước người giàu có kia đã không săn sóc gì tới người nghèo Lazarô ⁹.

Nhất là thời nay, chúng ta có bổn phận khẩn thiết phải trở nên người lân cận của bất cứ người nào và tích cực giúp đỡ khi họ đến với mình, hoặc có thể là một người già lão bị mọi người bỏ rơi, hoặc là một công nhân ngoại quốc bị khinh bỉ một cách bất công, hoặc là một người lưu vong, hay một đứa bé sinh ra do cuộc tình duyên bất hợp pháp chịu đau khổ cách bất công vì tội lỗi mình không phạm, hoặc một người đói ăn đang kêu gọi lương tâm chúng ta, làm vang lại lời của Chúa: "Bao nhiêu lần các ngươi làm những việc đó cho một trong những người hèn mọn là anh em Ta đây, tức là các ngươi làm cho Ta vậy" (Mt 25,40).

Ngoài ra, tất cả những gì đi ngược với chính sự sống, như giết người dưới bất cứ hình thức nào, diệt chủng, phá thai ^{30*}, giết chết cách êm dịu ^{31*}, hoặc tự tử trực tiếp; tất cả những gì xâm phạm sự toàn vẹn của con người, như cắt bỏ một phần thân xác, hành hạ thân xác hoặc tâm trí, làm áp lực tâm lý; tất cả những gì xúc phạm đến nhân phẩm, như những cảnh sống thấp kém dưới mức độ phải có của con người, giam cầm vô cớ, lưu đày, nô lệ, mãi dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ con; kể cả những tình trạng làm việc nhọc nhãi khiến cho công nhân hoàn toàn trở thành dụng cụ cho lợi lộc, chứ không được coi như con người tự do và có trách nhiệm: tất cả những điều nói trên và những điều tương tự đều thực sự ô nhục. Và trong khi làm thối nát nền văn minh nhân loại, thì tất cả những điều trên lại càng bôi nhọ chính những kẻ chủ động hơn là bôi

nhỏ những kẻ phải chịu sự nhục mạ, đồng thời cũng xúc phạm nặng nề đến danh dự của Đấng Tạo Hóa.

28. Kính trọng và yêu thương đối thủ. Cũng phải kính trọng và yêu thương những người không cùng một cảm nghĩ hoặc cùng một hành động với chúng ta trong những vấn đề xã hội, chính trị hay cả tôn giáo nữa. Thực vậy, càng lấy sự nhân ái và yêu thương mà tìm hiểu sâu xa hơn những cách cảm nghĩ của họ, chúng ta càng dễ dàng có thể đi tới đối thoại với họ hơn.

Thực ra, đức ái và lòng nhân hậu này không bao giờ cho phép chúng ta trở thành dửng dưng với điều chân và thiện. Hơn thế nữa, chính đức ái thúc bách các môn đệ Chúa Kitô loan báo cho mọi người chân lý cứu rỗi. Nhưng phải phân biệt lầm lỗi, điều luôn luôn phải loại bỏ, với người làm lỗi ^{32*} vì những người làm lỗi vẫn còn giữ được nhân phẩm, ngay cả khi họ có những ý niệm sai lầm hoặc hơi lệch lạc về tôn giáo ¹⁰. Chỉ có mình Thiên Chúa là quan tòa và là Đấng thấu suốt mọi tâm hồn: bởi vậy Ngài ngăn cấm chúng ta xét đoán tội lỗi bên trong của bất cứ người nào ¹¹.

Giáo lý của Chúa Kitô cũng đòi chúng ta phải tha thứ những xúc phạm và giáo lý ấy nói rộng giới răn yêu thương đối với tất cả kẻ thù, đó chính là giới răn trong Luật Mới: "Các người có nghe lời truyền dạy hãy thương yêu thân nhân mà ghét thù địch mình. Còn Ta, Ta dạy các người: hãy thương yêu kẻ thù nghịch mình, cứ làm ơn cho kẻ ghét mình, lại cầu nguyện cho những người bắt bớ vu vạ cho người nữa" (Mt 5, 43-44) ¹².

29. Bình đẳng căn bản giữa mọi người với nhau và công bình xã hội. Càng ngày càng phải nhận thức sự bình đẳng căn bản giữa mọi người hơn, bởi vì mọi người đều có một tâm linh và được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa nên có cùng một bản tính và cùng một nguồn gốc, hơn nữa vì được Chúa Kitô cứu chuộc nên họ đều được mời gọi như nhau và cùng hưởng chung một cùng đích nơi Thiên Chúa.

Dĩ nhiên mọi người không bằng nhau vì không có khả năng thể chất như nhau và những năng lực trí tuệ và tinh thần như nhau. Tuy nhiên phải vượt lên trên và loại bỏ mọi hình thức kỳ thị về những quyền lợi căn bản của con người, hoặc trong phạm vi xã hội hoặc trong phạm vi văn hóa, kỳ thị vì phái tính, chủng tộc, màu da, địa vị xã hội, ngôn ngữ hay tôn giáo, vì như vậy là trái với ý định của Thiên Chúa. Do đó thực đáng buồn khi những quyền lợi căn bản của nhân vị cho đến nay vẫn chưa được bảo đảm toàn vẹn ở mọi nơi. Thí dụ người ta không nhìn nhận phụ nữ có quyền tự do chọn lựa người chồng hay quyền tự do chọn bậc sống, hoặc quyền được giáo dục và có văn hóa như nam giới ^{33*}.

Hơn nữa, dù có những khác biệt chính đáng giữa con người với nhau, tuy nhiên nhân phẩm như nhau của mọi người cũng đòi hỏi người ta phải tiến tới mức sống nhân đạo hơn và xứng hợp với con người hơn. Thực vậy, những chênh lệch quá đáng về kinh tế và xã hội giữa những thành phần hay giữa những dân tộc trong cùng một gia đình nhân loại thực là những gương xấu và đi ngược với công bằng xã hội, lẽ phải, ^{34*} nhân phẩm và nền hòa bình xã hội cũng như quốc tế.

Còn các tổ chức của con người hoặc tư hoặc công hãy nỗ lực phục vụ phẩm giá cũng như cứu cánh của con người, đồng thời hãy mạnh mẽ chống lại bất cứ hình thức nô lệ nào trên phương diện xã hội hay chính trị và bảo vệ những quyền lợi căn bản của con người trong trong bất cứ một chính thể nào. Hơn nữa, các tổ chức ấy còn phải dần dần phù hợp với những việc thiêng liêng là những việc cao cả hơn hết, dù đôi khi phải trải qua một thời gian khá lâu để đạt tới mục đích hằng mong mỏi đó.

30. Cần phải vượt ra khỏi thứ luân lý cá nhân chủ nghĩa. Hoàn cảnh biến đổi sâu rộng và nhanh chóng đòi hỏi cấp bách đừng ai chủ trương một thứ luân lý duy cá nhân mà không lưu tâm hoặc không màng chi tới diễn tiến thời cuộc^{35*}. Bản phận công bình và bác ái được chu toàn mỗi ngày một hơn là do mỗi người biết, tùy theo những khả năng của mình và nhu cầu của kẻ khác mà mưu ích chung, bằng cách cố võ và trợ giúp những tổ chức công hay tư nhằm cải thiện những điều kiện sống của con người. Lại có những người ngoài miệng thì chủ trương rộng rãi và đại lượng, mà thực tế họ luôn luôn sống như chẳng quan tâm gì tới những nhu cầu của xã hội. Hơn nữa tại nhiều nơi có nhiều người còn coi thường các luật lệ và những qui định của xã hội. Một số người không ngần ngại dùng những hình thức gian lận và lừa đảo để trốn những thuế vụ chính đáng hoặc trốn tránh những gì xã hội đòi buộc. Có người lại coi nhẹ một số luật lệ trong cuộc sống xã hội, chẳng hạn những luật lệ liên hệ tới việc bảo vệ sức khoẻ, hoặc việc xe cộ lưu thông, bởi vì họ không nhận thức được rằng do bất cẩn như thế sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng của họ và của những người khác.

Mỗi người đều phải nhìn nhận và tôn trọng những liên đới xã hội như một trong những nghĩa vụ chính yếu của con người thời nay. Bởi vì thế giới càng hợp nhất thì hiển nhiên những bản phận của con người càng vượt trên những nhóm riêng rẽ hơn và dần dần sẽ lan rộng tới toàn thế giới. Điều ấy chỉ thể hiện được một khi mỗi người và mỗi cộng đoàn trau dồi nơi chính họ những đức tính luân lý và xã hội, đồng thời đem những đức tính ấy gieo rắc ngoài xã hội. Như vậy, với sự trợ giúp cần thiết của ơn thánh Chúa sẽ có những con người thật sự mới và là những người kiến tạo một nhân loại mới.

31. Trách nhiệm và tham gia. Để mỗi người chu toàn một cách cẩn thận hơn nghĩa vụ của họ đối với mình hay đối với những cộng đoàn mà họ là thành phần, thì với những phương thế phong phú của nhân loại ngày nay, họ phải được giáo dục chu đáo để có văn hóa sâu rộng hơn. Trước hết cần phải tổ chức việc giáo dục những người trẻ thuộc bất cứ thành phần nào trong xã hội, làm sao để đào tạo được những người nam và nữ không những tài giỏi về văn hóa mà còn có một tâm hồn cao thượng, bởi vì thời đại chúng ta đang khẩn thiết đòi phải có những người như vậy.

Nhưng con người khó mà nắm được ý nghĩa trách nhiệm này nếu những hoàn cảnh sinh sống không cho phép họ ý thức về phẩm giá của mình cũng như không cho phép họ đáp lại sứ mệnh của mình bằng cách hiến thân phục vụ Thiên Chúa và người khác. Ngoài ra, sự tự do của con người nhiều lúc suy giảm đi, một khi con người rơi vào cảnh quá cùng cực, cũng như tự do ấy bị hạ giá một khi buông thả theo những dễ dãi quá mức trong cuộc sống, con người dường như tự khép mình trong thứ lâu đài cô đơn ngà ngọc. Trái lại tự do ấy được củng cố khi con người chấp nhận những ràng buộc không thể tránh được trong cuộc sống xã hội, coi những nhu cầu muôn mặt của tình liên đới nhân loại là của mình và tự buộc mình phải phục vụ cho cộng đoàn nhân loại.

Vì thế, thiện chí muốn góp phần vào những công việc chung cần được cố võ nơi mọi người. Ngoài ra phải ca tụng đường lối của những quốc gia đang để cho càng đông công dân càng tốt được tham gia việc nước trong sự tự do đích thực. Tuy nhiên cần phải lưu ý tới hoàn cảnh thực tế của mỗi dân tộc cũng như tới uy quyền cần thiết của quyền bính quốc gia. Hơn nữa, để mọi công dân phần khởi tham dự vào cuộc sống của các đoàn thể tạo nên cơ cấu xã hội, thì họ cần phải tìm được trong những tổ chức ấy, những lợi ích lôi cuốn họ và giúp họ sẵn sàng phục vụ

người khác. Chúng ta có thể nghĩ một cách hợp lý rằng số phận mai sau của nhân loại nằm trong tay những người có khả năng trao cho hậu thế những lý do để sống và để hy vọng.

32. Ngôi Lời Nhập Thể và tình liên đới nhân loại. Thiên Chúa đã dựng nên con người không phải để sống riêng rẽ nhưng để tạo nên sự liên kết xã hội. Cũng thế "... Thiên Chúa không muốn thánh hóa và cứu rỗi loài người cách riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Ngài muốn qui tụ họ thành một dân tộc để họ nhận biết chính Ngài trong chân lý và phụng sự Ngài trong thánh thiện" ¹³. Ngay từ khởi đầu lịch sử cứu rỗi chính Ngài đã chọn con người, không phải với tính cách như những cá nhân, nhưng như những phần tử của một cộng đoàn. Thực thế, trong khi Thiên Chúa biểu lộ ý định của Ngài, Ngài cũng đã gọi những người được chọn là "dân Ngài" (Xac 3,7-12), hơn nữa còn ký kết giao ước với dân ấy tại Sinai ¹⁴.

Tính chất cộng đoàn này nhờ công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô được kiện toàn và hoàn tất. Chính Ngôi Lời Nhập Thể đã muốn chia sẻ tình liên đới nhân loại. Người đã hiện diện tại tiệc cưới Cana, đã vào nhà Giakêu, đã ăn uống với những người thu thuế và những người tội lỗi. Người đã mạc khải tình yêu thương của Chúa Cha và sứ mệnh cao cả của con người, khi Người nhắc tới những điều hết sức thông thường trong xã hội và dùng những kiểu nói cũng như những hình ảnh hoàn toàn thuộc cuộc sống thường nhật. Tự ý tuân phục những luật lệ trong quốc gia Người, Người đã thánh hóa những mối liên hệ của con người, nhất là những liên hệ thuộc về gia đình là nguồn gốc phát sinh những liên hệ xã hội. Người đã muốn sống cuộc sống của những thợ thuyền với người đương thời nơi quê hương Người.

Trong khi rao giảng, Người đã truyền dạy rõ ràng cho con cái Thiên Chúa phải cư xử với nhau như anh em. Lúc cầu nguyện, Người đã xin cho tất cả các môn đệ Người được nên "một". Hơn nữa, là Đấng Cứu Chuộc mọi người, chính Người đã tự hiến thân chết cho mọi người. "Chẳng ai có lòng thương yêu hơn kẻ liều mạng sống mình vì bạn hữu" (Gio 15,13). Người còn ra lệnh cho các Tông Đồ rao giảng sứ điệp Phúc Âm cho muôn dân để nhân loại trở nên gia đình của Thiên Chúa, trong đó sự sung mãn của lề luật chính là đức ái.

Là trưởng tử của một đoàn anh em đông đúc, sau khi chết và sống lại, Người đã thiết lập nhờ hồng ân của Thánh Thần Người một sự kết hiệp huynh đệ mới giữa tất cả những kẻ đón nhận Người với đức tin và đức ái trong chính Thân Thể của Người tức là Giáo Hội, ở đây mọi người là chi thể với nhau, tùy theo những ơn đã lãnh nhận mà phục vụ lẫn nhau.

Tình liên đới này cần phải được gia tăng luôn mãi cho tới ngày nó được hoàn tất, và ngày đó nhờ được ơn thánh cứu thoát, loài người như một gia đình được Thiên Chúa và Chúa Kitô là Anh yêu thương, sẽ dâng lên Thiên Chúa lời chúc tụng toàn hảo.

Chú Thích:

26* Chương này bỏ túc chương I.

1) Con người có bản tính xã hội, theo ý Đấng Tạo Hóa: con người đều bởi một Chúa, đều là một loại, đều có chung một cùng đích. Lời Chúa mạc khải: như trong điều răn thứ nhất, trong ý nguyện của Chúa Giêsu cũng như trong tính cách con cái một Thiên Chúa Ba Ngôi cũng xác nhận điều ấy (số 24).

2) Do đó con người cần nhờ xã hội để phát triển. Xã hội là để phục dịch con người. Nhưng nếu con người không sinh hoạt trong xã hội vì công ích thì không có xã hội. Sự nhượng bộ lợi

ích riêng cốt để nhờ công ích xã hội mà giúp đỡ từng cá nhân. Đàng khác nhiều khi lý tưởng đó còn xa vời: do thiếu sót về kinh tế, về chính trị, về xã hội (lắm lúc do tội ích kỷ và kiêu ngạo gây nên). Trong trường hợp ấy xã hội làm thiệt hại cho con người (số 25).

3) Nên phải tôn trọng ích chung của cả thế giới cốt cổ võ quyền lợi căn bản cá nhân. Cần phải canh tân tâm trạng dưới ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần và theo tinh thần Phúc Âm (số 26).

4) Phải tôn trọng nhân vị mọi người. Công Đồng nhắc tới một số người thường vẫn chưa được tôn trọng, và một số tội lỗi của xã hội ngày nay là vết nhơ cho nền văn minh và cho chính kẻ phạm tội đó; những tội lỗi đó quả thực làm ô danh Thiên Chúa (số 27).

5) Không tiêu diệt đôi phương: tôn trọng nghĩa là tìm hiểu và đối thoại, là lên án sự sai lầm chứ không xét đoán ý kín đáo của kẻ sai lầm. Hơn nữa, ta phải yêu thương kẻ làm hại ta (số 28).

6) Phải công nhận mọi người đều bình đẳng về quyền lợi căn bản vì cùng một bản tính, một nguyên thủy, một cùng đích và cũng được cứu chuộc như nhau. Nên, phải loại trừ mọi phân biệt về quyền lợi đó trên phạm vi cá nhân, trong sinh hoạt xã hội, văn hóa và chính trị dù có những sự khác biệt phụ thuộc (số 29).

7) Luân lý cá nhân phải nhượng bộ cho luân lý nhân mạnh về nhiệm vụ xã hội: Công Đồng vừa diễn tả thái độ theo luân lý xã hội, vừa nêu ra vài thí dụ cụ thể trái ngược với luân lý ấy (số 30).

8) Để được như vậy phải giáo dục xã hội và canh tân trạng huống sinh hoạt. Công dân phải lần lần góp phần vào đời sống chính trị (số 31). Hoạt động và lời Chúa mạc khải xác nhận khía cạnh xã hội của con người: đặc biệt khi tập trung loài người như anh em, như chi thể của một thân thể. Tình liên đới ấy sẽ hoàn thiện hóa ở đời sau (số 32). (Trở lại đầu trang)

1 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 401-464; - và Tđ. Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 257-304. - Phaolô VI, Tđ. Ecclesiam suam, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 609-659. (Trở lại đầu trang)

2 Xem Lc 17,33. (Trở lại đầu trang)

27* Điều hòa quyền lợi của xã hội (số 26) và quyền lợi cá nhân (số 27) trong thực tế rất khó, chẳng hạn thật là rất nguy hiểm nếu dựa trên tiêu chuẩn về lượng để xét định những đòi hỏi của công ích. Những bảng thống kê về kết quả kinh tế xã hội (sự gia tăng sản xuất, mức độ sinh hoạt, công trình thịnh vượng, trừng phạt tội trạng, v.v...) đã có thể vi phạm nhân vị dù chưa nói gì về phương pháp được xử dụng. Trong trường hợp ấy các kết quả mỹ mãn đó không phục vụ công ích! Làm hại hay tiêu diệt các nhóm thiểu số để đạt tới mục tiêu của đa số cũng là một ví dụ (x. số 59, 73). (Trở lại đầu trang)

3 Xem T. Tôma, 1 Ethic., lect. 1. (Trở lại đầu trang)

28* Gọi là chế độ "công pháp hay tư pháp" tùy theo liên quan đến ích lợi chung hay ích lợi riêng. Ví dụ hệ thống tư pháp cũng có tính cách công pháp vì là cần thiết cho công ích. Hệ thống đó nhằm bảo vệ những quyền lợi riêng của từng cá nhân hay của từng pháp nhân (chính quốc gia cũng có quyền lợi riêng như vậy): những quyền lợi ấy thuộc về tư pháp. (Trở lại đầu trang)

4 Xem Gioan XIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 418. - Xem thêm Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno, 15-5-1931: AAS 23 (1931), trg 222tt. (Trở lại đầu trang)

5 Xem Gioan XIII, Tđ Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 417. (Trở lại đầu trang)

6 Xem Mc 2,27. (Trở lại đầu trang)

7 Xem Gioan XIII, Tđ Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 266. (Trở lại đầu trang)

29* Không những sự giao thiệp giữa cá nhân với cá nhân và giữa cá nhân với quốc gia, mà cả những hoạt động của chính quyền và của các quốc gia với nhau cũng phải dựa trên bốn cột trụ này: chân lý, công bình, tình yêu, tự do. Phải chăng Công Đồng có lý khi đòi hỏi phải canh tân tâm trạng và đổi mới ngay chính xã hội nữa. (Trở lại đầu trang)

8 Xem Giac 2, 15-16. (Trở lại đầu trang)

9 Xem Lc 16, 19-31. (Trở lại đầu trang)

30* Phá thai là tội trọng đi ngược với sự sống (MV 51b). Giết thai nhi khi chưa thành hình (chừng 6 tuần đầu) có lẽ không phải sát nhân (thần học cũng như khoa học chưa chắc chắn về vấn đề thai nhi ấy đã sống do linh hồn nhân loại chưa), nhưng chắc chắn sự phá thai đó là giết mạng sống đã có đặc tính nhân loại. Hơn nữa vì có lẽ đã có linh hồn nhân loại rồi, nên phá thai là liều lĩnh giết người và đó là một tội, và sát hại một kẻ không những hoàn toàn vô tội mà còn là đứa con của chính kẻ sát nhân. Dù trường hợp người mẹ rất nguy, cũng không thể giết thai nhi để cứu mẹ: mạng sống của thai nhi cũng như của chính người mẹ là thuộc quyền của Chúa: không ai có quyền cắt đi. Không bao giờ được phép làm sự dữ, dù với mục đích tốt lành. Chẳng may, vì lý do có nhiều vụ phá thai bất hợp pháp và làm trong những hoàn cảnh thiếu cẩn thận (nhiều khi do người không phải là bác sĩ và thiếu phương tiện), thì có quốc gia lập luật cho phép phá thai với một số điều kiện bảo đảm. Phải hiểu rõ là dù có luật như thế đi chăng nữa, "cho phép" chỉ có thể có nghĩa là luật pháp không coi vụ phá thai đó là tội trạng mà các tòa án phải trừng phạt; chứ không có nghĩa phá thai không phải là tội. "Phá thai... là tội ác đáng ghê tởm" (MV 51c). Giáo Hội phạt tội này với vạ tuyệt thông cho tất cả những ai góp phần hiệu lực cho việc phá thai. (Trở lại đầu trang)

31* Tức là làm cho những người bệnh nặng, tàn tật, già nua, mau chết để khỏi phải kéo dài sự đau đớn. Hành động có vẻ nhân đạo nhưng thực sự là tội sát nhân, và tỏ lòng ích kỷ (bệnh nhân nào lại không quây rầy kẻ chung quanh) hơn là tỏ lòng bác ái. (Trở lại đầu trang)

32* Sự làm lạc vẫn đáng ghét vì không hợp với bản tính con người đã có lý trí để hiểu biết sự thật. Sự làm lạc trong phạm vi luân lý nhất là do tội còn đáng ghét hơn nữa vì nó làm cho con người nên xấu xa và có thể ảnh hưởng trên người khác rất nhiều. Nhưng chính người làm lạc vẫn còn là con người phải được tôn trọng. "Làm lẫn thì không có quyền lợi": nghĩa là bản tính con người đòi hỏi rằng phải nỗ lực để loại trừ sự lầm lạc. Dĩ nhiên chỉ con người mới có thể có quyền lợi. Thế thì kẻ làm lạc không có quyền để làm lạc, nhưng vẫn có quyền để được kính trọng như con người, mặc dầu đã làm lạc (về vấn đề này Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo còn nói rõ hơn). (Trở lại đầu trang)

10 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 299-300. (Trở lại đầu trang)

11 Xem Lc 6,37-38; Mt 7,1-2; Rm 2,1-11; 14,10-12. (Trở lại đầu trang)

12 Xem Mt 5,43-47. (Trở lại đầu trang)

33* Đây chỉ là một thí dụ về việc kỳ thị căn cứ vào giới tính. Trong xã hội thâm nhuần văn minh Nho Giáo và Phật Giáo, sự kỳ thị này có ít hay nhiều, tùy trường hợp (coi sau này: số 60c). (Trở lại đầu trang)

34* Đức công bằng giúp ta trả cho mọi người của riêng họ. Từ xưa đã có thói quen phân biệt công bằng giao hoán đối với từng phần tử xã hội, giúp mỗi người trao trả cho người khác tất cả

những gì mà kẻ ấy có quyền đòi hỏi; công bằng pháp lý đối với chính cộng đoàn xã hội, khiến mọi cá nhân hoạt động theo những đòi hỏi của ích chung; công bằng phân phối của xã hội (nhờ các đại diện của xã hội) đối với mọi phần tử cộng đoàn, thúc đẩy xã hội phân chia nhiệm vụ cũng như quyền lợi giữa phần tử của cộng đoàn một cách chính đáng. Theo văn kiện của Tòa Thánh (Đức Piô XI và XII): công bằng xã hội phải được hiểu như công bằng pháp lý tổng quát, nghĩa là nhân đức khiến mọi phần tử của xã hội thực hiện mọi nhân đức khác mỗi khi ích chung đòi hỏi như vậy (theo như Thánh Tôma dạy, II-II, q. 58, a. 5-7 (x. Calvez-Perrin, Eglise et Société économique. L'Enseignement social des Papes de Léon XIII à Pie XII, Paris 1959, trg 192-203 và 543-567).

"Aequitas" (lẽ phải) là danh từ có nghĩa gần giống danh từ công bằng, nhưng phong phú hơn: không chỉ dựa trên nguyên tắc pháp lý để giải quyết một vấn đề, mà còn cố gắng cân nhắc các hoàn cảnh chủ quan cũng như khách quan. Sự trọng tài giữa người phá hoại và nạn nhân có lẽ không thỏa mãn đòi hỏi của nguyên tắc công bằng giao hoán, nhưng trong hoàn cảnh thực tế rất có thể là giải pháp tốt nhất: thích hợp cho con người. (*Trở lại đầu trang*)

35* Phải chăng đây là điều hơi lạ khi Công Đồng chỉ nêu ra lý do nhất thời của những xu hướng hiện đại? Nếu con người có bản tính xã hội (Công Đồng đã xác nhận điều này ở trên, số 24-25), phải chăng con người không thể chỉ hoạt động tuân theo một luân lý cá nhân? Ngoài ra, đức tin lại không nhấn mạnh rằng đức bác ái là trên hết hay sao? ... Tổ cáo Giáo Hội chỉ mới bắt đầu lưu tâm đến các vấn đề xã hội từ cuối thế kỷ 19, nghĩa là sau cuộc cách mạng kỹ thuật và theo sau các phong trào xã hội chủ nghĩa, tổ cáo như thế chỉ là không biết lịch sử mà thôi (ví dụ như từ trong CvTđ 2, 44-45; 4,32-35 đến các nhà Dòng chuyên lo chuộc lại những người bị tù hay chuyên săn sóc bệnh nhân v.v...). Nhưng đàng khác không thể phủ nhận được rằng những triết thuyết từ thời cải cách tin lành trở đi đã ảnh hưởng tới quan niệm tôn giáo rất nhiều đến nỗi có nhiều tín hữu đạo đức trong các bản phận cá nhân mà lại không biết tôn trọng công bằng và bác ái xã hội chút nào. "Tôi không giết người, không cướp của người" là những câu năng được nghe và chúng đã tỏ lộ thứ quan niệm ấy. Thế thì làm thiệt hại cho tha nhân, không kính trọng quyền lợi của tha nhân không phải là cách giết và cướp của người ta hay sao? Ngoài ra họ có lo gì cho những đòi hỏi của ích chung không?... Và lại trước đây trong các lớp dạy giáo lý và luân lý thần học cũng gần như chỉ biết nhấn mạnh thái độ cá nhân về các bản phận luân lý. Dạy về bản phận cá nhân đối với cá nhân tương đối là dễ; trái lại dạy về bản phận đối với tha nhân vô danh và đối với ích chung thì khó. Chắc chắn là cần phải nhấn mạnh đến các nguyên tắc và đào tạo lương tâm của mọi giáo dân để họ trưởng thành và biết tự xét đoán mọi hoàn cảnh, hơn là tiếp tục để cho họ chỉ biết hoạt động theo những giải quyết từng chi tiết của các giáo sĩ. Số 31 phác họa một chương trình căn bản về việc giáo dục xã hội. (*Trở lại đầu trang*)

13 CĐ Vat. I I, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. I I, số 9: A AS 57 (1965), trg 12-13. (*Trở lại đầu trang*)

14 Xem Xac 24,1-8. (*Trở lại đầu trang*)

Chương III

Hoạt Động Của Nhân Loại Trong Vũ Trụ ^{36*}

33. Đặt vấn đề. Con người đã luôn cố gắng phát triển thêm mãi đời sống của mình bằng việc làm và tài năng. Ngày nay, nhất là với sự trợ giúp của khoa học và kỹ thuật con người đã và còn

đang không ngừng nói rộng sự thống trị của mình gần như trên tất cả thiên nhiên, và đặc biệt nhờ sự gia tăng đủ loại phương tiện trao đổi giữa các quốc gia, gia đình nhân loại dần dần ý thức về mình và hợp thành gần như một cộng đoàn duy nhất trong vũ trụ. Do đó, ngày nay con người đã dùng sức cần lao tự cung ứng nhiều phẩm vật mà xưa kia họ mong đợi trước nhất nơi các quyền lực thần linh.

Trước nỗ lực lớn lao đang lan rộng tới tất cả nhân loại này, nhiều câu hỏi đang được con người nêu lên. Đây là ý nghĩa và giá trị của hoạt động cần lao ấy? Phải xử dụng tất cả các sự ấy ra sao? Đây là mục đích của những cố gắng cá nhân cũng như tập thể? Dầu Giáo Hội là quản thủ kho tàng lời Chúa để từ đó rút ra những nguyên tắc luân lý và tôn giáo, nhưng không phải lúc nào Giáo Hội cũng có ngay câu trả lời cho mỗi một vấn đề. Tuy nhiên bao giờ Giáo Hội cũng ao ước nối kết ánh sáng mạc khải với sự khôn khéo của mọi người để soi dẫn con đường mà nhân loại vừa bước chân vào ^{37*}.

34. Giá trị của hoạt động nhân loại. Đối với các tín hữu, chắc chắn hoạt động cá nhân cũng như tập thể của nhân loại, hoặc nỗ lực vĩ đại của con người vất vả qua các thế kỷ nhằm cải thiện hoàn cảnh sinh sống, tự nó vốn phù hợp với ý định của Thiên Chúa. Thực vậy, được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa, con người đã nhận mệnh lệnh chinh phục trái đất cùng tất cả những gì chứa đựng trong đó, cai quản vũ trụ trong công bình và thánh thiện ¹ và khi nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng tạo dựng mọi loài, họ qui hướng về Người chính bản thân mình cũng như muôn vật: như thế, khi con người chinh phục tất cả thì danh Chúa được tôn vinh khắp địa cầu ². ^{38*}

Những điều nhận định trên đây cũng ứng dụng được nơi những công việc hoàn toàn thường nhật. Thực vậy trong khi mưu sinh cho mình và cho gia đình, tất cả những người nam cũng như nữ hoạt động để phục vụ xã hội một cách hữu hiệu đều có lý để tin rằng nhờ lao công của mình, họ tiếp nối công trình của Đấng Tạo Hóa, phụng sự anh em, đóng góp công lao mình vào việc hoàn thành ý định của Thiên Chúa trong lịch sử ³.

Người Kitô hữu không những không coi các công trình do con người dùng tài năng và sức lực riêng để thực hiện là chống đối quyền năng của Thiên Chúa, không coi thụ tạo có lý trí như một địch thủ của Tạo Hóa, mà lại xác tín rằng các thắng lợi của nhân loại là dấu hiệu biểu dương Thiên Chúa cao cả và là kết quả của ý định khôn lường của Ngài. Tuy nhiên, quyền lực con người càng gia tăng, trách nhiệm cá nhân hay tập thể lại càng nói rộng. Do đó, chúng ta thấy sứ điệp Kitô giáo không làm cho con người tránh né khỏi công cuộc xây dựng thế giới hoặc khiến họ không còn thiết tha đến lợi ích của đồng loại, nhưng trái lại bổn phận thực hiện những điều ấy còn thúc bách họ hơn nữa ⁴.

35. Trật tự hoạt động con người. Hoạt động của con người phát xuất từ con người nên qui hướng về con người. Thật vậy, khi làm việc con người không những biến đổi sự vật và xã hội mà còn cải thiện chính mình. Bởi vì khi làm việc con người học biết được nhiều điều, phát triển tài năng cũng như thoát ra và vượt khỏi chính mình. Nếu được hiểu cho đúng thì sự tăng triển này đáng giá hơn mọi của cải có thể thu tích được. Giá trị con người hệ tại ở "cái mình là" hơn hệ tại ở "cái mình có" ⁵. Cũng vậy, tất cả cái gì con người làm để đạt tới một mức độ công bình cao hơn, một tình huynh đệ rộng lớn hơn và một trật tự nhân đạo hơn trong các tương quan xã hội, đều quý trọng hơn các tiến bộ kỹ thuật, bởi vì, các tiến bộ ấy tuy có thể cung cấp chất liệu cho việc thăng tiến con người, nhưng tự chúng mà thôi không thể thực hiện được công cuộc thăng tiến ấy.

Vậy nên, đây là tiêu chuẩn hoạt động của con người: mọi hoạt động của con người phải phù hợp với lợi ích đích thực của nhân loại theo như ý định và ý muốn của Thiên Chúa, lại phải giúp con người, cá nhân cũng như tập thể, trau dồi và thực hiện ơn gọi toàn diện của mình.

36. Sự độc lập đúng mức của các thực tại trần thế. Tuy nhiên, nhiều người đương thời dường như e ngại rằng sự liên kết khá chặt chẽ giữa hoạt động của con người và tôn giáo sẽ làm ngăn trở sự độc lập của con người, của xã hội hoặc của khoa học ^{39*}.

Nếu sự độc lập của các thực tại trần thế có nghĩa là các tạo vật và các xã hội đều có những định luật và những giá trị riêng mà con người phải khám phá dần dần, xử dụng và điều hòa, thì đòi hỏi một sự độc lập như thế là một việc hoàn toàn chính đáng: đó là điều không những người đương thời đòi hỏi mà còn phù hợp với ý muốn của Tạo Hóa. Thực vậy, chính vì được tạo dựng mà mọi vật đều có sự vững chãi, chân thực và tốt lành cùng những định luật và trật tự riêng. Con người phải tôn trọng tất cả những điều ấy, phải nhìn nhận các phương pháp cá biệt của mỗi khoa học và kỹ thuật. Bởi vậy, việc khảo sát có phương pháp trong mọi ngành, nếu tiến hành một cách khoa học thực sự và theo các tiêu chuẩn luân lý, sẽ không bao giờ thực sự trái nghịch với đức tin, vì các thực tại trần thế và các thực tại đức tin đều bởi một Thiên Chúa mà ra ⁶. Hơn nữa, những ai kiên nhẫn và khiêm tốn cố gắng nghiên cứu sâu xa những bí ẩn của sự vật, mặc dù không ý thức, nhưng vẫn được bàn tay Chúa hướng dẫn, vì Ngài là Đấng bảo trì muôn loài và khiến chúng hiện hữu theo bản tính riêng của mỗi loài. Do đó đôi khi chúng ta có thể phàn nàn một số tâm trạng cả nơi các Kitô hữu, không hiểu rõ sự độc lập hợp lý của khoa học. Những tâm trạng này gây nên nhiều cuộc tranh luận và bất đồng khiến nhiều người nghĩ rằng đức tin và khoa học đối nghịch nhau ⁷. ^{40*}

Nhưng, nếu "sự độc lập của thực tại trần thế" có nghĩa là: các tạo vật không lệ thuộc Thiên Chúa và con người có thể xử dụng chúng mà không cần quy hướng về Đấng Tạo Hóa thì không một ai nhìn nhận Thiên Chúa lại không thấy rằng lập trường đó hết sức sai lầm. Thực vậy, không có Tạo Hóa, tạo vật đều tiêu tan. Ngoài ra mọi tín hữu, dù thuộc tôn giáo nào đi nữa, cũng luôn nghe tiếng Thiên Chúa và thấy Ngài hiện hiện qua tiếng nói của tạo vật. Lại nữa, quên mất Thiên Chúa, mọi tạo vật đều trở nên mờ tối.

37. Tội lỗi làm hư hỏng hoạt động của nhân loại. Thánh Kinh cũng như kinh nghiệm nhiều thời đại dạy cho gia đình nhân loại biết rằng: tiến bộ tuy là một lợi ích lớn lao của con người, nhưng cũng đem theo một cám dỗ mãnh liệt. Thực vậy, khi bậc thang giá trị bị đảo lộn, khi ác và thiện lẫn lộn, thì cá nhân cũng như tập thể chỉ xét quyền lợi của mình chứ không để ý đến quyền lợi kẻ khác. Do đó, thế giới chưa phải là nơi có tình huynh đệ thật, và sự gia tăng quyền lực của con người lại đe dọa hủy diệt chính nhân loại.

Một cuộc chiến cam go chống lại quyền lực bóng tối tiếp diễn trong suốt lịch sử nhân loại, khởi đầu từ khi thế giới khai nguyên và sẽ kéo dài đến ngày cuối cùng như lời Chúa phán ⁸. Dẫn thân vào cuộc chiến này, con người phải luôn luôn chiến đấu để gắn bó với sự thiện và chỉ tìm được sự thống nhất trong chính mình ^{41*} sau khi hết sức cố gắng với sự trợ giúp của ơn Chúa.

Bởi vậy, Giáo Hội Chúa Kitô, tin tưởng vào ý định của Tạo Hóa, vẫn nhìn nhận rằng tiến bộ của nhân loại có thể phục vụ hạnh phúc chân chính của con người. Nhưng Giáo Hội không thể không lặp lại lời sau đây của Thánh Phaolô: "Đừng theo thói thế trần này" (Rm 12,2) nghĩa là đừng buông mình ham chuộng hư danh và gian xảo khiến hoạt động con người vốn qui hướng về phụng sự Thiên Chúa và phục vụ con người, lại biến thành phương tiện phạm tội.

Vậy, nếu có ai hỏi phải làm gì để vượt qua tình trạng khốn khổ ấy ^{42*}, người Kitô hữu sẽ tuyên xưng rằng: mọi hoạt động của con người hàng ngày đang lâm nguy vì kiêu ngạo và lòng vị kỷ thái quá, cần được thanh tẩy và hoàn thiện nhờ thập giá và sự sống lại của Chúa Kitô. Bởi vì đã được Chúa Kitô cứu chuộc và được biến đổi thành tạo vật mới trong Chúa Thánh Thần, nên con người có thể và phải yêu mến chính các tạo vật do Thiên Chúa dựng nên. Vì nhận được tạo vật do Chúa ban, nên con người coi chúng như xuất phát từ tay Chúa và kính trọng chúng. Đang khi cảm tạ Thiên Chúa là Đấng Ban Ổn vì các tạo vật ấy cũng như đang khi sử dụng và thụ hưởng chúng trong tinh thần khó nghèo và tự do, con người thực sự thi hành quyền làm chủ thế giới, như một kẻ không có gì hết nhưng lại sở hữu tất cả ². "Vì mọi sự đều thuộc về anh em còn anh em thuộc về Chúa Kitô và Chúa Kitô thuộc về Thiên Chúa" (1Cor 3,22-23).

38. Kiện toàn hoạt động nhân loại trong mầu nhiệm phục sinh. Ngôi Lời Thiên Chúa, nhờ Người mà muôn vật được tạo thành, đã làm người và đến sống ở trên trái đất con người ¹⁰. Là con người hoàn hảo, Người đã đi vào lịch sử thế giới, đảm nhận và thâm kết lịch sử ấy nơi Người ¹¹. Chính Người mạc khải cho chúng ta "Thiên Chúa là tình thương" (1Gio 4,8) và dạy cho chúng ta biết rằng: luật căn bản để kiện toàn con người, và do đó để cải biến thế giới, là điều răn mới về tình yêu. Vậy, đối với những ai tin vào tình yêu Thiên Chúa, Người cho họ xác tín rằng con đường tình yêu mở rộng cho tất cả mọi người, và nỗ lực thiết lập tình huynh đệ đại đồng không bao giờ luống công. Người cũng nhắc nhở cho biết đức bác ái ấy không phải chỉ được thực hiện trong những việc vĩ đại, nhưng trước hết trong những hoàn cảnh thông thường của cuộc sống. Chịu chết cho tất cả chúng ta là những người tội lỗi ¹², Người lấy gương sáng dạy chúng ta xác thập giá mà xác thịt và thể gian đặt nặng trên vai những kẻ mưu tìm hòa bình và công lý. Đức Kitô được tôn làm Chúa khi sống lại và được lãnh nhận toàn quyền thống trị trên trời dưới đất ¹³; từ nay Người hoạt động trong lòng con người nhờ quyền năng Thánh Thần của Người không những bằng cách khơi dậy những khát vọng đời sau, nhưng còn từ những khát vọng đó cổ vũ, tinh luyện và củng cố những ước vọng quảng đại thúc đẩy gia đình nhân loại biến cải cuộc sống của mình trở nên nhân đạo hơn và qui phục trái đất về cùng mục đích ấy. Quả thật ơn Chúa Thánh Thần tác động mỗi người một khác: có những người được gọi làm chứng nhân tỏ tường cho sự mong đợi quê trời bảo tồn chúng ta sống động trong gia đình nhân loại, một số khác được gọi để hiến thân phục vụ con người trong phạm vi thế trần, dùng sự phục vụ ấy chuẩn bị chất liệu cho nước trời. Người giải thoát tất cả, để sau khi từ bỏ lòng vị kỷ và tập trung mọi năng lực trần thế cho cuộc sống con người, tất cả hướng về ngày mai, ngày mà nhân loại trở nên của lễ đẹp lòng Thiên Chúa ¹⁴.

Chúa đã để lại cho những kẻ thuộc về Người bảo chứng cây trồng và lương thực đi đường trong bí tích đức tin; trong bí tích ấy, những yếu tố thế trần, kết quả của lao công con người, được biến thành Mình và Máu vinh hiển, nên bữa ăn hiệp thông huynh đệ và ném hương trước bữa tiệc trên trời.

39. Trời mới và đất mới ^{43*}. Chúng ta không biết được thời gian hoàn tất của trái đất và nhân loại ¹⁵, chúng ta cũng chẳng biết cách thức biến đổi vũ trụ. Chắc chắn hình ảnh của một thế gian lệch lạc vì tội lỗi sẽ qua đi ¹⁶, nhưng chúng ta được biết Thiên Chúa đã dọn sẵn một chỗ ở mới và một đất mới, nơi công bằng ngự trị ¹⁷. Hạnh phúc nơi ấy sẽ thỏa mãn và đáp đầy mọi ước vọng hòa bình trào dâng trong lòng con người ¹⁸. Khi ấy, sự chết sẽ bị đánh bại, con cái Thiên Chúa sẽ phục sinh trong Chúa Kitô và những gì được gieo vãi trong yếu hèn, mục nát, sẽ mọc lấy sự không hư nát ¹⁹; tình yêu và các hoạt động bác ái sẽ tồn tại ²⁰ và toàn thể tạo vật mà Thiên Chúa đã dựng nên cho con người sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ phù vân ²¹.

Chúng ta đã được cảnh giác là lời lẽ cả thế gian mà chính mình hư mất nào ích lợi gì²². Nhưng sự trông đợi đất mới không được làm suy giảm, trái lại phải kích thích nỗ lực phát triển trái đất này, nơi mà Thân Thể gia đình nhân loại mới đang tăng trưởng và tiên báo một vài hình ảnh của thời đại mới. Bởi vậy, tuy phải phân biệt rõ rệt những tiến bộ trần thế với sự bành trướng Vương Quyền Chúa Kitô, nhưng những tiến bộ này trở thành quan trọng đối với Nước Thiên Chúa tùy theo mức độ chúng có thể góp phần vào việc tổ chức xã hội loài người cho tốt đẹp hơn²³.

Thực vậy, sau khi đã theo mệnh lệnh Chúa và nhờ Chúa Thánh Thần phổ biến trên trái đất các giá trị về nhân phẩm, về hiệp thông huynh đệ và tự do, nghĩa là mọi thành quả tốt đẹp do bản tính và hoạt động con người đem lại, chúng ta sẽ gặp lại chúng, nhưng là gặp lại sau khi chúng được thanh tẩy khỏi mọi tì ố, được chiếu sáng và biến đổi, nghĩa là khi Chúa Kitô giao hoàn lại Chúa Cha vương quốc vĩnh cửu và đại đồng: "Vương quốc của chân lý và sự sống, vương quốc thánh thiện và diễm phúc, vương quốc công bình, yêu thương và bình an"²⁴. Vương quốc ấy đã hiện diện cách mờ nhiệm ở trần gian này và sẽ được kiện toàn khi Chúa đến.

Chú Thích:

36* Khi chưa đề ý đến sinh hoạt của con người, ta chưa hiểu biết con người và phẩm giá của họ. Qua lịch sử, con người đã nỗ lực để chế ngự thiên nhiên và vũ trụ, hiện nay con người đã đạt tới một mức độ lớn lao trong công việc ấy. Trước sự kiện này, Công Đồng nêu ra ba thách thức:

1) Sinh hoạt có giá trị nào? Và Công Đồng trả lời: a) nó là phương tiện để phát triển và tiến tới việc thích hợp với ý muốn của Đấng Tạo Hóa. Đức tin không trái ngược với ý muốn tiến bộ đó (số 34); b) hơn thế nữa, sinh hoạt làm cho con người lớn lên về nhân cách, do đó chính con người trở nên tiêu chuẩn luân lý của sinh hoạt (số 35).

2) Sinh hoạt như thế nào? a) Làm theo những đòi hỏi riêng và chính thức của thực tại trần tục là không bao giờ đi ngược với đức tin (số 36); b) đồng thời, tội lỗi, lòng kiêu ngạo và ích kỷ có thể làm cho sinh hoạt ấy đổi ý nghĩa (số 37); c) nhưng ơn Chúa Cứu Thế thanh luyện nó. Chính Chúa Giêsu, Thiên Chúa Nhập Thể, dạy con người sinh hoạt: nhờ đức ái con người có thể xây dựng và đổi mới thế giới (số 38).

3) Sinh hoạt với mục đích gì? Thế giới cuối cùng sẽ đổi mới, chứ không hoàn toàn hư mất. (số 39). (*Trở lại đầu trang*)

37* Ba câu hỏi trên của Công Đồng có lẽ chưa đủ để biểu lộ các vấn đề bao gồm trong chương này. Hơn bao giờ hết, thần học hiện đại đang tìm hiểu thực tại trần thế. Trong chương này ta sẽ tìm thấy một số nguyên tắc căn bản để giải quyết nhiều vấn đề có thể đặt ra dưới nhiều khía cạnh khác nhau:

1) Khía cạnh tín lý thần học: a) Ta phải có quan niệm gì về vũ trụ, về lịch sử, về sinh hoạt? b) Một thuyết thần học về thực tại trần thế phải dựa trên nền tảng nào? c) Có một nhân bản chủ nghĩa Kitô giáo không? d) Cần phải nhớ thuyết "trần tục hóa" tân thời để có một học thuyết thần học về thực tại trần thế không?

2) Khía cạnh luân lý thần học: a) Giữa đòi hỏi của Nước Thiên Chúa và của thực tại trần thế, con người phải có thái độ nào? Phải sống thế mạng (chỉ hướng về đời sau) hay nhập thế? Hay là, đúng hơn: ta phải làm thế nào để điều hòa hai cực đoan ấy một cách thực tế? b) Các tín hữu có chỗ đứng ở giữa cộng đoàn nhân loại đang lo việc xây dựng thế giới không? Hay là các tín hữu phải quay lưng lại thế giới và tiến bước trên con đường khác biệt? c) Các tín hữu có chung một thứ ngôn ngữ với người ngoại giáo và người vô thần để mở cuộc đối thoại với họ được không?

3) Khía cạnh tu đức: Căn cứ vào thực tại trần thế ta có thể lập ra một thuyết nào về đời sống thiêng liêng không? Đặc biệt về đời sống giáo dân?

4) Khía cạnh tranh luận: Ta phải trả lời như thế nào? a) trước những lời tố cáo cho rằng đức tin làm cho các tín hữu tách biệt với thực tại trần thế và với các vấn đề cụ thể của cuộc sống? b) Cũng như khi người ta đồng hóa tôn giáo với những việc dị đoan phải bị khoa học loại trừ? (Trở lại đầu trang)

1 Xem Stk 1,26-27; 9,2-3; Kn 9,2-3. (Trở lại đầu trang)

2 Xem Tv 8,7 và 10. (Trở lại đầu trang)

38* Việc làm không phải là sự trừng phạt vì tội lỗi, chỉ tính cách khó nhọc của việc làm mới là kết quả của tội phạm. Do việc làm: 1) con người khắc phục thiên nhiên, 2) kiện toàn vạn vật, 3) thể hiện nhân cách: đào tạo quyền tự do, trí tuệ và ý chí cũng như sự khéo léo tinh thần và thể xác, 4) nên chính con người hoàn thiện hóa bản thân, 5) xây dựng xã hội, 6) cổ võ sự hiệp nhất giữa nhân loại, 7) giúp kiến tạo hòa bình (vì việc làm đòi hỏi sự cộng tác của nhiều người). Do đó việc làm mưu ích riêng cho con người cũng như ích chung cho xã hội và còn có thể nói là mưu ích cho cả vũ trụ nữa.

Đức tin còn cho ta biết những khía cạnh mới: 8) là nhờ việc làm ta thực hiện ý muốn của Chúa Tạo Hóa, 9) và ta góp phần để làm sáng Danh Chúa, 10) khi làm việc, con người càng giống như hình ảnh của Thiên Chúa Tạo Hóa, 11) và cộng tác với Ngài, 12) cũng như bắt chước Đấng Cứu Thế (x. GH 41e). 13) Đồng thời, nhờ ơn Chúa, chính việc làm của con người được một giá trị siêu nhiên, giống như công việc của Đấng Cứu Chuộc, để đền tội, để cầu xin, để giúp tha nhân về cùng Chúa và thánh hóa bản thân cũng như người khác: như vậy việc làm trở nên một phương tiện để thực hiện đức thương yêu. (Trở lại đầu trang)

3 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: A AS 55 (1963), trg 297. (Trở lại đầu trang)

4 Xem Sứ điệp các Nghị Phụ gửi toàn thể nhân loại vào dịp khai mạc Công Đồng Vaticanô II, tháng 10, 1962: AAS 54 (1962), trg 822-823. (Trở lại đầu trang)

5 Xem Phaolô VI, Alloc. Ad Corpus diplomaticum, 7-1-1965; AAS 57 (1965), trg 232. (Trở lại đầu trang)

39* Đây là thành kiến của những hình thức nhân bản chủ nghĩa (xem trên, số 7c). Đàng khác, nó cũng có thể là kết quả do kinh nghiệm lịch sử không tốt đẹp gây nên (xem cuối đoạn b trong số này). (Trở lại đầu trang)

6 Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo Dei Filius, ch. III: Dz 1785-1786 (3004-3005). (Trở lại đầu trang)

7 Xem Piô Paschini, Vita e opere di Galileo Galilei, 2 quyển, Pont. Accademia delle Scienze, Città del Vatic., 1964. (Trở lại đầu trang)

40* Các ngành nghệ thuật, văn chương, khoa học, kinh tế, chính trị, xã hội học, v.v... đều có đối tượng riêng biệt, phương pháp riêng biệt, kỹ thuật riêng biệt. Xét đoán một tài liệu văn

chương chẳng hạn, theo những tiêu chuẩn kinh tế mà thôi, hay là theo kỹ thuật của khoa học chính xác, dĩ nhiên là vô nghĩa! Cũng thế, xét các vấn đề tôn giáo với đầu óc mỹ thuật, văn chương, khoa học..., khi chưa được đào tạo theo nguyên tắc tôn giáo cũng không kém nguy hiểm. Bởi vậy, Công Đồng nhấn mạnh rằng thật là hết sức khôi hài, nếu chúng ta dựa trên những nguyên tắc tôn giáo để quyết định phải áp dụng kỹ thuật nào cho các thực tại trần thế. Các nhà sinh vật học, toán học, kinh tế học, chính trị..., đều phải khám phá và áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật riêng biệt của từng ngành. Đức tin sẽ không giúp họ giải quyết các vấn đề chuyên môn của họ.

Đàng khác, chân lý không thể mâu thuẫn với chân lý. Bởi thế những kết luận đúng sự thật của khoa học không thể mâu thuẫn với đức tin được (về các thực tại trần thế khác cũng phải lý luận một cách tương tự). Thiên Chúa, Đấng đã mạc khải các tín điều cũng là Đấng đã tạo nên thực tại trần thế. Thiên Chúa không thể mâu thuẫn với chính Ngài. Do đó, khi nào người ta đạt tới kết luận khoa học có vẻ trái ngược với đức tin thì phải xét lại: hoặc những kết luận đó chưa vững chắc (có thể chỉ là những giả thuyết nhất thời), hoặc cách hiểu biết tín điều còn ở trên bình diện thiếu sót, hoặc là cả hai.

Trong ghi chú, Công Đồng nhắc lại vụ án Galileô để chấp nhận phần trách nhiệm của Giáo Hội khi vội vã quyết đoán rằng giữa kết luận khoa học (quả đất xoay chung quanh mặt trời) và lời Thánh Kinh ("mặt trời dừng lại", chẳng hạn) có mâu thuẫn. Hôm nay ai cũng hiểu câu nói như vậy không khác gì những câu nói thông thường của chúng ta: "mặt trời mọc lên, lặn xuống". Về phần trách nhiệm của chính ông Galileô khi ông vượt quá biên giới khoa học để cắt nghĩa lời Thánh Kinh, thì ở đây Công Đồng không muốn nhắc đến làm gì. (*Trở lại đầu trang*)

8 Xem Mt 24,13; 13,24-30 và 36-43. (*Trở lại đầu trang*)

41* Công Đồng nói về cuộc chiến đấu giữa sự lành và sự dữ, trước hết diễn ra tại nội tâm của con người. Con người ước ao sự lành nhưng bị sự dữ lôi cuốn, nên con người bị chia rẽ, như Công Đồng đã nhắc ở phần trước (số 10a). (*Trở lại đầu trang*)

42* Trong đoạn này Công Đồng phác họa chương trình sinh hoạt về thực tại trần thế:

1) Để tránh mọi nguy cơ do lòng kiêu ngạo và tánh ích kỷ gây nên, ta phải ý thức mà chấp nhận thập giá, "nghĩa là hàng ngàn hình thức thất bại" và ngăn trở có thể xảy đến mặc dù ta đầy thiện chí và hết sức cố gắng. Thập giá đưa chúng ta đến sự phục sinh, sự thắng trận cuối cùng trên phạm vi cao hơn.

2) Ta phải yêu mến tạo vật với một lòng mến mới mẻ là kết quả của công cuộc chuộc tội. Mến tạo vật vì tạo vật là những quà tặng của Thiên Chúa.

3) Ta phải sử dụng và thụ hưởng tạo vật: nó là những phương tiện giúp ta đến cùng Thiên Chúa, đồng thời làm tròn sứ mệnh thống trị cũng như phát triển vũ trụ nói chung và bản thân nói riêng. Ta phải sử dụng và hưởng thụ tạo vật với tinh thần biết ơn, tinh thần khó nghèo (nghĩa là tinh thần siêu thoát) tạo nên sự tự do thiêng liêng, không để tạo vật buộc ta làm nô lệ nó, bất chấp những khía cạnh quyền rũ của tạo vật.

4) Thực tại trần thế có giá trị mới sau khi Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể; đức bác ái là điều răn mới của Chúa Kitô phải điều khiển các sinh hoạt thuộc về thực tại trần thế dưới ơn thúc đẩy của Chúa Thánh Thần (số 38a).

5) Trong thực tế, thái độ của tín hữu đối với thực tại trần thế sẽ khác nhau tùy theo ơn Chúa Thánh Thần đó: tuy rằng không hề khinh rẻ tạo vật nhưng một số người thoát tục và do đó làm

chúng cho đời sau, trong khi người khác dần thân để nhờ tạo vật phục vụ đồng loại (số 38a).
(Trở lại đầu trang)

9 Xem 2Cor 6,10. (Trở lại đầu trang)

10 Xem Gio 1,3 và 14. (Trở lại đầu trang)

11 Xem Eph 1,10. (Trở lại đầu trang)

12 Xem Gio 3, 14-16; Rm 5,8-10. (Trở lại đầu trang)

13 Xem CvTđ 2,36; Mt 28,18. (Trở lại đầu trang)

14 Xem Rm 15,16. (Trở lại đầu trang)

43* Trong số này Công Đồng giải quyết thắc mắc sau đây: nếu thế giới, sau khi được xây dựng với biết bao nỗ lực, việc làm, vất vả, sẽ phải bị tiêu tan trong ngày tận thế, thì sinh hoạt về thực tại trần thế có phải thành vô nghĩa không? Công Đồng dạy: a) Theo như Thánh Kinh cho biết, thế giới sẽ đổi mới, chứ không tan nát. b) Tuy chưa biết rõ như thế nào, nhưng việc làm của ta sẽ đem lại kết quả đời đời. Đặc biệt những công việc bác ái, cũng như chính đức ái, sẽ tồn tại vĩnh viễn. c) Tuy rằng ta không thể đồng hóa sự tiến bộ trần thế của nhân loại với sự mở rộng nước Thiên Chúa, nhưng khi chúng ta phục vụ nhân loại và làm cho phẩm giá con người hay tình anh em và sự tự do, v.v... phát triển, tức là chúng ta đóng góp vào nước Thiên Chúa những điều sẽ tồn tại mãi mãi sau khi thế giới này được tẩy luyện và biến hình. (Trở lại đầu trang)

15 Xem CvTđ 1,7. (Trở lại đầu trang)

16 Xem 1Cor 7,31; T. Ireneô, Adv. Haereses, V, 36, 1: PG 7,1222. (Trở lại đầu trang)

17 Xem 2Cor 5,2; 2P 3,13. (Trở lại đầu trang)

18 Xem 1Cor 2,9; Kh 21,4-5. (Trở lại đầu trang)

19 Xem 1Cor 15,42 và 53. (Trở lại đầu trang)

20 Xem 1Cor 13,8; 3,14. (Trở lại đầu trang)

21 Xem Rm 8,19-21. (Trở lại đầu trang)

22 Xem Lc 9,25. (Trở lại đầu trang)

23 Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 207. (Trở lại đầu trang)

24 Missale Romanum, Kinh Tiền Tụng Lễ Chúa Kitô Vua. (Trở lại đầu trang)

Chương IV

Sứ Mệnh Của Giáo Hội

Trong Thế Giới Ngày Nay ^{44*}

40. *Tương quan giữa Giáo Hội và thế giới.* Tất cả những gì chúng ta đã trình bày về phẩm giá con người, về cộng đoàn nhân loại, về ý nghĩa sâu xa của hoạt động nhân loại tạo thành căn bản cho sự tương quan giữa Giáo Hội và thế giới cũng như nền tảng cho cuộc đối thoại giữa đôi bên ¹. Bởi vậy, dựa trên tất cả những gì về mầu nhiệm Giáo Hội mà Công Đồng này đã tuyên bố, trong chương này sẽ phải đề cập đến cũng chính Giáo Hội, xét như thực tại hiện diện ở thế giới này, cùng sống và cùng hoạt động với thế giới ấy.

Phát sinh từ tình yêu Chúa Cha muôn đời ², do Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ thiết lập trong thời gian, được qui tụ trong Chúa Thánh Thần ³, Giáo Hội có mục đích cứu rỗi và cánh chung.

Mục đích này chỉ có thể thành tựu trọn vẹn trong thời kỳ sẽ đến. Nhưng giờ đây Giáo Hội đã hiện diện trên trái đất này rồi, được qui tụ gồm những con người là phần tử của xã hội trần gian; họ được kêu gọi để hợp thành gia đình các con cái Thiên Chúa ngay trong lịch sử nhân loại, ngõ hầu tăng trưởng luôn mãi cho tới khi Chúa đến. Hiệp nhất để nhằm đạt những của cải thiêng liêng, trở nên giàu có vì những của cải ấy, gia đình này "như một xã hội được thiết lập qui củ trên trần gian"⁴, được trang bị "các phương thế thích hợp để kết hiệp thành một xã hội hữu hình"⁵. Như thế, là "một đoàn thể hữu hình và là cộng đoàn thiêng liêng"⁶, Giáo Hội đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ một số phận trần thế với thế giới; Giáo Hội như men và hồn của xã hội loài người⁷, sẽ được đổi mới trong Chúa Kitô và biến thành gia đình của Thiên Chúa.

Thực ra, sự tương nhập giữa hai xã hội trần thế và thiên đàng chỉ có thể nhận thức được qua đức tin. Hơn nữa, đó còn là một mâu nhiệm của lịch sử nhân loại, một lịch sử bị tội lỗi xáo trộn cho đến khi vinh quang con cái Thiên Chúa được mạc khải đầy đủ. Tuy nhiên trong khi đeo đuổi mục đích cứu rỗi cá biệt của mình, Giáo Hội không phải chỉ truyền thông sự sống Thiên Chúa cho con người, nhưng còn chiếu giải ánh sáng của đời sống ấy cách nào đó trên toàn thế giới. Giáo Hội làm công việc này, trước hết bằng cách chữa trị và nâng cao phẩm giá nhân vị, củng cố cơ cấu của xã hội nhân loại và thâm nhuần cho hoạt động thường nhật của con người một chiều hướng và một ý nghĩ sâu xa hơn. Như thế, nhờ từng phần tử và tất cả cộng đoàn, Giáo Hội tin tưởng có thể đóng góp nhiều vào việc biến đổi gia đình và lịch sử loài người trở nên nhân đạo hơn.

Ngoài ra, Giáo Hội Công Giáo sẵn sàng tán thưởng những việc mà các Giáo Hội Kitô giáo hay các cộng đoàn giáo hội khác đã và còn đang thực hiện để đóng góp vào việc chu toàn cùng một bổn phận này. Đồng thời, Giáo Hội xác tín mạnh mẽ rằng thế giới có thể có nhiều cách góp phần lớn lao vào việc dọn đường cho Phúc Âm bằng tài năng và hoạt động cá nhân cũng như của xã hội. Sau đây là một vài nguyên tắc tổng quát để phát triển đúng mức mối tương quan và tương trợ trong những phạm vi mà Giáo Hội và thế giới có phần chung nhau.

41. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng cống hiến mỗi người. Con người hiện đại đang trên đường phát triển trọn vẹn nhân cách của mình và càng ngày càng xác định quyền lợi của mình rõ rệt hơn. Được trao phó nhiệm vụ tỏ bày mâu nhiệm của Thiên Chúa, Đấng làm cùng đích của con người, Giáo Hội cũng đồng thời tỏ cho con người biết ý nghĩa của cuộc đời con người, tức là sự thật thâm sâu về con người. Giáo Hội biết chắc rằng chỉ có Thiên Chúa mà Giáo Hội phụng sự mới đáp ứng được các ước vọng sâu xa nhất của lòng người. Lòng người không bao giờ hoàn toàn thỏa mãn với những của ăn trần thế. Giáo Hội cũng biết rằng con người được Thánh Thần Chúa không ngừng thúc đẩy, sẽ không bao giờ hoàn toàn lãnh đạm trước vấn đề tôn giáo, như kinh nghiệm quá khứ và nhiều chứng tích của thời đại chúng ta minh chứng. Thực vậy, con người luôn khao khát muốn biết, ít là một cách mơ hồ, cuộc sống, hoạt động và cái chết của mình có ý nghĩa gì. Chính sự hiện diện của Giáo Hội nhắc nhở cho con người nhớ đến những vấn đề ấy. Chỉ có Thiên Chúa là Đấng tạo dựng con người giống hình ảnh Ngài và cứu thoát con người khỏi tội lỗi, mới giải đáp đầy đủ các vấn đề ấy. Ngài giải đáp bằng cách mạc khải trong Con của Ngài là Chúa Kitô, Đấng đã hóa thân làm người. Ai theo Chúa Kitô, Con Người hoàn hảo, kẻ ấy sẽ được trở nên người hơn.

Dựa trên đức tin ấy Giáo Hội có thể cứu gỡ phẩm giá của bản tính con người khỏi mọi trào lưu tư tưởng di động không ngừng giữa sự khinh dể và tôn sùng thái quá đối với thân xác con

người. Không một luật lệ nào có thể đảm bảo phẩm vị và tự do con người cách thích đáng bằng Phúc Âm Chúa Kitô, đã được trao phó cho Giáo Hội. Thực vậy, Phúc Âm loan báo và công bố sự tự do của con cái Thiên Chúa, phủ nhận mọi hình thức nô lệ vì mọi ách nô lệ rốt cuộc đều bởi tội lỗi mà ra ⁸. Phúc Âm tôn trọng triệt để phẩm giá và quyết định tự do của lương tâm, lại không ngừng nhắc nhở phát huy mọi tài năng để phụng sự Thiên Chúa và mưu ích cho mọi người. Sau hết, Phúc Âm còn dạy mọi người phải thương yêu nhau ⁹. Những điều đó phù hợp với luật căn bản trong nhiệm cuộc cứu rỗi của Kitô giáo. Vì, tuy Thiên Chúa vừa là Đấng Cứu Độ, vừa là Đấng Tạo Dựng, vừa làm Chủ lịch sử nhân loại, vừa làm Chủ lịch sử cứu rỗi, nhưng trong chính chương trình của Thiên Chúa, sự tự trị đúng mức của tạo vật và nhất là của con người không hề bị hủy diệt, trái lại còn được phục hồi và củng cố trong phẩm giá riêng.

Vậy, Giáo Hội dựa vào Phúc Âm đã được ủy thác cho mình mà công bố những quyền lợi của con người, nhìn nhận và tôn trọng năng động của thời hiện đại hiện đang cổ võ những quyền lợi ấy khắp nơi. Tuy nhiên, những trào lưu đó phải được thẩm nhuần tinh thần Phúc Âm và phải được bảo vệ cho khỏi nhiễm mọi hình thức tự trị sai lầm. Thực vậy, chúng ta dễ bị cám dỗ nghĩ rằng các quyền lợi của chúng ta chỉ được duy trì trọn vẹn khi trút bỏ mọi Luật Lệ của Thiên Chúa. Nhưng thực ra, đó là đường lối làm cho phẩm giá con người chẳng những không được duy trì mà còn bị tiêu tan đi. ^{45*}

42. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng mang đến cho xã hội nhân loại. Sự thống nhất gia đình nhân loại được củng cố và bổ túc ^{46*} nhiều nhờ sự hiệp nhất của gia đình con cái Chúa đã được thiết lập trong Chúa Kitô ¹⁰.

Sứ mệnh riêng biệt mà Chúa Kitô đã ủy thác cho Giáo Hội Người không thuộc phạm vi chính trị, kinh tế hay xã hội: mục đích Người đã ấn định cho Giáo Hội thuộc phạm vi tôn giáo ¹¹. Nhưng, bởi chính sứ mệnh tôn giáo ấy, phát sinh bồn phận, ánh sáng và những sức mạnh có thể giúp thiết lập và củng cố cộng đoàn nhân loại theo Luật Lệ của Thiên Chúa; cũng thế, khi có nơi nào cần, chính Giáo Hội có thể và hơn nữa, phải phát động, tùy theo hoàn cảnh thời gian và nơi chốn, những công cuộc nhằm phục vụ mọi người, nhất là những người cùng khốn, thí dụ như các công cuộc từ thiện hoặc những tổ chức khác tương tự.

Giáo Hội còn nhìn nhận tất cả những gì tốt đẹp trong năng động xã hội hiện tại: nhất là sự tiến tới hiệp nhất, tiến trình xã hội hóa lành mạnh và sự liên đới trong phạm vi công quyền và kinh tế. Thực vậy, việc cổ võ hiệp nhất phù hợp với sứ mệnh sâu xa của Giáo Hội, vì chính Giáo Hội ở "trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại" ¹². Như thế, chính Giáo Hội bày tỏ cho thế giới biết rằng sự hiệp nhất bên ngoài trong phạm vi xã hội bắt nguồn từ sự hiệp nhất tâm trí, nghĩa là từ đức tin và đức mến, căn bản hiệp nhất bất khả phân ly của Giáo Hội trong Chúa Thánh Thần. Sinh lực mà Giáo Hội có thể chuyển thông cho xã hội nhân loại ngày nay là đức tin và đức mến ấy, được thể hiện trong cuộc sống, chứ không phải do thể lực bên ngoài nào dựa vào những phương thế hoàn toàn nhân loại.

Hơn nữa, bởi sứ mệnh và bản chất, Giáo Hội không cấu kết với một hình thức văn hóa nhân loại đặc thù nào, hoặc một chế độ chính trị, kinh tế hay xã hội nào. Nhờ tính cách phổ quát ấy, Giáo Hội có thể là một mối dây liên kết hết sức chặt chẽ giữa các cộng đoàn nhân loại và các quốc gia khác nhau, miễn là các quốc gia và cộng đoàn nhân loại ấy tin tưởng vào Giáo Hội và thực sự nhìn nhận Giáo Hội có quyền tự do đích thực để chu toàn sứ mệnh mình. Vì vậy, Giáo Hội khuyến cáo các con cái mình và hết mọi người: hãy vượt qua mọi tranh chấp giữa các quốc

gia, chủng tộc trong tinh thần gia đình con cái Thiên Chúa và củng cố các hiệp hội nhân loại chính đáng.

Công Đồng quý trọng ngưỡng mộ tất cả những gì chân thật, tốt lành và chính đáng trong các tổ chức rất khác biệt mà nhân loại đã và còn đang không ngừng thành lập cho mình. Công Đồng cũng tuyên bố rằng: Giáo Hội muốn trợ giúp và cổ vũ mọi tổ chức ấy trong những gì liên hệ và khả dĩ phù hợp với sứ mệnh của Giáo Hội. Giáo Hội không ao ước gì hơn là được tự do phát triển dưới mọi chế độ để phục vụ lợi ích mọi người, miễn là các chế độ này nhìn nhận những quyền lợi căn bản của con người, của gia đình và những đòi hỏi của công ích.

43. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng nhờ các Kitô hữu mang đến cho hoạt động nhân loại^{47*}. Công Đồng khuyến khích các Kitô hữu, công dân của cả hai đô thị, hãy nỗ lực chu toàn cách trung thành những bổn phận trần thế của họ và chu toàn dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc Âm. Thực sai lầm cho những ai đang khi biết rằng chúng ta không có một quê hương trường tồn ở trần thế và đang phải kiếm tìm một quê hương hậu lai để rồi vì đó tưởng rằng mình có thể xao lãng các bổn phận trần gian¹³, như thế là không nhận thấy chính đức tin buộc phải chu toàn các bổn phận đó hoàn hảo hơn, mỗi người tùy theo ơn gọi của mình¹⁴. Ngược lại, cũng sai lầm không kém đối với những ai nghĩ rằng có thể dấn thân hoàn toàn vào công việc trần thế như thể các công việc ấy hoàn toàn xa lạ với đời sống tôn giáo, vì cho rằng đời sống tôn giáo chỉ còn hệ tại những hành vi phượng tự và một vài bổn phận luân lý phải chu toàn. Sự phân ly giữa đức tin mà họ tuyên xưng và cuộc sống thường nhật của nhiều người phải kể vào số những sai lầm trầm trọng nhất của thời đại chúng ta. Và gương mù này ngay trong Cựu Ước các Tiên Tri đã mạnh mẽ tố cáo¹⁵ và trong Tân Ước chính Chúa Giêsu Kitô còn ngăm đe nhiều hơn nữa bằng những hình phạt nặng nề¹⁶. Vậy, không được đem sinh hoạt nghề nghiệp và xã hội mà đối nghịch cách giả tạo với đời sống tôn giáo. Đối với người Kitô hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với người lân cận và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa. Theo gương Chúa Giêsu đã sống như một người thợ, các Kitô hữu hãy vui mừng vì có thể thi hành mọi hoạt động trần thế mà đồng thời có thể liên kết trong một tổng hợp sống động duy nhất, các cố gắng nhân loại, gia đình, nghề nghiệp, khoa học hay kỹ thuật với các giá trị tôn giáo. Dưới sự điều hướng tối cao của các giá trị tôn giáo này, mọi sự được qui hướng về vinh danh Thiên Chúa.

Những phận vụ và sinh hoạt trần thế thuộc lãnh vực riêng của giáo dân, tuy không độc quyền thuộc về họ. Vì vậy, khi hoạt động, cá nhân hay đoàn thể, với tư cách công dân trần thế, không những họ phải tôn trọng các luật lệ riêng của mỗi ngành nhưng còn phải ra sức tự luyện khả năng chuyên môn thực sự trong các lãnh vực ấy. Họ sẽ sẵn lòng hợp tác với những người cùng theo đuổi những mục đích chung. Nhìn nhận các đòi hỏi và hưởng nhờ sức mạnh của đức tin, khi cần, họ sẽ không do dự đề nghị và thực hiện những sáng kiến mới. Một khi được đào luyện cách thích hợp, lương tâm họ phải đem luật Chúa thâm nhập cuộc sống của xã hội trần gian. Giáo dân hãy mong đợi ánh sáng và sức mạnh tinh thần nơi các linh mục. Tuy nhiên, họ đừng vì thế mà nghĩ rằng: các chủ chăn có đủ thẩm quyền chuyên môn để có thể có ngay một giải pháp cụ thể cho mọi vấn đề xảy ra, kể cả những vấn đề quan trọng. Cũng đừng lầm tưởng các chủ chăn vốn có sứ mạng ấy. Nhưng tốt hơn là chính họ, được đức khôn ngoan Kitô giáo soi dẫn và cẩn thận chú ý các giáo huấn của Giáo Hội¹⁷, hãy nhận lấy trách nhiệm của mình.

Thường thì chính vũ trụ quan Kitô giáo sẽ hướng dẫn họ chọn một giải pháp nhất định nào đó tùy hoàn cảnh. Tuy nhiên, cũng có những tín hữu khác, dầu khá thực tâm, sẽ thẩm định cách

khác về cùng một vấn đề, như thường thấy xảy ra; và sự thẩm định đó vẫn được coi là hợp lý như thường. Nhiều người dễ dàng gán ghép với sứ điệp Phúc Âm những giải pháp mà họ đề ra, mặc dầu nhiều khi ngoài ý muốn của họ. Nhưng nên nhớ trong các trường hợp trên, không ai được độc quyền giành lấy thẩm quyền của Giáo Hội để biện minh cho lập trường riêng ^{48*}. Phải luôn luôn nỗ lực soi dẫn nhau bằng đối thoại thành thực, bảo toàn tình tương ái và trước hết mưu cầu công ích.

Người giáo dân có những phận vụ tích cực phải chu toàn trong toàn thể đời sống Giáo Hội. Không những họ phải đem tinh thần Kitô giáo thấm nhuần thế giới nhưng còn được kêu gọi làm chứng cho Chúa Kitô trong mọi hoàn cảnh, ngay giữa lòng cộng đoàn nhân loại.

Còn các Giám Mục đã được ủy thác việc điều hành Giáo Hội Chúa hãy cùng các linh mục của mình rao giảng sứ điệp của Chúa Kitô, sao cho mọi hoạt động trần thế của các tín hữu thấm nhuần ánh sáng Phúc Âm. Hơn nữa, tất cả các chủ chăn hãy nhớ rằng các Ngài sẽ biểu lộ cho thế giới một khuôn mặt của Giáo Hội qua thái độ và ưu tư hằng ngày của mình ¹⁸. Qua khuôn mặt ấy, người ta phán đoán về sức mạnh và chân lý của sứ điệp Kitô giáo. Bằng đời sống và lời giảng, họp cùng các tu sĩ và giáo hữu của mình, các ngài hãy minh chứng rằng Giáo Hội, nguyên bằng sự hiện diện và kho tàng ân huệ của mình, đã là nguồn vô tận của những mãnh lực mà thế giới ngày nay rất cần. Các Ngài hãy trau dồi khả năng bằng cách chuyên cần học hỏi sao cho có thể đóng trọn vai trò trách nhiệm của mình trong khi đối thoại với thế giới và những người thuộc bất cứ lập trường nào. Nhưng, trước hết xin các ngài hãy ghi lòng những lời sau đây của Công Đồng: "Ngày nay, vì nhân loại ngày càng hiệp nhất về dân sự, kinh tế và xã hội, nên các Linh Mục càng phải loại trừ mọi mầm mống chia rẽ, phải nối kết cố gắng và khả năng mình dưới sự hướng dẫn của các Giám Mục và Giáo Hoàng, để toàn thể nhân loại hiệp nhất trong gia đình Thiên Chúa" ¹⁹.

Mặc dù Giáo Hội, với sức mạnh của Chúa Thánh Thần, vẫn là hiện thân trung tín của Chúa mình và không ngừng là dấu chỉ ơn cứu rỗi trong thế giới, tuy nhiên Giáo Hội biết rõ rằng trải qua bao nhiêu thế kỷ vẫn không thiếu những phân tử trong Giáo Hội ²⁰, giáo dân hoặc giáo sĩ, sống bất trung cùng Thánh Thần Chúa. Ngay trong thời đại chúng ta, Giáo Hội không quên sự cách biệt lớn lao giữa sứ điệp do Giáo Hội công bố và sự yếu đuối nhân loại của những người được giao phó rao giảng Phúc Âm. Dầu lịch sử có phê phán thế nào về những khiếm khuyết ấy, chúng ta cũng phải ý thức và mạnh mẽ khử trừ những thiếu sót để khỏi phương hại đến việc rao giảng Phúc Âm. Cũng vậy, trong việc mở rộng tương quan với thế giới, Giáo Hội biết mình phải luôn trưởng thành nhờ kinh nghiệm qua các thế kỷ, Được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, Mẹ Giáo Hội không ngừng "khuyên giục con cái thanh tủy và canh tân, để ấn dấu của Chúa Kitô chiếu sáng rạng ngời hơn trên khuôn mặt Giáo Hội" ²¹.

44. Sự trợ giúp mà Giáo Hội nhận được nơi thế giới ngày nay ^{49*}. Cũng như thế giới cần phải nhìn nhận Giáo Hội như một thực thể xã hội lịch sử và như men của lịch sử, Giáo Hội cũng biết mình đã nhận được rất nhiều nơi lịch sử và sự tiến hóa của nhân loại.

Kinh nghiệm của những thế kỷ đã qua, tiến bộ của khoa học, các kho tàng hàm chứa trong những hình thức văn hóa nhân loại khác nhau, biểu lộ đầy đủ hơn bản tính của chính con người và mở ra những con đường mới dẫn đến chân lý: tất cả những điều ấy đều hữu ích cho Giáo Hội. Thực vậy, chính Giáo Hội ngay từ buổi đầu của lịch sử mình đã ra sức diễn tả sứ điệp của Chúa Kitô bằng những ý niệm và ngôn ngữ của nhiều dân tộc. Hơn nữa, Giáo Hội còn cố gắng dùng sự khôn ngoan của các triết gia để làm sáng tỏ sứ điệp ấy. Làm như thế, nhằm thích nghi

Phúc Âm, trong mức độ có thể, với tầm hiểu biết của mọi người cũng như với những đòi hỏi của các nhà hiền triết. Rao giảng lời mạc khải cách thích nghi như vậy còn phải là luật lệ cho mọi công cuộc truyền giáo, bởi vì có như vậy mới khơi dậy trong mọi quốc gia khả năng diễn tả sứ điệp Chúa Kitô theo lối riêng của mình và đồng thời mới cổ vũ được sự trao đổi linh động giữa Giáo Hội và những nền văn hóa khác nhau của các dân tộc ²². Để xúc tiến những cuộc trao đổi như thế, nhất là trong thời đại chúng ta, thời mà sự vật biến đổi rất nhanh và lối suy tư rất nhiều khác biệt, Giáo Hội đặc biệt cần đến sự đóng góp của những người sống trong thế giới và biết rõ các tổ chức và bộ môn khác nhau, cũng như thấu triệt tinh thần các tổ chức và bộ môn đó, dầu họ có đức tin hay không. Bôn phận của toàn thể Dân Chúa, đặc biệt của các chủ chăn và các nhà thần học là nhờ sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, đón nghe, phân biệt và giải thích các tiếng nói của thời đại, rồi phán đoán dưới ánh sáng lời Chúa để Chân Lý mạc khải luôn được thấu triệt, được hiểu rõ và trình bày cách thích hợp hơn.

Giáo Hội có một cơ cấu xã hội hữu hình, dấu hiệu của sự hiệp nhất trong Chúa Kitô, nên Giáo Hội cũng có thể được giàu có thêm và thực sự đang được giàu có thêm nhờ sự tiến hóa của cuộc sống xã hội nhân loại, không phải vì định chế do Chúa Kitô ban cho Giáo Hội như thiếu một điều gì, nhưng là để định chế đó được hiểu biết sâu xa hơn, được diễn tả trung thực hơn và được thích nghi hoàn hảo hơn với thời đại chúng ta. Với lòng biết ơn, Giáo Hội nhận thấy rằng Giáo Hội đã được nhiều người thuộc mọi giai cấp và hoàn cảnh giúp đỡ nhiều cách cho chính cộng đoàn cũng như cho từng con cái mình. Quả thực, tất cả những ai phát triển cộng đoàn nhân loại trong phạm vi gia đình, văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị và trên bình diện quốc gia, cũng như quốc tế, đều trợ giúp không ít cho cộng đoàn Giáo Hội, theo như ý định của Thiên Chúa, trong mức độ Giáo Hội lệ thuộc những yếu tố bên ngoài. Hơn nữa, Giáo Hội còn nhìn nhận rằng chính sự chống đối của những kẻ công kích hay bách hại Giáo Hội đã và còn đang có thể giúp ích cho Giáo Hội ²³.

45. Chúa Kitô, Alpha và Omega. Khi trao đổi với thế giới những sự giúp đỡ hỗ tương, Giáo Hội nhằm một mục đích duy nhất là: làm cho Nước Chúa trị đến và toàn thể nhân loại được cứu rỗi. Mọi lợi ích mà Dân Chúa trong thời gian hành trình tại thế có thể đem lại cho gia đình nhân loại đều phát xuất từ sự kiện này: Giáo Hội là "bí tích phổ quát cứu rỗi" ²⁴, tỏ bày và đồng thời thực hiện mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa đối với con người.

Quả thực, Ngôi Lời Thiên Chúa, nhờ Người mà muôn vật được tạo thành, đã làm người, là Con Người hoàn hảo, Người cứu rỗi mọi người và kết thân vạn vật nơi Người. Chúa là cùng đích của lịch sử nhân loại, là điểm qui tụ mọi ước vọng của lịch sử và văn minh, là trung tâm của nhân loại, là niềm vui của tâm hồn và đáp ứng mọi niềm khao khát ²⁵. Chính Người là Đấng Chúa Cha đã phục sinh từ kẻ chết, đã tôn vinh và cho ngự bên hữu, đặt làm thẩm phán kẻ sống và kẻ chết. Được sống động và tụ họp trong Thánh Thần Ngài, chúng ta đang hành trình hướng về chung cục lịch sử nhân loại, phù hợp với ý định yêu thương của Ngài: "kết thân tất cả trong Chúa Kitô: mọi sự trên trời dưới đất" (Eph 1,10).

Chính Chúa đã nói: "Vậy tiền công của ta sẵn đây rồi, này ta đến gấp mà trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm. Ta là Alpha và Omega, thứ nhất và sau chót, nguyên thủy và cứu cánh" (Kh 22,12-13) ^{50*}.

44* Trong chương này Công Đồng muốn trình bày vai trò của Giáo Hội ở giữa thế giới (40a): Trước hết, nhắc lại khởi nguyên của Giáo Hội, mục đích, phần tử (40b), sứ mệnh siêu nhiên cũng như tự nhiên (40c), và sự cộng tác cần thiết của mọi người (40d).

1) Vai trò đối với từng cá nhân (tương ứng với chương I trên đây): Giáo Hội soi sáng ý nghĩa ước ao của con người (41a), Giáo Hội cũng bảo vệ nhân phẩm đích thực (tìm thấy ở giữa một số cực đoan) (41b) và công nhận nhân quyền rồi đem tinh thần Phúc Âm vào việc cổ võ quyền lợi ấy (41c).

2) Đối với xã hội (tương ứng với chương II): Giáo Hội giúp đỡ nhân loại hiệp nhất chặt chẽ hơn (42a) và đem tinh thần mới nhập vào cơ cấu xã hội. Hoạt động xã hội của Giáo Hội như vậy là hợp lý (42b,c,d).

3) Đối với sinh hoạt xã hội (tương ứng với chương III): Đức tin đòi phải chu toàn nhiệm vụ sinh hoạt xã hội (43a). Đó là phận vụ riêng biệt của giáo dân đã được đào tạo và có trách nhiệm (43b). Họ phải cộng tác với người khác và lo cho ích chung (43c), trong khi đem tinh thần Kitô giáo và sinh hoạt đó (43d). Phần giáo sĩ, các ngài phải soi sáng giáo dân và phải làm gương về các đức tính xã hội (43e). Là dấu chứng về sự cứu độ, Giáo Hội phải luôn luôn nỗ lực để tự tinh luyện (43f).

4) Thế giới cũng giúp đỡ Giáo Hội: Khi Giáo Hội tiếp xúc với nhiều nền văn minh khác nhau và tìm cách rao giảng Phúc Âm một cách thích nghi, thì chính Giáo Hội trở nên phong phú hơn (44a,b). Đàng khác mọi tiến bộ nhân loại cũng giúp ích cho Giáo Hội (44c).

5) Giáo Hội phục vụ thế giới khi làm tròn sứ mệnh riêng là mở rộng nước Thiên Chúa (44a) và rao giảng về Chúa Kitô, Đấng đã sáng lập mọi sự đồng thời là trung tâm điểm, là cùng đích của mọi sự (44b,c). (Trở lại đầu trang)

1 Xem Phaolô VI, Tđ. Ecclesiam suam, III: AAS 56 (1964), trg 637-659. (Trở lại đầu trang)

2 Xem Tit 3,4: "Philanthropia". (Trở lại đầu trang)

3 Xem Eph 1,3; 13-14; 23. (Trở lại đầu trang)

4 Xem Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. I, số 8: AAS 57 (1965), trg 12. (Trở lại đầu trang)

5 N.v.t., ch. II, số 9: AAS 57 (1965), trg 14; - x. số 8: AAS, n.v.t., trg 11. (Trở lại đầu trang)

6 N.v.t., ch. I, số 8: AAS 57 (1965), trg 11. (Trở lại đầu trang)

7 Xem n.v.t., ch. IV, 38: AAS 57 (1965), trg 43 và ghi chú 120. (Trở lại đầu trang)

8 Xem Rm 8,14-17. (Trở lại đầu trang)

9 Xem Mt 22,39. (Trở lại đầu trang)

45* Đối với con người hiện nay, con người giàu có với mọi hình thức nhân bản, với tất cả những tiến bộ khoa học và xã hội, Giáo Hội có thể đem đến lợi ích gì? Giáo Hội đem lại ánh sáng chính yếu để con người tự biết mình và bảo vệ nhân phẩm. Nếu không biết Thiên Chúa, con người làm sao hiểu biết sự thật thâm sâu về mình được. Không biết mình, con người không thể nào trả lời cho những vấn nạn căn bản về ý nghĩa cuộc sống, sinh hoạt và sự chết. Không biết Chúa Kitô là con người hoàn hảo, con người không thể nào trở nên đầy đủ (41a). Khi nào tự biết mình và phẩm giá đích thực của mình, con người mới có thể lên tiếng đòi cho mình các quyền lợi nhân bản một cách đầy đủ và hợp lý cũng như xứng hợp với đức tin. (Trở lại đầu trang)

46* Công Đồng đã nhắc lại sự thống nhất của nhân loại (số 29) có nền tảng tự nhiên là sự thống nhất sinh vật, sự thống nhất về bản tính và do đó về các quyền lợi căn bản. Và lại bản tính xã hội sẽ thúc đẩy con người hiệp nhất một ngày một hơn (số 6,25). Mặt khác sự thống nhất của nhân loại cũng có nền tảng siêu nhiên, vì, như đức tin dạy, tất cả mọi người được Thiên Chúa dựng nên và có cùng một cứu cánh là chính Thiên Chúa. Tất cả đã được Chúa Kitô cứu chuộc, tất cả đã được mời gọi để trở nên con cái Thiên Chúa và anh em với nhau. Luật mới của những con người mới ấy là luật thương yêu lẫn nhau.

Vì là một thân thể, một dân tộc duy nhất, Giáo Hội giúp đỡ nhân loại thực hiện lý tưởng thống nhất. Vì là bí tích, tức là dấu chứng và dụng cụ để giúp đỡ nhân loại kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa và hiệp nhất với nhau (42c), Giáo Hội góp phần lớn lao để thống nhất loài người. Đó chính là sứ mệnh của Giáo Hội vậy (số 92a). (Trở lại đầu trang)

10 Xem CĐ. Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II, số 9: AAS 57 (1965), trg 12-14. (Trở lại đầu trang)

11 Xem Piô XII, Allocutio ad Cultores historiae et artis, 9-3-1956: AAS 48 (1956), trg 212: "Trong phạm vi văn hóa, vị Sáng Lập thần linh của Giáo Hội là Chúa Kitô không ban cho Giáo Hội một sứ mệnh nào cũng không ấn định một mục đích nào. Mục đích mà Chúa Kitô nhằm là thuần túy tôn giáo (...) Giáo Hội phải dẫn dắt mọi người đến với Chúa để họ phó thác cho Ngài mà không dẫn đo (...) Giáo Hội không khi nào có thể để mục đích thuần túy tôn giáo, siêu nhiên này lọt ra ngoài tầm nhãn giới của mình. Ý nghĩ a mọi hoạt động của Giáo Hội cả đến tận khoản cuối cùng của Bộ Giáo Luật chỉ qui về mục đích đó cách trực tiếp hay gián tiếp". (Trở lại đầu trang)

12 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. I, số 1: AAS 57 (1965), trg 5. (Trở lại đầu trang)

47* Sống trong thế gian tín hữu phải tránh hai thái độ sai lầm: 1) bỏ sót công việc trần thế để chỉ lo cho việc đạo đức; 2) chìm đắm trong công việc trần thế và coi công việc này như không có liên quan gì đến việc đạo đức.

Qua cả hai sự sai lầm trên, người ta tách biệt đời sống tôn giáo và đời sống nghề nghiệp hay đời sống trần thế nếu nói rộng hơn (cuộc giải trí, văn hóa...) và lại hành động theo luân lý cá nhân (số 30).

Đức tin phải ảnh hưởng trên cả đời sống và ta phải đem tinh thần Phúc Âm vào công việc trần thế: vào nghề nghiệp, vào giao thiệp với người khác, vào văn hóa, vào cuộc giải trí v.v... "Đối với người Kitô hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với những người lân cận và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa": vì bổn phận trần thế là phương tiện để thực hành đức mến đối với anh em và đối với Thiên Chúa. Không thực hành đức mến tức là phạm đến toàn thể bộ luật (x. Gal 5,14). Cho nên kẻ nào xao lãng bổn phận trần thế hay là tách rời nó khỏi ảnh hưởng của tinh thần Phúc Âm tức là người không sống đạo, họ không phải là người công giáo. (Trở lại đầu trang)

13 Xem Dth 13,14. (Trở lại đầu trang)

14 Xem 2Th 3,6-13; Eph 4,28. (Trở lại đầu trang)

15 Xem Is 58,1-12. (Trở lại đầu trang)

16 Xem Mt 23,3-33; Mc 7,10-13. (Trở lại đầu trang)

17 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra, IV: AAS 53 (1961), trg 456-457 và I :n.v.t., trg 407, 410-411. (Trở lại đầu trang)

48* "3) Sau khi nhắc lại những nguyên tắc tổng quát trên đây, Hàng Giáo Phẩm Công Giáo Việt Nam chiếu theo những sự kiện lịch sử, chính trị, xã hội, tôn giáo hiện tại trong nước, đồng thanh xác định như sau: a) Không cho phép một đảng phái nào lấy tên là "Công Giáo" hay là "Thiên Chúa Giáo", để rồi đảng ấy có thể xuất hiện như là đảng phái của Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam. b) Kêu mời giáo dân Công Giáo phải ý thức rằng: sức mạnh của họ trước hết phải ở trong tinh thần Chúa Giêsu - tức là tinh thần Phúc Âm được mọi người sống động và chiếu dọi chung quanh, như đã trình bày trong những đoạn nói trên. c) Tuy nhiên để áp dụng nguyên tắc số 2 ở trên, hết mọi người Công Giáo - với tư cách là người công dân - đều có thể tự do ghi tên để gia nhập đảng này hay đảng khác tùy ý, bất cứ là đảng ấy đã thành lập rồi, hay sẽ được những công dân đầy đủ khả năng, can đảm thành lập về sau.

Ghi tên vào một đảng phái như thế, đồng bào Công Giáo không cam kết Giáo Hội, nhưng chỉ cam kết cá nhân mình...

Đồng bào Công Giáo hoạt động trong đảng phái mình đã lựa chọn, tuy nhiên cả trong hoạt động chính trị (cũng như đời sống cá nhân, gia đình, nghề nghiệp) họ phải là một nhân chứng của Chúa Kitô. Họ phải tìm cách để in sâu vào trong các tâm hồn những luật lệ, những qui chế, tinh thần Phúc Âm và học thuyết xã hội của Hội Thánh.

1) Hiện nay không có một tờ báo Công Giáo nào, hay là một tờ báo có xu hướng Công Giáo nào đã được Hàng Giáo Phẩm chỉ định để làm tiếng nói chính thức cho Công Giáo...

2) Có những báo chí đã được thành lập do một số giáo dân Công Giáo nhiệt thành, quảng đại; đó là quyền lợi riêng của họ và chúng tôi thêm rằng: đó là nghĩa vụ của họ. Chúng tôi đề lời khen ngợi họ đã có sáng kiến tốt đẹp như thế, và chúng tôi hết sức khuyên họ hãy tiếp tục bền vững".

(Thư luân lưu của H.Đ.G.M.V.N., ngày 22 tháng 1 năm 1964, x. trong báo Sacerdos, số 27, tháng 3 năm 1964, (trg 170-171; 172-173). (Trở lại đầu trang))

18 Xem CD Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. III, số 28: AAS 57 (1965), trg 34-35. (Trở lại đầu trang)

19 N.t., số 28: AAS, n.v.t., trg 35-36. (Trở lại đầu trang)

20 Xem T. Ambrosiô, De Virginitate, ch. VIII, số 48: PL 16, 278. (Trở lại đầu trang)

21 CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II, số 15: AAS 57 (1965), trg 20. (Trở lại đầu trang)

49* Từ xưa tới nay, thế giới cũng đem lại rất nhiều lợi ích cho Giáo Hội. Quả quyết như vậy là xác nhận một sự kiện lịch sử, nhưng có lẽ chỉ gần đây tín hữu mới ý thức về sự kiện ấy. Giáo Hội lãnh nhận nhiều:

1) Trong lãnh vực tư tưởng nhờ các kho tàng của nhiều nền văn minh khác nhau. Tất cả những gì giúp ta hiểu biết hơn về con người và thế giới đều giúp đỡ Giáo Hội: giáo dục, văn hóa, khoa học...

2) Trong lãnh vực cơ cấu xã hội: từ đầu, Giáo Hội đã chịu ảnh hưởng của nếp sống Do Thái, của pháp lý La Mã và Đức Quốc, và ít hay nhiều của phong tục các dân tộc khác nữa. Pháp lý các xứ truyền giáo đã ảnh hưởng rất nhiều đến pháp lý chung của Giáo Hội chẳng hạn. Hiện nay

ta thấy ảnh hưởng của chế độ dân chủ qua những phong trào phân quyền, nhiều cơ quan mới như Thượng Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Linh Mục, v.v...

3) Trong lãnh vực sinh hoạt: khi các Quốc Gia và các Tổ Chức quốc tế kính trọng sự tự do của Giáo Hội, mời Giáo Hội cộng tác, giúp Giáo Hội hoạt động, hay là mặc dầu không muốn nhờ Giáo Hội, nhưng khi các Tổ Chức ấy cố gắng nâng cao con người nhờ việc giáo dục, nhờ việc bảo đảm nhân quyền, v.v... thực ra họ đã làm những công việc có chung mục đích với Giáo Hội.

Là người Việt Nam hay làm việc ở Việt Nam, ta phải nhấn mạnh câu "Rao giảng lời mạc khải cách thích nghi như vậy còn phải là luật lệ cho mọi công cuộc truyền giáo". Sau hơn ba thế kỷ từ khi Phúc Âm tới Việt Nam, phải chăng Đạo chúng ta còn thắm nhuần màu sắc ngoại quốc quá đáng? Người ngoại giáo có cảm tưởng đó không? (*Trở lại đầu trang*)

22 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II số 13: AAS (1965), trg 17. (*Trở lại đầu trang*)

23 Xem Justinô, Dialogus cum Tryphone, ch. 110: PG 6, 729, x.b. Otto, 1897, trg 391-393: ... "nhưng chúng ta càng chịu nhiều khổ nhục ấy, lại càng có nhiều người trở thành tín hữu và đạo đức nhờ danh Chúa Giêsu". - Xem Tertullianô, Apologeticus, ch. L, 13: PL I, 534; Corpus Christ., ser. Lat. I, trg 171: "càng bị các người gạt (bách hại) chúng tôi càng trở nên đông đúc hơn: máu tử đạo là hạt giống nảy sinh Kitô hữu!" - X. Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. I I số 9: A AS 57 (1965), trg 14. (*Trở lại đầu trang*)

24 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. VII, số 48: AAS 57 (1965), trg 53. (*Trở lại đầu trang*)

25 Xem Phaolô VI, Huấn từ 3-2-1965: L'Osservatore Romano, 4-2-1965. (*Trở lại đầu trang*)

50* Alpha và Omega là chữ đầu và chữ cuối của mẫu tự Hy Lạp. Câu nói có nghĩa là khi dùng các chữ trong mẫu tự, ta có thể viết ra tất cả những gì ta muốn. Vậy thì, nói về Chúa (cũng như về Thiên Chúa Cha: Kh 1,8) có nghĩa là Chúa có toàn quyền để phán xét nhân loại. (*Trở lại đầu trang*)

Phần Thứ Hai

Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết

46. *Lời mở đầu.* Sau khi trình bày về phẩm giá nhân vị cũng như về một số bổn phận cá nhân hay xã hội mà con người được gọi để chu toàn trong vũ trụ, nay Công Đồng, với ánh sáng Phúc Âm và kinh nghiệm nhân loại, lưu ý mọi người về một số nhu cầu khẩn thiết của thời đại này, và là những nhu cầu đang ảnh hưởng rất nhiều đến nhân loại.

Giữa nhiều vấn đề làm cho mọi người ngày nay quan tâm, nên ghi nhận trước hết những điểm sau đây: hôn nhân và gia đình, văn hóa nhân loại, đời sống kinh tế xã hội và chính trị, hòa bình và sự liên đới gia đình các dân tộc. Cần phải dùng những nguyên tắc và ánh sáng bắt nguồn từ Chúa Kitô chiếu giải từng vấn đề này, để những nguyên tắc và ánh sáng đó hướng dẫn các Kitô hữu và soi sáng mọi người trong công cuộc kiếm tìm giải pháp cho biết bao vấn đề phức tạp nêu trên.

Chương I

Phải Đề Cao Phẩm Giá Của Hôn Nhân Và Gia Đình ^{51*}

47. Hôn nhân và gia đình trong thế giới ngày nay. Sự lành mạnh của con người cũng như xã hội nhân loại và Kitô giáo liên kết chặt chẽ với tình trạng tốt đẹp của cộng đoàn hôn nhân và gia đình. Do đó, cùng với tất cả những ai tán dương các cộng đoàn hôn nhân và gia đình, người Kitô hữu thành thực vui mừng trước những trợ lực khác nhau giúp con người ngày nay tiến tới trong việc cố võ cộng đoàn yêu thương ấy cũng như trong sự tôn trọng đời sống; những trợ lực ấy còn giúp đỡ các đôi vợ chồng và các bậc làm cha mẹ trong sứ mệnh cao cả của họ. Người Kitô hữu còn mong đợi và nỗ lực thực hiện những thành quả tốt đẹp hơn.

Nhưng phẩm giá của định chế ấy không phải ở đâu cũng sáng tỏ như nhau, vì đã bị lu mờ bởi chế độ đa thê, nạn ly dị, bởi cái mà người ta gọi là tự do luyến ái, cùng những hình thức lệch lạc khác. Hơn nữa, tình yêu hôn nhân rất thường bị hoen ố vì lòng ích kỷ, khoái lạc chủ nghĩa và những lạm dụng bất hợp pháp cản trở sự sinh sản. Ngoài ra, các hoàn cảnh hiện tại về kinh tế, xã hội, tâm lý và chính trị đang gây cho gia đình những xáo trộn trầm trọng. Sau hết, tại một vài nơi trên thế giới, người ta không khỏi lo lắng nhận thấy những vấn đề được phát hiện do sự gia tăng dân số. Tất cả những điều ấy đang làm khắc khoải lương tâm con người ^{52*}. Tuy nhiên, có một điều chứng tỏ sức mạnh và sự bền vững của định chế hôn nhân và gia đình, đó là các biến đổi sâu xa của xã hội hiện tại, mặc dù gây ra nhiều khó khăn, nhưng vẫn rất thường bộc lộ bản chất đích thực của định chế trên bằng nhiều cách.

Bởi vậy, bằng cách làm sáng tỏ hơn một vài chủ điểm trong giáo lý của Giáo Hội, Công Đồng muốn soi sáng và khích lệ người Kitô hữu cũng như mọi người đang cố gắng bảo toàn và cố võ phẩm giá tự nhiên cũng như giá trị thiêng liêng cao cả của đời sống hôn nhân.

48. Sự thánh thiện của hôn nhân và gia đình. Đấng Tạo Hóa đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung thân mật và cho cộng đoàn tình yêu vợ chồng. Đời sống chung này được gây dựng do giao ước hôn nhân, nghĩa là sự ưng thuận cá nhân không thể rút lại ^{53*}. Như thế, bởi một hành vi nhân linh, trong đó, hai vợ chồng tự hiến cho nhau và đón nhận nhau, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, phát sinh một định chế vững chắc có giá trị trước mặt xã hội nữa. Vì lợi ích của lứa đôi, của con cái và của xã hội, nên sợi dây liên kết thánh thiện này không lệ thuộc sở thích của con người. Chính Thiên Chúa là Đấng tác tạo hôn nhân, phú bẩm những lợi ích và mục tiêu khác nhau ¹; những điều ấy hết sức quan trọng đối với sự tiếp nối nhân loại, sự phát triển cá nhân và phần rỗi đời đời của mỗi thành phần trong gia đình, quan trọng đối với phẩm giá, sự vững chãi, an bình và thịnh vượng của chính gia đình và của toàn thể xã hội loài người. Tự bản chất, chính định chế hôn nhân và tình yêu lứa đôi qui hướng về việc sinh sản và giáo dục con cái như chóp đỉnh diễm phúc của hôn nhân. Như thế, bởi giao ước hôn nhân, người nam và người nữ "không còn là hai, nhưng là một xương thịt" (Mt 19,6), phục vụ và giúp đỡ lẫn nhau bằng sự kết hợp mật thiết trong con người và hành động của họ, cảm nghiệm và hiểu được sự hiệp nhất với nhau mỗi ngày mỗi đầy đủ hơn. Sự liên kết mật thiết vẫn là sự tự hiến của hai người cho nhau cũng như lợi ích của con cái buộc hai vợ chồng phải hoàn toàn trung tín và đòi hỏi kết hợp với nhau bất khả phân ly ².

Chúa Kitô ban dồi dào ơn phúc cho tình yêu muôn hình ấy, một tình yêu phát xuất từ nguồn mạch tình yêu Thiên Chúa và được tác thành theo gương kết hiệp của Chúa Kitô và Giáo Hội. Thực vậy, như xưa kia Thiên Chúa đến gặp gỡ dân Ngài bằng một giao ước yêu thương và

trung thành ³, ngày nay Đấng Cứu Thế, Bạt Trăm Năm của Giáo Hội ⁴, cũng đến với đôi vợ chồng qua Bí Tích Hôn Phối. Người còn ở lại với họ để hai vợ chồng cũng mãi mãi trung thành yêu thương nhau bằng sự tự hiến cho nhau như Người đã yêu thương Giáo Hội và đã nộp mình vì Giáo Hội ⁵. Tình yêu vợ chồng đích thực được kết nhập trong tình yêu Thiên Chúa, được hướng dẫn và thêm phong phú nhờ quyền năng cứu chuộc của Chúa Kitô và hoạt động cứu rỗi của Giáo Hội, để hai vợ chồng được dẫn dắt cách hữu hiệu đến cùng Thiên Chúa, cũng như được nâng đỡ và kiện cường trong nhiệm vụ cao cả làm cha mẹ ⁶. Bởi đó, vợ chồng Kitô hữu được củng cố và như được thánh hiến ⁷ bằng một bí tích riêng để được lãnh nhận các bổn phận và phẩm giá của bậc sống họ; nhờ sức mạnh của bí tích này, họ được thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô mà chu toàn bổn phận hôn nhân và gia đình của họ, nhờ đó tất cả đời sống của họ được thấm nhuần đức tin, cậy, mến, và càng ngày họ càng tiến gần hơn tới sự trọn lành riêng biệt của họ và sự thánh hóa lẫn nhau; và bởi đây, cùng nhau tôn vinh Thiên Chúa ^{54*}.

Do đó, được cha mẹ hướng dẫn bằng gương sáng và kinh nguyện gia đình, con cái và tất cả những ai sống trong khuôn khổ gia đình sẽ gặp được con đường nhân ái, cứu độ và thánh thiện dễ dàng hơn. Còn vợ chồng đã lãnh nhận phẩm giá và chức vụ làm cha mẹ sẽ chăm lo chu toàn bổn phận giáo dục, nhất là về phương diện tôn giáo vì bổn phận này liên hệ đến họ trước hết.

Con cái là những phần tử sống động trong gia đình nên cũng góp phần riêng vào việc thánh hóa cha mẹ. Thực vậy, con cái sẽ đáp lại công ơn cha mẹ với lòng biết ơn, tâm tình hiếu thảo và tin cậy, và sẽ theo đạo làm con mà phụng dưỡng cha mẹ trong nghịch cảnh cũng như trong tuổi già cô quạnh. Mọi người hãy tôn trọng đời sống góa bụa được can đảm tiếp nhận như một tiếp nối ơn gọi hôn nhân ⁸. Các gia đình hãy quảng đại san sẻ cho nhau những của cải thiêng liêng. Như thế, mỗi gia đình Kitô hữu xuất phát từ hôn nhân, một hôn nhân như là hình ảnh và nói lên sự tham dự giao ước yêu thương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội ⁹, nên sẽ biểu hiện trước mặt mọi người sự hiện diện sống động của Đấng Cứu Thế trong thế giới và bản chất đích thực của Giáo Hội qua tình yêu, qua niềm quảng đại chấp nhận sinh sản con cái, qua sự hiệp nhất và trung tín của hai vợ chồng cũng như qua sự hợp tác thân ái của mọi thành phần trong gia đình.

49. Tình yêu vợ chồng. Lời Chúa đã nhiều lần mời gọi những người sắp kết hôn hãy nuôi dưỡng thời kỳ đính hôn bằng một tình yêu trong sạch và những người đã thành vợ chồng hãy nâng đỡ cuộc sống lứa đôi bằng một tình yêu không chia sẻ ¹⁰. ^{55*} Nhiều người hiện thời vốn coi trọng tình yêu đích thực giữa vợ chồng, biểu hiện bằng nhiều cách theo những tập tục lành mạnh của mỗi thời đại, mỗi dân tộc. Tình yêu ấy có đặc tính nhân linh cao cả vì từ một nhân vị hướng đến một nhân vị khác bằng một tình cảm tự ý, do đó bao gồm hạnh phúc toàn diện của con người. Nên tình vợ chồng có thể lòng vào những biểu lộ của thể xác và tâm hồn một phẩm giá đặc biệt, và khiến chúng trở nên cao quý như những yếu tố và dấu hiệu đặc thù của tình yêu đôi bạn. Bởi một ơn huệ đặc biệt của ơn sủng và của tình thương, Chúa đã đoái thương chữa trị, cải thiện và nâng cao tình yêu ấy. Một tình yêu kết hợp yếu tố nhân loại với yếu tố thần linh như thế phải thấm nhuần cả đời sống và hướng dẫn đôi vợ chồng biết tự do trao hiến cho nhau, qua những tâm tình và cử chỉ triu mến ¹¹. Hơn nữa, chính nhờ những hành vi quảng đại của mình mà tình yêu giữa hai người được trọn vẹn và lớn thêm. Tình yêu vợ chồng, do đó vượt xa xu hướng nhục dục thuần túy, và xu hướng này, nếu được tôn thờ một cách ích kỷ, sẽ mau chóng tan biến và kéo theo những hậu quả thảm hại ^{56*}.

Sự âu yếm trên được biểu lộ và hoàn hảo cách đặc biệt qua những động tác riêng của hôn nhân. Bởi vậy, những hành vi thực hiện sự kết hợp thân mật và thanh khiết của đôi vợ chồng

đều cao quý và chính đáng. Được thi hành cách thực sự nhân linh, những hành vi ấy biểu hiện và khích lệ sự trao hiến hỗ tương, nhờ đó hai người làm cho nhau thêm phong phú trong hoan lạc và biết ơn^{57*}. Được bảo đảm vì tin cậy nhau và nhất là được chuẩn y bởi bí tích của Chúa Kitô, tình yêu ấy trung thành bất khả phân ly giữa cảnh đời thăng trầm, và do đó loại hẳn mọi hình thức ngoại tình và ly dị. Phải nhìn nhận phẩm giá cá nhân bình đẳng giữa vợ chồng trong tình tương ái trọn vẹn để nhờ đó, biểu hiện rõ ràng tính cách duy nhất của hôn nhân đã được Chúa xác nhận. Để kiên trì gánh vác những bồn phận của ơn gọi Kitô giáo này, cần phải có một nhân đức phi thường: vì thế, vợ chồng đã được ơn sung sướng cố để sống thánh thiện sẽ ân cần nuôi dưỡng và cầu xin cho được một tình yêu vững bền, một tâm hồn đại lượng và một tinh thần hy sinh.

Tình yêu vợ chồng chân chính sẽ được quý trọng hơn và người ta sẽ nghĩ tưởng về hôn nhân cách lành mạnh hơn, nếu các vợ chồng Kitô hữu làm chứng rõ ràng về sự trung thành và hòa hợp trong tình yêu cũng như trong niềm âu lo giáo dục con cái, nếu họ góp công hoạt động trong việc chấn hưng văn hóa, tâm lý và xã hội, một sự chấn hưng cần thiết để đề cao hôn nhân và gia đình. Phải biết hợp thời và hợp cách giáo dục thanh thiếu niên về phẩm giá, phận sự và hành vi thể hiện tình vợ chồng, tốt nhất là trong chính khung cảnh gia đình. Nhờ vậy, một khi đã được rèn luyện để giữ đức khiết tịnh, đến tuổi thích hợp, chúng có thể từ thời đính hôn đứng dẫn tiến tới hôn nhân.

50. Sự sinh sản trong hôn nhân. Hôn nhân và tình yêu vợ chồng, tự bản tính qui hướng về sự sinh sản và giáo dục con cái^{58*}. Con cái là ơn huệ cao quý nhất của hôn nhân và là sự đóng góp lớn lao kiến tạo hạnh phúc của cha mẹ. Thiên Chúa đã phán: "Đàn ông ở một mình không tốt" (Stk 2,18). Ngài là Đấng "...từ buổi đầu, đã dựng nên một người nam và một người nữ" (Mt 19,4); chính Ngài muốn thông ban cho con người cộng tác một phần đặc biệt vào công việc tạo dựng của Ngài, Ngài đã chúc lành cho người nam và người nữ rồi nói: "Các ngươi hãy tăng gia, sinh sản" (Stk 1,28). Do đó, việc thể hiện đích thực tình yêu vợ chồng cũng như toàn thể tổ chức đời sống gia đình phát sinh từ việc thể hiện ấy, đều nhằm giúp đôi vợ chồng can đảm sẵn sàng cộng tác với tình yêu của Đấng Tạo Hóa và Cứu Thế, mặc dù không loại bỏ các mục đích khác của hôn nhân. Nhờ đời sống lứa đôi, Ngài làm cho gia đình Ngài ngày càng bành trướng và phong phú hơn^{59*}.

Bồn phận truyền sinh và giáo dục phải được coi là sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng. Trong khi thi hành bồn phận ấy, họ biết rằng mình cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa Tạo Hóa và như trở thành những kẻ diễn đạt tình yêu của Ngài. Bởi vậy, họ sẽ chu toàn bồn phận mình với trách nhiệm của con người và của con người Kitô hữu^{60*}. Tôn trọng, tuân phục Thiên Chúa, đồng tâm hiệp lực với nhau, họ sẽ tạo được cho mình một phán đoán ngay thẳng: biết xét đến lợi ích riêng của họ cũng như của con cái đã sinh hay tiên liệu sẽ có, nhận định về các hoàn cảnh vật chất hay tinh thần của thời đại và bậc sống, sau hết biết nghĩ đến lợi ích của gia đình, của xã hội trần gian và của chính Giáo Hội. Sự phán đoán ấy, sau cùng chính đôi vợ chồng phải chọn lựa lấy trước mặt Thiên Chúa. Trong cách thể hành động, vợ chồng Kitô hữu hãy ý thức là mình không thể làm theo sở thích, nhưng phải luôn luôn tuân theo tiếng nói của một lương tâm phải được khuôn đúc theo luật Chúa, hãy vâng phục Giáo huấn của Giáo Hội, vì Giáo Hội có thẩm quyền giải thích luật Chúa dưới ánh sáng Phúc Âm.

Luật Chúa tỏ rõ ý nghĩa đầy đủ của tình vợ chồng, bảo vệ và khích lệ mỗi tình ấy đến mức hoàn thiện trên bình diện đích thực nhân loại. Bởi thế mà các vợ chồng Kitô hữu tôn vinh Đấng

Tạo Hóa và tiến tới sự hoàn thiện trong Chúa Kitô, trong khi tin tưởng vào Chúa Quan Phòng và trau dồi tinh thần hy sinh¹², để chu toàn bổn phận sinh sản cách quảng đại trong tinh thần trách nhiệm của con người và của con người Kitô hữu. Trong số những đôi vợ chồng theo phương thức ấy để chu toàn bổn phận Thiên Chúa trao phó, phải đặc biệt kể đến những người, sau khi suy xét khôn ngoan và đồng chấp thuận, đã can đảm nhận lãnh trách nhiệm dưỡng dục con cái cách xứng đáng, dẫu số con cái ấy khá đông¹³.

Tuy nhiên, hôn nhân không phải chỉ được thiết lập để mưu sự truyền sinh mà thôi, nhưng chính đặc tính giao ước bất khả phân ly giữa hai người và lợi ích con cái đòi hỏi tình yêu hỗ trợ của hai vợ chồng phải được phát biểu, thăng tiến và nảy nở cách chính đáng. Cho nên, ngay trong trường hợp không có con như hằng tha thiết mong mỏi, hôn nhân vẫn tồn tại như một cuộc sống chung và vẫn giữ được giá trị cùng đặc tính bất khả phân ly của mình.

51. Hòa hợp tình yêu vợ chồng với việc tôn trọng sự sống con người. Công Đồng biết rằng: muốn tổ chức đời sống vợ chồng cho thuận hòa, đôi bạn thường vấp phải một số tình trạng sinh sống khó khăn hiện đại và có thể lâm vào những hoàn cảnh khiến họ không thể gia tăng số con cái, ít là trong một thời gian; đó là lúc phải khó khăn lắm mới duy trì được tình yêu trung thành và sự chung sống trọn vẹn. Một khi đời sống thân mật vợ chồng bị gián đoạn, sự chung thủy thường bị đe dọa và lợi ích con cái có thể bị sút giảm; vì trong trường hợp này, việc giáo dục cũng như lòng can đảm sinh thêm con cái đều bị thương tổn^{61*}.

Có những người dám đưa ra những giải pháp bất lương để giải quyết vấn đề trên đây, họ không ngần ngại xử dụng cả những hành động sát nhân. Nhưng Giáo Hội nhắc lại rằng không thể có mâu thuẫn thực sự giữa những lề luật của Thiên Chúa liên quan đến việc truyền sinh và những luật liên quan đến việc phát triển tình yêu vợ chồng đích thực.

Thực vậy, Thiên Chúa là Chúa sự sống, đã trao cho con người nhiệm vụ cao cả là bảo tồn sự sống, và họ phải chu toàn bổn phận ấy cách xứng hợp với con người. Do đó, sự sống ngay từ lúc thụ thai phải được giữ gìn hết sức cẩn thận; phá thai và sát nhi là những tội ác ghê tởm. Dục tính cũng như khả năng sinh sản của con người trỗi vượt một cách kỳ diệu hơn những gì thấy được ở những cấp sinh vật thấp hơn. Bởi vậy, chính những hành vi đặc thù của đời sống vợ chồng, được thực hiện đúng theo phẩm giá đích thực của con người, đều phải được kính cẩn tôn trọng. Vì thế, khi cần hòa hợp tình yêu vợ chồng với việc truyền sinh trong một tinh thần trách nhiệm, phải ý thức rằng giá trị luân lý của hành động không chỉ lệ thuộc vào ý muốn thành thực và việc cân nhắc các lý do, nhưng phải được thẩm định theo những tiêu chuẩn khách quan suy diễn từ bản tính của nhân vị và của hành động nơi nhân vị; những tiêu chuẩn ấy sẽ tôn trọng ý nghĩa trọn vẹn của sự trao hiến và sinh sản con cái trong khung cảnh tình yêu đích thực. Đó là điều không thể thực hiện được nếu không thực tâm vun trồng đức khiết tịnh trong bậc vợ chồng. Trong việc điều hòa sinh sản, con cái của Giáo Hội trung thành với những nguyên tắc vừa viện dẫn, không được dùng những phương pháp mà Giáo Huấn đã bác bỏ khi giải thích luật Thiên Chúa¹⁴.^{62*}

Ngoài ra, mọi người đều phải ý thức rằng: đời sống nhân loại và bổn phận lưu truyền sự sống ấy không chỉ giới hạn ở đời này cũng như không thể hiểu và đo lường được ở đời này, nhưng luôn qui chiếu về định mệnh vĩnh cửu của con người.

52. Bổn phận của mọi người trong việc thăng tiến hôn nhân và gia đình. Gia đình là một trường học phát triển nhân tính. Nhưng để gia đình có thể sống trọn vẹn và chu toàn sứ mệnh mình, cần phải biết hòa hợp tâm hồn: vợ chồng phải cùng nhau bàn định cũng như cha mẹ phải

ân cần cộng tác trong việc giáo dục con cái. Sự hiện diện tích cực của người cha giúp ích rất nhiều cho việc đào tạo con cái, nhưng cũng phải làm sao giữ được cho người mẹ vai trò chăm sóc gia đình, vì con cái, nhất là khi thơ bé, rất cần đến sự chăm sóc ấy; tuy nhiên, vẫn không được coi thường sự thăng tiến hợp lý của người phụ nữ trên bình diện xã hội. Phải giáo dục con cái thế nào để khi đến tuổi trưởng thành chúng có thể chọn bậc sống và theo ơn gọi, ngay cả ơn gọi tu trì, với ý thức trách nhiệm đầy đủ; và nếu kết hôn, chúng có thể lập gia đình riêng trong những điều kiện luân lý, xã hội và kinh tế thuận lợi. Bổn phận của cha mẹ hay người giám hộ là hướng dẫn những người trẻ khi lập gia đình, dùng lời khuyên nhủ khôn ngoan sao cho họ sẵn sàng nghe theo; tuy nhiên, phải cẩn thận, không dùng áp lực trực tiếp hay gián tiếp ép buộc họ kết hôn hay chọn bạn đường ^{63*}.

Như thế, gia đình trở thành nền tảng của xã hội vì là nơi mà nhiều thế hệ gặp gỡ và giúp nhau nên khôn ngoan đầy đủ hơn cũng như giúp nhau hòa hợp những quyền lợi cá nhân với những đòi hỏi khác của cuộc sống xã hội. Bởi đó, tất cả những ai có ảnh hưởng trên các cộng đoàn và tập thể xã hội phải góp công hữu hiệu thăng tiến hôn nhân và gia đình. Chính quyền phải nhìn nhận, bênh vực và phát huy tính chất đích thực của hôn nhân và gia đình, phải bảo vệ nền luân lý chung và giúp cho gia đình được sung túc, vì đó là những bổn phận mà chính quyền phải coi như một sứ mệnh thiêng liêng phải chu toàn. Lại phải bảo đảm cho cha mẹ quyền sinh sản và giáo dục con cái trong khung cảnh gia đình. Phải soạn thảo được những bộ luật biết tiên liệu và đề ra được nhiều sáng kiến để bảo vệ và nâng đỡ cả những người vì rủi ro mà không có gia đình.

Người Kitô hữu biết lợi dụng thời đại ¹⁵ và phân biệt những gì trường tồn với những hình thức hay thay đổi, phải nhiệt thành đề cao những giá trị hôn nhân và gia đình bằng chứng tá của chính đời sống mình cũng như bằng hành động hợp tác với những người thiện chí. Như vậy, sau khi vượt qua các trở ngại, họ sẽ thỏa mãn được những nhu cầu của gia đình và cung cấp cho gia đình những tiện nghi hợp với thời đại mới. Muốn đạt được mục đích ấy, rất cần đến ý thức Kitô giáo của các tín hữu, lương tâm luân lý ngay thẳng của mọi người cũng như sự khôn ngoan và khả năng chuyên môn của những ai am tường các môn học đạo.

Các vị thông thạo khoa học, nhất là các khoa sinh vật học, y học, xã hội và tâm lý học, có thể giúp ích rất nhiều cho hôn nhân, gia đình cũng như sự an bình lương tâm, nếu họ hiệp lực nghiên cứu và cố gắng làm sáng tỏ hơn nữa về những điều kiện khác nhau giúp con người điều hòa sinh sản cách lương thiện.

Sau khi được học hỏi đầy đủ về các vấn đề thuộc phạm vi gia đình, các linh mục có bổn phận nâng đỡ ơn gọi của vợ chồng trong đời sống hôn nhân và gia đình bằng những phương tiện mục vụ khác nhau, như rao giảng lời Chúa, lễ nghi phụng vụ hay những trợ lực thiêng liêng khác. Các ngài cũng phải nhân hậu và nhẫn nại nâng đỡ họ trong lúc gặp khó khăn, và khích lệ họ trong tình bác ái để họ tạo nên những gia đình thực gương mẫu rạng ngời ^{64*}.

Các tổ chức hoạt động tông đồ, nhất là những hiệp hội gia đình, phải cố gắng bằng lý thuyết và hành động nâng đỡ các thanh thiếu niên và chính các đôi vợ chồng, nhất là những đôi mới kết hôn, đồng thời huấn luyện cho họ về đời sống gia đình, xã hội và việc tông đồ.

Sau hết chính các đôi vợ chồng, được tạo thành giống hình ảnh Thiên Chúa và được an định trong cấp bậc của các nhân vị, hãy kết hợp trong tình tương thân tương ái, đồng tâm hiệp ý và thánh hóa lẫn nhau ¹⁶, để trong khi theo Chúa Kitô là nguyên lý sự sống ¹⁷, giữa những nỗi vui

mừng và hy sinh của ơn gọi và qua tình yêu chung thủy, họ trở nên chứng nhân của màu nhiệm tình thương mà Chúa đã tỏ ra cho thế giới qua sự chết và sự sống lại của Người ¹⁸.

Chú Thích:

51* 1) Giới thiệu: Gia đình là nền tảng của xã hội (số 47a), nhưng hiện nay bị nhiều vết nhơ (b), nên Công Đồng muốn góp phần giáo lý để nâng cao gia đình và hôn nhân (c).

2) Diễn tả gia đình cách đại cương: Bản tính, khởi sự, giá trị và chiều hướng của hôn nhân (số 48a). Tính cách cao siêu của tình yêu hôn nhân (b). Đời sống gia đình hướng về Chúa (c). Vai trò của mỗi người trong gia đình và việc tông đồ của họ (d).

3) Tình yêu hôn nhân: tính cách (số 49a), phương cách biểu lộ nó (b), phải phổ biến quan niệm đích thực về nó (c).

4) Con cái: Hôn nhân hướng về việc sinh sản con cái (số 50a). Kẻ làm cha mẹ phải có trách nhiệm (b). Sinh sản con cái không phải là mục đích duy nhất (c).

5) Những khó khăn: gặp phải khi duy trì tình yêu đồng thời phải tôn trọng sự sống (số 51a). Những giải pháp không được áp dụng (b). Những tiêu chuẩn để chọn giải pháp (c,d).

6) Mục vụ gia đình: Ở trong gia đình (số 52a), trong đại gia đình và xã hội (b). Việc tông đồ của gia đình (c). Phần đóng góp của khoa học gia chuyên môn (d), của Linh Mục (e), của đôi hôn nhân (f). (*Trở lại đầu trang*)

52* Hôn nhân và gia đình là tế bào đầu tiên đồng thời là nền tảng của xã hội cũng như của Giáo Hội. Công Đồng muốn góp phần để bảo vệ hôn nhân vì ở nhiều nơi hôn nhân bị tội lỗi làm hoen ố. Công Đồng nhắc đến chế độ đa thê, ngược lại với tính cách hợp nhất của hôn nhân (số 48a phần cuối và 49b); ly dị, trái ngược với tính bất khả phân ly; tự do luyện ái tức sống chung mà không chấp nhận liên hệ hôn nhân. Công Đồng còn nói chung về những hình thức "lệch lạc khác": chẳng hạn hôn nhân thí nghiệm, nghĩa là khi chưa có con thì chưa thành bất khả phân ly; hôn nhân ép buộc của thanh niên thiếu nữ không ưa nhau, v.v... Hôn nhân hợp nhất và duy nhất còn có thể mất ý nghĩa cao đẹp do lòng ích kỷ của đôi bên, do khoái lạc chủ nghĩa, do những tội lỗi liên quan tới việc sinh sản.

Nhưng còn có nhiều hoàn cảnh khác cũng có thể gây nên những khó khăn và dịp tội cho hôn nhân. Công Đồng nhắc đến hoàn cảnh kinh tế: chẳng hạn tiền lương không đủ để nuôi dưỡng và giáo dục con cái; hoàn cảnh tâm lý và xã hội: như quan niệm mới về địa vị người phụ nữ, hay là môi trường sinh sống quá chú ý đến tình dục; hoàn cảnh dân sự: như lệ luật trái ngược nguyên tắc luân lý, ví dụ việc phá thai, giải phẫu để ngăn cản khả năng sinh sản, v.v...; hoàn cảnh nhân khẩu gia tăng tại nhiều nơi cũng có thể đe dọa nền kinh tế của các quốc gia đang mở mang.

Trong thông điệp *Humanae Vitae*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI công nhận đó là những lý do đã khiến Giáo Hội xét lại lập trường (số 2-5). (*Trở lại đầu trang*)

53* Đây là một định nghĩa của hôn nhân đáng cho ta lưu ý tới: a) cốt yếu là cùng một đời sống và cùng một tình yêu đặc biệt, b) tùy theo luật Chúa là Đấng đã sáng tạo hôn nhân, c) bắt đầu do sự ưng thuận nhau của hai người nam và nữ. Đối tượng của sự ưng thuận ấy là chính con người, hai con người tự hiến cho nhau và đón nhận nhau. Hai người: chứ không phải chỉ quyền lợi trên thân xác của mình mà thôi (như, theo Giáo Luật khoản 1081 đoạn 2, Thông điệp *Casti Connubii* của Đức Piô XI đã xác nhận: x. AAS 22 (1930), 541; Dz 3701/2225). Hai bên sẽ nên

một về mọi phương diện: sinh lý, tâm lý, xã hội và đạo đức. Kết quả là một tổ chức vững chắc không phải tự ý riêng của đôi bên, nhưng theo ý định của Thiên Chúa. Tổ chức này có nhiều mục đích (số 50b) và mưu ích không những cho đôi bên mà còn cho gia đình và xã hội nữa. (Trở lại đầu trang)

1 Xem T. Augustinô, De bono conjugali: PL 40, 375-376 và 394. - T. Tôma, Summa Theol., Suppl. Quaest. 49, art. 3 ad 1. - Decretum pro Armenis: Dz 702 (1327). - Piô XI, Tđ. Casti connubii: AAS 22 (1933), trg 543-555; Dz 2227-2238 (3703-3714). (Trở lại đầu trang)

2 Xem Piô XI, Tđ. Casti Connubii: AAS 22 (1930), trg 546-547; Dz 2231 (3706). (Trở lại đầu trang)

3 Xem Os 2; Gier 3,6-13; Ez 16 và 23; Is 54. (Trở lại đầu trang)

4 Xem Mt 9,15; Mc 2, 19-20; Lc 5,34-35; Gio 3,29; 2Cor 11,2; Eph 5,27; Kh 19,7-8; 21,2 và 9. (Trở lại đầu trang)

5 Xem Eph 5,25. (Trở lại đầu trang)

6 Xem CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium: AAS 57 (1965), trg 15-16; 40-41; 47. (Trở lại đầu trang)

7 Xem Piô XI, Tđ. Casti Connubii :AAS 22 (1930), trg 583. (Trở lại đầu trang)

54* Hai đoạn 48ab nhấn mạnh rằng hôn nhân là một trong những ơn kêu gọi của Chúa để con người thánh hóa bản thân. Thiên Chúa đã sáng lập hôn nhân và quyết định bản tính của nó, mục đích, tính cách chính yếu cũng như đã thánh hóa nó và nâng cao nó làm thành một bí tích giúp đôi bên làm tròn nghĩa vụ và sống đức ái (x.Hiến chế tín lý về Giáo Hội 35c; 41e; và sau này: số 52g).

Hai vợ chồng được mời gọi để thánh hóa bản thân :1) bằng cách sống tình yêu riêng biệt (số 49-50a), 2) cũng như nhờ phận vụ làm cha làm mẹ (số 50). (Trở lại đầu trang)

8 Xem 1Tm 5,3. (Trở lại đầu trang)

9 Xem Eph 5,32. (Trở lại đầu trang)

10 Xem Stk 2, 22-24; Cn 5,18-20; 31,10-31; Tob 8,4-8; Dtc 1,1-3; 2,16; 4,16-5,1; 7,8-11; 1Cor 7,3-6; Eph 5,25-33. (Trở lại đầu trang)

55* Sách Sáng Thế Ký thuật lại hai câu chuyện khác nhau về Chúa dựng nên loài người. Từ 1,1 đến 2,4 nhấn mạnh sự khác nhau của hai giống nam và nữ, cốt để hai bên phối hợp và sinh con. Từ 2,5 đến 2,25 Thánh Kinh nói rằng người nữ được dựng nên sau và bởi người nam, giống như người nam, để nhấn mạnh người nam và nữ là để bổ túc cho nhau nhờ sự phối hợp nên "một thân thể" (trong Thánh Kinh danh từ này không chỉ nói về thân xác, nhưng ám chỉ tới toàn thể con người). Nên việc hai giống hướng về nhau, cũng như tình yêu giữa người nam và người nữ và cả tính dục nữa đều do Thiên Chúa dựng nên và là tốt đẹp. Tính dục không phải là kết quả của tội tổ tông. Tội ấy chỉ gây nên sự rối loạn của một thứ tính dục không còn từng phục lý trí (Stk 3,7-16).

Qua các chuyện về tổ phụ, Thánh Kinh nhấn mạnh phương diện sinh sản: các ngài đã chấp nhận chế độ đa thê (v.d. Stk 16,1; 29,15-30) và việc lấy vợ lẽ (30,3-12). Không sinh đẻ được, là vì Chúa phạt (15,3).

Các sách Khôn Ngoan (đặc biệt là Diễm Tình Ca) ca tụng tình yêu vợ chồng, mà không đề cập đến việc sinh sản một cách rõ ràng. Tình yêu ấy là tình yêu xác thật (xem vd. Cn 5,15-20).

Phần các tiên tri khi các ngài so sánh giao ước giữa Thiên Chúa và dân Israel với tình yêu vợ chồng, các ngài đã mặc nhiên nêu ra lý tưởng tình yêu đối với hôn nhân. (Trở lại đầu trang)

11 Xem Piô XI, Tđ. Casti Connubii : AAS 22 (1930), trg 547-548; Dz 2232 (3707). (Trở lại đầu trang)

56* Đức Phaolô VI (Humanae Vitae số 8-9) diễn tả tình yêu vợ chồng như sau: 1) nguồn gốc của nó là Thiên Chúa, 2) nó tốt đẹp vì trong đó hai người tự hiến cho nhau để trở nên một và trau dồi cho nhau, 3) nó tượng trưng sự phối hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội, 4) nó là tình yêu nhân bản: vừa cảm giác vừa thiêng liêng, phát sinh từ ý chí tự do, chứ không chỉ do tình cảm và bản năng mà thôi, 5) nó trọn vẹn, nghĩa là khiến hai bên chia sẻ mọi sự và tìm mưu ích cho bạn hơn là cho mình, 6) nó chung thủy và duy nhất đến giờ chết, 7) và đưa tới kết quả ngoài ích lợi cho đôi bên, nghĩa là nó hướng về việc sinh sản con cái. (Trở lại đầu trang)

57* Tất cả những cử chỉ âu yếm thân xác, đến chính việc phối hợp mật thiết, đều là phương pháp riêng biệt để biểu lộ, thể hiện và cổ võ tình yêu hôn nhân. Là những hành động của con người, của con Thiên Chúa, để sống ơn gọi của mình, hành động đó không có gì là bất xứng. Không phải hôn nhân cho phép để thực hành những điều đê tiện. Hôn nhân thường thường đòi hỏi những hành động ấy, cốt như phương pháp để thể hiện ơn gọi của Chúa. Việc thú vật cũng có những tác động tương tự bên ngoài, không nên gây ra sự ngộ nhận. Dĩ nhiên đôi vợ chồng phải thực hiện những hành động đó một cách xứng hợp với con người, nghĩa là một cách hợp lý và hợp đức tin, chứ không phải chỉ vì bản năng tính dục, vì ích kỷ và bất chấp hoàn cảnh của bạn mình, của con cái, của gia đình và của xã hội. (Trở lại đầu trang)

58* Hôn nhân là để hai vợ chồng yêu nhau, hiệp nhất với nhau, bổ túc cho nhau, hay là để sinh sản con cái? Trước khi có Công Đồng, giáo lý công giáo trả lời: mục đích thứ nhất là để sinh sản con cái. Còn việc vợ chồng giúp đỡ nhau và việc kết hiệp tính dục với nhau là mục đích thứ nhì và phụ thuộc. Trong ghi chú 1 (số 48a) Công Đồng nhắc lại vài tài liệu phân biệt các mục đích như thế. Dĩ nhiên giáo lý đã không coi thường tình yêu vợ chồng, bởi vì ba mục đích ấy đều phải được thực hành trong bầu không khí yêu nhau. Nhưng Công Đồng đã nhấn mạnh đến tình yêu trong khi không chỉ lưu ý đến khía cạnh pháp lý của hôn nhân, nhưng đã đề cao phương diện nhân vị. Nên, bây giờ ta phải nói rằng hôn nhân là để hai bên yêu nhau và tự hiến cho nhau, nhờ đó mà sinh sản con cái, vì chính tình yêu vợ chồng cũng như hôn nhân đều hướng về việc sinh sản. Giữa tình yêu vợ chồng và việc sinh sản con cái không có sự mâu thuẫn gì cả, trái lại nếu bỏ một trong hai, thì sẽ không thể hiểu điều kia được. Yêu nhau với tình yêu này (hôn nhân) mà lại cố gắng ngăn cản việc sinh sản con cái đây là điều mâu thuẫn. Trái lại, muốn có con mà không chịu yêu nhau thì không xứng hợp với phẩm giá con người. Tự hiến cho nhau, nhưng cùng một lúc cố ý loại trừ khả năng cao quý nhất của mình là khả năng làm cha làm mẹ, có phải tự hiến mình trọn vẹn không? có phải yêu thật không? (Trở lại đầu trang)

59* Công Đồng không bằng lòng phân biệt các mục đích như cũ. Chỉ nhắc lại hai mục đích quan trọng nhất là tự hiến cho nhau và sinh sản con cái. Thực ra, hai mục đích này (và nhiều mục đích khác để phát triển nhân phẩm về mọi phương diện...) đều là chính yếu, nghĩa là hôn nhân đòi hỏi quyền lợi để hai bên có thể nhờ nhau mà đạt tới những mục đích ấy. Lập khế ước hôn nhân, nhưng loại trừ quyền lợi để sinh sản con cái thật là vô lý và khế ước không thành. Vậy thì, cố ý loại trừ quyền lợi để yêu nhau và để tự hiến cho nhau, cũng là vô lý, vì khế ước này cốt để trao đổi cho nhau. (Trở lại đầu trang)

60* Ở đây Công Đồng dạy một giáo lý mới mẻ: lập gia đình để (nhờ tình yêu nhau) làm cha và làm mẹ; nói như thế thì chưa đủ. Phải nói thêm: để làm bậc cha mẹ có trách nhiệm! Như thế có nghĩ a gì? Công Đồng dạy: 1) sinh sản con cái là sứ mệnh của vợ chồng, 2) phải thực hành như là cộng tác viên của Chúa và là "thông ngôn viên" cho tình yêu của Chúa (nghĩa là: tình yêu Chúa luôn luôn muốn dựng nên con người mới, nhưng hai vợ chồng phải tìm hiểu ý Chúa trong hoàn cảnh thực tế của họ), 3) thực hành với lòng kính trọng Thiên Chúa, 4) và tin cậy Ngài, 5) cũng như với tinh thần hy sinh, 6) để vinh danh Chúa, 7) và thánh hóa bản thân.

Theo các nguyên tắc ấy, vợ chồng nên sinh hạ bao nhiêu con cái? Trước đây những tín hữu đạo đức có lẽ đã trả lời: "Chúa muốn bao nhiêu thì chúng con sẽ sinh ra bấy nhiêu". Nhưng câu đó không hợp với giáo lý như Công Đồng dạy. Không khác gì với lập trường của người chỉ ham mê khoái lạc và do đó sẽ áp dụng các phương pháp để ngăn cản sự sinh sản, câu ấy có thể tỏ ra ý muốn đề cao nguyên tắc "phải thỏa mãn tính dục" trước đã! Như vậy chưa phải là có trách nhiệm. Bởi đó Công Đồng ngợi khen những vợ chồng sẵn sàng có đông con, nhưng rồi dạy rằng họ phải quyết định số con cái có thể có theo những nguyên tắc sau đây: 1) ích lợi về mọi phương diện của hai vợ chồng (ví dụ: người mẹ có đủ sức không?) 2) ích lợi của con cái (ví dụ gia đình có đủ phương tiện để giáo dục chúng nó không?) 3) tùy theo thời gian, hoàn cảnh vật chất và tinh thần, 4) tùy theo ích lợi của đại gia đình, của xã hội và của Giáo Hội.

Chính vợ chồng phải quyết định số con, chứ không phải chỉ người chồng hay ông bà. Họ sẽ quyết định theo lương tâm của họ: một lương tâm cố gắng hiểu biết luật Chúa như Giáo Hội trình bày.

Đức Phaolô VI (Humanae Vitae số 10) nhấn mạnh rằng chính tình yêu hôn nhân đòi hỏi trách nhiệm này. Ngài cũng cắt nghĩa trách nhiệm: 1) theo phương diện sinh lý là tôn trọng lẽ luật của các tiến triển sinh lý (nó cũng thuộc về nhân vị), 2) theo phương pháp chế ngự các xu hướng bản năng và dục vọng, đó là biết tự chủ theo lý trí, 3) theo phương diện hoàn cảnh vật lý, kinh tế, tâm lý, xã hội, đó là quyết định tùy theo hoàn cảnh cho phép thêm con, hay không, 4) theo phương diện luân lý, có trách nhiệm là quyết định và thực hiện quyết định đó một cách thích hợp với nhiệm vụ đối với Chúa, đối với chính mình, đối với gia đình và xã hội. Lương tâm của hai vợ chồng không tự ý tạo ra con đường tốt đẹp cho mình, nhưng nó phải khám phá ra con đường ấy nơi bản tính hôn nhân và nơi bản tính các hoạt động hôn nhân, theo như Giáo Hội cắt nghĩa.

Về phương pháp cụ thể khi vợ chồng cần hạn chế sinh sản, xin coi số 51. (*Trở lại đầu trang*)

12 Xem 1Cor 7,5. (*Trở lại đầu trang*)

13 Xem Piô XII, Huấn từ Tra le Visite, 20-1-1958: AAS 50 (1958), trg 91. (*Trở lại đầu trang*)

61* Vấn đề hạn chế sinh sản là vấn đề về các phương pháp. Vợ chồng muốn sống hợp với lý tưởng hôn nhân đã được trình bày ở trên, lắm lúc sẽ phải hạn chế số con. Nhưng không gài gủi nhau, hay chỉ theo chu kỳ của người vợ, có thể làm hại cho tình yêu nhau, do đó cũng làm hại cho đời sống hôn nhân và cho con cái nữa. Công Đồng không giấu kín sự kiện này. Vậy khi cần hạn chế số con, có thể áp dụng phương pháp nào? Công Đồng chỉ trả lời một cách đại cương mà thôi: phải loại trừ phương pháp xấu xa, như giết người (số 51b), phá thai và giết trẻ em (số 51c). Rồi Công Đồng dạy nguyên tắc phải áp dụng trong việc chọn lựa phương pháp. Phương pháp bao giờ cũng phải 1) tôn trọng giá trị của sứ mệnh lưu truyền sự sống và tôn trọng phẩm giá con người, 2) nó không thể trái ngược lẽ luật của Chúa về việc lưu truyền mạng sống, 3) vợ chồng

phải có ý ngay lành, nhưng chưa đủ, 4) chính phương pháp phải xứng hợp với các qui tắc khách quan về luân lý, 5) đó là những qui tắc dựa trên bản tính con người và tác động của con người, 6) nên phương pháp phải không được xâm phạm ý nghĩa tình yêu hôn nhân là tự hiến cho nhau, và tính cách nhân bản của việc sinh sản con cái, 7) bởi đó, đức trinh khiết hôn nhân là cần thiết, 8) cũng như lòng trung thành với Giáo Huấn của Giáo Hội. (*Trở lại đầu trang*)

14 Xem Piô XI, Tđ. Casti Connubii: AAS 22 (1930), trg 559-561 : Dz 2239-2241 (3716-3718). - Piô XII, Huấn từ cho Đại hội Hiệp hội các Nữ Hộ Sinh Ý, 29-10-1951: AAS 43 (1951), trg 835-854. - Phaolô VI, Huấn từ cho các Nghị Phụ Hồng Y, 23-6-1964: AAS 56 (1964), trg 581-589. Theo lệnh của ĐGH, một số vấn đề cần tìm hiểu sâu xa hơn đã được trao cho một ủy ban đặc trách nghiên cứu về dân số, gia đình, tỉ số sinh sản, để sau khi cộng tác hoàn thành, ĐGH có thể thẩm định. Và với giáo huấn hiện thời của Giáo Hội, Thánh Công Đồng không có ý cấp thời đề ra những giải pháp cụ thể. (*Trở lại đầu trang*)

62* Ghi chú 14 trình bày lý do tại sao Công Đồng không phát biểu ý kiến về phương pháp cụ thể do khoa học đã khám phá ra, như thuốc viên, vòng xoắn, v.v... Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã nhờ ủy ban do Đức Gioan XXIII thiết lập nhằm học hỏi về các vấn đề gia đình, để nghiên cứu vấn đề hạn chế sinh sản. Ủy ban gồm có các nhà thần học, xã hội học, bác sĩ, các đôi vợ chồng (trên 70 hội viên) đã làm việc từ năm 1963 đến cuối năm 1967. Theo như chính Đức Giáo Hoàng xác nhận (Humanae Vitae số 6) đa số các hội viên bên vực lập trường chấp nhận bất cứ phương pháp nào để hạn chế sinh sản. Không nhắc đến lòng ích kỷ, ham khoái lạc, sợ trách nhiệm nặng nề trong việc sinh sản và giáo dục con cái, kể cả lập trường chống đối Giáo Hội cũng như lập trường kinh tế và chính trị của một số quốc gia, Ấn Độ chẳng hạn..., chính Đức Giáo Hoàng đã chỉ nhắc lại lý do của đa số trong ủy ban: 1) Có lý do ngoại tại, nghĩa là những lý do không trực tiếp quan hệ tới vấn đề, như việc dân số gia tăng quá mau; những hoàn cảnh làm việc, nhà ở, kinh tế; quan niệm mới mẻ về nhân phẩm phụ nữ và vai trò của phụ nữ trong xã hội; việc sinh sản con cái đòi hỏi hy sinh đôi khi tới mức độ anh hùng (Humanae Vitae số 2-3). 2) Cũng có lý do nội tại như quan niệm về giá trị tình yêu hôn nhân và cử chỉ xác thịt; quyền năng của con người trên thiên nhiên và bản thân; nguyên tắc toàn diện, nghĩa là hôn nhân hướng về con cái nhưng không phải từng hoạt động vợ chồng phải trực tiếp hướng về nó; nguyên tắc phải chọn sự xấu nhẹ hơn, nghĩa là thà áp dụng phương pháp nhân tạo để hạn chế sinh sản còn hơn là mất tình yêu vợ chồng và hạnh phúc gia đình (Humanae Vitae số 2-3; 14, 16-17).

Ngày 25-7-1968 Đức Phaolô VI "nhận sứ mệnh Chúa Kitô đã trao phó" (Humanae Vitae số 6) công bố câu trả lời về vấn đề các phương pháp cụ thể: "Cấm bất cứ hành động nào nhằm ngăn chặn sự sinh sản, dù như một mục đích hay chỉ như phương tiện, dù có hành động như vậy trước việc vợ chồng, hay là khi việc vợ chồng đang tiến tới hậu quả tự nhiên của nó" (Humanae Vitae số 14). Nghĩa là không được phép dùng thuốc viên ngăn cản thụ thai (nó có thể giết tinh trùng, giết trứng, ngăn cản trứng chín rụng, ngăn cản tinh trùng vào trong trứng), cấm dùng thuốc viên phá thai, đặt vòng xoắn vào tử cung, dùng bao cao su của đàn ông hay đồ giữ bộ phận của đàn bà, giải phẫu để cắt hay buộc các ống dẫn tinh dịch hay trứng, hoạt động như Onan (Stk 38,9: cố ý xuất tinh ở ngoài), cấm phá thai... Vì mỗi khi vợ chồng giao hợp với nhau, việc hôn nhân phải được mở ngõ để "có thể lưu truyền mạng sống" (Humanae Vitae số 11).

Đức Giáo Hoàng "nhận sứ mệnh Chúa Kitô đã trao phó" mà dạy con cái Giáo Hội phải bỏ ý kiến riêng (Humanae Vitae số 28) và hơn nữa phải vâng lời mặc dù có thể là rất khó (Humanae

Vitae số 19-20) bởi vì phải vâng theo luật của Giáo Hội và luật của Chúa (Humanae Vitae số 18).

Đức Giáo Hoàng đã áp dụng nguyên tắc Công Đồng Vaticanô II lập ra và đã công nhận rằng nếu cố ý ngăn cản việc thụ thai khi vợ chồng ăn ở với nhau, hành động đó không còn giữ ý nghĩa sâu xa của tình yêu và của hôn nhân, cũng như của tác động hôn nhân như Thiên Chúa đã muốn (Humanae Vitae số 9-13). (*Trở lại đầu trang*)

63* Các gia đình và đại gia đình (kể cả các linh mục lo cho đôi tân hôn) nên lưu ý tới câu này của Công Đồng. Vì ép duyên không những là tội bất công đối với thanh niên thiếu nữ có quyền lợi bất khả xâm phạm để lập gia đình và chọn người bạn, mà còn gây nên nhiều khó khăn và nhiều dịp tội lỗi, không kể trường hợp hôn nhân bất thành vì mặc dầu hai bên đã ưng thuận, nhưng chỉ vì sợ hãi quá đáng (Giáo luật, khoản 1087). Lạm dụng lòng hiếu thảo của con mình để ép duyên là điều không thích hợp với giáo lý công giáo. (*Trở lại đầu trang*)

15 Xem Eph 5,16; Col 4,5. (*Trở lại đầu trang*)

64* Công Đồng lập lại hai nhiệm vụ chính của các linh mục lo cho đôi tân hôn là: 1) giáo dục đôi bên về ơn kêu gọi, về lý tưởng, về đời sống gia đình, về những khó khăn, v.v..., 2) nâng đỡ các cặp vợ chồng gặp khó khăn với lòng nhân từ và kiên nhẫn. Do đó việc khảo kinh hai bên sắp lập gia đình và sau đó chỉ lo việc rửa tội cho con cái và dạy giáo lý, ban bí tích cho kẻ liệt... thì chưa đủ.

Các ngài nên đặc biệt lưu ý tới tinh thần mới trong việc mục vụ (khi ngồi tòa chẳng hạn). "Trong việc này (tức việc dạy toàn bộ giáo lý, bất chấp những khó khăn sẽ gặp phải như khi đề cập tới vấn đề nghiêm cấm sự áp dụng các phương pháp hạn chế sinh sản chẳng hạn), cần phải giữ đức nhẫn nại và nhân từ như chính Chúa đã làm gương trong cách đối xử với mọi người. Chúa... đã giữ thái độ quyết liệt đối với tội lỗi, nhưng đồng thời đã tỏ lòng thương xót đối với con người. Khi gặp khó khăn, chớ gì các đôi vợ chồng luôn luôn tìm thấy nơi lời nói và nơi tâm hồn của các linh mục, tiếng vang lời nói và tình yêu của Chúa Cứu Thế" (Humanae Vitae số 29). Chúa không đuổi kẻ sa ngã vì yếu đuối... (*Trở lại đầu trang*)

16 Xem Sacramentarium Gregorianum : PL 78, 262. (*Trở lại đầu trang*)

17 Xem Rm 5,15 và 18; 6, 5-11; Gal 2,20. (*Trở lại đầu trang*)

18 Xem Eph 5,25-27. (*Trở lại đầu trang*)

Phần Thứ Hai

Chương II

Cổ Võ Việc Phát triển Văn Hóa ^{65*}

53. Nhập đề. Đặc điểm của một nhân vị là chỉ đạt tới nhân tính đích thực và trọn vẹn nhờ văn hóa, nghĩa là nhờ việc trau dồi những ưu phẩm và giá trị của bản tính. Vì vậy, mỗi khi đề cập đến cuộc sống nhân loại, bản tính và văn hóa liên kết với nhau hết sức chặt chẽ.

Theo nghĩa tổng quát, chữ "văn hóa" chỉ tất cả những gì con người dùng để trao dồi và phát triển các năng khiếu đa diện của tâm hồn và thể xác; cố gắng chế ngự cả trái đất bằng trí thức và lao động; làm cho đời sống xã hội, đời sống gia đình cũng như đời sống chính trị trở thành nhân đạo hơn, nhờ sự tiến bộ trong các tập tục và định chế; sau hết, diễn tả, thông truyền và bảo tồn trong các công trình của mình, những kinh nghiệm tinh thần và hoài bão lớn lao của các thời đại, để giúp cho nhiều người và toàn thể nhân loại tiến bộ hơn.

Vì vậy, văn hóa nhân loại thiết yếu mang tính cách lịch sử và xã hội, và chữ "văn hóa" thường mặc thêm một ý nghĩa xã hội học cũng như dân chủng học. Chính vì ý nghĩa này mà người ta nói đến sự đa tạp của các nền văn hóa. Thực vậy, có nhiều cách xử dụng sự vật, nhiều cách làm việc và diễn tả tư tưởng, nhiều cách phụng tự và tạo nên thuần phong mỹ tục, nhiều cách thiết lập luật lệ và định chế pháp lý, nhiều cách phát triển khoa học, nghệ thuật và trau dồi thẩm mỹ, nên mới phát sinh nhiều cách chung sống và nhiều hình thức hòa hợp các giá trị của cuộc sống. Như thế, từ các định chế lưu truyền, hình thành một di sản riêng cho mỗi cộng đoàn nhân loại. Cũng do cách thức ấy mà hình thành một môi trường lịch sử nhất định của con người, bất cứ dân tộc nào hay thời đại nào, để từ môi trường đó con người rút ra những giá trị hầu thăng tiến nền văn minh nhân loại.

Đoạn 1: Tình Trạng Văn Hóa Trong Thế Giới Ngày Nay ^{66*}

54. Những lối sống mới. Tình trạng sinh sống của con người hiện đại về phương diện xã hội và văn hóa đã biến đổi sâu đậm, khiến con người có thể nói đến một kỷ nguyên mới của lịch sử nhân loại ¹. Từ đó, mở ra những con đường mới để hoàn bị và bành trướng văn hóa rộng rãi hơn. Những con đường này đã được khai phá nhờ sự lớn mạnh của các ngành khoa học thiên nhiên, nhân văn và xã hội, nhờ sự phát triển kỹ thuật cũng như sự tiến bộ trong công cuộc khám phá và khéo léo tổ chức những phương tiện giúp con người liên lạc với nhau. Bởi đó, nền văn hóa hiện đại mang những đặc điểm này: các khoa học mệnh danh là khoa học chính xác phát triển tới đa óc phê bình; những nghiên cứu mới nhất về tâm lý học cốt nghĩa hoạt động của con người sâu xa hơn; các bộ môn sử học góp phần lớn lao giúp con người nhận định sự vật dưới khía cạnh biến đổi và tiến hóa; tập tục và cách sống ngày càng đồng nhất; hiện tượng kỹ nghệ và đô thị hóa cộng với những nguyên nhân khác đang phát huy đời sống tập thể tạo nên những hình thức văn hóa mới (văn hóa đại chúng), từ đó, phát sinh những cách cảm nghĩ, hành động và giải trí mới. Đồng thời, sự phát triển trao đổi giữa các dân tộc và các tập thể khác nhau cũng mở rộng hơn cho mọi người và mỗi người các kho tàng của những hình thức văn hóa khác nhau. Và cứ thế, sẽ dần dần xuất hiện một hình thức văn hóa nhân loại đại đồng hơn, nhờ đó, nếu càng tôn trọng những điểm của các nền văn hóa khác nhau, càng diễn đạt và tiến gần đến sự hiệp nhất nhân loại hơn.

55. Con người, tác giả của văn hóa. Càng ngày càng có nhiều người, nam cũng như nữ, thuộc bất cứ tập thể hay quốc gia nào, ý thức được chính họ và những người xây dựng và sáng tạo văn hóa của cộng đoàn mình. Trên toàn thế giới, ngày càng gia tăng ý thức tự trị cũng như trách nhiệm. Đó là điều rất cần để nhân loại trưởng thành trên bình diện tinh thần và luân lý. Đó là điều sẽ xuất hiện rõ ràng hơn, nếu chúng ta quan tâm đến sự thống nhất thế giới và đến bốn phận chúng ta là phải kiến tạo một thế giới tốt đẹp hơn trong chân lý và công bằng. Do đó, chúng ta là chứng nhân của sự hình thành một nền nhân bản mới trong đó con người được định nghĩa trước hết tùy theo trách nhiệm của mình đối với anh em và đối với lịch sử.

56. Trở ngại và bốn phận. Trong những hoàn cảnh ấy, không còn gì đáng ngạc nhiên nếu con người vì cảm thức được trách nhiệm của mình trong việc phát triển văn hóa, nên nuôi những hoài bão cao xa, đồng thời cũng lo âu nhìn đến muôn ngàn mâu thuẫn trước mắt mình phải giải quyết:

Phải làm gì để sự trao đổi văn hóa phần thịnh kia tạo được sự đối thoại đích thực và kiến hiệu giữa các tập thể và các quốc gia khác nhau mà không xáo trộn cuộc sống của các cộng đoàn,

không phá hoại sự khôn ngoan của tiền nhân cũng như không làm tổn thương những đặc tính riêng của các dân tộc? ^{67*}

Phải làm thế nào để phát huy sự truyền bá và sức linh động của nền văn hóa mới, mà không hủy diệt lòng trung thành gắn bó với di sản truyền thống? ^{68*} Đó là vấn đề đặc biệt khẩn cấp khi phải dung hòa văn hóa phát sinh từ sự tiến bộ lớn lao của khoa học và kỹ thuật với văn hóa được nuôi dưỡng bằng nền học vấn cổ điển theo những truyền thống khác nhau.

Làm sao có thể dung hòa sự phân tán rất nhanh chóng và ngày càng gia tăng của các bộ môn chuyên biệt với nhu cầu tổng hợp các bộ môn ấy và nhu cầu duy trì nơi con người khả năng chiêm ngưỡng và thán phục là những khả năng giúp con người đạt tới sự khôn ngoan?

Phải làm gì để mọi người trên thế giới cùng được hưởng ích lợi của văn hóa trong khi kiến thức của các nhà thông thái luôn cao siêu và phức tạp hơn?

Sau hết, phải làm sao để vừa công nhận sự tự trị mà văn hóa đòi hỏi là chính đáng, vừa không rơi vào một nền nhân bản trần tục thuần túy hoặc đối nghịch với tôn giáo nữa?

Ngày nay, phải phát triển văn hóa nhân loại giữa bấy nhiêu mâu thuẫn, sao cho nhân vị được nảy nở trọn vẹn, điều hòa đồng thời giúp con người trong những bồn phận mà mọi người đều được kêu gọi để chu toàn, nhất là những Kitô hữu liên kết huynh đệ trong gia đình nhân loại duy nhất. ^{69*}

Đoạn 2: Một Vài Nguyên Tắc Hướng Dẫn Việc Phát Triển Văn Hóa

57. Đức tin và văn hóa. Người Kitô hữu đang hành trình về quê trời phải tìm kiếm và yêu thích những sự trên trời ². Đó là điều chẳng những không bớt mà còn làm tăng bồn phận của họ là góp sức với mọi người kiến tạo một thế giới nhân đạo hơn. Thực ra, mầu nhiệm của đức tin Kitô giáo đã đem đến cho họ nhiều khích lệ và trợ lực quý giá để họ chu toàn bồn phận ấy cách hăng say hơn và nhất là để họ khám phá được ý nghĩa trọn vẹn của công việc họ làm. Nhờ đó, văn hóa nhân loại có được một địa vị cao cả trong ơn gọi toàn diện của con người.

Thực vậy, khi cày cấy với hai bàn tay hoặc với phương tiện kỹ thuật để trái đất nảy sinh hoa quả và trở thành nơi cư ngụ xứng đáng của toàn thể gia đình nhân loại, và khi tham dự cách ý thức vào tập thể xã hội, con người đã tuân theo ý định của Thiên Chúa được tỏ bày ngay từ thuở đầu là loài người phải chế ngự trái đất ³ và hoàn tất công cuộc tạo dựng, đồng thời con người phát triển được chính bản thân; và cùng khi ấy con người tuân giữ giới răn quan trọng của Chúa Kitô là hiến thân phục vụ anh em.

Hơn nữa, khi chuyên tâm học hỏi các bộ môn triết học, sử học, toán học, vạn vật học và trau dồi nghệ thuật, con người có thể góp phần lớn lao vào công cuộc thăng tiến gia đình nhân loại để đạt tới những giá trị cao cả của chân, thiện, mỹ, và một phán đoán có giá trị phổ quát. Nhờ đó, con người được soi chiếu rạng rỡ hơn, do Đấng Khôn Ngoan kỳ diệu đã có bên Chúa từ thuở đời đời, cùng Chúa an bài mọi sự, nô đùa trên trái đất và vui sướng ở với con cái loài người ⁴.

Cũng nhờ đó mà tâm trí nhân loại bớt nô lệ sự vật và có thể dễ dàng bay bổng để thờ phượng và chiêm ngưỡng Đấng Tạo Hóa. Hơn nữa, con người còn được ân sủng thúc đẩy để nhận ra Ngôi Lời Thiên Chúa, Đấng trước khi nên xác thể để cứu chuộc và kết thân muôn loài nơi Người, đã ở trong thế gian như "anh sáng thật... vốn hằng soi sáng mọi loài dương gian" (Gio 1,9) ⁵.

Vì do phương pháp của chúng, khoa học và kỹ thuật không thể xâm nhập cơ cấu sâu xa của sự vật, nên sự tiến bộ ngày nay của chúng dĩ nhiên có thể đưa đến một thứ chủ thuyết duy hiện tượng và bất khả tri, khi phương pháp khảo sát của những bộ môn này được đánh giá quá cao và được coi như luật tối hậu để khám phá toàn thể chân lý. Cũng nguy hiểm hơn nữa khi con người tin tưởng thái quá vào những phát minh hiện đại đến độ tự mãn và không còn kiếm tìm những giá trị cao hơn ^{70*}.

Tuy nhiên, những hậu quả tai hại ấy không nhất thiết phát sinh từ nền văn hóa hiện đại, và chúng ta không được ỷ vào đó mà phủ nhận những giá trị tích cực của nền văn hóa này. Trong số những giá trị ấy phải kể đến: lòng yêu chuộng khoa học, thái độ nghiêm chỉnh trung thành với chân lý trong các công trình nghiên cứu khoa học, nhu cầu làm việc tập thể trong các toán chuyên viên, tình liên đới quốc tế, ý thức ngày càng mãnh liệt nơi các nhà thông thái về trách nhiệm phải giúp đỡ và hơn nữa phải bảo vệ con người, ý muốn đem lại cho mọi người tình trạng sinh sống thuận lợi hơn, nhất là cho những người chịu thiệt thòi vì không được trao trách nhiệm và vì thiếu văn hóa. Tất cả những giá trị này có thể góp phần chuẩn bị cho con người lãnh nhận sứ điệp Phúc Âm. Và công cuộc chuẩn bị này có thể được thấm nhuần nhờ tình yêu thần linh của Đấng đã đến để cứu chuộc thế gian.

58. Liên hệ đa diện giữa Phúc Âm của Chúa Kitô và văn hóa nhân loại. Giữa sứ điệp cứu độ và văn hóa nhân loại có nhiều mối liên hệ. Thực vậy, khi tự mạc khải cùng dân Ngài cho tới khi tỏ mình đầy đủ trong Chúa Con nhập thể, Thiên Chúa đã nói theo văn hóa riêng của từng thời đại.

Cũng vậy, trải qua các thế kỷ sống trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, Giáo Hội đã xử dụng những tài nguyên của các nền văn hóa khác biệt để phổ biến và giải thích cho muôn dân sứ điệp của Chúa Kitô trong khi rao giảng, để tìm tòi và thấu hiểu sâu xa hơn, để diễn tả sứ điệp ấy cách tốt đẹp hơn trong các lễ nghi phụng vụ và trong cuộc sống muôn mặt của cộng đoàn các tín hữu.

Nhưng đồng thời, Giáo Hội không bị ràng buộc cách độc quyền và bất khả phân ly với một chủng tộc hay quốc gia, với một lối sống đặc thù hoặc một tập tục cũ hay mới nào, vì Giáo Hội được sai đến với mọi dân tộc thuộc mọi nơi và mọi thời. Trung thành với truyền thống riêng và đồng thời ý thức sứ mệnh phổ quát của mình, Giáo Hội có thể hòa mình với nhiều hình thức văn hóa khác nhau. Nhờ đó, chính Giáo Hội cũng như các nền văn hóa ấy đều được phong phú hơn ^{71*}.

Phúc Âm của Chúa Kitô không ngừng đổi mới cuộc sống và văn hóa của con người đã sa ngã, chống đối và khử trừ các sai lầm và tai họa phát sinh từ sức quyền rũ thường xuyên của tội lỗi luôn đe dọa. Phúc Âm không ngừng tinh luyện và nâng cao phong hóa các dân tộc. Những đức tính của mọi thời như được Phúc Âm làm cho phong phú từ bên trong, được củng cố, bổ túc và tái tạo trong Chúa Kitô ⁶ nhờ những ân huệ bởi trời. Như thế, trong khi chu toàn bốn phận riêng ⁷, Giáo Hội cũng đồng thời thúc đẩy và góp phần vào công cuộc phát triển văn hóa nhân loại, và nhờ hoạt động của mình, ngay cả trong các nghi lễ phụng vụ, Giáo Hội giáo dục cho con người đạt tới tự do nội tâm.

59. Hợp tác các giá trị trong những hình thức văn hóa nhân loại. Vì những lý do đã trình bày, Giáo Hội nhắc nhở mọi người: văn hóa phải nhằm đạt sự hoàn hảo toàn diện của nhân vị, lợi ích của cộng đoàn và của toàn thể xã hội nhân loại. Do đó, phải tôi luyện tâm hồn làm sao để phát triển khả năng tuân phục, thấu triệt, chiêm ngưỡng, phán đoán riêng tư, lại phải có thể phát huy ý thức tôn giáo, luân lý cũng như xã hội.

Thực vậy, vì trực tiếp phát sinh từ xã hội tính và lý trí của con người nên văn hóa luôn cần được tự do đúng mức để phát triển, cũng như cần có quyền hợp pháp để hành động độc lập theo các nguyên tắc riêng. Do đó, văn hóa có quyền được tôn trọng và được hưởng một quyền bất khả xâm phạm nào đó, dĩ nhiên vẫn phải duy trì quyền lợi cá nhân và cộng đoàn hoặc riêng biệt hoặc phổ quát, trong giới hạn của công ích.

Thánh Công Đồng lập lại những điều Công Đồng Vaticanô thứ nhất đã dạy, và tuyên bố rằng: "Có hai lãnh vực trí thức" khác nhau, lãnh vực đức tin và lãnh vực lý trí; Giáo Hội không cấm "các kỹ thuật và các bộ môn văn hóa nhân loại dùng những nguyên lý và phương pháp riêng trong phạm vi của mình"; do đó, Giáo Hội "nhìn nhận sự tự do chính đáng này", và xác nhận sự tự trị hợp pháp của văn hóa, nhất là các khoa học⁸.

Tất cả những điều vừa trình bày cũng đòi hỏi cho con người có thể tự do đi tìm chân lý, phát biểu, phổ biến ý kiến mình và được tự do hành nghề tùy sở thích, miễn là tôn trọng công ích và trật tự luân lý; sau hết, những điều ấy cũng đòi cho con người phải được thông tin chính xác về những biến cố xảy ra thuộc đời sống công cộng⁹.

Bổn phận của công quyền không phải là quy định một hình thức văn hóa nhân loại đặc thù nào, nhưng là tạo những điều kiện và phương tiện thuận lợi để phát triển đời sống văn hóa trong toàn thể dân chúng, cả trong những thành phần thiểu số của quốc gia¹⁰. Do đó, phải hết sức tránh sao để văn hóa khỏi bị sai lạc mục đích cá biệt của mình và khỏi bị cưỡng ép làm công cụ cho các thế lực chính trị hay kinh tế.

Đoạn 3: Một Vài Bổn Phận Cấp Bách Của Kitô Hữu Đối Với Văn Hóa

60. Phải nhìn nhận và thực thi quyền thụ hưởng văn hóa của mọi người. Vì ngày nay, con người có đủ khả năng giải thoát một phần lớn nhân loại khỏi nạn ngu dốt, nên bổn phận thích đáng nhất của thời đại này, nhất là đối với các Kitô hữu, trong lãnh vực kinh tế cũng như chính trị, trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế, là đem hết nỗ lực để khẳng định những nguyên tắc căn bản bắt buộc mọi người phải thừa nhận và thực thi quyền hưởng thụ văn hóa của mọi người trên thế giới, vì đó là quyền phù hợp với phẩm giá con người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, quốc gia, tôn giáo và giai cấp xã hội. Do đó, phải làm sao cho mỗi người có được một số vốn liếng văn hóa đầy đủ, nhất là văn hóa căn bản, để một số lớn nhân loại không còn mù chữ hay thiếu sáng kiến trách nhiệm mà không thể cộng tác vào lợi ích chung đúng với danh nghĩa con người.

Bởi thế, phải gắng sức làm cho những người có khả năng được theo học các bậc cao đẳng; và nếu có thể được, liệu cho họ đạt được những chức vụ và giữ những vai trò mà họ có thể phục vụ trong xã hội tùy theo sở trường và năng khiếu họ đã thu thập được¹¹. Như thế, mọi người và mọi tầng lớp xã hội thuộc mọi dân tộc đều có thể phát triển trọn vẹn đời sống văn hóa phù hợp với tài năng và truyền thống của mình.

Hơn nữa, cũng cần cổ động cho mọi người ý thức về quyền thụ hưởng văn hóa cùng bổn phận trau luyện bản thân và hỗ trợ người khác. Dĩ nhiên, đôi khi vẫn còn có những hoàn cảnh sinh sống và làm việc cản trở các cố gắng phát huy văn hóa và làm cùn nhụt nghị lực của con người; nhưng đặc biệt, đối với nông dân và thợ thuyền, cần phải đem lại cho họ những điều kiện thực hành công việc của họ, để khuyến khích họ hơn là ngăn cản họ trao đổi văn hóa. Nữ giới đã tham gia vào hầu hết mọi ngành sinh hoạt, nên cũng phải liệu cho họ đảm trách toàn vẹn

những chức vụ phù hợp với khả năng riêng của họ. Bổn phận của tất cả mọi người là thừa nhận và cố võ sự tham gia đặc biệt và cần thiết của nữ giới trong sinh hoạt văn hóa ^{72*}.

61. Giáo dục văn hóa toàn diện cho con người. Ngày nay, tổng hợp được các kiến thức thuộc mọi môn, mọi ngành là một việc khó hơn bao giờ hết. Thực tế, càng ngày các yếu tố cấu tạo văn hóa càng gia tăng và khác biệt, trong khi đó, nơi mỗi người, khả năng thu nhận và tổng hợp các yếu tố ấy lại suy giảm, đến nỗi hình ảnh "con người bách khoa" mờ dần. Tuy nhiên, mỗi người đều còn có bổn phận bảo tồn nhân vị toàn diện của mình, với những giá trị trở vượt của trí tuệ, ý chí, lương tri và tình huynh đệ. Tất cả những giá trị này đều do Thiên Chúa tạo dựng, được sửa trị và nâng cao một cách kỳ diệu trong Chúa Kitô ^{73*}.

Trước tiên, gia đình như một người mẹ và người vú của nền giáo dục này, bởi vì trong gia đình, con cái được tình yêu ấp ủ sẽ khám phá ra các bậc thang giá trị một cách dễ dàng hơn, đồng thời càng lớn, những người trẻ càng như tự nhiên thấm nhuần những khuôn mẫu văn hóa khác biệt sẵn có.

Xã hội ngày nay cũng có những phương tiện thích hợp cho công cuộc giáo dục này. Nhất là nhờ việc phổ biến sách báo càng ngày càng lan rộng và những phương tiện truyền thông văn hóa xã hội mà văn hóa được phổ biến dễ dàng. Thực tế, nhờ giảm bớt phần nào thời giờ làm việc, nhiều người sẽ có dịp để trau dồi văn hóa. Do đó, phải biết dùng thời giờ nhàn rỗi để bổ dưỡng tâm trí và thể xác, như giải trí lành mạnh, học hỏi; du lịch những miền xa lạ sẽ giúp cho trí óc mở mang, và nhờ hiểu biết lẫn nhau con người được thêm phong phú; thể dục và các hoạt động thể thao giúp chúng ta giữ được quân bình trong tâm hồn của mỗi cá nhân cũng như của xã hội, và giúp chúng ta thiết lập được các mối bang giao huynh đệ giữa mọi người không phân biệt giai cấp, quốc gia hay chủng tộc. Vì thế, các Kitô hữu phải cộng tác vào việc đem tinh thần nhân bản và Kitô giáo thấm nhuần các sinh hoạt văn hóa tập thể, là những sinh hoạt đặc biệt của thời đại chúng ta.

Tuy nhiên, những phương tiện trên sẽ không đem lại một nền giáo dục văn hóa toàn diện cho con người nếu đồng thời con người không tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của văn hóa và khoa học đối với con người.

62. Phối hợp văn hóa nhân loại với Kitô giáo. Mặc dù Giáo Hội đã đóng góp nhiều vào sự phát triển văn hóa, tuy nhiên kinh nghiệm cho thấy, vì những lý do nhất thời mà sự phối hợp giữa văn hóa và Kitô giáo không phải lúc nào cũng diễn tiến mà không gặp trở ngại.

Những trở ngại này không nhất thiết làm tổn thương đời sống đức tin, trái lại, còn có thể thúc đẩy lý trí tìm hiểu đức tin một cách chính xác và sâu rộng hơn. Thực tế, những cuộc nghiên cứu và những phát sinh gần đây của khoa học cũng như của sử học và triết học khơi lên những vấn đề mới liên hệ đến chính cuộc sống. Chúng đòi hỏi các nhà thần học vẫn phải tìm tòi những nghiên cứu mới nữa. Do đó, khi trung thành với những phương pháp và đòi hỏi riêng biệt của khoa thần học, các nhà thần học được mời gọi luôn tìm kiếm một phương thức thích ứng hơn để truyền thông giáo lý cho người đương thời: vì một đảng là kho tàng đức tin các chân lý, một đảng là phương thức diễn đạt kho tàng đó miễn sao giữ vững đúng ý nghĩa và nội dung ¹². Trong phạm vi mục vụ, phải thấu triệt và áp dụng không những các nguyên tắc thần học, nhưng cả những phát minh của các khoa học "đời", nhất là khoa tâm lý và xã hội học. Như thế, các tín hữu cũng sẽ nuôi dưỡng được một đời sống đức tin tinh ròng và trưởng thành hơn.

Văn chương và nghệ thuật cũng theo thể cách riêng mà giữ một vai trò quan trọng trong đời sống Giáo Hội. Thực tế, văn chương và nghệ thuật tìm cách diễn tả đặc tính riêng của con

người cũng như các vấn đề và kinh nghiệm của con người trong nỗ lực nhận biết và hoàn thiện chính mình cũng như cả thế giới; văn chương và nghệ thuật cũng cố gắng khám phá vị trí của con người trong lịch sử và vũ trụ, phơi bày những đau khổ và vui mừng, những nhu cầu và nghị lực của con người, lại cố gắng phác họa một vận hội khả quan hơn cho con người. Như thế, văn chương và nghệ thuật có thể nâng cao đời sống nhân loại, được diễn tả dưới nhiều hình thức, tùy từng thời và từng miền khác nhau.

Vậy nên, cần phải làm sao để các văn nghệ sĩ cảm thấy rằng Giáo Hội đang lưu tâm đến hoạt động của họ và một khi được hưởng tự do đúng mức, họ có thể trao đổi với cộng đoàn Kitô hữu dễ dàng hơn. Giáo Hội cũng phải công nhận những hình thức nghệ thuật mới, thích hợp với thời đại chúng ta, tùy theo bản chất của từng dân tộc, từng địa phương. Cũng nên đem vào nơi phương tự những hình thức mới này, một khi với lối diễn tả thích nghi và phù hợp với phụng vụ, chúng giúp con người nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa ¹³.

Như thế, danh Chúa được biểu dương, việc rao giảng Phúc Âm trở thành dễ hiểu hơn, và như hàm chứa sẵn trong cảnh sống của con người.

Bởi vậy, các tín hữu phải sống liên kết hết sức chặt chẽ với những người đương thời và để tâm tìm hiểu tường tận lối suy tư và cảm nghĩ đã được diễn tả qua những tinh hoa văn hóa riêng của họ. Các tín hữu phải phối hợp những kiến thức khoa học và học thuyết mới cũng như những phát minh mới mẻ với nền luân lý và giáo lý Kitô giáo. Nhờ đó, đời sống đạo và tâm hồn chính trực của họ lớn lên song hành với kiến thức khoa học và kỹ thuật mỗi ngày một tiến bộ. Như vậy, họ có thể nhận định và giải thích mọi sự với lối cảm nghĩ hoàn toàn Kitô giáo.

Những vị chuyên khoa thần học trong các Chủng Viện và Đại Học nên cố gắng đem năng lực và quan điểm cộng tác với những người am tường các khoa học khác. Đồng thời, công cuộc nghiên cứu thần học nhằm đào sâu chân lý mạc khải không được khinh thường mối liên hệ của thần học đối với thời đại của mình. Có vậy, các nhà thần học mới có thể giúp những nhà chuyên môn trong các bộ môn khác hiểu biết đức tin đầy đủ hơn. Những công cuộc hợp tác này sẽ giúp ích nhiều cho việc đào tạo các thừa tác viên có chức vụ thánh. Họ có thể dẫn giải giáo lý về Thiên Chúa, về con người và thế giới một cách thích hợp với thời đại chúng ta hơn; nhờ đó, lời họ giảng cũng được đón nhận dễ dàng hơn ¹⁴. Mong cho có nhiều giáo dân được huấn luyện thích đáng về các khoa học thánh, và ước sao một số chuyên tâm học hỏi và đào sâu những môn học này. Tuy nhiên, để họ có thể làm tròn bổn phận của mình, cần phải thừa nhận cho tín hữu hoặc giáo sĩ hoặc giáo dân một sự tự do đầy đủ để nghiên cứu, suy tư, cũng như để khiêm tốn và can đảm trình bày quan điểm trong lãnh vực chuyên môn của họ ¹⁵. ^{74*}

Chú Thích:

65* Văn hóa giúp con người phát triển (số 53a), vậy văn hóa là thế nào? (b). Có thể có nhiều hình thức theo lịch sử và xã hội cũng như theo xã hội học và nhân chủng học (c).

1) Thực trạng của văn hóa hiện tại: Văn hóa được đổi mới và quốc tế hóa do ảnh hưởng khoa học gây nên (số 54). Đồng thời con người ý thức về quyền tự trị và về trách nhiệm trong lãnh vực văn hóa (số 55).

Đàng khác con người cũng nhận thấy nhiều xung đột (số 56a); giữa văn hóa do ảnh hưởng khoa học gây nên (số 54). Đồng thời con người ý thức về quyền tự trị và về trách nhiệm trong lãnh vực văn hóa (số 55).

Đàng khác con người cũng nhận thấy nhiều xung đột (số 56a); giữa văn hóa mới và nếp sống cũ của các cộng đoàn (b), giữa sự phát triển và thông truyền (c), giữa sự học biết càng ngày càng nhiều và quan niệm tổng quát cần thiết (d), giữa văn hóa ngày một phức tạp và việc quần chúng phải tham dự vào văn hóa (e), giữa quyền tự trị và đòi hỏi tôn giáo (f), dù vậy văn hóa phải giúp con người lớn lên về mọi phương diện (g).

2) Nguyên tắc để phát triển văn hóa:

A) Đức tin và văn hóa: Đức tin giúp ta phát triển văn hóa (số 57a); vì khiến ta tự hoàn thiện hóa và phục vụ đồng loại (b), vì cô võ sự chân, thiện, mỹ và giúp ta hiểu vũ trụ hơn (c). Văn hóa giúp ta thờ phượng Chúa và đón nhận đức tin (d). Đàng khác tinh thần khoa học quá đáng có thể nguy hiểm (e). Nhưng ta không vì thế mà phủ nhận các giá trị của khoa học (f).

B) Phúc Âm và văn hóa: Chúa đã dùng văn hóa của dân Do thái để tự tỏ mình ra (số 58a). Giáo Hội đã dùng các nền văn hóa khác nhau để loan truyền Phúc Âm (b), và khi tiếp xúc với tất cả các nền văn hóa ấy thì đã mưu ích cho nó cũng như cho mình (c). Những lợi ích Phúc Âm mang lại (d).

C) Điều kiện giúp văn hóa phát triển để mưu ích cho con người biết chiêm ngưỡng và phán đoán (số 59a) là văn hóa phải hưởng thụ tự do (b). Giáo hội xác nhận quyền tự do văn hóa (c). Tự do nghiên cứu, tự do tư tưởng và phát biểu ý kiến, tự do thông tri (d). Vai trò của chính quyền (e).

3) Nhiệm vụ của Kitô hữu: Mọi người phải được hưởng thụ văn hóa (số 60a), phải có thể vào các Trường Cao Đẳng (b). Và mỗi người cũng có nhiệm vụ về văn hóa; để lập nên điều kiện thuận tiện cho mọi người, để giúp phụ nữ đóng một vai trò trong xã hội (c).

4) Giáo dục là cần thiết: Phải đề cao nhân vị (số 61a) và sứ mệnh gia đình (b). Việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội cũng như việc sử dụng các giờ rảnh đều quan trọng (c). Cần phải tìm hiểu ý nghĩa chính xác của văn hóa (d).

5) Vai trò của Giáo Hội: Có thể rất khó khăn khi phát triển văn hóa và đồng thời gìn giữ tinh thần Kitô giáo (số 62a). Phần đóng góp của các nhà thần học (b), văn chương và mỹ thuật (c). Lập trường của Giáo Hội đối với nhà văn và nghệ sĩ (d). Phải tìm hiểu thời đại và điều hòa văn hóa với giáo lý (e), đó là việc riêng của các nhà thần học (f). (*Trở lại đầu trang*)

66* Trong phần này Công Đồng nói về một thứ văn hóa "Âu Mỹ", của các quốc gia tiên tiến. Nhưng các quốc gia đang mở mang cũng hướng về thứ văn hóa giống như thế nhờ sự kỹ nghệ hóa; đồng thời cũng nhờ người trí thức trong các quốc gia đang mở mang hoặc đã theo học trong các học đường Âu Mỹ, hoặc đã theo học những chương trình Tây Phương tại các Viện Đại Học của nước mình. Bởi thế, ước gì kinh nghiệm của những quốc gia Âu Mỹ có thể giúp đỡ các quốc gia đang mở mang để tránh được những khuyết điểm mà văn hóa Tây Phương đã không tránh khỏi. (*Trở lại đầu trang*)

1 Xem Phần Nhập Đề của Hiến Chế này, số 4-10. (*Trở lại đầu trang*)

67* Giới trí thức và lãnh đạo ở các quốc gia đang mở mang có nhiệm vụ rất lớn lao và khó nhọc về vấn đề này. (*Trở lại đầu trang*)

68* Vấn đề này không chỉ có trong các quốc gia đang mở mang mà thôi. Các phong trào chống đối bên Âu Mỹ cũng đe dọa những giá trị truyền thống. (Trở lại đầu trang)

69* Một cách tóm tắt và thực tế, trong việc phát triển văn hóa chúng ta phải làm sao để điều hòa mọi giá trị: để duy trì sự quân bình giữa các điều cũ và điều mới, giữa lý trí và tình cảm, giữa trí óc khoa học và trí óc chiêm ngưỡng thiên nhiên, thưởng thức văn chương và mỹ thuật. Phải làm sao để giúp đỡ mỗi cá nhân và các dân tộc phát triển song song: nếu không, nhiều hình thức nô lệ mới có thể xuất hiện: chẳng hạn sự nô lệ kinh tế và văn hóa của cả một quốc gia. (Trở lại đầu trang)

2 Xem Col 3,1-2. (Trở lại đầu trang)

3 Xem Stk 1, 28. (Trở lại đầu trang)

4 Xem Cn 8, 30-31. (Trở lại đầu trang)

5 Xem T. Ireneô, Adv Haer. III, 11, 8: x.b. Sagnard, trg 200; Xem n.v.t., 16, 6: trg 290-292; 21, 10-22: trg 370-372; 22, 3: trg 378; v.v... (Trở lại đầu trang)

70* Hiện tượng luận chủ trương rằng ta phải đánh giá các hiện tượng mà không cần tìm đến những thực thể siêu việt. Ví dụ: trong cơn khủng hoảng đối với quyền bính trong Giáo Hội hay trong xã hội, chúng ta không cần dựa trên bất cứ nguyên tắc lý thuyết nào, mà phải chấp nhận những thực tại mới, thích hợp với các hiện tượng xảy ra. "Bất khả tri luận" chủ trương rằng trí con người thiếu khả năng để hiểu biết các thực tại siêu hình. Nhiều khi đó chỉ là một lập trường trong thực tế. Khoa học có thể đưa tới chủ trương ấy, không phải vì bản tính đòi hỏi như vậy, nhưng chỉ vì người ta muốn xét tới tất cả mọi vấn đề dựa trên những phương pháp thí nghiệm và thực tế của khoa học. (Trở lại đầu trang)

71* Đoạn trên đã được hàng trăm các Đức Giám Mục Á Phi và Nam Mỹ xác nhận. Có lẽ nhiều giáo dân thuộc giới trí thức (ở Việt Nam cũng như ở nhiều nơi khác) có cảm tưởng rằng mấy đoạn đó hợp với lý tưởng của Giáo Hội hơn là hợp với lịch sử. Quả quyết rằng Giáo Hội đã dùng những kho tàng của các nền văn hóa khác nhau để giảng dạy và diễn tả Phúc Âm trong Phụng Vụ mà không hề cấu kết với một dân tộc hay phong tục dân tộc nào... phải chăng hơi có tính cách tự đắc huênh hoang quá đáng? (Ví dụ, hơn ba thế kỷ, ở Việt Nam vẫn cử hành Phụng Vụ bằng tiếng Latinh và theo đúng như các nghi thức Roma). Dù ta cảm thấy Giáo Hội đã thực hiện một thứ thực dân tôn giáo và do đó trái với nguyên tắc tốt đẹp này (ở đây không cần nói đến vấn đề Giáo Hội có giúp đỡ cho thực dân chính trị hay không, vì có thể phức tạp hơn), nhưng nguyên tắc của Công Đồng đã rõ ràng. Ta phải làm sao để con cháu ta không thể tố cáo được rằng chúng ta đã không làm gì để thực hiện nguyên tắc đó trong thực tế. (Trở lại đầu trang)

6 Xem Eph 1, 10. (Trở lại đầu trang)

7 Xem lời Đức Piô XI nói với ĐGM Roland-Gosselin: "Đừng bao giờ quên rằng mục tiêu Giáo Hội nhằm là truyền bá Phúc Âm chứ không phải truyền bá văn minh. Nếu Giáo Hội truyền bá văn minh, thì qua việc truyền bá Phúc Âm" (Semaines sociales de France, Versailles, 1963, trg 461-462). (Trở lại đầu trang)

8 CD Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo Dei Filius, ch. IV: Dz 1695, 1799 (3015-3019). - Xem Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 190. (Trở lại đầu trang)

9 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 260. (Trở lại đầu trang)

10 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 283. - Piô XII, sứ điệp truyền thanh 24-12-1941: AAS 34 (1942), trg 16-17. (*Trở lại đầu trang*)

11 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 260. (*Trở lại đầu trang*)

72* Với chế độ dân chủ, nữ giới bắt đầu đòi bình quyền với nam giới. Phong trào thoát ly hoàn toàn của nữ giới: về phương diện sinh vật học (không làm nô lệ cho hôn nhân và việc sinh nở), về kinh tế (có toàn quyền bất chấp ý kiến của người chồng), về xã hội (hình thức đàn bà nội trợ phải biến đi). Phong trào này một khi có tính cách tuyệt đối đến nỗi bỏ quên sự khác biệt giữa hai giới nam và nữ không những về sinh vật lý mà còn về tâm lý, lúc ấy nó trái ngược với chính phẩm giá của phụ nữ và làm hại cho gia đình, xã hội. Công đồng đã nhấn mạnh sự bình đẳng về nhân quyền căn bản (số 29b) và ở đây không những chấp nhận sự thoát ly xã hội (về việc làm thích hợp với tài năng của họ) mà còn dạy mọi người phải cộng tác để phụ nữ góp phần riêng và cần thiết trong lãnh vực văn hóa. Lãnh vực văn hóa cũng bao gồm hoạt động chính trị! Đức Giáo Hoàng Piô XII đã nhắc lại rằng ơn thiên triệu chính của đàn bà cốt tại việc làm mẹ (cũng có thể mang ý nghĩa thiêng liêng). Công việc ở ngoài gia đình có thể ngăn cản họ trong việc nuôi nấng, giáo dục con cái và sống đầm ấm với chồng. Đàng khác hoạt động xã hội của phụ nữ nhiều khi cần thiết vì ích chung (ví dụ để bảo vệ hay cổ võ ích lợi của gia đình) và phẩm giá của giới phụ nữ cũng đòi hỏi họ góp phần vào ích lợi chung. Đặc biệt những phụ nữ không chồng không con, có thể dấn thân để thực hành nhiều công việc xã hội và chính trị nữa (15-8-1945: AAS 37, 288 và 21-10-1945: AAS 37). (*Trở lại đầu trang*)

73* Ngày nay sự sai biệt giữa người học thức và kẻ dốt nát ở trong một dân tộc nào đó thật đáng sợ, nhưng sự sai biệt nơi một cá nhân giữa sự học biết thật cao trong một lãnh vực và sự dốt nát hoàn toàn về phương diện khác của văn hóa, điều đó lại càng đáng sợ hơn nữa! Nếu trong lãnh vực lý học, toán học, y học, v.v... thực có uy thế, nhưng đồng thời lại chẳng hiểu gì về văn chương... hay về tôn giáo, thì như vậy con người đã không phát triển các điều hòa. Phải phát triển các khả năng: trí tuệ, ý chí, ký ức, sức tưởng tượng tình cảm, lương tri... một cách quân bình. (*Trở lại đầu trang*)

12 Xem Gioan XXIII, Diễn văn khai mạc Công Đồng, 11-10-1962: AAS 54 (1962), trg 792. (*Trở lại đầu trang*)

13 Xem CĐ Vat II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium, số 123: AAS 56 (1964), trg 134. - Phaolô VI, Discorso agli artisti romani, 7-5-1964: 56 (1964), trg 439-442. (*Trở lại đầu trang*)

14 Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Đào Tạo Linh Mục Optatum totius và Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô Giáo Gravissimum educationis. (*Trở lại đầu trang*)

15 Xem CĐ Vat. I I, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. IV, số 37: AAS 57 (1965), trg 42-43. (*Trở lại đầu trang*)

74* Trong số này Công Đồng diễn tả lại thái độ của Giáo Hội (thái độ Giáo Hội muốn có, hơn là thái độ đã có qua lịch sử) đối với tất cả các biểu hiện của văn hóa (Công Đồng nhắc lại thần học, văn chương và mỹ thuật như là ví dụ). Đó là thái độ thiện cảm biết khám phá những giá trị tích cực hơn là chỉ để ý đến những khó khăn và mối nguy hại; thái độ muốn dự phần và thấu hiểu để nhận thấy những khía cạnh văn hóa thích hợp với giáo lý thế nào; thái độ đối thoại trong bầu không khí tự do, loại bỏ lòng nghi ngờ đối với những ai chuyên môn về nghiên cứu (đặc biệt trong lãnh vực thần học). (*Trở lại đầu trang*)

Phần Thứ Hai

Chương III

Đời Sống Kinh Tế Xã Hội ^{75*}

63. Một vài khía cạnh của đời sống kinh tế. Ngay trong đời sống kinh tế xã hội, phẩm giá cũng như ơn gọi toàn diện của con người và lợi ích của toàn thể xã hội cũng phải được tôn trọng và thăng tiến. Vì con người là tác giả, là tâm điểm và là cứu cánh của tất cả đời sống kinh tế xã hội.

Sau đây là một vài đặc điểm của nền kinh tế hiện đại cũng như của các lãnh vực khác trong đời sống xã hội: con người càng ngày càng chế ngự thiên nhiên nhiều hơn, sự liên lạc và nương tựa lẫn nhau giữa các công dân, đoàn thể, quốc gia càng ngày càng nhiều và rộng lớn hơn, và mỗi ngày sự can thiệp của các chính quyền càng trở thành thường xuyên; đồng thời, với đà tiến bộ của các phương pháp sản xuất và trao đổi sản phẩm cũng như dịch vụ, kinh tế đã trở thành một công cụ thích hợp để thỏa mãn cách khả quan những nhu cầu chông chát của gia đình nhân loại.

Tuy nhiên, không thiếu những lý do gây nên lo ngại. Nhiều người, nhất là trong những miền có nền kinh tế tiên bộ, như bị đời sống kinh tế chi phối hoàn toàn, đến nỗi trong các quốc gia theo kinh tế tập sản cũng như trong các quốc gia khác, hầu như cả đời sống cá nhân cũng như xã hội của họ đều bị thấm nhiễm một thứ chủ nghĩa duy kinh tế. Trong thời đại mà sự phát triển đời sống kinh tế nếu được điều khiển và phối hiệp cách hợp lý và nhân đạo, có thể giảm thiểu những chênh lệch trong xã hội, thì nhiều khi lại làm cho những chênh lệch ấy trở thành trầm trọng hơn, hoặc ở một vài nơi còn trở thành sự thoái hóa địa vị xã hội của những người yếu thế và miệt thị những kẻ nghèo túng. Ngay trong những vùng kém mở mang, giữa lúc đa số vẫn còn thiếu những nhu cầu thiết yếu, thì một thiểu số lại sống dư dật, phung phí. Xa hoa và cùng cực kề cận nhau. Trong khi một thiểu số được quyền định đoạt rất lớn, thì đa số lại hầu như không thể hành động theo sáng kiến riêng và không được thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình, nhiều khi còn phải chịu đựng trong những hoàn cảnh sinh sống và làm việc bất xứng với phẩm giá con người ^{76*}.

Giữa lãnh vực nông nghiệp, kỹ nghệ, mậu dịch và ngay giữa những miền khác nhau của cùng một quốc gia cũng có những chênh lệch tương tự về kinh tế và xã hội. Sự tương phản giữa các cường quốc kinh tế và các quốc gia khác càng ngày càng trở nên trầm trọng và có thể đe dọa cả nền hòa bình thế giới.

Con người thời đại chúng ta càng ngày càng ý thức mãnh liệt về những chênh lệch ấy, vì họ thâm tín rằng những kỹ thuật tân tiến và những năng lực kinh tế của thế giới ngày nay có thể và phải sửa đổi được những tệ trạng kia. Muốn vậy, cần phải cải tổ đời sống kinh tế, xã hội và mọi người phải đổi mới tâm thức và thái độ của mình. Nhằm mục đích ấy, nên qua bao thế hệ, với ánh sáng Phúc Âm, Giáo Hội đã nỗ lực minh dẫn những nguyên tắc về công bình và quân bình trong đời sống cá nhân, xã hội và quốc tế cho hợp với những đòi hỏi của lương tri nhân loại, nhất là trong những ngày gần đây Giáo Hội càng đưa ra những nguyên tắc ấy hơn. Trong khi đặc biệt nhìn vào những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế, Thánh Công Đồng muốn củng cố lại những nguyên tắc đã nêu trên, đồng thời vạch ra một vài hướng đi phù hợp với hoàn cảnh của thời đại này ¹.

Đoạn 1: Phát Triển Kinh Tế

64. Phát triển kinh tế để phục vụ con người. Ngày nay hơn bao giờ hết, để đối phó với sự gia tăng dân số và thỏa mãn những nguyện vọng mỗi lúc một nhiều của nhân loại, người ta được quyền nghĩ đến việc tăng gia sản xuất nông nghiệp, kỹ nghệ, cũng như các dịch vụ cung ứng. Do đó, cần phải cố võ việc phát triển kỹ thuật, tinh thần cạnh tranh, cố gắng thiết lập và khuyến khích các xí nghiệp; thích nghi các phương pháp sản xuất và những cố gắng không ngừng của các nhà sản xuất, tóm lại, là cố võ tất cả những yếu tố dự phần vào việc phát triển này. Tuy nhiên, mục đích căn bản của sự sản xuất không chỉ là gia tăng sản lượng, lợi tức hoặc quyền lực, nhưng chính là phục vụ con người, dĩ nhiên là con người toàn diện. Tuy nhiên, phải duy trì đúng cấp bậc giá trị của các nhu cầu vật chất cũng như những đòi hỏi của đời sống tinh thần, luân lý, tu đức và tôn giáo. Phải phục vụ tất cả mọi người, mọi đoàn thể, mọi chủng tộc và mọi miền trên thế giới. Bởi thế, hoạt động kinh tế, mặc dù theo phương pháp và luật lệ riêng, nhưng vẫn phải nằm trong giới hạn của trật tự luân lý²; Có như thế mới hoàn thành được kế hoạch Thiên Chúa đã sắp đặt cho con người³.

65. Phát triển kinh tế dưới sự kiểm soát của con người. Con người phải kiểm soát lại sự phát triển kinh tế; không được khoán trắng nó cho sự định đoạt của một thiểu số hoặc của những tập thể nắm trong tay quyền lực kinh tế quá lớn, hoặc của một cộng đồng chính trị hay một số quốc gia giàu mạnh. Ngược lại, trong những dịch vụ quốc tế, mọi quốc gia đều phải tích cực dự phần vào việc phát triển kinh tế, và càng nhiều người thuộc mọi cấp bậc tham gia càng hay. Cũng vậy, phải phối hợp và điều hòa một cách thích đáng và hợp lý những sáng kiến của cá nhân và của các đoàn thể tự do với nỗ lực của chính quyền.

Không thể chỉ bỏ mặc việc phát triển cho sự diễn tiến gần như máy móc của hoạt động kinh tế cá nhân hay cho một mình chính quyền mà thôi. Do đó, phải tố giác những sai lầm của các học thuyết đang nhân danh một thứ tự do nguy tạo để ngăn cản những cải tổ cần thiết; cũng phải tố giác những học thuyết đòi hy sinh quyền lợi cá nhân và đoàn thể cho tổ chức sản xuất tập thể⁴.

Người công dân nên nhớ rằng, bổn phận và quyền lợi của mình là tùy khả năng đóng góp vào việc phát triển thực sự cộng đồng mình. Chính quyền cũng phải công nhận bổn phận và quyền lợi này. Nhất là những miền còn kém mở mang, càng phải cấp bách tận dụng mọi tài nguyên; do đó, những người để tài sản của mình không sinh lợi, hoặc không trợ giúp cộng đồng mình những phương tiện vật chất và tinh thần cần thiết là gây nguy hại trầm trọng cho công ích^{77*}, dĩ nhiên bao giờ cũng phải tôn trọng quyền di cư của mỗi cá nhân.

66. Phải chấm dứt những chênh lệch lớn lao trên bình diện kinh tế xã hội. Để thỏa mãn những đòi hỏi của công bằng và lẽ phải mà vẫn tôn trọng quyền lợi cá nhân và đặc tính của mỗi dân tộc, cần phải hăng hái nỗ lực để sớm chấm dứt những chênh lệch kinh tế lớn lao hiện nay và còn gia tăng mai ngày: những chênh lệch này gắn liền với sự phân hóa cá nhân và xã hội. Cũng vậy, trong nhiều vùng, việc sản xuất và bán nông phẩm đang gặp nhiều trở ngại trầm trọng. Do đó, cần phải nâng đỡ nông dân tăng gia và tiêu thụ được sản phẩm, lại phải thực hiện những cuộc cải tổ và cạnh tranh cần thiết hầu thấu được lợi tức tương ứng. Như thế, họ sẽ không mãi ù lì trong thân phận công dân hạ đẳng, như vẫn thường thấy. Còn các nông dân, nhất là những người thuộc lớp trẻ, phải cố gắng kiện toàn khả năng chuyên nghiệp, nếu không nông nghiệp không thể phát triển⁵.

Sự di chuyển là điều cần thiết đối với nền kinh tế đang phát triển, tuy nhiên, sự công bằng và quân bình đòi hỏi phải tổ chức sự di chuyển ấy thế nào để đời sống cá nhân cũng như gia đình

không bị xáo trộn và bấp bênh. Những công nhân từ một quốc gia hay một miền khác đến, cũng là những người góp công vào việc phát triển kinh tế của một nước hay một miền, nên cần phải cố gắng tránh mọi dị biệt về điều kiện lương bổng và việc làm. Hơn nữa, mọi người, nhất là chính quyền, phải coi họ như những nhân vị, chứ không phải chỉ như những công cụ sản xuất; phải giúp đỡ để họ có thể đưa gia đình đến và có thể kiếm được một nơi nương thân đàng hoàng; cũng phải cho phép họ dễ dàng gia nhập đời sống xã hội của quốc gia hay miền đất nào đón tiếp họ. Tuy nhiên, nếu có thể, nên tạo cho họ có công ăn việc làm ngay tại nguyên quán của họ.

Trong những trạng huống kinh tế đang biến chuyển cũng như trong những hình thái mới mẻ của xã hội kỹ nghệ chẳng hạn hệ thống tự động đang được phát triển, phải liệu sao cho mỗi người có công việc đầy đủ và thích hợp, đồng thời hấp thụ được một sự huấn luyện thích ứng về kỹ thuật và nghề nghiệp. Cũng cần phải bảo đảm sự sống và nhân phẩm, nhất là của những người vì bệnh tật, tuổi tác, phải sống trong những hoàn cảnh thật khó khăn.

Đoạn 2: Những Nguyên Tắc Hướng Dẫn Toàn Bộ Đời Sống Kinh Tế Xã Hội

67. Việc làm, những điều kiện làm việc và giải trí. Việc làm của con người trong công cuộc sản xuất và trao đổi sản phẩm hay cung ứng dịch vụ kinh tế có giá trị hơn các yếu tố khác của đời sống kinh tế, vì các yếu tố đó chỉ có giá trị như dụng cụ.

Thực thế, việc làm này hoặc làm cho chính mình hoặc làm mướn đều trực tiếp phát xuất từ con người. Con người gán như in vào thiên nhiên dấu vết của mình và bất thiên nhiên phải tùng phục ý muốn của mình. Nhờ việc làm, con người theo lệ thường nuôi sống mình và gia đình, liên kết với anh em và phục vụ họ, có thể thực thi bác ái đích thực và góp công vào việc kiện toàn công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa. Hơn nữa chúng tôi cho rằng nhờ việc làm của mình, con người cộng tác vào chính công cuộc cứu rỗi của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã nâng cao giá trị của việc làm khi Người làm việc với chính hai bàn tay của mình tại Nazareth ^{78*}. Do đó, mỗi người có bổn phận phải trung thành làm việc và cũng có quyền làm việc nữa ^{79*}. Trong những hoàn cảnh cụ thể, chính xã hội cũng có bổn phận góp phần giúp người công dân có thể tìm được công ăn việc làm. Sau cùng, tùy theo phận vụ và năng suất của mỗi người cũng như tình trạng của xí nghiệp và công ích ⁸⁰, việc làm cần phải được trả lương sao cho con người có đủ khả năng xây dựng cho mình và gia đình một đời sống xứng hợp cả về phương diện vật chất, xã hội, văn hóa cũng như tinh thần ^{80*}.

Hoạt động kinh tế thường là kết quả của việc hợp tác giữa nhiều người. Do đó, nếu tổ chức và điều hành hoạt động này làm thiệt hại cho bất cứ lớp công nhân nào thì đều là bất công và vô nhân đạo. Ngay cả ngày nay, điều thường xảy ra là công nhân trở thành nô lệ cho chính việc làm của mình. Điều ấy không thể được biện minh bằng bất cứ luật kinh tế nào. Bởi vậy, mọi phương thức sản xuất cần phải thích nghi với nhu cầu và lối sống của con người: trước hết thích nghi với đời sống gia đình, nhất là đối với người mẹ gia đình, và luôn luôn còn phải lưu tâm đến phái tính và tuổi tác. Hơn nữa, giới lao động cũng phải có cơ hội để phát huy tài năng và nhân cách ngay chính lúc làm việc. Họ phải dành thời giờ và sức lực cho công việc với tinh thần trách nhiệm phải có. Tuy nhiên, mỗi người cần được hưởng đầy đủ sự nghỉ ngơi và thời giờ nhàn rỗi để sống đời sống gia đình, văn hóa, xã hội và tôn giáo. Ngoài ra họ cũng cần phải có cơ hội để tự do thi thố tài nghệ và khả năng mà có lẽ trong công việc của nghề nghiệp họ ít có dịp để trau dồi.

68. Tham gia vào xí nghiệp, tổ chức kinh tế tổng quát, tranh chấp lao động. Hoạt động trong các xí nghiệp kinh tế là việc hợp tác giữa các nhân viên, đó là những con người tự do và tự lập, được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa. Bởi thế, khi đã tìm ra những phương thức thích hợp, cần phải cổ vũ sự tham gia tích cực của mọi người vào việc quản trị xí nghiệp, tùy theo nhiệm vụ của mỗi người, hoặc họ là chủ nhân, chủ sự, hoặc là đốc công hay công nhân mà vẫn giữ được sự thống nhất cần thiết trong việc điều hành công việc ⁷. Nhiều khi không phải trong chính phạm vi xí nghiệp, nhưng trong những chương trình đại qui mô hơn, người ta đưa ra những quyết định về các tình trạng kinh tế và xã hội liên quan đến số phận tương lai của công nhân cũng như của con cái họ, nên họ cũng phải được tham dự vào những quyết định này hoặc chính họ hoặc qua những đại diện tự họ chọn lấy.

Giữa những quyền lợi căn bản của con người, đối với công nhân, cần phải kể đến quyền được tự do lập những hiệp hội để có thể thực sự đại diện cho họ và góp phần vào việc tổ chức đời sống kinh tế một cách tốt đẹp. Ngoài ra, cũng cần phải kể đến quyền tự do tham gia ^{81*} vào hoạt động của những hiệp hội này mà không sợ bị trả thù. Nhờ lối tham gia có tổ chức như trên liên kết với việc huấn luyện dần dần về kinh tế và xã hội, mọi người càng ngày càng ý thức hơn về bổn phận và trách nhiệm của mình. Nhờ đó, tùy theo phương tiện và khả năng riêng, chính công nhân tiến tới mức cảm thấy mình được góp phần vào việc phát triển toàn bộ kinh tế và xã hội cũng như vào việc mưu cầu ích chung.

Trường hợp xảy ra những tranh chấp về kinh tế xã hội, cần phải cố gắng đi đến một giải quyết ôn hòa. Nhưng điều phải làm trước tiên là luôn luôn tìm cách tạo một cuộc đối thoại chân thành giữa các phe nhóm liên hệ. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại, đình công, dầu là một phương tiện cuối cùng, song vẫn là phương tiện cần thiết để bênh vực những quyền lợi riêng và thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng của công nhân ^{82*}. Dù sao cũng cần phải tìm cách đưa tới thương thuyết và đối thoại hòa giải càng sớm càng hay.

69. Cửa cải trần gian là để cho mọi người hưởng dụng ^{83*}. Thiên Chúa đã đặt định trái đất và mọi vật trên trái đất thuộc quyền sử dụng của mọi người và mọi dân tộc. Chính vì thế, của cải được tạo dựng phải được phân phối cho tất cả mọi người một cách hợp lý theo luật công bằng là luật đi liền với bác ái ⁸. Dù chấp nhận bất cứ hình thức tư hữu nào đã được nhìn nhận bằng các định chế hợp pháp của các dân tộc, tuy nhiên tùy theo hoàn cảnh khác biệt và thay đổi, phải luôn luôn lưu ý đến mục đích chung hưởng của cải. Vì thế, khi sử dụng của cải, con người phải coi của cải vật chất mà mình làm chủ một cách chính đáng không chỉ như của riêng mình, nhưng còn là của chung nữa: nghĩa là, của cải đó có thể sinh ích không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác ⁹. Và lại, mọi người đều có quyền có một phần của cải đầy đủ cho mình và cho gia đình mình. Các Giáo Phụ và các Tiến Sĩ Giáo Hội đã nghĩ như thế. Các ngài dạy rằng mọi người có bổn phận phải nâng đỡ người nghèo và không phải chỉ giúp đỡ bằng của dư thừa ¹⁰. Còn những người sống trong cảnh cùng quẫn cực độ, họ có quyền lấy ở của cải người khác những gì cần thiết cho mình ¹¹. Trước con số quá lớn những người đói khổ trong thế giới, Thánh Công Đồng thiết tha kêu gọi mọi người hoặc mọi chính quyền hãy nhớ lại lời sau đây của các Giáo Phụ: "hãy cho kẻ sắp chết đói của ăn, vì nếu không cho họ ăn tức là đã giết họ" ¹². Tùy theo khả năng, họ nên thực sự san sẻ và dùng của cải của mình đặc biệt để giúp phương tiện cho mỗi người hoặc cả một dân tộc để chính họ có thể tự túc và phát triển.

Trong những xã hội kinh tế kém mở mang, đôi khi sự chung hưởng của cải được thể hiện đầy đủ phần nào là do những tập tục và truyền thống riêng của cộng đoàn xã hội, nhờ đó, mỗi phần

tử được hưởng những của cải tối cần. Tuy nhiên điều nên tránh là đừng coi một số tập tục như thể hoàn toàn bất biến, nếu thực sự nó không còn đáp ứng những đòi hỏi mới của thời đại này. Đàng khác, cũng đừng vì thiếu khôn ngoan mà hành động ngược lại những tập tục tốt đẹp, vì một khi được thích nghi với hoàn cảnh hiện đại, những tập tục này vẫn còn đem lại nhiều lợi ích. Cũng thế, ở những quốc gia kinh tế rất phát triển, một hệ thống gồm những tổ chức xã hội nhằm vào việc bảo hiểm và an ninh có thể góp phần giúp vào việc thực hiện sự chung hưởng của cải. Và lại, cần phải cổ võ những dịch vụ gia đình và xã hội, nhất là những dịch vụ đóng góp vào văn hóa và giáo dục. Tuy nhiên khi thành lập mọi tổ chức trên cần phải lưu tâm đừng để người công dân có thái độ phản nào thụ động, hoặc trốn tránh trách nhiệm hoặc từ chối phục vụ xã hội.

70. Vấn đề đầu tư và tiền tệ. Công việc đầu tư cũng phải làm sao tạo được công ăn việc làm và đem lợi tức đầy đủ cho dân chúng trong hiện tại cũng như trong tương lai. Bất cứ ai nắm giữ vai trò chủ chốt trong những việc đầu tư này và trong việc tổ chức đời sống kinh tế - hoặc cá nhân, hoặc tập thể, hoặc công quyền - cũng phải chú tâm đến những mục tiêu trên, và phải ý thức bổn phận nặng nề của mình: một mặt phải sẵn sàng tiên liệu những nhu cầu cần thiết cho mỗi cá nhân hoặc cho cả cộng đoàn có một đời sống đàng hoàng; mặt khác họ cũng phải dự liệu cho tương lai và thiết lập quân bình đúng mức giữa những nhu cầu tiêu thụ hiện tại của cá nhân hoặc của đoàn thể và những đòi hỏi phải đầu tư cho thế hệ mai sau. Họ cũng phải luôn quan tâm đến những nhu cầu cấp bách của các quốc gia hay những miền kinh tế kém mở mang. Trong vấn đề tiền tệ cũng phải tránh sao cho khỏi nguy hại tới lợi ích của xứ sở mình cũng như của các quốc gia khác. Và lại, cũng phải liệu sao cho những ai eo hẹp về kinh tế khỏi bị thiệt thòi một cách bất công vì những vụ thay đổi giá trị tiền tệ.

71. Tiến tới sở hữu và quyền tư hữu. Vấn đề ruộng đất. Quyền sở hữu ^{84*} và những hình thức khác của quyền tư hữu trên của cải vật chất giúp cho con người biểu lộ nhân vị, tạo cho họ cơ hội làm tròn phận sự của mình trong xã hội cũng như trong lãnh vực kinh tế. Do đó, cần cổ võ mọi cá nhân cũng như mỗi đoàn thể tiến tới một chủ quyền nào đó trên của cải vật chất.

Quyền tư hữu cũng như quyền làm chủ của cải bảo đảm cho mỗi người một lãnh vực cần thiết để cá nhân và gia đình được tự trị. Các quyền này cũng phải được coi như nằm trong phạm vi quyền tự do của con người. Sau cùng, những quyền này còn là một điều kiện tạo nên tự do của người công dân, vì khuyến khích họ đảm trách và thi hành phận vụ của mình ¹³.

Ngày nay chủ quyền hoặc quyền tư hữu mặc nhiều hình thức khác nhau và sự khác biệt này ngày một gia tăng. Tuy nhiên không kể đến những tài sản của xã hội, những quyền lợi và phục dịch mà xã hội dành cho, tất cả những hình thức sở hữu đó làm cho con người được vững tâm hơn. Điều vừa nói về quyền tư hữu về của cải vật chất, cũng có giá trị về những của cải tinh thần, chẳng hạn như những khả năng chuyên nghiệp.

Tuy nhiên quyền tư hữu không cản trở những hình thức khác nhau của quyền sở hữu công cộng. Dĩ nhiên chỉ có thẩm quyền hợp pháp mới có thể buộc chuyển nhượng của cải tư nhân vào sở hữu công cộng tùy theo những đòi hỏi và trong giới hạn công ích, nhưng phải bồi thường tương xứng. Ngoài ra, công quyền cũng có bổn phận ngăn ngừa đừng để ai lạm dụng quyền tư hữu mà phạm đến công ích ¹⁴.

Chính quyền tư hữu tự nó có một tính cách xã hội. Tính cách xã hội này đặt nền tảng trên luật chung hưởng của cải ¹⁵. Nếu tính cách xã hội này không được tôn trọng thì quyền sở hữu

thường đem đến cơ hội sinh ra những tham lam và gây xáo trộn trầm trọng. Đó là một cơ cho những người chống báng đòi hủy bỏ quyền tư hữu.

Trong nhiều miền kinh tế kém mở mang, vẫn còn những đồng ruộng rộng lớn hoặc rất bao la nhưng chỉ được canh tác sơ sài hay bị bỏ hoang vì tự lợi; trong khi đó phần lớn dân chúng hoặc thiếu đất đai hoặc chỉ được hưởng một phần đất quá ít ỏi và đang khác việc tăng gia sản xuất nông nghiệp lại hiển nhiên là vấn đề cấp bách. Đôi khi nông dân làm thuê hoặc những tá canh chỉ lãnh được một số lương hoặc một lợi tức không xứng với con người. Họ không có được một chỗ ở xứng đáng mà còn bị bọn trung gian bóc lột. Thiếu mọi bảo đảm an ninh, họ sống trong một tình trạng lệ thuộc hoàn toàn đến nỗi họ hầu như không còn có thể hành động theo sáng kiến và với tinh thần trách nhiệm. Và đối với họ, mọi cuộc phát triển văn hóa và tham gia vào đời sống xã hội, chính trị đều bị cấm chế. Do đó tùy trường hợp, cần phải có những cuộc cải cách nhằm gia tăng lợi tức, cải thiện trạng huống làm việc, đảm bảo cho việc thuê mướn và sau hết khuyến khích sáng kiến khi làm việc. Lại nữa, cần phải phân chia ruộng đất chưa được canh tác đầy đủ cho những ai có khả năng làm cho đất đai đó sinh lợi. Trong trường hợp này, cần phải cung cấp vật dụng và những phương tiện cần thiết cho họ, nhất là hỗ trợ về phương diện giáo dục và giúp tổ chức các hợp tác xã một cách chính đáng. Một khi công ích đòi hỏi phải truất hữu, thì cũng phải bồi thường cân xứng tùy theo hoàn cảnh.

72. Hành động kinh tế xã hội và Nước Chúa Kitô. Là những người hoạt động tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội ngày nay và tranh đấu cho công bình bác ái, người Kitô hữu cần phải xác tín rằng họ có thể đóng góp nhiều cho nền thịnh vượng của nhân loại và cho hòa bình thế giới. Trong những hoạt động này, họ phải nêu gương sáng với tư cách cá nhân hay đoàn thể. Một khi đã đạt được khả năng chuyên môn và kinh nghiệm cần thiết, trung thành với Chúa Kitô và Phúc Âm của Người, họ phải giữ đúng bậc thang giá trị trong các hoạt động trần thế. Nhờ vậy cả cuộc sống của họ, riêng tư cũng như giữa xã hội đều được thấm nhuần tinh thần của các Mối Phúc Thật, đặc biệt là tinh thần nghèo khó.

Bất cứ ai vâng theo Chúa Kitô, tiên vàn phải tìm Nước Thiên Chúa và từ đó tìm được một tình yêu mãnh liệt và tinh khiết hơn để giúp đỡ các anh em mình và thể hiện công bằng dưới sự thúc đẩy của đức ái ¹⁶.

Chú Thích:

75* Con người là trung tâm điểm và mục đích của sinh hoạt kinh tế xã hội (số 63a). Hiện nay các sinh hoạt này cũng đang phát triển (b), nhưng không thiếu lý do để lo lắng (c), đặc biệt vì nhiều sự bất bình đẳng giữa các nghề nghiệp, các địa phương và các quốc gia (d), đòi hỏi phải được canh tân (e).

1) Sự phát triển kinh tế.

A) Phải phục dịch con người (số 64).

B) Và được con người điều khiển (số 65): càng nhiều người và càng nhiều quốc gia góp phần để tìm kế hoạch kinh tế thì càng tốt (a). Không thể chấp nhận thái độ chống việc cải cách cũng như chế độ tập trung, vì là xâm phạm đến nhân quyền (b). Tất cả có nhiệm vụ góp phần vào sự phát triển (c).

C) Cần phải loại trừ sự bất bình đẳng, bất công: đặc biệt đối với giới nông dân (a), giới lao động di trú (b), phải giúp mọi người tìm việc làm và huấn luyện họ (c).

2) Một vài nguyên tắc chỉ đạo:

A) Giá trị của việc làm (số 67a, b). Do đó mỗi người có nhiệm vụ và có quyền làm việc với lương bổng xứng đáng (b). Qui tắc kinh tế phải từng phục con người để phát triển nhân phẩm trong việc làm cũng như trong giờ nghỉ ngơi bắt buộc phải có (c).

B) Sự tham gia vào tổ chức kinh tế trong xí nghiệp cũng như trong quốc gia (số 68a). Quyền lập nghiệp đoàn (b). Làm thế nào để giải quyết sự xung đột về công việc: Công Đoàn không loại trừ việc đình công như phương tiện tối hậu (c).

C) Trong bất cứ chế độ nào về quyền sở hữu, nguyên khởi của tài sản cũng đòi hỏi tài sản phải được phân chia một cách công bằng (69a). Trong các quốc gia kém mở mang hay tân tiến nguyên tắc ấy có thể được thực hiện ra sao (b),

D) Chính sách tiền tệ (số 70).

E) Cổ võ quyền tư hữu: giá trị của quyền tư hữu (số 71abc). Quyền lợi của chính quyền (d). Vai trò xã hội của quyền tư hữu (e). Đất tư quá rộng và sự cải cách điền địa. (f).

3) Kết luận: Sinh hoạt kinh tế xã hội có thể làm thực hiện đức công bằng và đức thương yêu. Các tín hữu phải làm gương: có thẩm quyền và đem tinh thần Phúc Âm vào sinh hoạt đó (số 72). (*Trở lại đầu trang*)

76* Trong tình trạng nhà ổ chuột, làm việc thiếu vệ sinh, thiếu nghỉ ngơi... không hiếm ở Việt Nam, đã nói lên mức ảnh hưởng của chiến tranh, nhưng chỉ đúng một phần thôi. Đã lâu rồi, Đức Piô XI viết rằng đó là trách nhiệm của "nhiều người chỉ có một tư tưởng là làm sao để gia tăng của cải cho mình" (Quadragesimo Anno, AAS 23 (1931), trg 177-228). Kẻ ấy lơ là trước cảnh huống khốn khổ của tha nhân như thái độ kẻ giàu có trong dụ ngôn của Chúa Giêsu đối với Lazarô là kẻ nghèo nàn (Lc 16, 19-22). (*Trở lại đầu trang*)

1 Xem Piô XII, sứ điệp ngày 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 273. - Gioan XXIII, Huấn từ cho Lao Công Công Giáo Tiên Hành Ý, A.C.L.I., 1-5-1959: AAS 51 (1959) trg 358. (*Trở lại đầu trang*)

2 Xem Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 190tt. - Piô XII, Sứ điệp ngày 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 276tt. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 450. - CD Vat. II, Sắc lệnh về các phương tiện Truyền Thông Xã Hội Inter mirifica, ch. I, số 6: AAS 56 (1964), trg 147. (*Trở lại đầu trang*)

3 Xem Mt 16, 26; Lc 16, 1-31; Col 3, 17. (*Trở lại đầu trang*)

4 Xem Lêô XIII, Tđ. Libertas praestantissimum, 20-6-1888: AAS 20 (1887-1888), trg 597tt. - Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931) trg 191tt.; - n.t., Divini Redemptoris: AAS 39 (1937), trg 65tt. - Piô XII, Sứ điệp Giáng Sinh 1941: AAS 34 (1942), trg 10tt. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1964), trg 401-464. (*Trở lại đầu trang*)

77* Công dân phải được giáo dục để ý thức về nhiệm vụ này. Giới bình dân có thể góp phần gì? Dĩ nhiên sẽ có thể làm ít hay nhiều tùy khả năng, địa vị và tài sản. Một người có thể làm ít, nhưng cả nghiệp đoàn (số 68b) sẽ làm được nhiều. Công Đoàn nhắc lại hai điều thiếu sót làm hại cho cộng đoàn quốc gia: một là để tài nguyên vô dụng (ví dụ tích trữ tiền bạc ở nhà; chỉ mua vàng; không đầu tư vào những kế hoạch của cộng đoàn), hai là không cho cộng đoàn hưởng dụng những phương tiện vật chất (ví dụ khi đem tiền gửi ra ngoại quốc) và tinh thần (khi người

đi du học không chịu về nước). Công Đồng nhắc lại quyền di cư của mọi người (quyền lợi này và bốn phận phục vụ quốc gia, bên nào khẩn cấp hơn, mạnh mẽ hơn, thì phải xét theo hoàn cảnh thực tế của từng cá nhân). (Trở lại đầu trang)

5 Về những vấn đề nông nghiệp, đặc biệt xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961) trg 341tt. (Trở lại đầu trang)

78* Việc làm có giá trị cao hơn tất cả các yếu tố khác của sinh hoạt kinh tế, vì: 1) có tính cách nhân bản (không chỉ là khí cụ của con người), 2) là cần thiết cho cuộc sống, 3) cổ võ tinh thần anh em và tinh thần phục vụ lẫn nhau, 4) do đó giúp ta thực hiện đức thương yêu nhau, 5) để kiện toàn công cuộc tạo dựng, 6) ngoài ra nhờ đó ta có thể cộng tác với Chúa Cứu Thế, 7) không kể việc chúng ta bắt chước chính Người thuở xưa đã làm việc tại Nazareth.

Trước đây (số 35a), Công Đồng đã nói rằng nhờ việc làm mà con người được hoàn hảo hơn và xây dựng xã hội. Bởi đó việc làm cũng là phương tiện để xây dựng hòa bình! Cho nên việc làm không những chỉ có giá trị tự nhiên về phương diện cá nhân cũng như cho xã hội và cả vũ trụ, mà còn có giá trị siêu nhiên giúp ta đền tội, cầu xin nhiều ơn Chúa cho mình và cho tha nhân, thánh hóa bản thân khi phải thực hành nhiều nhân đức như kiên nhẫn, cần mẫn, mạnh bạo, khiêm tốn... và đặc biệt là đức ái đối với Chúa cũng như đối với anh em. (Trở lại đầu trang)

79* A) Có bốn phận làm việc: Nếu việc làm thực sự có ích lợi cá nhân và xã hội như vừa nói trên, ai không chịu làm việc kẻ ấy phạm đến Chúa bởi vì phạm đến xã hội và anh em, chưa kể đến việc gây thiệt hại cho mình! Trước đây Công Đồng nhắc lại rằng đức tin khiến tín hữu nhập thể và hoạt động cho thực tại trần thế (số 43a). Ngoài ra còn có những hoàn cảnh cụ thể buộc ta làm việc: ví dụ nghĩa vụ cha mẹ phải nuôi nấng con cái, đức công bằng nếu lập kế ước, đức vâng lời cũng như hiếu thảo của con cái trong gia đình v.v...

B) Có quyền làm việc: vì có bốn phận như vừa nói trên đây. Nhân phẩm cũng đòi hỏi con người có thể hưởng thụ tất cả những giá trị của việc làm. Dĩ nhiên nhân quyền này không có nghĩa là mỗi cá nhân có quyền đòi hỏi nơi cá nhân khác hay xã hội một công việc nào đó, vì hiểu như vậy sẽ không tôn trọng quyền tự do của người khác. Ở đây nhân quyền chỉ có nghĩa là không ai có thể bị ngăn trở hay bị từ chối khi xin làm việc với đầy đủ những điều kiện cần thiết. Hơn nữa chính quyền phải làm sao tổ chức đời sống kinh tế xã hội để có thể giúp đỡ công dân tìm cơ hội làm việc như Công Đồng nhắc lại trong số này. (Trở lại đầu trang)

6 Xem Lêô XIII, Tđ. Rerum Novarum: AAS 23 (1890-91), trg 649-662. - Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 200-201; - n.t., Tđ. Divini Redemptoris: AAS 29 (1937), trg 92. - Piô XII, Sứ điệp truyền thanh vọng lễ Giáng Sinh 1942: AAS 35 (1943), trg 20; - n.t., Huân từ 13-6-1943: AAS 35 (1943), trg 172; - n.t., Sứ điệp truyền thanh gửi thợ thuyền Tây Ban Nha, 11-3-1951: AAS 43 (1951), trg 215. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 419. (Trở lại đầu trang)

80* Phải được trả lương tương xứng, không phải chỉ trả theo sức mạnh của người làm việc (là việc làm của con người chứ không phải của cái máy) mà còn theo nhu cầu của con người trước đời sống vật chất, xã hội, văn hóa và đạo đức. Hơn nữa, tương xứng với nhu cầu không chỉ của một mình người làm mà cả của gia đình họ nữa. Giáo lý của Giáo Hội từ Đức Lêô XIII đến giờ vẫn nhấn mạnh rằng lương bổng đầy đủ cho gia đình là thuộc nhân quyền của người làm việc. Dĩ nhiên phải làm trọn nhiệm vụ này là trả công đầy đủ cho gia đình tùy từng việc và

khả năng sản xuất, tùy hoàn cảnh xí nghiệp, tùy đòi hỏi của công ích, đặc biệt phải làm sao để có thể cho càng nhiều người làm việc càng tốt. (*Trở lại đầu trang*)

7 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 408, 424, 427; còn tiếng điều hành (curatione) trích trong bản văn Latinh của Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 199. Về diễn tiến vấn đề, xem thêm: Piô XII, Huấn từ 3-6-1950: AAS 42 (1950), trg 485-488. - Phaolô VI, Huấn từ 8-6-1964: AAS 56 (1964), trg 574-579. (*Trở lại đầu trang*)

81* Công Đồng nhắc lại rằng công nhân có nhân quyền tập đoàn và mục đích của nghiệp đoàn hay những hình thức khác là đề đại diện cho công nhân (ví dụ để lập khế ước lao động) cũng như để góp phần vào tổ chức kinh tế. Nếu chỉ chấp nhận nhân quyền này trên nguyên tắc rồi tạo nên hàng ngàn sự đe dọa và áp lực để ngăn cản công nhân hoạt động tự do trong nghiệp đoàn, như thế là xâm phạm quyền lợi công nhân và trái lẽ công bằng. (*Trở lại đầu trang*)

82* Nhiều khi người ta nói về quyền đình công để giải quyết những tranh chấp lao động như là một trong các nhân quyền căn bản mà chủ nghĩa dân chủ đã đem lại cho công dân. Công Đồng có lập trường khiêm tốn hơn. Theo Công Đồng sự đình công 1) có thể là phương thế để bảo vệ quyền lợi cũng như để đòi hỏi những nguyện vọng hợp lý, 2) phương thế cần thiết và tối hậu, nghĩa là phương thế duy nhất sau khi cuộc đối thoại và những biện pháp hòa giải đã thất bại.

Sở dĩ như vậy là vì sự đình công gây nên thiệt thòi cho chính người lao động, cho xí nghiệp và cho công ích nữa. Thực ra cuộc đình công có hiệu lực chính là vì gây nên thiệt thòi đó. Cho nên đức ái cũng như đức công bằng cấm việc làm hại cho tha nhân, ngoại trừ trường hợp đó là vũ khí cần thiết để bảo vệ quyền lợi và đồng thời sự thiệt thòi không quá đáng.

Bởi vậy chính quyền có thể phế trừ sự đình công. Nhưng luật ấy sẽ bất công (cho nên vô giá trị) nếu chính quyền không cung cấp phương pháp hữu hiệu và tôn trọng quyền tự do của giới lao động để giải quyết các cuộc tranh chấp về việc làm.

Cuối cùng Công Đồng không nói gì về cuộc đình công chính trị. Trường hợp này phức tạp hơn vì lúc ấy cuộc đình công giống như phương tiện bạo động bất hợp pháp. Do đó phải xét theo nguyên tắc khác (x.số 75). (*Trở lại đầu trang*)

83* Công Đồng nhắc lại giáo lý truyền thống (các tài liệu trong ghi chú làm chứng). Ta có thể tóm tắt giáo lý của Giáo Hội như sau: 1) Theo ý Đấng Tạo Hóa của cải phải phục dịch cho mọi người (x. Populorum Progressio, số 23), và phải bắt chấp các kỳ thị (ở trên, số 64). 2) Cho nên cùng đích của chính của cải là phục dịch con người (Populorum Progressio, số 22). 3) Tùy theo nhu cầu vật chất, trí tuệ, luân lý, tinh thần và tôn giáo của họ (ở trên, số 64). 4) Của cải phải được đưa tới đầy đủ cho tất cả mọi người nhờ sự phân chia của cải một cách thích hợp hơn (x. Hiến chế tín lý về Giáo Hội, 36). 5) Tức là theo sự đòi hỏi của đức công bằng và với tinh thần yêu thương (Populorum Progressio, 22). 6) Kết luận: mọi người đều có thực quyền về những cái cần thiết (PP.22). 7) Các quyền lợi khác, kể cả quyền tư hữu, đều phụ thuộc quyền căn bản này (PP.26). 8) Do đó quyền tư hữu theo bản tính có mục đích xã hội (sau này, số 71). 9) Cho nên chúng ta phải lên án hình thức tư bản chủ nghĩa chủ trương quyền tư hữu vô hạn và tuyệt đối (PP.26). 10) Tất cả mọi người đều phải góp phần trong việc phân chia của cải cho công bằng hơn (do việc làm, lòng quảng đại) (Hiến chế tín lý về Giáo Hội 36; ở trên, 64; PP 23). 11) Đặc biệt chính quyền phải can thiệp khi nào cần thiết (PP. 23). 12) Các dân tộc kém mở mang phải được dân tộc khác trợ giúp (sau này, 85-87) (PP. đặc biệt từ số 43 trở đi). 13) Phải

giúp phương tiện cho mọi người cũng như các dân tộc để tự mình phát triển (PP.15,65). (Trở lại đầu trang)

8 Xem Piô XII, Tđ. Sertum Laetitia: AAS 31 (1939), trg 642. - Gioan XXIII, Allocutio consistorialis: AAS 52 (1960), trg 5-11; - n.t., Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961). trg 411. (Trở lại đầu trang)

9 Xem T. Tôma, Summa theol. II-II, q.32, a.5 ad 2; - n.v.t., q.66, a.2: xem dẫn giải trong Lêô XIII, Tđ. Rerum Novarum: AAS 23 (1890-91), trg 651. - xem thêm Piô XII, Huấn từ 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 199; - n.t., Sứ điệp truyền thanh lễ Giáng Sinh 1954: AAS 47 (1955), trg 27. (Trở lại đầu trang)

10 Xem T. Basiliô, Hom. in illud Lucae "Destruam horrea mea", số 2: PG 31, 263. - Lactantiô, Divinarum Institutionum, c. V, về sự công bình: PL 6,565 B. - T. Augustinô, In Joann. Ev. tr. 50, số 6: PL 35, 1760; - n.t., Enarratio in Ps. CXLVII, 12: PL 37, 1922. - T. Gregoriô Cả, Hom. in Ev., bài 20, 12: PL 76, 1165; - n.t., Regulae Pastoralis liber, phần III, ch. 21: PL 77, 87. - T. Bonaventura, In III Sent., d. 33 dub. 1: x.b. Quaracchi III, 728; - n.t., In IV Sent., d. 15, p. II, a. 2, q. 1: n.v.t., IV, 371 b; - Quaest. de superfluo: ms. Assisi, Bibl. comun. 186, ff. 112 a - 113a. - T. Albertô Cả, In III Sent., d. 33, a.3, sol. 1: x. b. Borgnet XXVIII, 611; - n.t., In IV Sent., d. 15,a. 16: n.v.t., XXIX, 494-497. Về việc xác định của dư thừa của thời đại chúng ta: xem Gioan XXIII, Sứ điệp truyền thanh truyền hình 11-9-1962: AAS 54 (1962), trg 682: "Bồn phận của mọi người và là bồn phận cấp bách của Kitô hữu, chính là thẩm định của dư thừa theo mức độ nhu yếu của người khác và ân cần chăm sóc sao cho việc quản trị và phân phối của cải được tạo dựng có lợi cho mọi người." (Trở lại đầu trang)

11 Trong trường hợp này có thể áp dụng được nguyên tắc: "Trong lúc cùng quẫn cực độ, mọi sự là của chung, nghĩa là phải được chia sẻ". Đàng khác, đối với lý do, phạm vi và phương cách áp dụng nguyên tắc phải theo bản văn đề ra; ngoài các tác giả tân thời được công nhận, xem thêm T. Tôma, Summa Theol., II-II, q.66, a. 7. Hiển nhiên, để áp dụng đúng nguyên tắc, phải tôn trọng mọi điều kiện theo "luân lý" đòi hỏi. (Trở lại đầu trang)

12 Xem Gratiani Decretum C. 21, dist. LXXXVI: x.b. Friedberg I, 302. Lời này đã tìm thấy trong PL 56, 491 A và PL 56, 1132 B. - Xem Antonianum 27 (1952) trg 349-366. (Trở lại đầu trang)

84* Công Đồng nhắc lại những lý do làm cho quyền tư hữu trở thành chính nghĩa: 1) nó phát biểu nhân cách, 2) giúp con người làm tròn nhiệm vụ trong xã hội, 3) là phương tiện cần thiết để bảo đảm quyền tự trị cá nhân và gia đình, 4) và giống như sự nối dài của quyền tự do, 5) nó khuyến khích con người làm việc, 6) và do đó trở thành điều kiện cho quyền tự do dân sự.

Nói cách khác và theo các tài liệu được trích lại trong ghi chú 13, 1) bản tính con người đoán được nhu cầu về tương lai nên đã đòi hỏi quyền tư hữu. Khác với thú vật, con người phải lo cho tương lai ! 2) Quyền tự do để tìm kiếm cùng đích cũng đòi hỏi quyền tư hữu một phần nào đó. 3) Đặc biệt quyền tư hữu rất cần thiết để bảo đảm quyền tự trị trước mặt chính quyền, 4) Quyền cũng như bồn phận làm việc là những lý do bênh vực cho quyền tư hữu. 5) Cuối cùng chính công ích đòi hỏi quyền tư hữu: vì nó giúp con người làm việc hăng hái.

Như vậy ta phải quả quyết rằng quyền tư hữu ít ra là quyền của đại gia đình theo khía cạnh tinh thần, và phát sinh bởi luật tự nhiên. (x. Haring, La Loi du Christ, 1963, III, 605-606). (Trở lại đầu trang)

13 Xem Lêô XIII, Tđ. Rerum Novarum: AAS 23 (1890-91), trg 643-646. - Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 191. - Piô XII, Sứ điệp truyền thanh 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 199; - n.t., Sứ điệp truyền thanh Lễ Giáng Sinh 1942: AAS 35 (1943), trg 17; - n.t., Sứ điệp truyền thanh 1-9-1944: AAS 36 (1944), trg 253. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 428-429. (*Trở lại đầu trang*)

14 Xem Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 214. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 429. (*Trở lại đầu trang*)

15 Xem Piô XII, Sứ điệp truyền thanh Lễ Hiện Xuống 1941: AAS 44 (1941), trg 199. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961) trg 430. (*Trở lại đầu trang*)

16 Về việc xử dụng đúng đắn những của cải theo giáo lý của Tân Ước, xem Lc 3,11; 10,30tt; 11, 41; 1P 5,3; Mc 8,36; 12,29-31; Giac 5,1-6; 1Tm 6,8; Eph 4,28; 2Cor 8,13tt; 1Gio 3,17-20. (*Trở lại đầu trang*)

Phần Thứ Hai

Chương IV

Đời Sống Cộng Đoàn Chính Trị ^{85*}

73. Đời sống cộng đoàn ngày nay. Thời đại chúng ta đã được đánh dấu bằng những biến đổi sâu rộng ngay trong cơ cấu và các tổ chức của các dân tộc. Những biến đổi này chính là kết quả của tiến bộ về văn hóa, kinh tế và xã hội. Những thay đổi này ảnh hưởng nhiều đến đời sống của cộng đoàn chính trị, nhất là trong những vấn đề liên quan tới quyền lợi và bổn phận của mọi người trong việc hành xử quyền tự do công dân và theo đuổi công ích, cũng như trong vấn đề điều hòa những mối tương quan giữa các công dân với nhau cũng như với chính quyền.

Nhờ ý thức mãnh liệt hơn về phẩm giá con người, ngày nay tại nhiều nước trên thế giới, người ta cố gắng thiết lập một thể chế chính trị pháp lý để bảo vệ hữu hiệu hơn quyền lợi của cá nhân trong đời sống công cộng, chẳng hạn quyền được tự do hội họp, tự do lập hội, tự do phát biểu ý kiến và tự do tuyên xưng tín ngưỡng cách riêng tư hoặc công khai: vì việc đảm bảo những quyền lợi của con người là điều kiện thiết yếu để người công dân, với tư cách cá nhân hay đoàn thể, có thể tham gia cách tích cực vào đời sống và vào guồng máy quốc gia.

Song song với tiến bộ về văn hóa, kinh tế và xã hội, nhiều người còn khao khát mãnh liệt muốn đảm nhận một phần lớn trách nhiệm trong việc tổ chức cộng đoàn chính trị. Nhiều người đã ý thức được mỗi quan tâm mỗi ngày một lớn là phải bảo vệ quyền lợi của các dân tộc thiểu số trong một quốc gia, nhưng không vì thế mà làm cho các thành phần thiểu số ấy xao lãng bổn phận của họ đối với cộng đoàn chính trị. Hơn nữa, càng ngày người ta càng tôn trọng những người có tư tưởng hay tôn giáo khác với mình. Đồng thời một sự cộng tác rộng rãi hơn cũng được thiết lập để mọi công dân có thể thực sự được hưởng những quyền lợi của con người chứ không riêng gì một số người được ưu đãi.

Trái lại, người ta lên án bất cứ thể chế chính trị nào, như hiện có ở một vài nước, nếu nó ngăn chặn tự do công dân hoặc tôn giáo, nếu nó làm gia tăng con số nạn nhân của tham lam và của tội ác chính trị, nếu nó làm cho việc cai trị đi lệch đường, thay vì mưu cầu công ích lại phục vụ cho một tập đoàn hay chính những người cầm quyền.

Để xây dựng một đời sống chính trị thực sự nhân đạo, ^{86*} không gì tốt hơn là gây nơi thâm tâm mỗi người ý thức về công bằng, lòng nhân ái, và tinh thần phục vụ công ích. Cũng không gì

tốt đẹp hơn là củng cố nơi mọi người những xác tín căn bản về bản chất thích thực của cộng đoàn chính trị cũng như về mục đích, về việc thi hành đúng và về những giới hạn của công quyền.

74. Bản chất và mục đích của cộng đoàn chính trị. Cá nhân, gia đình và tập thể, tức là mọi thành phần của cộng đoàn công dân, đều ý thức rằng tự sức mình không một thành phần nào có thể xây dựng được một đời sống thực sự nhân bản, và đều nhận thấy cần phải có một cộng đoàn rộng lớn hơn, trong đó tất cả mọi người hằng ngày hợp lực để mưu cầu công ích mỗi lúc một tốt đẹp hơn¹. Do đó họ thành lập nên cộng đoàn chính trị dưới nhiều hình thức khác nhau. Vì thế cộng đoàn chính trị chỉ hiện hữu là vì công ích. Chính công ích là lý do tồn tại, ý nghĩa và là căn bản pháp lý cho cộng đoàn chính trị. Công ích nói đây bao gồm tất cả những điều kiện của đời sống xã hội; nhờ những điều kiện này, cá nhân, gia đình và đoàn thể có thể triển nở cách trọn vẹn và dễ dàng hơn².

Tuy nhiên, trong một cộng đoàn chính trị gồm nhiều người thuộc đủ mọi thành phần, do đó họ có thể có nhiều quan điểm khác nhau một cách chính đáng. Vì mỗi cá nhân đều bên vực quan điểm riêng của mình, nên để tránh cho cộng đoàn chính trị khỏi tan rã, thì cần phải có một quyền bính để hướng dẫn nỗ lực của mọi công dân nhằm tới công ích. Không phải hướng dẫn cách máy móc hay độc đoán, nhưng tiên vàn như một sức mạnh tinh thần dựa trên tự do và ý thức về nghĩa vụ và trách nhiệm.

Đã hẳn cộng đoàn chính trị và công quyền xây nền tảng trên bản tính con người, cho nên cũng nằm trong trật tự do Chúa an bài, nhưng việc định đoạt một thể chế chính trị hay cất cử người cầm quyền vẫn là quyền tự do của mọi công dân³.

Cũng thế, việc hành xử quyền bính chính trị trong chính cộng đoàn hoặc trong các cơ quan đại diện cho quốc gia luôn luôn phải nằm trong giới hạn của trật tự luân lý để đem lại kết quả và mưu cầu công ích - công ích ở đây phải hiểu cách năng động - tùy theo trật tự pháp lý đã hoặc sẽ được thiết lập cách hợp pháp. Trong trường hợp đó mọi công dân buộc phải theo lương tâm mà tuân phục⁴.^{87*} Và do đó, những người lãnh đạo đương nhiên có trách nhiệm, có thể giá và có uy quyền.

Tuy nhiên, khi công quyền vượt quá quyền hạn của mình mà đàn áp công dân, thì lúc đó chính công dân cũng không nên từ chối những gì khách quan xét thấy phù hợp với đòi hỏi của công ích. Nhưng họ được phép bên vực quyền lợi của riêng mình cũng như của đồng bào chống lại những lạm dụng của công quyền, tuy nhiên phải tôn trọng những giới hạn của luật tự nhiên cũng như luật Phúc Âm.

Những phương thức cụ thể mà mỗi cộng đoàn chính trị áp dụng để tổ chức cơ cấu và phân phối quyền hành có thể khác nhau tùy đặc tính và bước tiến lịch sử của mỗi dân tộc. Dầu sao những phương thức này phải luôn luôn nhằm đào tạo cho con người có văn hóa, yêu chuộng hòa bình và có lòng yêu thương đối với mọi người để giúp ích cho toàn thể gia đình nhân loại.

75. Sự cộng tác của mọi người trong đời sống cộng đoàn. Thiết lập những cơ cấu chính trị pháp lý là điều phù hợp với bản tính con người, vì nhờ đó tất cả mọi công dân, không phân biệt ai, có thể mỗi ngày một có cơ hội tham gia cách tự do và tích cực vào việc thiết lập nền tảng pháp lý của cộng đoàn chính trị, tham gia vào việc điều hành quốc gia và xác định mục tiêu và phạm vi của những cơ quan khác nhau cũng như tham gia vào việc lựa chọn người cầm quyền⁵. Vậy mọi công dân cần phải nhớ tới quyền lợi và đồng thời là bổn phận của họ trong việc tự do xử dụng lá phiếu của mình để mưu cầu công ích. Giáo Hội ca ngợi và quý trọng việc làm của

những người vì lợi ích quốc gia mà dấn thân phục vụ con người cùng nhận lãnh gánh nặng của trách nhiệm này.

Để việc cộng tác của các công dân có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ đem lại kết quả tốt đẹp trong đời sống chính trị thường ngày, cần phải có một nền pháp lý thiết định. Nền pháp lý này giúp phân phối hợp lý các nhiệm vụ và các cơ quan công quyền và đồng thời giúp bảo vệ một cách hữu hiệu quyền lợi công dân mà không lệ thuộc vào ai. Quyền lợi của cá nhân, gia đình và đoàn thể cũng như việc xử dụng những quyền đó phải được công nhận, tôn trọng và cổ võ⁶. Nhưng đồng thời cũng phải chú trọng tới bổn phận công dân của họ. Nói đến bổn phận công dân, cần phải nhắc tới nghĩa vụ phải đóng góp cho quốc gia những dịch vụ về tài lực cũng như nhân lực mà công ích đòi hỏi. Chính quyền không nên ngăn cản những hiệp hội có tính cách gia đình, xã hội hay văn hóa, những đoàn thể hay tổ chức trung gian. Cũng không nên cấm chế những hoạt động hữu hiệu và chính đáng của các tổ chức ấy, nhưng tốt hơn nên sẵn sàng cổ võ và phải có đường lối trong việc cổ võ^{88*}. Về phía người công dân, cá nhân hay đoàn thể không nên trao cho chính quyền một quyền hành quá lớn, cũng đừng đòi hỏi ở chính quyền những giúp đỡ cũng như những đặc ân quá đáng không phải lúc, vì như thế là làm giảm trách nhiệm của cá nhân, gia đình và cả các đoàn thể xã hội.

Ngày nay hoàn cảnh mỗi ngày một phức tạp, buộc chính quyền nhiều lúc phải can thiệp vào các vấn đề xã hội, kinh tế và cả lãnh vực văn hóa để tạo điều kiện thuận lợi cho các công dân cũng như các đoàn thể được tự do phát triển toàn diện con người cách hữu hiệu hơn. Dĩ nhiên tùy địa phương và tùy theo sự tiến hóa của mỗi dân tộc, mối tương quan giữa việc xã hội hóa⁷ và sự tự trị cùng sự phát triển của con người có thể hiểu theo nhiều cách. Nhưng nếu vì công ích mà phải tạm thời hạn chế việc xử dụng các quyền công dân, thì khi hoàn cảnh đã thay đổi, cần phải tái lập tự do càng sớm càng hay. Song nếu chính quyền đi vào những hình thức chuyên chế hoặc độc tài phạm đến quyền lợi cá nhân hay các đoàn thể thì thật là vô nhân đạo.

Công dân phải nung nấu tinh thần ái quốc với lòng đại lượng và trung kiên chứ không hẹp hòi, nghĩa là làm sao để đồng thời vẫn quan tâm đến ích lợi của toàn thể gia đình nhân loại, một gia đình được liên kết lại bằng nhiều ràng buộc giữa các nòi giống, chủng tộc và quốc gia.

Tất cả mọi Kitô hữu phải ý thức về sứ mệnh đặc biệt của mình trong cộng đoàn chính trị. Họ phải nêu gương sáng bằng cách phát biểu ý thức trách nhiệm nơi chính mình và tận tâm phục vụ công ích. Nhờ thế, qua hành động, họ cũng chứng minh cho thấy rằng làm sao dung hòa được quyền bính với tự do, sáng kiến cá nhân với sự liên đới và những đòi hỏi của toàn thể xã hội, dung hòa được sự hiệp nhất sinh ích với những dị biệt phong phú. Trong việc tổ chức trần thế, họ phải nhìn nhận những quan điểm chính đáng đối chọi nhau. Họ phải tôn trọng các công dân khác hay các đoàn thể khi những người này bên vực quan điểm của mình cách thẳng thắn. Những đảng phái chính trị có bổn phận cổ võ những gì họ xét thấy cần cho công ích, chứ không bao giờ được đặt quyền lợi riêng trên công ích.

Muốn cho mọi công dân xứng đáng nắm giữ vai trò của họ trong đời sống của cộng đoàn chính trị, cần phải hết sức quan tâm đến việc giáo dục cả về công dân và về chính trị. Việc giáo dục này ngày nay rất cần thiết cho mọi người nhất là cho giới trẻ. Những ai có khả năng hoặc có thể có khả năng làm chính trị, một nghệ thuật khó khăn nhưng đồng thời rất cao cả⁸, cần phải được chuẩn bị trước và họ phải hăng hái hoạt động và không màng tới tư lợi hay lợi lộc vật chất. Họ phải đem đời sống thanh liêm và sự khôn ngoan chống lại bất công và áp bức, chống độc tài và ngoan cố của một cá nhân hay một đảng phái chính trị. Họ phải đem lòng chân thành

và chính trực, hơn nữa tình thương và lòng dũng cảm phải có trong hoạt động chính trị để tận tâm phục vụ ích lợi của mọi người.

76. Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội. Điều rất quan trọng là cần nhận thức chính xác về mối tương quan giữa cộng đoàn chính trị và Giáo Hội, nhất là trong một xã hội gồm nhiều thành phần. Cũng cần phải phân biệt minh bạch giữa những hành động của các tín hữu hoặc cá nhân hoặc đoàn thể với danh nghĩa công dân dưới sự hướng dẫn của lương tâm Kitô giáo và những hành động của các tín hữu khi họ nhân danh Giáo Hội và hợp nhất với các vị chủ chăn của họ.

Vì lý do chức vụ và thẩm quyền của mình, Giáo Hội không cách nào bị đồng hóa với một cộng đoàn chính trị, và cũng không hề cấu kết với bất cứ hệ thống chính trị nào vì Giáo Hội vừa là dấu chỉ vừa là đảm bảo cho tính cách siêu việt của con người.

Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội, mỗi bên với lãnh vực riêng của mình, đều độc lập và tự trị. Tuy nhiên, dầu dưới danh hiệu khác nhau, cả hai cũng đồng phục vụ cho con người trong sứ mệnh cá nhân và xã hội. Tùy theo hoàn cảnh và địa phương, nếu cả hai càng duy trì được sự cộng tác lành mạnh, thì cả hai càng phục vụ lợi ích của con người một cách hữu hiệu hơn. Bởi vì con người không phải chỉ thu hẹp trong nhãn giới trần gian. Nhưng tuy sống trong lịch sử nhân loại, con người vẫn mang một sứ mệnh trường cửu. Được thiết lập trong tình yêu của Chúa Cứu Thế, Giáo Hội có sứ mệnh làm cho công bằng và bác ái lan tràn trong mỗi dân tộc và giữa các dân tộc. Khi rao giảng chân lý Phúc Âm và lấy giáo lý và chứng tá của cuộc sống các Kitô hữu soi sáng mọi lãnh vực của sinh hoạt con người, Giáo Hội cũng tôn trọng và cổ võ tự do chính trị cũng như trách nhiệm của các công dân.

Và được sai đi để loan báo Chúa Kitô là Đấng Cứu Thế cho mọi người, các Tông Đồ và các Đấng kế vị cũng như những cộng tác viên của các ngài đều dựa vào quyền lực của Thiên Chúa để làm việc tông đồ; còn Thiên Chúa thường tỏ rõ sức mạnh của Phúc Âm trong chính sự yếu hèn của các chứng nhân. Vậy bất cứ ai hiến thân phục vụ lời Chúa đều phải dùng đến đường lối cũng như phương thế riêng của Phúc Âm. Những đường lối và phương thế này khác biệt ở nhiều điểm với đường lối và phương thế của trần gian.

Thực thế, các thực tại trần thế và những thực tại siêu phàm nơi con người đều liên kết mật thiết với nhau. Và chính Giáo Hội cũng xử dụng các thực tại trần thế tùy mức độ mà sứ mệnh riêng của mình đòi hỏi. Tuy nhiên, Giáo Hội không cậy nhờ vào những đặc ân của thế quyền^{89*}. Hơn thế nữa, Giáo Hội cũng sẽ từ chối việc xử dụng một số quyền lợi đã được hưởng một cách chính đáng khi thấy rằng việc xử dụng những quyền lợi đó làm cho người ta nghi ngờ về lòng thành thực muốn làm chứng nhân của mình, hoặc trước những hoàn cảnh mới đòi hỏi phải xử sự cách khác. Tuy nhiên, bất cứ ở đâu và bất cứ thời nào Giáo Hội cũng phải được tự do rao giảng đức tin, truyền bá học thuyết xã hội của mình cũng như được dễ dàng chu toàn sứ mệnh của mình giữa loài người. Giáo Hội cũng phải được quyền nói lên nhận định luân lý của mình về cả những vấn đề liên quan đến lãnh vực chính trị khi quyền lợi căn bản của con người hay phần rỗi các linh hồn đòi hỏi. Nhằm mục đích trên, Giáo Hội xử dụng mọi phương tiện và chỉ những phương tiện nào phù hợp với Phúc Âm và lợi ích của mọi người tùy theo thời đại và hoàn cảnh khác nhau.

Trung thành theo sát Phúc Âm và thi hành sứ mệnh của mình trong thế giới, Giáo Hội phải cổ võ và nâng cao bất cứ điều gì là chân, thiện, mỹ trong cộng đoàn nhân loại⁹. Làm như thế tức là Giáo Hội xây dựng hòa bình cho con người để làm vinh danh Thiên Chúa¹⁰.

Chú Thích:

85* 1) Đời sống chính trị hiện nay: đang thay đổi (số 73a). Sự ý thức về nhân phẩm khiến con người đi tìm một chế độ chính trị biết bảo đảm nhân quyền (b), bảo đảm việc tham gia của nhiều người vào chính trị và sự tôn trọng dân tộc thiểu số cũng như những kẻ phát biểu ý kiến khác với mình (c). Do đó con người lên án chế độ xâm phạm quyền tự do và chỉ tìm kiếm ích lợi riêng (d). Muốn thành công phải đổi mới tâm trạng (e).

2) Cộng đoàn chính trị: Nguyên khởi và mục đích là công ích (số 74a). Cần thiết phải có chính quyền (b). Cộng đoàn chính trị và chính quyền đều bởi Thiên Chúa Tạo Hóa mà có. Còn chế độ chính trị thì trái lại phải chọn lựa cách tự do (c). Khi chính quyền tìm kiếm công ích hợp với luân lý, thì lương tâm buộc phải vâng theo luật pháp (d). Chế độ chính trị, dưới bất cứ hình thức nào, tùy theo đặc tính của từng dân tộc, bao giờ cũng phải phục vụ con người và nhân loại (e).

3) Sự cộng tác vào đời sống chính trị: thích hợp với bản tính con người: hai phương tiện cụ thể là quyền bỏ phiếu và hoạt động chính trị (số 75a). Xã hội phải có trật tự pháp lý: công ích. Công dân không nên nhượng quyền quá đáng cho chính quyền, đảng khác cũng không nên đòi chờ chính quyền làm quá nhiều (b). Qui tắc về việc chính quyền can thiệp và chế tài quyền lợi (c). Lòng yêu quê hương (d). Vai trò của tín hữu trong cộng đoàn chính trị (e). Giáo dục chính trị (f).

4) Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội: Phân biệt hoạt động riêng của tín hữu và của Giáo Hội (số 76a). Giáo Hội không chủ trương một chế độ chính trị nào (b), nhưng cả hai có lãnh vực và thẩm quyền riêng và nên cộng tác với nhau (c). Giáo Hội không nhờ quyền thế phạm trần (d), và dù phải xử dụng của cải trong khi thi hành sứ mệnh riêng nhưng không tìm kiếm đặc ân; chỉ đòi hỏi tự do để rao giảng đức tin và bảo vệ nhân quyền cũng như sứ mệnh của mình (e), do đó góp phần cho hòa bình và vinh danh Thiên Chúa (f). (*Trở lại đầu trang*)

86* Muốn canh tân xã hội qua phạm vi chính trị, con người phải bắt đầu từ nội tâm: ở đây và trong số 75d-f, Công Đồng phác họa một chương trình căn bản về giáo dục công dân:

1) Những đức tính chính yếu: công bằng, lòng tử tế đối với đồng bào, ý muốn phục vụ công ích, lòng yêu quê hương, sự ý thức về ơn gọi của tín hữu trong cộng đoàn. Tín hữu phải làm gương hoạt động vì lương tâm, vâng lời với tinh thần tự do, có sáng kiến trong khi phải tôn trọng đồng bào, biết cộng tác với người khác cả với những ai không đồng ý với mình.

2) Phải hiểu rõ đặc tính cộng đoàn chính trị; mục đích của chính quyền cũng như cách thức hành động trong những giới hạn phải có.

3) Về hoạt động trong cộng đoàn, phải biết chấp nhận sự kiện có người không đồng ý với mình nghĩa là tôn trọng công dân và đảng phái có đường lối khác. Giáo dân có thể hoạt động trong những đảng phái chính trị nào mưu ích chung. Và khi có đủ khả năng để dấn thân vào cuộc đấu tranh chính trị, phải chuẩn bị trước (cần phải học biết lịch sử, kinh tế, xã hội học, pháp lý, v.v...), phải từ bỏ tư lợi (kéo dể bị mua chuộc). Phải trong sạch và khôn ngoan chống lại mọi bất công và áp bức cũng như sự thống trị chuyên chế và ngoan cố, bất cứ là của một cá nhân hay của một đảng phái. Chính trị gia phải phát triển nhân đức thành thật, thanh liêm, thương yêu và can đảm để phục vụ mọi người. (*Trở lại đầu trang*)

1 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: A AS 53 (1961), trg 417. (*Trở lại đầu trang*)

2 Xem n.t., n.v.t. (*Trở lại đầu trang*)

3 Xem Rm 13, 1-5. (*Trở lại đầu trang*)

4 Xem Rm 13, 5. (*Trở lại đầu trang*)

87* Phải chăng người công giáo còn chưa ý thức đầy đủ về điều này? Vâng, tuân theo lẽ luật quốc gia không phải vì sợ chính quyền, cũng không phải vì nhìn nhận rằng muốn hưởng thụ tự do thì phải tôn trọng tự do kẻ khác. Nhưng vâng theo luật vì lương tâm: vì biết rằng chính quyền là do Thiên Chúa muốn có và vì nhiệm vụ phải phục vụ công ích. Dĩ nhiên các luật đó phải là luật công bằng và phục vụ cho công ích; dĩ nhiên có trường hợp các luật lệ không bó buộc một người nào đó vì những nguyên nhân "thác miễn" hay vì "thể ý pháp"; dĩ nhiên có nhà thần học chủ trương rằng một số luật chỉ có tính cách hình luật thuần túy (một lập trường mà các nhà thần học càng ngày càng từ bỏ...), nhưng nếu chúng ta chỉ biết đề cao trường hợp luật trừ thay vì nhấn mạnh tính cách bó buộc của luật pháp, e rằng chúng ta sẽ góp phần quá nhỏ vào việc canh tân xã hội. (*Trở lại đầu trang*)

5 Xem Piô XII, Sứ điệp truyền thanh 24-12-1942: AAS 35 (1943), trg 9-24; - 24-12-1944: AAS 37 (1945), trg 11-17. - Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 263, 271, 277-278. (*Trở lại đầu trang*)

6 Xem Piô XII, Sứ điệp truyền thanh, 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 200. - Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: n.v.t., trg 273-274. (*Trở lại đầu trang*)

88* Đức Piô XI (Quadragesimo anno, x. Dz 3738/2265-2266) tuyên bố nguyên tắc hỗ trợ dạy rằng, những cộng đoàn cấp trên không được giữ riêng cho mình tất cả những việc mà các cộng đoàn cấp dưới có thể thực hiện được. Nguyên tắc có giá trị cho quốc gia và các cộng đoàn trong quốc gia (trong Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô giáo Công Đồng nhắc lại rằng phải áp dụng nguyên tắc trong phạm vi giáo dục, số 3b), cho các quốc gia và xã hội quốc tế Pacem in terris, AAS 55 (1963), trg 294; và số 86c sau này), cũng như cho các hội đoàn giáo dân và Giáo Hội (Piô XII, diễn văn cho hội đồng các Đức Hồng Y ngày 20-2-1946: AAS 38 (1946), trg 145). Sở dĩ ta phải công nhận nguyên tắc trên là vì phẩm giá con người, cũng như vì bản thể của xã hội là nhằm phục vụ công ích, chứ không phải chỉ vì lý do thực tế để tránh xa những lạm dụng của các cộng đoàn trên.

Phải lưu ý: nguyên tắc không chỉ cấm các cộng đoàn cấp trên, nhất là quốc gia, làm thay công việc của các cộng đoàn cấp dưới một cách vô lý, mà còn nêu ra phương diện tích cực: trước hết là quốc gia phải cung cấp cho công ích mọi điều các cộng đoàn cấp dưới không đủ khả năng để làm (Populorum progressio, 33; 37; - Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 414), hơn nữa, quốc gia phải làm sao để giúp sức và phương tiện cho các cộng đoàn cấp dưới (Mater et Magistra, n.v.t., trg 438-439).

Câu tiếp theo của Công Đồng nhắc lại cho chúng ta rằng sở dĩ quốc gia nhiều khi không tôn trọng nguyên tắc hỗ trợ là vì thái độ thiếu trách nhiệm của công dân. (*Trở lại đầu trang*)

7 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 415-418. (*Trở lại đầu trang*)

8 Xem Piô XI, Huấn từ cho các vị lãnh đạo Hiệp Hội Đại Học Công Giáo: Discorsi di Pio XI: x.b. Bertetto, Torino, q.I (1960), trg 743. (*Trở lại đầu trang*)

89* Lịch sử gần đây của nước nhà có thể nhắc lại cho chúng ta rằng thái độ ngược lại, nghĩa là trông nhờ vào đặc ân của chính quyền, rất nguy hại cho chính sứ mệnh của Giáo Hội. Hơn thế nữa, tìm kiếm đặc ân cho mình có thể vi phạm công bằng phân phối. Và lại, dù có thể không

phạm lỗi gì nhưng việc tìm kiếm đặc ân đó không thích hợp với sứ mệnh của Giáo Hội là phải phục vụ mọi người theo gương của Chúa Giêsu, Đấng đã không đến để được hầu hạ (Mc 10,45). Thái độ siêu thoát và quảng đại như thế càng khó tìm thấy ở những xã hội thâm nhuần tinh thần kính trọng các tôn giáo và các vị đại diện tôn giáo. (*Trở lại đầu trang*)

9 Xem CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, số 13: AAS 57 (1965), trg 17. (*Trở lại đầu trang*)

10 Xem Lc 2, 14. (*Trở lại đầu trang*)

Phần Thứ Hai

Chương V

Cổ Vĩ Hòa Bình Và Xây Dựng

Cộng Đoàn Các Dân Tộc ^{90*}

77. **Nhập đề.** Hiện nay, trong khi những nỗi đau khổ và lo âu hết sức trầm trọng còn tồn tại giữa loài người do cuộc chiến tranh không ngừng hiện đang đe dọa gây nên, toàn thể nhân loại trong tiến trình trưởng thành đã bước vào một giai đoạn hết sức quyết định. Gia đình nhân loại dần dần hiệp nhất với nhau và đã ý thức hơn về sự hiệp nhất của mình ở mọi nơi, do đó công việc mà gia đình nhân loại phải bắt tay vào là xây dựng một thế giới thực sự nhân bản hơn cho tất cả mọi người ở mọi nơi. Công việc này chỉ được hoàn thành cách tốt đẹp nếu tất cả mọi người đều cải tạo tâm hồn để hướng về hòa bình đích thực. Như thế, sứ điệp Phúc Âm phụ họa với những khát vọng và cố gắng cao cả của nhân loại mới rực sáng lên ở thời đại chúng ta bằng luồng sáng mới, khi công bố phúc cho những người kiến tạo hòa bình "vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa" (Mt 5,9).

Do đó, khi làm sáng tỏ ý nghĩa đích thực và rất cao cả của hòa bình, và sau khi đã lên án sự dã man của chiến tranh, Công Đồng muốn tha thiết kêu mời các Kitô hữu, với sự trợ giúp của Chúa Kitô, Đấng sáng tạo hòa bình, hãy cộng tác với tất cả mọi người để chuẩn bị các phương tiện xây dựng hòa bình và để củng cố nền hòa bình đích thực giữa họ trong công bằng và yêu thương.

78. **Bản chất của hòa bình.** Hòa bình không hẳn là vắng bóng chiến tranh, cũng không chỉ được giản lược vào sự quân bình hóa giữa các lực lượng đối phương, cũng không phát xuất do một nền cai trị độc tài, nhưng theo đúng định nghĩa thì hòa bình là "công trình của công bằng" (Is 32,7). Hòa bình là kết quả của một trật tự đã được chính Thiên Chúa, Đấng Sáng Lập, ghi khắc vào xã hội loài người và phải nhờ những người luôn luôn khao khát một nền công bằng hoàn hảo hơn thể hiện ra trong hành động. Thật thế, mặc dù tự bản chất công ích của nhân loại dĩ nhiên phải được định luật đòi đòi qui định, tuy nhiên trong những đòi hỏi cụ thể của nó, công ích vẫn phải chịu những thay đổi không ngừng với diễn biến của thời gian. Do đó, hòa bình không bao giờ đạt được một lần là xong, nhưng phải xây dựng mãi mãi. Hơn nữa, vì ý chí của con người yếu đuối và bị tội lỗi làm tổn thương, do đó muốn có hòa bình mỗi người phải luôn luôn kiểm chế dục vọng của mình và chính quyền phải canh phòng cẩn thận.

Nhưng như thế chưa đủ. Hòa bình ấy chỉ có được trên trần gian, nếu giá trị của từng cá nhân được đảm bảo và mọi người tin tưởng cũng như tự nguyện san sẻ cho nhau những của cải tinh thần và tài năng của họ. Ý chí cương quyết muốn tôn trọng người khác, những dân tộc khác cũng như phẩm giá của họ và sự ân cần thực thi tình huynh đệ là những điều kiện thiết yếu để

xây dựng hòa bình. Như thế, hòa bình cũng là kết quả của tình thương, một thứ tình thương vượt xa những gì công bằng có thể đem đến.

Phát sinh từ tình yêu tha nhân, hòa bình trần gian là hình ảnh và là kết quả của hòa bình Chúa Kitô, hòa bình do Đức Chúa Cha mà đến. Vì chính Chúa Con Nhập Thể là thái tử hòa bình đã dùng thập giá Người để hòa giải mọi người với Thiên Chúa; Người đã tái lập sự hiệp nhất mọi người thành một dân tộc và một thân thể. Người đã hủy diệt hận thù trong chính xác thể Người¹, và sau khi đã khôi hoàn phục sinh, Người đã đổ tràn Thánh Thần tình yêu đầy lòng con người.

Do đó, trong khi "thực thi chân lý trong bác ái" (Eph 4,15), mọi Kitô hữu được khẩn thiết kêu mời hãy kết hiệp với những người thực sự yêu chuộng hoà bình để cầu khẩn và thiết lập hòa bình^{91*}.

Cũng trong tinh thần đó, chúng tôi không thể không ca ngợi những ai tranh đấu cho quyền lợi mà không dùng bạo động, nhưng dùng những phương tiện tự vệ sẵn có cho những người yếu kém, miễn sao không hại đến quyền lợi và bổn phận của người khác và của cộng đoàn.

Bao lâu con người còn là những kẻ tội lỗi, hiểm họa chiến tranh còn đe dọa và vẫn sẽ còn đe dọa cho tới khi Chúa Kitô đến. Tuy nhiên, nhờ kết hiệp trong bác ái, con người thắng vượt tội lỗi và cũng thắng vượt bạo động cho tới khi lời sau đây được hoàn tất: "Họ sẽ rèn gươm thành lưỡi cày và giáo thành lưỡi liềm. Các dân tộc sẽ không rút gươm đâm chém nhau và sẽ không còn tập luyện để chiến đấu" (Is 2,4).

Đoạn 1: Tránh Chiến Tranh

78. Giảm thiểu sự vô nhân đạo của chiến tranh. Mặc dù những trận chiến tranh gần đây đã gây cho thế giới chúng ta những thiệt hại quá nặng nề về vật chất cũng như tinh thần, thế mà cho tới nay trên một vài miền chiến tranh vẫn còn hàng ngày liên tục tàn phá. Lại nữa, khi người ta sử dụng những khí giới khoa học đủ loại trong chiến tranh thì tính cách dã man của chiến tranh càng đưa những kẻ tham chiến tới một sự man rợ còn khốc hại hơn những ngày trước. Và lại, hoàn cảnh phức tạp ngày nay và những mối bang giao rối ren giữa các quốc gia càng giúp cho chiến tranh ngấm ngấm kéo dài với những phương pháp mới quý quyết và tàn bạo. Trong nhiều trường hợp, sự sử dụng những phương pháp khủng bố được coi như một hình thức mới của chiến tranh.

Đứng trước thảm trạng này của nhân loại, tiên vàn Công Đồng muốn nhắc nhở đến giá trị ngàn đời của quyền lợi tự nhiên của các dân tộc và những nguyên tắc phổ quát của nó. Chính lương tâm nhân loại công bố những nguyên tắc đó một cách càng ngày càng cương quyết hơn. Những ai mưu toan hành động ngược lại những nguyên tắc đó cũng như những ai ra lệnh những hành động như thế, đều phạm tội ác cả; sự thừa lệnh mù quáng cũng không đủ để chạy tội cho những người tuân theo những mệnh lệnh trên. Trong số những hành động tội ác trên, trước hết phải kể đến hành động tiêu diệt một chủng tộc, một dân tộc hay một dân tộc thiểu số bằng bất cứ lý do hay phương pháp nào. Những hành động như thế phải được gất gao lên án như những tội ác đáng ghê tởm. Và phải hết sức ca ngợi tinh thần can đảm của những người dám công khai chống đối lại những kẻ ra lệnh thi hành những tội ác trên.

Về vấn đề chiến tranh, hiện có nhiều hiệp ước quốc tế mà khá nhiều quốc gia đã ký kết nhằm làm cho những hoạt động quân sự và những hậu quả của chúng bớt vô nhân đạo hơn. Chẳng hạn có những hiệp ước liên quan đến số phận của thương binh hoặc tù binh, và nhiều thỏa ước tương tự khác. Những hiệp ước như thế cần phải được tôn trọng. Hơn nữa, mọi người, nhất là chính quyền và những nhà chuyên môn về vấn đề này, tùy theo khả năng của mình, cần phải cố

gắng làm sao cho những hiệp ước đó được hoàn hảo, và như thế tức là họ giúp ngăn chặn một cách tốt đẹp và hữu hiệu hơn tính cách vô nhân đạo của chiến tranh. Và lại, cũng là một điều hợp lý nếu vì lòng nhân đạo mà có những khoản luật dành cho những người vì lý do lương tâm từ chối không sử dụng khí giới, miễn là họ chấp nhận phục vụ cộng đồng nhân loại dưới một hình thức khác ^{92*}.

Dĩ nhiên, nhân loại chưa trừ được tận gốc chiến tranh. Và bao lâu nguy cơ chiến tranh tồn tại, bao lâu chưa có quyền bính quốc tế có thẩm quyền và có đủ sức mạnh, thì mỗi khi đã dùng hết mọi phương thế ôn hòa, các chính phủ được phép sử dụng quyền tự vệ chính đáng. Do đó, các thủ lĩnh quốc gia và những ai có trách nhiệm trong nước có bốn phận phải bảo vệ dân chúng đã được ủy thác cho mình, họ phải thận trọng trong những vấn đề nghiêm trọng như thế. Tuy nhiên, chiến tranh để bảo vệ dân tộc một cách chính đáng là một việc, còn mưu toan đặt ách đô hộ trên các quốc gia khác lại là việc khác. Không phải mọi việc sử dụng sức mạnh của khí giới vào mục tiêu chính trị hay quân sự đều là hợp pháp. Không phải vì chiến tranh đã chẳng may khai diễn mà các đối phương đều được phép làm gì thì làm.

Đối với những ai hy sinh phục vụ tổ quốc trong quân ngũ, họ cũng phải coi mình như những người đem lại an ninh và tự do cho các dân tộc. Và nếu họ chu toàn bốn phận này, họ thực sự đóng góp vào việc củng cố hòa bình.

80. Chiến tranh toàn diện. Sự phát triển khí giới khoa học làm cho chiến tranh tăng thêm phần ghê tởm và khốc hại khôn lường. Thực vậy, những hành động hiếu chiến đi đôi với việc sử dụng những khí giới này có thể đưa lại những tàn phá lớn lao và không phân định, do đó vượt xa giới hạn của việc tự vệ chính đáng. Hơn nữa, nếu tận dụng tất cả những phương tiện hiện có trong các kho vũ khí của các cường quốc, thì sẽ có một cuộc tương tàn hầu như hoàn toàn và mỗi bên sẽ bị đối phương tận diệt, đó là chưa kể đến nhiều cuộc tàn phá xảy ra trong thế giới và những hậu quả khốc hại do việc sử dụng những khí giới nói trên.

Tất cả những điều nói trên buộc chúng ta phải xét lại chiến tranh trong một tinh thần hoàn toàn mới mẻ ². ^{93*} Con người thời đại này phải biết rằng họ sẽ chịu trách nhiệm nặng nề về những hành động hiếu chiến của họ, vì các biến chuyển tương lai sẽ tùy thuộc nhiều ở những quyết định của họ hôm nay.

Trước tình trạng đó, thừa nhận những lời kết án về chiến tranh toàn diện của những vị Giáo Hoàng gần đây ³, Thánh Công Đồng tuyên bố rằng:

Mọi hành động hiếu chiến nhằm tiêu diệt bừa bãi nguyên cả thành phố hay những vùng rộng lớn cùng với dân cư ở đó là một tội ác chống lại Thiên Chúa và chính con người. Vậy phải cực lực và không ngần ngại lên án tội ác đó.

Mối nguy cơ đặc biệt của chiến tranh hiện nay hệ tại ở chỗ hầu như tạo cơ hội cho những người có khí giới tối tân phạm những tội ác như thế và hậu quả tất nhiên là có thể thúc đẩy ý muốn con người đi tới những quyết định hiểm độc nhất. Vậy để cho thảm trạng đó không bao giờ xảy đến, các Giám Mục trên toàn thế giới họp nhau nên một tha thiết kêu gọi mọi người, nhất là những nhà cầm quyền quốc gia cũng như những vị chỉ huy quân sự hãy luôn luôn cân nhắc trách nhiệm lớn lao của mình trước mặt Thiên Chúa và toàn thể nhân loại.

81. Thi đua võ trang. Thực ra, khí giới khoa học không phải được thu trữ chỉ để dùng vào thời chiến tranh, vì người ta cho rằng sự phòng thủ kiên cố của mỗi phe tùy thuộc ở khả năng trả đũa đối phương một cách vũ bão, cho nên sự tích trữ khí giới mỗi năm một gia tăng chính là

nhằm đe dọa đối phương có thể bất thần tấn công. Nhiều người cho rằng đó là phương cách hữu hiệu nhất để bảo toàn hòa bình giữa các quốc gia ngày nay.

Dù cho phương thức ngăn chặn đối phương có thể nào đi nữa, con người vẫn phải xác tín rằng cuộc thi đua võ trang, công việc mà khá nhiều quốc gia đang theo đuổi, không phải là một con đường an toàn để duy trì hòa bình một cách vững chắc, cũng như cái gọi là quân bình xuất phát từ việc thi đua đó cũng không phải là hòa bình chắc chắn và đích thực. Do đó, những nguyên nhân của chiến tranh chẳng những không bị loại bỏ mà còn đe dọa mỗi lúc một thêm trầm trọng. Đang khi tiêu thụ quá nhiều tài nguyên vào việc chuẩn bị những khí giới luôn luôn mới mẻ thì không thể nào đem lại một phương dược đủ để chữa trị biết bao khôn khổ hiện tại của thế giới. Thay vì thật sự và triệt để hàn gắn những chia rẽ giữa các quốc gia, người ta lại làm cho những chia rẽ ấy lan rộng đến các vùng khác trên thế giới. Phải chọn lựa những con đường mới bắt nguồn từ việc cải tạo tâm hồn để chấm dứt tệ trạng đó và để hòa bình đích thực có thể được vẫn hồi, một khi thế giới được giải thoát khỏi mối âu lo đang đè nặng.

Bởi thế, cần phải tuyên bố một lần nữa: cuộc thi đua võ trang là một tai họa hết sức trầm trọng cho nhân loại và xúc phạm đến người nghèo một cách không thể tha thứ được. Và phải hết sức sợ rằng cuộc thi đua võ trang, nếu vẫn còn tiếp diễn, một ngày nào đó, sẽ gây ra mọi tai họa chết chóc do những phương thế đã được nó chuẩn bị sẵn.

Thấy được những tai họa mà nhân loại có thể gây nên, chúng ta hãy lợi dụng thời hạn mà ơn trên ban cho chúng ta, để khi ý thức hơn về trách nhiệm của riêng mình, chúng ta sẽ tìm được những con đường giúp chúng ta giải quyết được những tranh chấp của mình một cách xứng đáng với con người hơn. Thiên Chúa quan phòng không ngừng đòi hỏi chúng ta phải tự giải phóng khỏi ách nô lệ của chiến tranh đã có từ xưa. Do đó, nếu khước từ mọi cố gắng như trên, chúng ta không biết chúng ta sẽ đi về đâu trên con đường tội ác mà mình đã bước vào.

82. Triệt để ngăn cấm chiến tranh và hoạt động quốc tế nhằm tránh chiến tranh. Bởi thế, dĩ nhiên chúng ta cần phải đem hết nỗ lực để chuẩn bị cho giai đoạn mà bất cứ chiến tranh nào cũng đều bị triệt để ngăn cấm do sự ưng thuận của các quốc gia. Điều đó chắc chắn đòi hỏi phải thiết lập một công quyền quốc tế được mọi người thừa nhận. Quyền bính này phải có một thực lực hữu hiệu để bảo đảm an ninh cho mọi người cũng như buộc phải thực thi công bằng và tôn trọng quyền lợi. Nhưng trước khi thiết lập được quyền bính đáng mong mỏi ấy, các cơ quan tối cao quốc tế hiện hành cần phải đem hết nỗ lực để nghiên cứu các phương thế khả hiệu nhất hầu đem lại an ninh chung. Vì hòa bình phải phát sinh từ niềm tin tưởng lẫn nhau giữa các dân tộc, chứ không là thứ hòa bình cưỡng ép giữa các dân tộc do sự sợ hãi khí giới của nhau. Nên tất cả cần phải cố gắng chặn đứng cuộc chạy đua võ trang. Muốn cho sự tài giảm binh bị thực sự bắt đầu, thì việc tài giảm này không phải là việc làm của một bên, nhưng phải được cả đôi bên thỏa thuận với những bảo đảm thực sự và hữu hiệu⁴.

Trong lúc chờ đợi, không nên coi thường những nỗ lực đã có và đang có cho tới nay đã ngăn chặn nguy cơ chiến tranh. Tốt hơn là nên nâng đỡ thiện chí của một số đông những người, tuy phải bận tâm quá nhiều về những nhiệm vụ tối cao của họ, những vẫn ý thức được trách nhiệm rất nặng nề bó buộc họ, cho nên họ cố gắng loại bỏ chiến tranh mà họ đang ghê tởm mặc dù họ không thể bỏ qua được hoàn cảnh phức tạp hiện tại. Hơn nữa, phải luôn luôn cầu xin Thiên Chúa ban cho họ nghị lực để kiên quyết tiến tới và can đảm hoàn thành công cuộc của tình thương cao cả đối với con người là xây dựng hòa bình một cách mạnh mẽ. Ngày nay, chắc chắn công cuộc đó đòi hỏi họ phải mở rộng tâm hồn và tinh thần vượt khỏi ranh giới của quốc gia

mình, phải từ bỏ lòng ích kỷ quốc gia và tham vọng thống trị các quốc gia khác, phải nuôi dưỡng lòng tôn trọng sâu xa đối với toàn thể nhân loại đang vất vả tiến tới một sự thống nhất lớn lao hơn.

Về vấn đề hòa bình và giải giới, cần phải xem những nghiên cứu tìm tòi đã được theo đuổi một cách can đảm và không ngừng, cũng như những hội nghị quốc tế bàn về vấn đề này như là những bước đầu để giải quyết những vấn đề khá trọng đại. Và trong tương lai, để đạt được những kết quả thực tiễn, cần phải cố võ những nỗ lực trên một cách cấp bách hơn. Tuy nhiên, không nên chỉ y lại vào cố gắng của một vài người mà quên tinh thần riêng của mỗi người^{94*}. Vì là những người chịu trách nhiệm trước công ích của dân tộc mình và đồng thời đem lại ích chung cho toàn thể thế giới, cho nên các nhà lãnh đạo quốc gia tùy thuộc rất nhiều vào quan điểm và tâm tình của quần chúng. Bao lâu những tâm tình thù hận, khinh thị và nghi kỵ, những hiềm thù vì "kỳ thị chủng tộc" cũng như những ý thức hệ ngoan cố, tất cả những thứ đó vẫn còn chia rẽ và đối nghịch con người với nhau, thì các nhà lãnh đạo quốc gia có cố công xây dựng hòa bình cũng vẫn vô ích. Do đó, cần phải cấp tốc canh tân giáo dục tâm trạng và gây lại một chiều hướng mới cho dư luận quần chúng. Những ai tận tâm với công cuộc giáo dục, nhất là giáo dục giới trẻ, hoặc hướng dẫn dư luận quần chúng, phải nhớ rằng việc gieo rắc trong đầu óc mọi người những tư tưởng mới về hòa bình là một bổn phận nặng nề nhất. Dĩ nhiên tất cả chúng ta đều có bổn phận thay đổi tâm hồn mình, phải mở rộng nhãn quan trên toàn thể giới và trên những nhiệm vụ mà chúng ta có thể cùng nhau đảm nhận để làm cho nhân loại chúng ta tiến triển tốt đẹp hơn.

Nhưng đừng để hy vọng hảo huyền lừa dối chúng ta. Thật thế, cho dù đã loại bỏ được hiềm khích và hận thù, nhưng nếu trong tương lai chúng ta không ký kết được những hiệp ước vững chắc và thành thật bảo đảm cho một nền hòa bình đại đồng, thì nhân loại, hiện đang gặp nguy cơ trầm trọng dù có một nền khoa học kỳ diệu đi nữa, có lẽ cũng sẽ tiến dần đến cách thảm khốc tới một giây phút mà nhân loại sẽ không biết hòa bình nào khác hơn là thứ hòa bình khủng khiếp của chết chóc. Tuy nhiên, Giáo Hội Chúa Kitô được thiết lập giữa những lo âu của thời đại này, khi tuyên bố những điều trên, vẫn luôn hết sức vững tâm hy vọng. Thuận tiện hay không thuận tiện, Giáo Hội vẫn muốn trình bày và vẫn muốn trình bày mãi mãi cho thời đại chúng ta sứ điệp của các Tông Đồ: "đây là thời thuận tiện" để cải tạo tâm hồn, "đây là ngày cứu độ"⁵.

Đoạn 2: Xây Dựng Cộng Đoàn Quốc Tế

83. Nguyên nhân bất hòa và phương được chữa trị. Để xây dựng hòa bình, trước hết cần phải tận diệt những nguyên nhân bất hòa giữa con người với nhau, vì chính những nguyên nhân đó nuôi dưỡng chiến tranh, nhất là những bất công. Một số không ít những nguyên nhân này bắt nguồn từ những chênh lệch thái quá trong địa hạt kinh tế, cũng như từ sự trì hoãn những sửa đổi cần thiết. Một số nguyên nhân khác phát sinh từ đầu óc thống trị và miệt thị con người, và nếu tìm hiểu những lý do sâu xa hơn, thì đó là lòng tham lam, nghi kỵ, kiêu căng và những đam mê ích kỷ khác. Vì con người không thể chịu đựng được bao nhiêu hỗn loạn ấy, cho nên dù không có chiến tranh tàn khốc, thế giới vẫn không ngừng bị những tranh chấp giữa con người với nhau và những bạo động làm xáo trộn. Hơn nữa, những tệ hại này còn có mặt trong những tương quan giữa chính các quốc gia, cho nên để chiến thắng hay ngăn ngừa những tệ hại đó và chặn đứng những bạo động cuồng loạn, triệt để cần phải phối hiệp và tổ chức các cơ quan quốc tế

một cách tốt đẹp và vững chắc hơn. Cũng cần phải luôn luôn khuyến khích việc thành lập những cơ quan cổ võ cho hòa bình.

84. Cộng đoàn các dân tộc và các cơ quan quốc tế. Ngày nay mỗi dây tương quan giữa các công dân và các dân tộc trên thế giới mỗi ngày một thêm chặt chẽ. Do đó, muốn tìm công ích đại đồng một cách thích ứng và thể hiện một cách hữu hiệu hơn, cộng đồng các dân tộc cần phải được tổ chức theo một thể thức hợp với công cuộc hiện thời, nhất là liên quan đến rất nhiều miền cho tới nay vẫn còn đang chịu cảnh túng thiếu cơ cực.

Để đạt được những mục tiêu nói trên, các cơ quan của cộng đoàn quốc tế tùy theo phạm vi mình, phải đáp ứng những nhu cầu muôn mặt của con người trong lãnh vực xã hội như lương thực, sức khỏe, giáo dục, việc làm, cũng như trong một vài hoàn cảnh đặc biệt có thể gặp tại vài nơi, chẳng hạn cần phải cổ võ sự thăng tiến tổng quát của các quốc gia trên đường phát triển, phải trợ giúp nỗi đau khổ của những người tị nạn rải rác trên khắp thế giới, hoặc còn phải cứu trợ những người di cư và gia đình họ.

Các cơ quan quốc tế đang có trên toàn thế giới hay tại địa phương chắc chắn đáng được nhân loại ghi ơn nhiều. Những tổ chức này tựa như những cố gắng đầu tiên nhằm đặt nền móng quốc tế cho cả cộng đoàn nhân loại, để giải quyết những vấn đề trầm trọng nhất của thời đại chúng ta, như là cổ võ sự phát triển khắp nơi và ngăn ngừa chiến tranh dưới mọi hình thức. Trong tất cả những lãnh vực này, Giáo Hội hoan hỷ trước tinh thần huynh đệ đích thực đang nảy nở giữa các Kitô hữu và những người ngoài Kitô giáo; tinh thần đó nhằm giúp họ gia tăng thêm mãi mãi nỗ lực để xoa dịu nỗi thống khổ bao la.

85. Cộng tác quốc tế trong lãnh vực kinh tế^{95*}. Sự liên đới ngày nay của nhân loại cũng đòi hỏi phải thiết lập một sự cộng tác quốc tế rộng rãi hơn trong lãnh vực kinh tế. Thật vậy, mặc dù hầu hết mọi dân tộc đều được tự trị, tuy nhiên còn lâu họ mới thoát khỏi những chênh lệch thái quá và mọi hình thức lệ thuộc quá đáng, cũng như tránh được mọi nguy cơ trầm trọng từ những khó khăn bên trong.

Sự phát triển của mỗi quốc gia tùy thuộc ở những trợ giúp về nhân sự và tài chánh. Người công dân trong mỗi nước cần phải được chuẩn bị bằng việc giáo dục và huấn nghệ để chấp nhận những nhiệm vụ khác nhau trong đời sống kinh tế và xã hội. Nhằm mục đích trên, cần phải có sự giúp đỡ của những chuyên viên ngoại quốc; khi giúp đỡ, những chuyên viên này đừng xử sự như chủ, nhưng như là những người trợ tá và cộng tác viên. Sự viện trợ vật chất cho các quốc gia đang phát triển chỉ thực hiện được nếu người ta thay đổi sâu rộng những đường lối thương mại hiện có trên thế giới. Hơn nữa, các quốc gia tiên bộ phải giúp cho các quốc gia đó những viện trợ khác nhau dưới hình thức tặng phẩm, cho vay hoặc đầu tư tài chánh. Một bên phải viện trợ cách quảng đại, chứ không vì tham lam, cũng như bên kia phải nhận với tất cả công minh.

Muốn xây dựng một nền kinh tế đích thực cho thế giới cần phải dập tắt lòng ham lợi quá đáng, những tham vọng quốc gia, những khao khát bá chủ về chính trị, mọi mưu tính về mặt quân sự cũng như mọi mưu mô nhằm tuyên truyền và bắt phải theo một ý thức hệ. Người ta đề ra nhiều hệ thống kinh tế và xã hội. Ước gì các nhà chuyên môn có thể dựa trên đó mà tìm ra những căn bản chung cho một nền mậu dịch quốc tế lành mạnh. Điều đó dễ đạt được nếu mỗi người từ bỏ thành kiến riêng và mau mắn đi tới đối thoại một cách chân thành.

86. Vài tiêu chuẩn thích hợp. Những tiêu chuẩn sau đây xem ra thích hợp cho việc cộng tác trên:

a) Các dân tộc đang phát triển cần phải chú tâm nhiều đến việc theo đuổi sự phát triển toàn vẹn cho người công dân; một cách rõ ràng và cương quyết, họ phải theo đuổi việc phát triển này như mục tiêu của sự tiến bộ. Họ phải nhớ rằng sự tiến bộ phát sinh và gia tăng trước hết là tùy thuộc ở sự làm việc và tài nghệ của chính dân tộc mình, nghĩa là sự tiến bộ không chỉ căn cứ vào viện trợ của ngoại bang, nhưng tiên vàn căn cứ vào việc khai thác đầy đủ những tài nguyên của xứ sở cũng như vào việc phát triển văn hóa và truyền thống riêng của mình. Trong vấn đề này, những ai có ảnh hưởng trên người khác hơn cả cần phải nêu gương hơn hết.

b) Bồn phận nặng nề nhất của các quốc gia tiến bộ là giúp đỡ các dân tộc đang phát triển chu toàn những phận vụ nói trên. Do đó, ngay trong quốc gia mình, họ phải thích nghi về mặt tinh thần cũng như vật chất cần thiết để thiết lập sự cộng tác đại đồng này.

Như thế, khi giao dịch với các quốc gia nghèo yếu hơn, họ phải quan tâm đặc biệt đến lợi ích của các quốc gia này: vì các quốc gia này sống còn là tùy ở nguồn lợi từ những sản phẩm bán ra.

c) Bồn phận của cộng đoàn quốc tế là phối hợp và cổ võ sự phát triển, tuy nhiên tài nguyên dành cho việc phát triển phải được phân phối hết sức hữu hiệu và hoàn toàn công bằng. Dù vẫn giữ nguyên tắc trách nhiệm bổ trợ, cộng đoàn quốc tế cũng phải điều hòa các mối bang giao kinh tế trên toàn thế giới, làm sao để các mối bang giao đó được thể hiện trong các quy tắc của công bình.

Phải thiết lập những tổ chức có thể cổ võ và điều hành những mậu dịch quốc tế nhất là với các quốc gia kém mở mang, để bù đắp những khuyết điểm do sự chênh lệch thái quá về thế lực giữa các quốc gia. Đường lối tổ chức trên cùng với sự trợ giúp kỹ thuật, văn hóa và tài chánh, sẽ giúp các quốc gia đang phát triển có những phương tiện cần thiết để có thể mở mang kinh tế một cách thích hợp.

d) Trong nhiều trường hợp, nhu cầu cấp bách đòi hỏi phải xét lại các cơ cấu kinh tế và xã hội. Tuy nhiên phải coi chừng những giải pháp kỹ thuật chưa được chín mùi, nhất là những giải pháp đi ngược lại đặc tính thiêng liêng và sự phát triển con người, mặc dù đem lại cho con người những tiện ích vật chất: vì "con người không phải chỉ sống bằng cơm bánh nhưng còn bằng mọi lời từ miệng Thiên Chúa phán ra" (Mt 4,4). Bất cứ thành phần nào của gia đình nhân loại cũng đều mang trong mình và trong những truyền thống tốt đẹp nhất của mình một phần kho tàng thiêng liêng mà Thiên Chúa đã ủy thác cho nhân loại, dù cho nhiều người không biết nó phát xuất từ nguồn gốc nào.

87. Hợp tác quốc tế trong vấn đề gia tăng dân số. Sự hợp tác quốc tế là một vấn đề hết sức cần thiết, khi một số dân tộc ngày nay, không kể bao nhiêu khó khăn khác, còn rất thường gặp phải một số khó khăn đặc biệt nữa phát sinh từ sự gia tăng dân số quá nhanh. Nhờ sự hợp tác hoàn toàn và đặc lực của mọi quốc gia, nhất là những nước giàu, điều khẩn trương là phải nghiên cứu làm sao để có thể chuẩn bị và chia sẻ cho toàn thể nhân loại những gì cần thiết cho sự sống và cho việc giáo dục thích hợp của con người. Thực thế, một số quốc gia sẽ có thể cải thiện hoàn cảnh sinh sống của họ rất nhiều, nếu một khi được huấn luyện đầy đủ, họ chuyển từ những phương pháp canh tác nông nghiệp cổ hủ đến những kỹ thuật tối tân và biết áp dụng chúng vào những hoàn cảnh của họ với sự khôn khéo cần thiết; và lại, nếu họ biết thiết lập một trật tự xã hội tốt đẹp hơn và phân chia đất đai một cách công bình hơn.

Trong phạm vi thẩm quyền của mình, dĩ nhiên chính phủ có quyền và có bồn phận đối với vấn đề dân số trong quốc gia mình: chẳng hạn vấn đề liên quan đến luật xã hội và gia đình, vấn

đề di dân từ thôn quê về thành thị, vấn đề thông tin về tình hình và nhu cầu quốc gia. Ngày nay, người ta chú trọng rất nhiều đến vấn đề này, do đó, ước gì những người công giáo chuyên môn trong lãnh vực này, nhất là trong các Đại Học, hãy kiên nhẫn theo đuổi và phát huy sâu rộng những nghiên cứu cũng như những công cuộc của họ.

Nhiều người quả quyết rằng sự gia tăng dân số trên thế giới hay ít ra tại một vài quốc gia cần phải được giảm thiểu hoàn toàn bằng mọi phương tiện và bằng bất cứ sự can thiệp nào của chính quyền. Do đó, Công Đồng khuyến cáo mọi người nên đề phòng những giải pháp đi ngược lại luật luân lý ^{96*} đang được đề cao một cách công khai hay riêng tư và đôi khi có tính cách bắt buộc. Vì quyền kết hôn và sinh sản là quyền bất khả di nhượng của con người, cho nên việc định đoạt số con cái sẽ sinh ra tùy thuộc ở phán đoán thẳng thắn của cha mẹ chứ không thể nào ủy thác cho sự quyết định của chính quyền. Nhưng sự phán đoán của cha mẹ giả thiết là họ phải có một lương tâm được huấn luyện ngay thẳng, do đó điều quan trọng là làm sao cho mọi người đạt được một trình độ trách nhiệm đúng đắn và thật sự của một con người, một trách nhiệm biết tôn trọng luật Thiên Chúa mà vẫn không bỏ quên hoàn cảnh và thời đại. Điều này còn đòi hỏi phải cải thiện khắp nơi tình trạng giáo dục và xã hội, nhất là cần phải có một nền giáo dục tôn giáo hay ít ra phải có một nền giáo dục đầy đủ về luân lý. Hơn nữa, dân chúng cần phải được hiểu biết cẩn thận về những tiến bộ khoa học trong việc tìm kiếm các phương pháp có thể giúp đôi vợ chồng điều hòa sinh sản, miễn là các phương pháp này được chứng minh rõ ràng là chắc chắn và được nhìn nhận là phù hợp với trật tự luân lý.

88. Bỏ phận của Kitô hữu trong việc cứu trợ. Người Kitô hữu phải sẵn sàng và hết lòng cộng tác xây dựng trật tự quốc tế, một thứ trật tự tôn trọng những quyền tự do hợp pháp và tình bằng hữu huynh đệ với hết mọi người. Họ càng phải sẵn sàng thực hiện công cuộc ấy hơn nữa, vì hiện thời đại đa số nhân loại còn đang đau khổ bần cùng đến nỗi chính Chúa Kitô hiện thân trong kẻ nghèo khổ như đang lớn tiếng đòi hỏi các môn đệ của Người phải bác ái. Vậy phải tránh gương mù của một số quốc gia mà đa số dân chúng thường mang danh Kitô hữu, đang坦然 hưởng thụ quá nhiều của cải trong lúc nhiều quốc gia khác sống thiếu thốn cùng cực, bị đói khát, bệnh tật và đủ mọi thứ bất hạnh dày vò. Tinh thần khó nghèo và bác ái mới là vinh dự và dấu chứng của Giáo Hội Chúa Kitô.

Thế nên, phải khen ngợi và cổ võ những người Kitô hữu, nhất là các bạn trẻ, tự nguyện hiến thân phục vụ tha nhân và các quốc gia khác. Lại nữa, bỏ phận của toàn thể Dân Chúa là theo gương lành và lời giảng dạy của các Giám Mục để tùy sức xoa dịu những khốn cùng của thời đại này, chẳng những với phần thặng dư mà còn cả phần thiết dụng của mình nữa như Giáo Hội thời xưa quen làm.

Cách lạc quyền và phân phối viện trợ, dù không được tổ chức chặt chẽ và đồng nhất thì ít nữa cũng phải được thực hiện cách đúng đắn trong các giáo phận, các quốc gia và trên toàn thế giới; ở bất cứ nơi nào xem ra thuận tiện, hoạt động của Công Giáo phải hợp tác chặt chẽ với các anh em Kitô hữu khác. Tinh thần bác ái chẳng những không ngăn trở mà còn đòi hỏi việc tiên liệu và tổ chức hoạt động xã hội cũng như từ thiện cho quy củ. Vì thế, những người tình nguyện hiến thân phục vụ các quốc gia đang phát triển cần phải được huấn luyện trong các trường chuyên môn để họ trở thành những cán bộ thành thạo.

89. Sự hiện diện hữu hiệu của Giáo Hội trong cộng đoàn quốc tế. Dựa vào sứ mệnh Chúa ủy thác, Giáo Hội rao giảng Phúc Âm cho mọi người và phân phát các kho tàng ân sủng; và ở bất cứ nơi nào trên hoàn cầu, Giáo Hội cũng góp phần củng cố hòa bình và thiết lập nền tảng

vững chắc cho sự liên đới huynh đệ của con người và của các dân tộc: nền tảng này làm cho mọi người hiểu biết về luật Thiên Chúa và luật tự nhiên. Vì thế, Giáo Hội nhất thiết phải có mặt ngay giữa lòng các dân tộc để khơi động và thôi thúc sự hợp tác giữa mọi người và Giáo Hội hoạt động được vậy là nhờ các cơ quan chính thức của mình, cũng như nhờ sự cộng tác tận lực và chân thành của mọi Kitô hữu, chỉ theo đuổi một ước nguyện là phục vụ tất cả mọi người.

Kết quả sẽ bảo đảm hơn, nếu chính các tín hữu ý thức trách nhiệm làm người và làm Kitô hữu, cố gắng thúc đẩy ước muốn sẵn sàng cộng tác với cộng đoàn quốc tế ngay trong môi trường sinh hoạt của mình. Về vấn đề này nên đặc biệt chú tâm đào tạo các thế hệ trẻ trong khi giáo dục tôn giáo cũng như huấn luyện công dân.

90. Vai trò của các Kitô hữu trong những tổ chức quốc tế. Công cuộc hợp tác cá nhân hay tập thể với chính những tổ chức hiện có hay sắp thành hình nhằm cổ võ việc hợp tác giữa các quốc gia là một hình thức hoạt động quốc tế tuyệt hảo của các Kitô hữu. Lại nữa, những hiệp hội công giáo quốc tế khác nhau còn có thể góp sức bằng nhiều cách để xây dựng một cộng đoàn các dân tộc trong hòa bình và huynh đệ. Phải củng cố các hiệp hội này bằng cách gia tăng số hội viên đã được huấn luyện kỹ lưỡng, bằng cách giúp đỡ các phương tiện cần thiết cũng như phối hợp chặt chẽ các năng lực. Thật vậy, thời đại chúng ta đòi hỏi sáng kiến tập thể để hoạt động hữu hiệu và thỏa mãn nhu cầu đối thoại. Lại nữa, những hình thức tổ chức ấy góp phần không ít vào việc gia tăng ý thức đại đồng là điều rất hợp với người công giáo, cũng như vào việc khai sinh ý thức liên đới và trách nhiệm quốc tế thực sự.

Sau cùng, ước mong rằng người công giáo tìm cách hợp tác tích cực và thiết thực hoặc với các anh em ly khai cùng tuyên xưng một tình bác ái Phúc Âm, hoặc với tất cả mọi người đang khao khát hòa bình chân chính, để chu toàn đứng đắn nghĩa vụ của mình trong cộng đoàn quốc tế.

Ngày nay, nhìn nổi thống khổ bao la đang đè nặng trên đa số nhân loại và để cổ võ sự công chính, đồng thời cổ võ tình yêu Chúa Kitô đối với người nghèo khổ ở khắp nơi, Công Đồng cho là rất đáng mong ước việc thiết lập một cơ quan chung cho toàn thể Giáo Hội, có nhiệm vụ thôi thúc cộng đoàn công giáo hầu cổ võ sự phát triển trong các vùng nghèo khổ cũng như cổ võ công bình xã hội giữa các quốc gia. ^{97*}

Kết Luận ^{98*}

91. Bốn phận của mỗi tín hữu và của các Giáo Hội địa phương. Những điều mà Thánh Công Đồng này đề nghị được rút ra từ kho tàng giáo lý của Giáo Hội. Mục đích là giúp đỡ mọi người thời nay, hoặc tin Thiên Chúa hoặc không minh nhiên nhìn nhận Ngài, nhận thức rõ ràng hơn thiên chức toàn diện của mình, kiến tạo thế giới cho hợp với phẩm giá siêu việt của con người hơn, tìm kiếm một tình huynh đệ đại đồng được thiết lập vững chắc hơn và đáp lại những đòi hỏi khẩn thiết trong thời đại chúng ta theo như tình yêu thúc đẩy trong một nỗ lực hợp tác quảng đại.

Thực vậy, trước sự dị biệt lớn lao giữa những hoàn cảnh và những hình thức văn hóa nhân loại trên thế giới, những lời đề nghị trên đây trong nhiều điểm chỉ có ý trình bày một cách tổng quát. Hơn nữa, vì phần nhiều liên hệ đến những vấn đề còn đang biến chuyển không ngừng, nên giáo huấn ở đây, tuy đã được công nhận trong Giáo Hội, nhưng cũng cần được khai triển và tiếp nối thêm nữa. Tuy nhiên, chúng tôi tin chắc rằng nhiều điều mà chúng tôi loan báo dựa trên lời Chúa và tinh thần Phúc Âm, sẽ có thể giúp đỡ mọi người một cách hữu hiệu, nhất là khi các tín

hữu theo sự hướng dẫn của Chủ Chăn cố gắng thực hiện công việc thích nghi cần thiết cho từng quốc gia và từng tâm thức khác nhau.

92. Đối thoại giữa mọi người. Với sứ mệnh đem sứ điệp Phúc Âm soi chiếu cả thế giới và quy tụ trong một Chúa Thánh Thần tất cả mọi người của mọi quốc gia, chủng tộc hay văn hóa, Giáo Hội trở thành dấu chứng của tình huynh đệ, một môi trường tạo điều kiện và cổ võ một cuộc đối thoại chân thành.

Vậy trước hết, chúng ta cần cổ võ ngay trong lòng Giáo Hội sự quý mến, tôn trọng và hòa thuận với nhau bằng sự chấp nhận mọi dị biệt chính đáng để luôn luôn có thể đối thoại hữu hiệu giữa những phần tử của một Dân Chúa duy nhất, dù là chủ chăn hay các Kitô hữu khác. Thật vậy, những gì liên kết giữa các tín hữu còn mạnh hơn những gì chia rẽ: hiệp nhất trong những gì chính yếu, tự do trong những gì nghi ngờ, bác ái trong hết mọi sự⁶.

Đồng thời, tâm hồn chúng tôi cũng ôm ấp những người anh em và các cộng đoàn của họ, tuy chưa sống hiệp thông trọn vẹn với chúng tôi nhưng vốn liên kết với chúng tôi trong sự tuyên xưng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần cũng như trong mối dây bác ái; chúng tôi nhớ rằng ngay cả nhiều người không tin vào Chúa Kitô vẫn ước mong và khao khát sự hiệp nhất giữa các tín hữu: quả thực, sự hiệp nhất này càng tiến triển trong chân lý và tình yêu nhờ quyền lực Chúa Thánh Thần, thì càng sẽ là một điềm tiên báo sự hiệp nhất và hòa bình trên toàn thế giới. Vì thế, cùng hiệp lực và hiện đang theo đuổi mục đích cao cả này cách hữu hiệu dưới những hình thức ngày càng thích hợp hơn, chúng tôi cố gắng mỗi ngày sống phù hợp với Phúc Âm hơn nữa, để hợp tác trong tình huynh đệ hầu phục vụ gia đình nhân loại đang được mời gọi vào gia đình các con cái Thiên Chúa, trong Chúa Giêsu Kitô.

Do đó, chúng tôi cùng hướng tâm hồn đến tất cả những ai nhìn nhận Thiên Chúa và bảo tồn các yếu tố tôn giáo và nhân bản quý giá trong truyền thống riêng. Chúng tôi ước mong đối thoại cởi mở để dẫn đưa tất cả chúng ta đến chỗ trung thành đón nhận và hăng hái thực hiện những gì Chúa Thánh Thần thôi thúc. Niềm ước mong đối thoại đó chỉ do lòng yêu chân lý hướng dẫn và dĩ nhiên vẫn giữ được sự khôn ngoan thích hợp; về phần chúng tôi, niềm ước vọng này không loại trừ một ai hết: từ những người đang tôn thờ những giá trị tinh thần nhân bản cao quý mà chưa nhận biết Đấng Tạo Thành đến những ai chống đối và bách hại Giáo Hội bằng nhiều cách. Vì Thiên Chúa Cha là nguyên lý và cùng đích mọi sự, nên tất cả chúng ta đều được kêu gọi làm anh em với nhau. Và vì thế, được gọi lãnh nhận thiên chức làm người và làm con Thiên Chúa, chúng ta có thể và phải cộng tác, không bạo động, không xảo trá để xây dựng một thế giới trong hòa bình đích thực.

93. Xây dựng và dẫn đưa thế giới tới cùng đích. Nhớ lại lời Chúa: "Nếu các con thương yêu nhau, thiên hạ sẽ cứ dấu ấy mà nhận biết chúng con là môn đệ Thầy" (Gio 13,35), người Kitô hữu không thể tha thiết mong ước gì hơn là luôn được phục vụ con người trong thế giới ngày nay cách quảng đại và hữu hiệu hơn. Thật vậy, trong khi trung thành gắn bó với Phúc Âm và thừa hưởng những năng lực của Phúc Âm, cũng như liên kết với mọi người yêu chuộng và thực hiện công bình, người Kitô hữu nhận lãnh một sứ mệnh lớn lao phải chu toàn ở trần gian này và phải trả lễ với Đấng sẽ phán xét mọi người trong ngày sau hết. Không phải những ai nói "lạy Chúa, lạy Chúa" sẽ được vào nước trời, nhưng chỉ có những ai thực hiện ý Chúa Cha⁷ và can đảm làm việc. Thực thế, Chúa Cha muốn chúng ta nhìn nhận Chúa Kitô là anh cả trong tất cả mọi người và yêu mến Người cách cụ thể bằng lời nói cũng như bằng việc làm. Như vậy, chúng ta làm nhân chứng cho Chân Lý và truyền thông cho kẻ khác màu nhiệm tình yêu của Chúa Cha

trên trời. Nhờ đó, mọi người trên khắp địa cầu sẽ thấy nảy sinh một niềm hy vọng mãnh liệt, đó là ân huệ của Chúa Thánh Thần, để sau cùng được hưởng hòa bình và hạnh phúc tuyệt vời trong quê hương rạng ngời vinh quang Chúa ^{99*}.

"Kính chúc Đấng quyền năng làm được mọi sự cách hết sức phong phú hơn điều ta cầu xin hay nghĩ tưởng tùy theo quyền phép của Ngài hằng hoạt động giữa chúng ta, kính chúc Ngài vinh quang trong Giáo Hội và trong Chúa Giêsu Kitô trong mọi thế hệ muôn đời. Amen" (Eph 3,20-21).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Hiến Chế Mục Vụ này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 7 tháng 12 năm 1965

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Chú Thích:

90* Phần nhập đề:

1) Hoà bình cần thiết để xây dựng một thế giới nhân đạo hơn cũng như xứng hợp với tinh thần Phúc Âm hơn số (số 77a). Vì thế, Công Đồng có ý trình bày hòa bình đích thực cũng như lên án tính cách ác độc của chiến tranh (b).

2) Hòa bình đích thực (số 78a) phát sinh bởi tình thương (b) và do ơn Chúa Kitô (c). Các tín hữu phải xây dựng hòa bình (d). Công Đồng khen ngợi những người không dùng phương tiện bạo động (e). Nhưng muốn hòa bình thì phải thắng tội lỗi (f).

Đoạn 1. Loại trừ chiến tranh: Chiến tranh vẫn còn là sự kiện, và khí giới lại càng ngày càng dữ dội (số 79a).

A) Nguyên tắc cần phải tôn trọng luôn luôn: Không được tiêu diệt cả một dân tộc (b). Phải gìn giữ các khế ước quốc tế. (Có lẽ nên chấp nhận những kẻ lấy lý do lương tâm mà từ chối không muốn cầm súng) (c). Chiến đấu tự vệ như phương tiện tối hậu là hợp lý, nhưng có giới hạn (d). Quân nhân cũng góp phần cho hòa bình (e).

B) Vài trường hợp thực tế: 1) Hành quân không phân biệt mục tiêu và bất chấp giới hạn (số 80a), chiến tranh toàn diện (c), hay tấn công các đô thị và khu vực rộng rãi, đều bị lên án (d). Tích trữ khí giới khoa học có thể đưa tới các tội trạng đó (e). Hiện nay ta cần phải duyệt xét lại các nguyên tắc cổ truyền về chiến tranh (b). 2) Cuộc thi đua võ trang như phương tiện khuyến cáo đối phương (số 81a) không bảo đảm và cũng không đưa lại hòa bình đích thực (b), trái lại nó làm tổn thương kẻ nghèo (c). Đàng khác ta phải lợi dụng khoảng thời gian chưa có chiến tranh (d).

C) Tìm cách loại trừ chiến tranh: bằng khế ước và quyền bính quốc tế (số 82a). Ai cũng phải giúp đỡ người có trách nhiệm. Ta phải đổi mới tinh thần (b). Phải kiên toàn những khế ước đã có. Phải đào tạo cá nhân vì dư luận rất có ảnh hưởng (c). Công Đồng cảnh cáo mọi người về mối nguy cơ trầm trọng, đảng khác Công Đồng hy vọng còn kịp thời hóa giải (d).

Đoạn 2. Xây dựng cộng đoàn quốc tế: Trước hết bằng cách trừ khử tận gốc các mầm mống thù nghịch, ngay cả trong môi trường quốc tế (số 83). Rồi phải hiệp nhất để mưu ích chung cho quốc tế (số 84a). Vai trò của những tổ chức quốc tế (b): các tổ chức ấy được coi như là bước đầu trên con đường hòa bình (c).

A) Cần phải cộng tác kinh tế: để loại trừ sự bất bình đẳng và trạng thái lệ thuộc bất xứng (số 85a). Cộng tác tùy theo nhu cầu khác nhau của các quốc gia đang mở mang và đã tiến triển (b). Những thái độ cần phải vượt qua (c). Quy tắc về sự cộng tác ấy: Chính quốc gia đang mở mang phải cố gắng (số 86a). Quốc gia tiên tiến có bổn phận trợ lực các quốc gia kém mở mang (b). Cộng đoàn quốc tế phải chi phối chính sách viện trợ theo nguyên tắc bổ trợ (c). Nhiều lúc sẽ phải canh tân cơ cấu xã hội, nhưng cần thận trọng để không làm thiệt hại cho tinh thần (d). Cần phải viện trợ nhiều hơn cho những quốc gia mà trong đó dân số đang gia tăng mau chóng (số 87a). Vai trò của chính quyền và các viện đại học về vấn đề này (b) và những giới hạn luân lý (c).

B) Vai trò: của tín hữu (số 88a). Việc cộng tác cá nhân hay nhờ phương tiện kinh tế (b). Cộng tác với các tín hữu khác (c). Vai trò của Giáo Hội (số 89a). Giáo dân càng góp phần trong cộng đoàn thì việc làm của Giáo Hội càng hữu ích (b). Giáo dân nên cộng tác với tổ chức quốc tế, nhất là tổ chức công giáo (số 90a), và với anh em ly khai cũng như với những người hiếu hòa khác (b). Công Đồng tỏ ý ước mong rằng Tòa Thánh sẽ sáng lập một tổ chức quốc tế để cổ võ công bằng và tình thương yêu đối với các miền nghèo nhất (c). (*Trở lại đầu trang*)

1 Xem Eph 2,16; Col 1,20-22. (*Trở lại đầu trang*)

91* "Phúc cho người hiếu hòa vì sẽ được gọi là con Thiên Chúa" (Mt 5,9). Chủ nghĩa hòa bình đích thực không hệ tại sự lên án chiến tranh và đòi hỏi ngưng chiến bất chấp hoàn cảnh, nhưng phải xây dựng hòa bình chính nghĩa (78a-c). Thiếu công bằng và tình thương, "hòa bình" chỉ trở nên một thứ bạo động càng đáng gớm ghét hơn vì nó gây nên thiệt hại tinh thần hơn cả vật chất. Do đó, ta không thể dựa vào tinh thần Phúc Âm mà đòi hỏi các quốc gia phải bỏ rơi số phận của nhân loại trong tay những kẻ xâm lăng đầy tội lỗi, vì đó chắc không phải là tinh thần Phúc Âm đích thực. Nếu một thứ thần học tin lành nào đó nhấn mạnh rằng luân lý Phúc Âm chống lại và vượt quá luân lý tự nhiên, bởi vì họ tưởng rằng thế giới và bản tính con người đã bị tội lỗi làm hư hỏng hoàn toàn, cho nên tín hữu phải can đảm từ chối chiến đấu bất chấp hậu quả thì đối với người công giáo sẽ khác hẳn: bởi vì chúng ta biết rằng Thiên Chúa không những đã dựng nên thế giới và ủy thác cho con người phát triển và xây dựng thế giới, nhưng còn cho Chúa Kitô đến chuộc lại thế giới đó. Các nhiệm vụ do công ích phát sinh không chỉ có tính cách luân lý tự nhiên mà thôi. Nhưng chúng ta phải hết sức vất vả để xây dựng hòa bình bằng cách loại trừ tội lỗi (f), luyện tập đức công bằng và thương yêu (ab), tìm kiếm ơn thánh Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần (c), v.v... Trong phần hai, Công Đồng nhắc lại một số phương tiện tự nhiên ta có thể áp dụng. (*Trở lại đầu trang*)

92* "Lấy lý do lương tâm mà từ chối cầm súng" có phải là một nhân quyền dân sự không? Hiện nay có nhiều người quả quyết như vậy. Tuy nhiên Công Đồng vừa bênh vực quyền bính và nhiệm vụ của chính quyền để bảo vệ công ích (số 78ae); (79d), vừa ban khen quân nhân phục vụ quốc gia (79e). Đảng khác, trong toàn bài nói về những nỗ lực để giảm bớt mức độ độc

ác của chiến tranh, Công Đồng lại phát biểu ý kiến rằng nếu chính quyền và luật pháp chấp nhận lý do lương tâm mà không buộc người vịn lẽ ấy phải cảm sung, điều đó có vẻ hợp lẽ phải. Thực ra, trước Công Đồng đã có một số quốc gia lập luật chấp nhận lý do lương tâm, miễn là người vịn lẽ đó phục vụ quốc gia một cách khác. (*Trở lại đầu trang*)

2 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 291: "Do đó, trong thời đại này, thời đại của chúng ta, thời đại tự phụ về sức mạnh nguyên tử, thực là vô lý khi nghĩ rằng chiến tranh vẫn còn là một phương tiện thích hợp để đối phó với việc xâm phạm quyền lợi" (*Trở lại đầu trang*)

93* Ngoài hai nguyên tắc cổ điển là "chiến đấu tự vệ" và "sự cân xứng giữa thiệt hại đã phải chịu và thiệt hại có thể gây nên", Công Đồng nhấn mạnh nguyên tắc mới là nguyên tắc "không phân biệt mục tiêu". Nghĩa là đánh nhau bất chấp mục tiêu quân sự hay dân sự, xử dụng những vũ khí quá mạnh mà không làm sao có thể điều khiển được, áp dụng phương pháp khủng bố, lúc ấy chiến tranh không còn có tính cách tự vệ nữa. Nguyên tắc này khiến ta phải xét lại lập trường cũ.

Không một chỗ nào chúng tỏ Công Đồng theo chủ nghĩa hòa bình quá đáng, nhưng đàng khác Công Đồng cũng không chấp nhận lập trường cứ yên tâm mà chiến đấu. Công Đồng lưu ý chúng ta tới sự vô lý của cuộc thi đua võ trang đòi hỏi món tiền bao la đàng khi biết bao người nghèo khó thiếu thốn (81c). Thật là vô lý khi các quốc gia tiến triển cũng như kém mở mang, dành cho ngân sách quốc phòng nhiều tiền hơn ngân sách giáo dục, phát triển, v.v... Công Đồng khích lệ người có trách nhiệm áp dụng mọi phương pháp để loại trừ chiến tranh (82), rồi trong toàn phần hai lại đề nghị nhiều phương cách cụ thể để xây dựng hòa bình (83-90). (*Trở lại đầu trang*)

3 Xem Piô XII, Huấn từ 30-9-1954: AAS 46 (1954), trg 589; - Sứ điệp truyền thanh 24-12-1954: AAS 47 (1955), trg 15tt. - Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 286-291. - Phaolô VI, Huấn từ ở Liên Hiệp Quốc, 4-10-1965: AAS 57 (1965), trg 877-885). (*Trở lại đầu trang*)

4 Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris, chỗ nói về tài giảm binh bị: AAS 55 (1963), trg 287. (*Trở lại đầu trang*)

94* Xây dựng hòa bình là công việc của mọi người chúng ta, nhất là của tín hữu, bởi vì dư luận càng ngày càng có ảnh hưởng trên các nhà cầm quyền. Theo lời chỉ dẫn của Công Đồng, Đức Phaolô VI nhiều lần đã nhấn mạnh rằng ta phải đổi mới tâm trạng bằng cách tiêu hủy tính ích kỷ, sự bạo động, sự xâm phạm quyền lợi của người khác (8-12-1967), và bằng cách từ bỏ sự xung đột tư tưởng cũng như xu hướng bản năng kiêu căng và vô nhân đạo (1-1-1968). Trái lại, phải tìm kiếm tinh thần mới: đề cao nhiệm vụ và lòng tôn trọng tha nhân, tình huynh đệ, công bằng, thương yêu, tự do về khía cạnh dân sự, văn hóa, luân lý và tôn giáo (8-12-1967). Đức Phaolô trông mong ở giới trẻ không biết bi quan (1-1-1968). Tất cả những ai đã phải khổ sở cũng như đã bị tử thương vì chiến tranh, đều kêu gào và đòi hỏi chúng ta phải có tinh thần mới đó. Và nhất là Chúa Kitô đã nhập thể và đã tuyên bố rằng mọi người đều là anh em với nhau, đã giảng dạy giá trị thánh thiện của mạng sống và của việc tha thứ cho nhau; Người đòi hỏi phải có tâm trạng đổi mới ấy (1-1-1968)... Trong Thông Điệp Pacem in terris, Đức Gioan XXIII đã nhấn mạnh nền tảng hòa bình cốt tại trật tự tự nhiên do chân thật, công bằng, thương yêu và tự do tạo nên. Bốn nhân đức ấy sẽ giúp đỡ không những cá nhân với cá nhân mà còn cá nhân với

cộng đoàn chính trị, cũng như các quốc gia với nhau và với cộng đoàn quốc tế. (Trở lại đầu trang)

5 Xem 2Cor 6,2. (Trở lại đầu trang)

95* Trong phần hai này, Công Đồng nhấn mạnh nhiều nhất đến sự cộng tác với nhau trong lãnh vực kinh tế. "Sự phát triển là danh hiệu mới của hòa bình" (Phaolô VI, Populorum Progressio, số 87). Không phải vì khi có đầy đủ mọi sự vật chất đã là hết tất cả các nguyên nhân (sự bất công, ích kỷ, tham lam, kiêu căng...) có thể gây nên chiến tranh, nhưng vì trường hợp thiếu bình đẳng giữa các dân tộc là một trong các nguyên nhân quan trọng nhất gây nên sự bất công cũng như tinh thần đố kỵ (PP., số 55). (Trở lại đầu trang)

96* Nếu dân số gia tăng quá mau, những nỗ lực để phát triển mức độ kinh tế có thể bị ngăn chặn rất nhiều (PP., số 37). Công Đồng nhắc lại một số phương pháp có thể giúp giải quyết vấn đề đó: a) Nhờ sự cộng tác của các dân tộc, nhất là dân tộc tiên tiến, để tìm cách sinh nhai và nâng cao mức độ học thức, b) canh tân phương pháp trong lãnh vực nông nghiệp, c) đổi mới trật tự xã hội, d) phân chia lại ruộng đất cách công bình hơn, e) nhờ pháp luật gia đình và xã hội, f) nhờ chính sách di dân, g) nhờ sự truyền tin về tình hình quốc gia, h) nhờ công việc nghiên cứu kinh tế xã hội tại các viện đại học...

Dĩ nhiên các phương pháp đó lúc đầu đòi hỏi món tiền rất lớn. Bởi vậy các chính phủ có thể có khuynh hướng bắt buộc công dân áp dụng phương pháp tận gốc: làm chậm sự gia tăng dân số bằng những phương pháp vi phạm đến nhân phẩm: "Mỗi mỹ kim chúng ta cung cấp để hạn chế sinh sản giúp chúng ta tiết kiệm được hơn, một trăm mỹ kim mà chúng ta sẽ phải chi phí để phát triển nền kinh tế lạc hậu". Câu nói này của Tổng Thống Hoa Kỳ Johnson, cũng như chương trình hạn chế sinh sản tại một số quốc gia như Ấn Độ, Đài Loan, v.v... khiến ta ý thức về sự hợp thời của lời cảnh cáo do Công Đồng tuyên bố. Riêng về nạn đói, là vấn đề đã làm cho giới trách nhiệm phải lo lắng rất nhiều mấy năm trước đây, báo Time (3-10-1969, 22) viết: "...kỹ thuật nông thôn đã chứng tỏ rằng sự sản xuất thực phẩm có thể lớn hơn sự gia tăng dân số". Thực sự, nhiều lúc vấn đề không phải là vấn đề sản xuất nhưng là vấn đề chuyên chở, phân phối, giá thị trường, và vấn đề tổ chức cũng như cộng tác giữa các quốc gia. (Trở lại đầu trang)

97* Ngày 7-7-1966, Đức Phaolô VI đã chỉ định một ủy ban lâm thời với nhiệm vụ dự thảo đường lối thực hiện ý muốn của Công Đồng. Rồi ngày 6-1-1967, Đức Giáo Hoàng đã thiết lập ủy ban nghiên cứu "Công Lý và Hòa Bình" tại Vaticanô. Ủy ban chuyên tâm khảo cứu những vấn đề thiết thực mới thành hình liên can đến thế giới.

Được ủy ban khuyến khích, Hội Đồng các Giám Mục Việt Nam họp tại Sài Gòn vào đầu năm 1969 đã chỉ thị thành lập phong trào Công Lý Hòa Bình tại Việt Nam nhằm đem Giáo Hội vào thế giới ngày nay và góp phần vào cuộc đại cách mạng thế giới. Đây không phải là cuộc cách mạng chính trị, nhưng là một cuộc cách mạng nhân bản và tôn giáo: làm sao để không còn phân biệt lối sống đạo trong nhà thờ và sinh hoạt trần thế ngoài nhà thờ nữa. Trong cuộc cách mạng này phải có ý thức tôn giáo, ý thức công dân, ý thức cải tiến. (Trở lại đầu trang)

98* Tất cả những điều Công Đồng đề nghị ở trên nhằm giúp mọi người góp phần để kiện toàn thế giới trong tinh thần huynh đệ (số 91a). Dĩ nhiên cần phải áp dụng những nguyên tắc đó cho thích hợp với trường hợp của từng địa phương (b).

Giáo Hội là dấu chứng cho sự hiệp nhất (số 92a), trước hết mình phải tự hiệp nhất (b), rồi tìm cách cộng tác với các anh em ly khai, cá nhân cũng như cộng đoàn (c), và đối thoại cởi mở với

tất cả những ai có lòng tin nơi Đấng Tối Cao (d). Hơn nữa, về phần Giáo Hội, Giáo Hội không loại trừ người vô thần và ngay cả những ai chống đối Giáo Hội (e).

Tình yêu Chúa thúc đẩy chúng ta hoạt động để xây dựng thế giới (số 93a) và làm vinh danh Thiên Chúa (b). (*Trở lại đầu trang*)

6 Xem Gioan XXIII, Tđ. Ad Petri Cathedram, 29-6-1959: AAS 55 (1959), trg 513. (*Trở lại đầu trang*)

7 Xem Mt 7,21. (*Trở lại đầu trang*)

99* Sau khi chúng ta đọc Hiến Chế Mục Vụ rồi, Công Đồng khuyên mỗi người chúng ta như Chúa Giêsu xưa bảo luật sĩ: "Hãy về bắt chước làm như vậy" (Lc 10,37). Hiến Chế đã nhắc lại rất nhiều bổn phận, đã cho biết rất nhiều nhiệm vụ khẩn cấp, đã khuyên bảo về rất nhiều điều thiếu sót của cá nhân hay cộng đoàn trong Giáo Hội. Nhưng điều căn bản để sống đạo cũng như để mưu ích cho thế giới là điều răn mới của Chúa Giêsu, bao gồm tất cả những điều răn khác (Rm 13,8; Gal 5,14). Sau khi luật sĩ trả lời rằng: "Luật Chúa dạy ta phải kính mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn, lại thương yêu người thân cận như chính mình vậy". Chính Chúa Giêsu đã phán: "cứ làm như thế sẽ được sống" (Lc 10,26-28). Nhờ Chúa Thánh Thần ban cho ta sự yêu thương đó (Rm 5,5), nghĩa là tham dự vào tình yêu của Chúa Kitô (Rm 8,35.39), mỗi Kitô hữu sẽ hoạt động để xây dựng thế giới mới và phục vụ mọi người khác. Dưới sự hướng dẫn của Hàng Giáo Phẩm, chúng ta sẽ tìm cách áp dụng nguyên tắc chung trong Hiến Chế vào hoàn cảnh thực tế của từng địa phương mình sống. (*Trở lại đầu trang*)